

はじめに

専門機関または掲載団体の内容に変更がある場合があります。

愛知県へようこそ！

愛知生活便利帳は、外国から来日されたみなさんが愛知県で生活を始めるにあたって役に立つ情報を集めたものです。左ページに日本語、右ページに英語で掲載されています。そのあとに、同じ内容で中国語を掲載しましたので見比べて活用してください。

最後に、この冊子の発行にあたり、情報提供にご協力いただいた関係機関の方々に改めてお礼申し上げます。

ご利用にあたって

- 掲載された情報は、関係機関 Web サイト、各種リーフレット、関連書籍などを基に当協会が編纂したものです。
- できる限り最新の情報を掲載するように努めました。発行後、内容が変更される場合もありますのであらかじめご了承ください。
- 定訳がない団体名や主な法制度名などは、英語・中国語訳とともに、できる限り日本語のローマ字表記も記載しています。
- ここに掲載された内容は一般的なものであり、個別のケースによって取扱いが異なる場合があります。実際に手続きをされる際は専門機関等でご確認ください。
- 掲載団体等の問合せ先に対応言語の記載がないものは日本語のみの対応となります。お問合せの際は日本語のできる人をご同伴ください。
- 掲載団体等の受付時間は変更される場合があります。また、祝祭日および年末年始に休業する場合がありますので事前に各団体等にご確認ください。
- 掲載された内容に関して損害が生じた場合、当協会は一切の責任を負いません。

Giới thiệu

Nội dung từ các cơ quan chuyên môn hoặc tổ chức được đăng tải có thể thay đổi.

Chào mừng bạn đến tỉnh Aichi!

Cuốn "Sô tay thông tin đời sống tỉnh Aichi" được biên soạn nhằm cung cấp những thông tin hữu ích cho các bạn Người nước ngoài đến Nhật Bản và bắt đầu cuộc sống tại tỉnh Aichi.

Trang bên trái được viết bằng tiếng Nhật, trang bên phải bằng tiếng Việt. Sau đó, cùng một nội dung được trình bày bằng tiếng Trung để bạn có thể so sánh và sử dụng hiệu quả.

Cuối cùng, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các cơ quan liên quan đã hỗ trợ cung cấp thông tin để phát hành ấn phẩm này.

Lưu ý khi sử dụng

- Thông tin được sử dụng trong ấn phẩm này, được Hiệp hội chúng tôi biên soạn dựa trên trang web của cơ quan liên quan, tờ rơi, sách tham khảo và các nguồn khác.
- Chúng tôi đã cố gắng cập nhật thông tin mới nhất trong phạm vi có thể trong ấn phẩm này. Tuy nhiên, xin lưu ý rằng nội dung có thể đã thay đổi sau khi ấn phẩm này được phát hành.
- Đối với tên các tổ chức hoặc hệ thống pháp luật chưa có bản dịch chính thức, chúng tôi đã ghi kèm bản phiên âm tiếng Nhật (Romaji) cùng với bản dịch tiếng Việt và tiếng Trung.
- Nội dung được trình bày mang tính chất tổng quát, có thể có sự khác biệt tùy theo từng trường hợp cụ thể. Khi thực hiện thủ tục, vui lòng xác nhận lại với cơ quan chuyên môn.
- Nếu thông tin liên hệ của tổ chức không ghi rõ ngôn ngữ hỗ trợ, thì đồng nghĩa với việc chỉ có thể trao đổi bằng tiếng Nhật. Khi liên hệ, bạn nên đi cùng người có thể nói tiếng Nhật.
- Thời gian làm việc của các tổ chức được nêu trong ấn phẩm có thể thay đổi. Ngoài ra, tùy từng tổ chức có thể nghỉ vào các ngày lễ và dịp cuối năm, đầu năm mới, vì vậy hãy xác nhận trước với từng tổ chức.
- Hiệp hội chúng tôi không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với thiệt hại phát sinh từ nội dung được đăng tải.

目次	Index (Vietnamese)
第1章 在留手続き	Chương 1 Thủ tục lưu trú
1. 在留管理制度	1. Chế độ quản lý lưu trú
1. 在留手続きの流れ	1. Quy trình thực hiện thủ tục lưu trú
2. 在留資格の各種手続き	2. Các thủ tục về tư cách lưu trú
1. 在留資格変更許可	1. Thay đổi tư cách lưu trú
2. 在留期間更新許可	2. Gia hạn thời gian lưu trú
3. 再入国許可	3. Tái nhập cảnh
4. 在留資格取得許可	4. Nhận tư cách lưu trú
5. 在留資格認定証明書交付申請	5. Đề nghị cấp giấy chứng nhận xác định tư cách lưu trú
6. 資格外活動許可	6. Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú
7. 永住許可	7. Giấy phép vĩnh trú
8. 活動機関・契約機関・配偶者に関する届け出	8. Khai báo liên quan đến cơ quan hoạt động, cơ quan hợp đồng, vợ/chồng
9. 在留資格の取り消し	9. Hủy bỏ tư cách lưu trú
3. 不法滞在	3. Cư trú bất hợp pháp
1. 出国命令制度	1. Chế độ mệnh lệnh xuất cảnh
2. 在留特別許可	2. Giấy phép lưu trú đặc biệt
4. 在留カードの各種手続き	4. Các thủ tục liên quan đến Thẻ cư trú
1. 在留カードとは	1. Thẻ lưu trú
2. 在留カードの見方	2. Cách xem thẻ lưu trú
3. 在留カードの有効期間の更新申請	3. Đề nghị gia hạn thời gian có hiệu lực của thẻ cư trú
4. 在留カードの再交付申請	4. Đề nghị cấp lại thẻ lưu trú
5. 住居地に関する届け出	5. Khai báo nơi ở
6. 住居地以外の在留カード記載事項の変更の届け出	6. Khai báo thay đổi các mục khác ngoài nơi ở trên thẻ cư trú
7. 在留カードの返納	7. Trả lại thẻ lưu trú
8. 在留資格一覧	8. Danh sách tư cách lưu trú
9. 指定書	9. Giấy chỉ định
5. 難民認定申請	5. Đề nghị công nhận người tị nạn
6. 各種申請・手続き問合せ先	6. Thông tin liên hệ liên quan đến các thủ tục
第2章 その他の手続き	Chương 2 Các thủ tục khác
1. 住民基本台帳制度	1. Chế độ đăng ký thường trú cơ bản
1. 住民票の写し	1. Bản sao Giấy xác nhận cư trú
2. 住民基本台帳制度の手続き	2. Thủ tục liên quan đến Chế độ đăng ký thường trú cơ bản
2. マイナンバー（社会保障・税番号制度）	2. My number (Hệ thống an sinh xã hội/ mã số thuế)
3. 外国人登録原票または出入国記録に係る開示請求	3. Yêu cầu cung cấp thông tin trên giấy đăng ký Người nước ngoài hoặc lịch sử xuất nhập cảnh
4. 外務省における証明	4. Chứng nhận tại Bộ Ngoại vụ
5. 帰化	5. Nhập quốc tịch
6. 死亡	6. Tử vong
1. 死亡時に必要な手続き	1. Những thủ tục cần thực hiện khi tử vong
2. 死体の取扱い	2. Xử lý thi thể
7. 印鑑	7. Con dấu
1. 印鑑登録	1. Đăng ký con dấu
第3章 労働	Chương 3 Lao động
1. 仕事と在留資格	1. Công việc và tư cách lưu trú
2. 労働のルール	2. Quy tắc lao động
1. 労働契約	1. Hợp đồng lao động
2. 労働条件	2. Điều kiện lao động
3. 解雇と退職	3. Sa thải và Nghỉ việc
1. 解雇とは	1. Sa thải
2. 退職とは	2. Nghỉ việc
4. 労働者災害補償保険(労災保険)	4. Bảo hiểm bồi thường tai nạn cho người lao động (Bảo hiểm tai nạn lao động)
1. 労災保険とは	1. Bảo hiểm tai nạn lao động
2. 主な補償給付	2. Các khoản bồi thường chính
5. 雇用保険	5. Bảo hiểm việc làm
1. 雇用保険とは	1. Bảo hiểm việc làm
2. 失業等給付（基本手当）	2. Trợ cấp thất nghiệp (trợ cấp cơ bản)
3. 高年齢求職者給付金	3. Trợ cấp cho người tìm việc lớn tuổi
4. 雇用継続給付	4. Trợ cấp tiếp tục việc làm
6. 仕事の探し方	6. Cách tìm việc làm
7. 労働に関する相談窓口および役立情報	7. Quay tư vấn liên quan đến lao động và thông tin hữu ích
1. 相談窓口	1. Quay tư vấn
2. 紛争解決援助制度	2. Chế độ hỗ trợ giải quyết tranh chấp
3. 雇用管理に役立つ多言語用語集（厚生労働省）	3. Từ điển đa ngôn ngữ hữu ích cho việc quản lý việc làm (Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi)
8. 起業・創業、企業経営に関する相談窓口	8. Quay tư vấn khởi nghiệp, thành lập, quản lý doanh nghiệp
第4章 結婚・離婚	Chương 4 Kết Hôn・Ly Hôn
1. 結婚	1. Kết hôn
1. 日本人と外国人の結婚	1. Kết hôn giữa Người Nhật và Người nước ngoài
2. 外国人同士の結婚	2. Kết hôn giữa Người nước ngoài với nhau
3. 婚姻要件具備証明書	3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện để kết hôn
4. 愛知県ファミリーシップ宣誓制度	4. Hệ thống cam kết gia đình của tỉnh Aichi
2. 離婚	2. Ly hôn
1. 日本人と外国人の離婚	1. Ly hôn giữa Người Nhật và Người nước ngoài
2. 外国人同士の離婚	2. Ly hôn giữa Người nước ngoài với nhau
3. 離婚届	3. Khai báo ly hôn
4. 離婚届不受理申出	4. Đơn yêu cầu không thụ lý đơn xin ly hôn
5. 離婚と在留資格	5. Ly hôn và tư cách lưu trú
3. ドメスティック・バイオレンス(DV)	3. Bạo lực gia đình (DV-Domestic violence)
1. ドメスティック・バイオレンス (DV) とは	1. Định nghĩa về bạo lực gia đình (DV)
2. 相談窓口	2. Quay tư vấn
3. 保護命令制度	3. Chế độ bảo hộ theo mệnh lệnh

第5章 出産・育児		Chương 5 Sinh con và nuôi dạy trẻ	
1. 妊娠したら	J-22	1. Việc cần làm khi mang thai.....	V-22
1. 母子健康手帳	J-22	1. Sổ tay sức khỏe mẹ và bé.....	V-22
2. 妊婦の健康診査	J-22	2. Kiểm tra sức khỏe thai phụ.....	V-22
3. 助産師・保健師による訪問指導	J-22	3. Hướng dẫn tại nhà bởi nữ hộ sinh và chuyên viên chăm sóc sức khỏe.....	V-22
4. 母親・父親教室	J-22	4. Lớp học dành cho bậc cha mẹ.....	V-22
5. 認知	J-22	5. Công nhận.....	V-22
2. 出産後の手続き	J-22	2. Các thủ tục sau sinh.....	V-22
1. 出生届	J-22	1. Khai sinh.....	V-22
2. 子どもの国籍取得	J-22-23	2. Nhận quốc tịch cho trẻ em.....	V-22-23
3. 子どもの在留資格取得申請	J-23	3. Thủ tục xin tư cách lưu trú cho trẻ em.....	V-23
4. 医療保険等の加入手続き	J-23	4. Thủ tục tham gia bảo hiểm y tế.....	V-23
3. 出産費用と各種手当	J-23	3. Chi phí sinh con và các khoản trợ cấp.....	V-23
1. 出産育児一時金	J-23	1. Trợ cấp 1 lần cho sinh và chăm sóc con.....	V-23
2. 出産時の年金・健康保険料の免除	J-23	2. Miễn giảm bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm hưu trí khi sinh con.....	V-23
3. 出産手当金	J-23	3. Trợ cấp sinh con.....	V-23
4. 育児休業給付金	J-23	4. Trợ cấp khi nghỉ chăm con.....	V-23
5. 出生後休業支援給付金	J-24	5. Trợ cấp hỗ trợ nghỉ sau sinh.....	V-24
【2025 年 4 月 1 日施行】		【áp dụng từ ngày 1 tháng 4 năm 2025】	
6. 育児時短就業給付金	J-24	6. Trợ cấp rút ngắn thời gian làm việc để chăm trẻ	V-24
【2025 年 4 月 1 日施行】		【áp dụng từ ngày 1 tháng 4 năm 2025】	
7. 妊婦支援給付金	J-24	7. Trợ cấp hỗ trợ thai phụ.....	V-24
8. 愛知県子育て応援給付金	J-24	8. Trợ cấp hỗ trợ chăm sóc trẻ em tỉnh Aichi.....	V-24
9. 児童手当	J-24	9. Trợ cấp nhi đồng.....	V-24
10. 幼児教育・保育の無償化	J-24	10. Miễn phí giáo dục mầm non và giữ trẻ.....	V-24
4. 育児	J-24	4. Nuôi con.....	V-24
1. 乳幼児健康診査	J-24	1. Kiểm tra sức khỏe định kỳ dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ	V-24
2. 予防接種	J-24	2. Tiêm chủng dự phòng.....	V-24
3. 子どもの医療費	J-24	3. Phí chăm sóc y tế cho trẻ em.....	V-24
4. 保育所	J-25	4. Nhà trẻ.....	V-25
5. 認定こども園	J-25	5. Cơ sở chăm sóc trẻ em được chứng nhận.....	V-25
6. 放課後児童クラブ（学童保育）	J-25	6. Câu lạc bộ cho trẻ em sau giờ học（Giữ trẻ sau giờ học）	V-25
7. ファミリー・サポート・センター	J-25	7. Trung tâm dịch vụ hỗ trợ gia đình.....	V-25
第6章 教育		Chương 6 Giáo dục	
1. 日本の教育制度	J-26	1. Hệ thống giáo dục của Nhật Bản.....	V-26
1. 小・中学校	J-26	1. Trường tiểu học – trung học cơ sở.....	V-26
2. 高等学校	J-26-27	2. Trường trung học phổ thông.....	V-26-27
3. 幼稚園	J-27	3. Mẫu giáo.....	V-27
4. 外国人学校およびインターナショナルスクール	J-27	4. Trường học cho Người nước ngoài và trường quốc tế.....	V-27
5. 夜間中等等	J-28	5. Trường trung học cơ sở ban đêm.....	V-28
6. 中学校卒業程度認定試験（中卒認定）	J-28	6. Kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở（cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở）	V-28
7. 高等学校卒業程度認定試験（旧大学入学資格検定）	J-28	7. Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông（trước đây gọi là Kỳ thi tuyển sinh đại học）	V-28
8. ステップアップスクール（日本語等の基礎学習講座）	J-28	8. Step Up School（Khóa học tiếng Nhật cơ bản）.....	V-28
2. 教育支援	J-29	2. Hỗ trợ giáo dục.....	V-29
1. 就学援助	J-29	1. Hỗ trợ chi phí học tập.....	V-29
2. 高等学校等就学支援金	J-29	2. Quỹ hỗ trợ chi phí học tập trung học phổ thông.....	V-29
3. 高等学校等奨学給付金	J-29	3. Trợ cấp học bổng trung học phổ thông.....	V-29
4. 奨学金	J-29-30	4. Học bổng.....	V-29-30
5. 教育費について	J-30	5. Chi phí giáo dục.....	V-30
6. 教育支援資金（愛知県社会福祉協議会）	J-30	6. Quỹ hỗ trợ giáo dục（Cơ quan Phúc lợi Xã hội tỉnh Aichi）	V-30
3. 日本語学習	J-31	3. Học tiếng Nhật.....	V-31
1. 日本語能力評価・試験	J-31	1. Đánh giá – kiểm tra trình độ tiếng Nhật.....	V-31
2. 日本語の学び方	J-31	2. Cách học tiếng Nhật.....	V-31
第7章 医療・年金・福祉		Chương 7 Y tế - Lương hưu - Phúc lợi	
1. 医療機関	J-32	1. Cơ sở y tế.....	V-32
1. 外国語対応医療機関	J-32-33	1. Cơ sở y tế có thể hỗ trợ bằng ngoại ngữ.....	V-32-33
2. 医療保険	J-33	2. Bảo hiểm y tế.....	V-33
1. 日本の医療保険制度	J-33	1. Chế độ bảo hiểm y tế của Nhật Bản.....	V-33
2. 健康保険（被用者保険）	J-33-34	2. Bảo hiểm sức khỏe（Bảo hiểm người lao động）.....	V-33-34
3. 国民健康保険	J-34-35	3. Bảo hiểm sức khỏe quốc dân.....	V-34-35
4. 後期高齢者医療制度	J-35	4. Cơ chế chăm sóc y tế cho Người cao tuổi hậu kỳ.....	V-35
5. 医療保険一覧表	J-35-36	5. Danh sách bảo hiểm y tế.....	V-35-36
3. 年金制度	J-37	3. Chế độ lương hưu.....	V-37
1. 日本の年金制度	J-37	1. Chế độ lương hưu tại Nhật Bản.....	V-37
2. 国民年金	J-37	2. Hưu trí quốc dân.....	V-37
3. 厚生年金保険	J-38	3. Bảo hiểm hưu trí Người lao động.....	V-38
4. 脱退一時金	J-38	4. Trợ cấp lương hưu một lần.....	V-38
5. 社会保険協定	J-38	5. Hiệp định An sinh xã hội.....	V-38
6. 年金制度一覧表	J-39	6. Danh sách chế độ hưu trí.....	V-39
7. 問合せ先	J-39-40	7. Liên hệ.....	V-39-40
8. 日本年金機構ホームページ	J-40	8. Trang web của Tổ chức lương hưu Nhật Bản.....	V-40
4. 介護保険	J-40	4. Bảo hiểm chăm sóc dài hạn.....	V-40
1. 介護保険とは	J-40	1. Bảo hiểm chăm sóc dài hạn.....	V-40
2. 介護サービスを受けるには	J-40	2. Sử dụng dịch vụ hộ lý.....	V-40
5. 障害者	J-41	5. Người khuyết tật.....	V-41
1. 障害者手帳	J-41	1. Sổ tay Người khuyết tật.....	V-41
2. 特別児童扶養手当	J-41	2. Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em đặc biệt.....	V-41
6. ひとり親家庭	J-41	6. Gia đình bố/mẹ đơn thân.....	V-41
1. 児童扶養手当	J-41	1. Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em.....	V-41
2. 愛知県遺児手当	J-41	2. Trợ cấp trẻ em mồ côi tỉnh Aichi.....	V-41
3. 母子・父子家庭の医療制度	J-41	3. Chế độ y tế cho gia đình bố/mẹ đơn thân.....	V-41
第8章 税金		Chương 8 Thuế	
1. 日本の税制度	J-42	1. Chế độ thuế của Nhật Bản.....	V-42
2. 所得税	J-42	2. Thuế thu nhập.....	V-42

1. 所得税とは	J-42
2. 源泉徴収	J-42
3. 年末調整	J-42
4. 確定申告	J-42-43
5. 問合せ先	J-43
3. 住民税	J-44
1. 住民税とは	J-44
2. 日本から出国する場合	J-44
4. 車に関する税金	J-44
1. 自動車税（種別割）	J-44
2. 軽自動車税（種別割）	J-44
3. 自動車重量税	J-44
5. その他の税金	J-44
1. 消費税・地方消費税	J-44
2. 不動産取得税	J-44
3. 固定資産税	J-44

第9章 日常生活

1. 住まい	J-45
1. 公的賃貸住宅とは	J-45
2. 公的賃貸住宅の問合せ先	J-45
3. 民間住宅	J-46
4. 入居に必要な費用	J-46
2. 電気・ガス・水道	J-46
3. ごみ	J-47
1. ごみの分別	J-47
2. 家電製品のリサイクル	J-47
3. その他、ごみに関する注意点	J-47
4. 電話・インターネット・NHK放送	J-47
1. 携帯電話（スマートフォン）	J-47
2. 電話やインターネットの新規加入	J-47
3. NHK 放送	J-47
5. 郵便	J-47-48
6. 国際宅配便	J-48
7. 銀行	J-48
1. 口座の開設	J-48
2. 送金	J-48

第10章 交通

1. 交通ルール	J-49
2. 公共交通機関	J-50
1. 鉄道・地下鉄	J-50
2. バス	J-50
3. タクシー	J-50
4. 空港	J-50-51
3. 自動車	J-51
1. 外国の運転免許	J-51
2. 日本の運転免許	J-51-53
3. 運転免許の点数制度	J-53
4. 自動車の登録	J-53
5. 自動車の抹消登録	J-53
6. 車庫証明	J-54
7. 自動車の検査（車検）	J-54
8. 自動車保険	J-55
9. 交通事故	J-55
4. 自転車	J-55
1. 自転車の安全利用 5 則	J-55
2. 自転車の点検・整備と付帯保険	J-55-56
5. 特定小型原動機付自転車（電動自転車）	J-56
1. 特定小型原動機付自転車の基準	J-56
2. 特定小型原動機付自転車の交通ルール	J-56

第11章 緊急のとき

1. 緊急電話のかけ方	J-57
2. 地震	J-57
1. 南海トラフ地震	J-58
2. 地震への備え	J-58
3. 地震が起きたら	J-58
4. 災害用伝言ダイヤル	J-58
3. 台風・集中豪雨	J-59
4. 罹災証明	J-59
5. ガス漏れ	J-59
6. 防災および災害に関する資料	J-59
1. 防災チェックガイド	J-59
2. あいち多文化防災ポケットガイド	J-59
3. 防災行動計画検討ツール	J-59
4. 多言語指差しボード	J-59

第12章 要覧

1. (公財)愛知県国際交流協会	J-60-61
2. ハローワーク（公共職業安定所）	J-61-62
3. 労働基準監督署	J-62
4. 年金事務所	J-62-63
5. 税務署	J-63
6. 県税事務所	J-64
7. 愛知県女性相談支援センター	J-64
8. 愛知県福祉相談センター	J-64
9. 交通事故に関する相談窓口	J-65
10. 外国人対象相談窓口	J-65-72
11. 大使館・領事館等	J-72-74

1. Thuế thu nhập	V-42
2. Khấu trừ thuế tại nguồn	V-42
3. Điều chỉnh thuế cuối năm	V-42
4. Khai thuế cuối cùng	V-42-43
5. Thông tin liên hệ	V-43
3. Thuế cư trú (jumin-zei)	V-44
1. Thuế cư trú	V-44
2. Trường hợp rời khỏi Nhật Bản	V-44
4. Thuế liên quan đến xe ô tô	V-44
1. Thuế xe ô tô (phân loại)	V-44
2. Thuế xe ô tô hạng nhẹ (phân loại)	V-44
3. Thuế trọng lượng xe	V-44
5. Các loại thuế khác	V-44
1. Thuế tiêu dùng – Thuế tiêu dùng địa phương	V-44
2. Thuế mua bất động sản	V-44
3. Thuế tài sản cố định	V-44

Chương 9 Cuộc sống thường ngày

1. Nơi cư trú	V-45
1. Nhà công cho thuê	V-45
2. Thông tin liên hệ Nhà công cho thuê	V-45
3. Nhà ở tư nhân	V-46
4. Chi phí cần thiết khi chuyển vào ở	V-46
2. Điện – Ga – Nước	V-46
3. Rác	V-47
1. Phân loại rác	V-47
2. Tái chế thiết bị điện gia dụng	V-47
3. Những điểm cần lưu ý khác liên quan đến rác	V-47
4. Điện thoại – Internet – Truyền hình NHK	V-47
1. Điện thoại di động (Smartphone)	V-47
2. Đăng ký mới điện thoại di động và internet	V-47
3. Truyền hình NHK	V-47
5. Bưu chính	V-47-48
6. Chuyển phát nhanh quốc tế	V-48
7. Ngân hàng	V-48
1. Mở tài khoản	V-48
2. Chuyển tiền	V-48

Chương 10 Giao thông

1. Quy định giao thông	V-49
2. Phương tiện giao thông công cộng	V-50
1. Tàu hỏa – Tàu điện ngầm	V-50
2. Xe buýt	V-50
3. Taxi	V-50
4. Sân bay	V-50-51
3. Xe ô tô	V-51
1. Giấy phép lái xe nước ngoài	V-51
2. Giấy phép lái xe Nhật Bản	V-51-53
3. Hệ thống điểm giấy phép lái xe	V-53
4. Đăng ký xe ô tô	V-53
5. Hủy đăng ký xe ô tô	V-53
6. Chứng nhận chỗ đậu xe	V-54
7. Đăng kiểm xe ô tô	V-54
8. Bảo hiểm xe cơ giới	V-55
9. Tai nạn giao thông	V-55
4. Xe đạp	V-55
1. 5 quy tắc sử dụng xe đạp an toàn	V-55
2. Kiểm tra, bảo dưỡng và bảo hiểm bổ sung xe đạp	V-55-56
5. Xe đạp có gắn động cơ nhỏ đặc định (Xe điện scooter)	V-56
1. Tiêu chuẩn của xe đạp có gắn động cơ nhỏ đặc định	V-56
2. Quy tắc giao thông đối với xe đạp có gắn động cơ nhỏ đặc định	V-56

Chương 11 Trường hợp khẩn cấp

1. Cách gọi điện thoại khẩn cấp	V-57
2. Động đất	V-57
1. Động đất tại rãnh Nankai	V-58
2. Chuẩn bị cho động đất	V-58
3. Khi xảy ra động đất	V-58
4. Quay số tin nhắn thảm họa thiên tai	V-58
3. Bão – Mưa lớn cục bộ	V-59
4. Chứng nhận thiệt hại do thảm họa thiên tai	V-59
5. Rò rỉ ga	V-59
6. Tài liệu về phòng chống thiệt hại thảm họa thiên tai	V-59
1. Hướng dẫn kiểm tra thảm họa thiên tai	V-59
2. Sổ tay phòng chống thảm họa thiên tai đa văn hóa Aichi	V-59
3. Công cụ đánh giá kế hoạch hành động phòng chống thảm họa thiên tai	V-59
4. Bảng hướng dẫn đa ngôn ngữ	V-59

Chương 12 Tóm lược

1. Hiệp hội Giao lưu Quốc tế tỉnh Aichi	V-60-61
2. Hellowork (Văn phòng An ninh Việc làm Công cộng)	V-61-62
3. Văn phòng Thanh tra Tiêu chuẩn Lao động	V-62
4. Văn phòng Lương hưu	V-62-63
5. Cơ quan thuế	V-63
6. Văn phòng thuế trong tỉnh	V-64
7. Trung tâm Tư vấn Hỗ trợ Nữ giới tỉnh Aichi	V-64
8. Trung tâm Tư vấn Phúc lợi tỉnh Aichi	V-64
9. Tư vấn liên quan đến tai nạn giao thông	V-65
10. Tư vấn dành cho Người nước ngoài	V-65-72
11. Đại sứ quán – Lãnh sự quán	V-72-74



Chương 1

Thủ tục lưu trú

1 Chế độ quản lý lưu trú

Trong trường hợp bạn có dự định nhập cảnh và lưu trú tại Nhật Bản thì tư cách lưu trú và thời hạn lưu trú sẽ được quyết định dựa theo mục đích nhập cảnh của bạn. Ngoài ra, thẻ lưu trú sẽ được cấp cho trường hợp người lưu trú trung và dài hạn

Người lưu trú trung và dài hạn là?

“Người lưu trú trung và dài hạn” thuộc đối tượng của chế độ quản lý lưu trú là những người không thuộc bất kỳ trường hợp nào trong các trường hợp dưới đây.

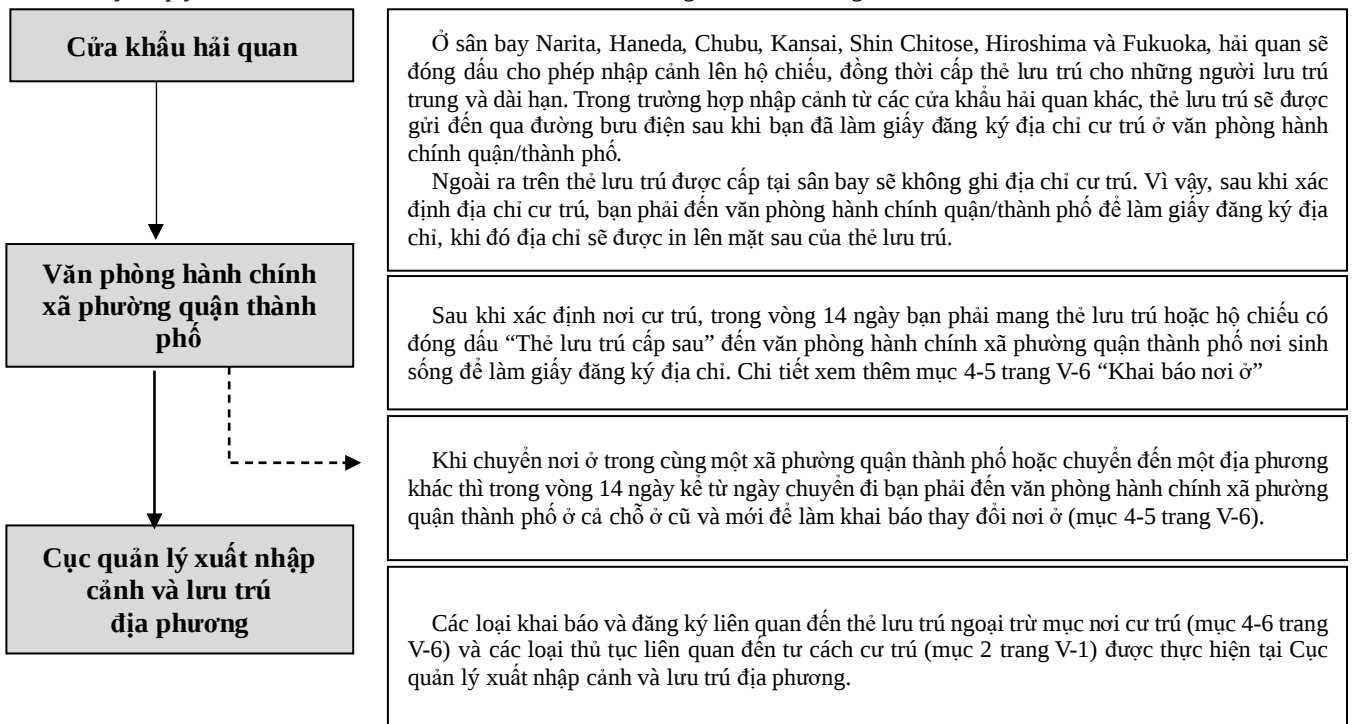
1. Người có thời hạn lưu trú dưới “3 tháng”
2. Người có tư cách “Lưu trú ngắn hạn”
3. Người có tư cách lưu trú “Ngoại giao” hoặc “Công vụ”
4. Người được Bộ Tư pháp công nhận có tư cách tương đương với người nước ngoài ở trường hợp từ 1 đến 3 bên trên
5. Người vĩnh trú đặc biệt
6. Người không có tư cách lưu trú

(Ví dụ về người lưu trú trung và dài hạn)

Người vĩnh trú, người định trú, người nước ngoài kết hôn với người Nhật, người thực hiện công việc kỹ thuật - nhân văn - quốc tế, du học sinh, lưu trú theo gia đình,...

1-1 Quy trình thực hiện thủ tục lưu trú

Dưới đây là quy trình thực hiện thủ tục lưu trú chính dành cho người lưu trú trung và dài hạn.



2 Các thủ tục về tư cách lưu trú

Thủ tục phải được chính bản thân Người nước ngoài thực hiện tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương. Tuy nhiên, nếu người đó chưa đủ 18 tuổi thì người đại diện theo pháp luật có thể đại diện thực hiện thủ tục cần thiết. Ngoài ra, những người có hoàn cảnh đặc biệt như bị bệnh,... thì người thân, người sống cùng hoặc người đáp ứng các tiêu chuẩn được Cục trưởng Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương công nhận có tư cách tương đương có thể đại diện thực hiện các thủ tục (cần phải xuất trình giấy tờ chứng minh hoàn cảnh đặc biệt như giấy khám chữa bệnh,...). Ngoài ra, bạn cũng có thể ủy quyền cho luật sư hay hành chính viên đã khai báo với Cục trưởng Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương (và đã được cấp chứng nhận hoàn tất việc khai báo) thực hiện các thủ tục.

Các loại giấy tờ để thực hiện các thủ tục được phát tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương hoặc tải xuống từ website của Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú.

URL <https://www.moj.go.jp/isa/applications/index.html>
<https://www.isa.go.jp/pt/applications/index.html>
<https://www.isa.go.jp/es/applications/index.html>
<https://www.isa.go.jp/en/applications/index.html>
<https://www.isa.go.jp/zh-cn/applications/index.html>
<https://www.isa.go.jp/ko/applications/index.html>

(Tiếng Nhật)
 (Tiếng Bồ Đào Nha)
 (Tiếng Tây Ban Nha)
 (Tiếng Anh)
 (Tiếng Trung Quốc)
 (Tiếng Hàn Quốc)

Thông tin chi tiết về thủ tục tư cách lưu trú vui lòng liên hệ Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương hoặc Trung tâm thông tin tổng hợp về cư trú cho Người nước ngoài (mục 6 trang V-8 và trang V-9)

2-1 Thay đổi tư cách lưu trú

Trong trường hợp bạn muốn tiếp tục lưu trú và thay đổi mục đích lưu trú, trong thời hạn lưu trú cần phải thực hiện thay đổi tư cách lưu trú. Nếu được chấp nhận, bạn phải đóng một khoản phí là 6000 yên (nếu thực hiện thủ tục trực tuyến thì phí là 5500 yên). ※Phí liên quan đến thủ tục lưu trú đã được điều chỉnh từ ngày 1 tháng 4 năm 2025. Đối với các trường hợp đã được tiếp nhận trước ngày 31 tháng 3 năm 2025, sẽ áp dụng mức phí theo quy định trước khi điều chỉnh. 【Mức phí trước khi điều chỉnh】 Phí thay đổi tư cách lưu trú 4000 yên, Phí gia hạn thời gian lưu trú 4000 yên, Phí tái nhập cảnh (một lần) 3000 yên, Phí tái nhập cảnh (nhiều lần) 6000 yên, Phí cấp vĩnh trú 8,000 yên.

Hồ sơ cần thiết

- Đơn đề nghị thay đổi tư cách lưu trú (Nhận tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương, hoặc tải về từ website của Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú).
- 1 ảnh (Kích cỡ 3cm x 4cm, chỉ chụp người làm đơn, chụp trong vòng 6 tháng, không đội mũ, không có cảnh nền. Người chưa đủ 16 tuổi thì không cần).
- Giấy tờ chứng minh nội dung hoạt động tại Nhật Bản (Giấy tờ chứng minh sẽ khác nhau tùy từng tư cách lưu trú)
(Ví dụ) Với “Người nước ngoài kết hôn với người Nhật”, “Người kết hôn với người vĩnh trú”, “Người định trú” thì cần có giấy bảo lãnh.
- Thẻ lưu trú (Không cần nếu người đề nghị thay đổi không phải là người lưu trú trung và dài hạn).
- Hộ chiếu hoặc giấy chứng nhận tư cách lưu trú.

2-2 Gia hạn thời gian lưu trú

Trong trường hợp bạn muốn tiếp tục lưu trú tại Nhật để tiếp tục hoạt động như hiện tại sau khi hết thời hạn lưu trú thì trong thời gian còn tư cách lưu trú bạn phải làm đơn đề nghị gia hạn thời gian lưu trú. Nếu vẫn còn thời hạn lưu trú trên 6 tháng thì trước khi hết hạn 3 tháng có thể thực hiện thủ tục này. Nếu được chấp nhận, bạn phải đóng một khoản phí là 6000 yên (nếu thực hiện thủ tục trực tuyến thì phí là 5500 yên). Ngoài ra, trong trường hợp việc gia hạn thời gian lưu trú được chấp nhận thì bạn cần thay đổi thông tin trên mặt thẻ My Number. Hãy đảm bảo thực hiện các thủ tục để gia hạn thẻ My Number tại văn phòng xã phường quận thành phố nơi bạn sinh sống (mục 2 trang V-10) ※ Thông tin về lệ phí tham khảo tại mục 2-1 trang V-2.

Hồ sơ cần thiết

- Đơn đề nghị gia hạn thời gian lưu trú (Nhận tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương, hoặc tải về từ website của Cơ quan quản lý lưu trú xuất nhập cảnh).
- 1 ảnh (Kích cỡ 3cm x 4cm, chỉ chụp người làm đơn, chụp trong vòng 6 tháng, không đội mũ, không có cảnh nền. Người chưa đủ 16 tuổi thì không cần).
- Giấy tờ chứng minh nội dung hoạt động tại Nhật Bản (Giấy tờ chứng minh sẽ khác nhau tùy từng tư cách lưu trú)
(ví dụ) Với “Người nước ngoài kết hôn với người Nhật”, “Người kết hôn với người vĩnh trú”, “Người định trú” thì cần có giấy bảo lãnh.
- Thẻ lưu trú (Không cần nếu người đề nghị thay đổi không phải là người lưu trú trung và dài hạn).
- Hộ chiếu hoặc giấy chứng nhận tư cách lưu trú.

2-3 Tái nhập cảnh

Trong trường hợp bạn rời khỏi Nhật Bản và tái nhập cảnh trước ngày hết thời hạn lưu trú, nếu trước khi xuất cảnh bạn có “Giấy phép tái nhập cảnh” thì không cần phải lấy “visa” trước khi tái nhập cảnh, mà sau khi tái nhập cảnh vẫn có thể tiếp tục lưu trú với cùng tư cách và thời hạn lưu trú. Tuy nhiên, giấy phép tái nhập cảnh chỉ có thời hạn tối đa là 5 năm (6 năm với người vĩnh trú đặc biệt) và không vượt quá thời gian lưu trú hiện tại. Ngoài ra, trong giấy phép tái nhập cảnh, có giấy phép chỉ cho phép xuất nhập cảnh 1 lần và có giấy phép cho phép xuất nhập cảnh nhiều lần trong thời hạn của giấy phép. Lệ phí cho giấy tái nhập cảnh 1 lần là 4000 yên (nếu thực hiện thủ tục trực tuyến thì phí là 3500 yên), tái nhập cảnh nhiều lần là 7000 yên (nếu thực hiện thủ tục trực tuyến thì phí là 6500 yên) ※Thông tin về lệ phí tham khảo tại mục 2-1 trang V-2.

Hồ sơ cần thiết

- Đơn đề nghị tái nhập cảnh (Nhận tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương, hoặc tải về từ website của Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú).
- Thẻ lưu trú hoặc Giấy chứng nhận vĩnh trú đặc biệt.
- Hộ chiếu

Giấy phép tái nhập cảnh đặc biệt (Minashi sai nyukyoku kyoka)

Người nước ngoài có hộ chiếu và thẻ lưu trú (đối với người vĩnh trú đặc biệt là giấy chứng nhận vĩnh trú đặc biệt) còn hiệu lực thì về nguyên tắc không cần phải xin giấy phép tái nhập cảnh nếu tái nhập cảnh trong vòng 1 năm kể từ khi xuất cảnh (2 năm đối với người vĩnh trú đặc biệt). Khi xuất cảnh, vui lòng xuất trình thẻ lưu trú và hộ chiếu cho người thẩm định nhập cảnh. Giấy phép tái nhập cảnh đặc biệt sẽ không mất phí.

Tuy nhiên cần lưu ý là thời hạn của giấy phép tái nhập cảnh đặc biệt không thể xin gia hạn ở nước ngoài nên nếu vượt quá thời hạn lưu trú mà chưa trở lại thì không thể tái nhập cảnh.

2-4 Nhận tư cách lưu trú

Người nước ngoài được sinh ra tại Nhật Bản hoặc người bỏ quốc tịch Nhật Bản và đã trở thành Người nước ngoài mà muốn lưu trú ở Nhật trên 60 ngày kể từ ngày được sinh ra hoặc ngày bỏ quốc tịch Nhật Bản thì trong vòng 30 ngày phải làm đơn đề nghị nhận tư cách lưu trú. Nếu là người được sinh ra tại Nhật thì thông thường tư cách và thời hạn lưu trú sẽ được quyết định dựa trên tư cách và thời hạn lưu trú của bố mẹ. Thủ tục này không mất phí. Khi nhận được tư cách lưu trú, nếu là người lưu trú trung và dài hạn (mục 1 trang V-1) thì sẽ được cấp thẻ lưu trú. Ngoài ra, trong trường hợp trở thành người lưu trú trung và dài hạn bởi việc nhận tư cách lưu trú, tại thời điểm đề nghị, nếu bạn nộp bản sao giấy cư trú hoặc giấy chứng minh các mục được liệt kê trong giấy cư trú thì sẽ được xem là đã khai báo nơi ở. Nếu bạn không nộp các giấy như đã đề cập, thì sau khi được cấp thẻ lưu trú, bạn cần phải khai báo nơi ở tại văn phòng xã phường quận thành phố nơi bạn sinh sống.

Hồ sơ cần thiết

- Đơn đề nghị nhận tư cách lưu trú (Nhận tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương, hoặc tải về từ website của Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú)
- 1 ảnh (Kích cỡ 3cmx4cm, chỉ chụp người làm đơn, chụp trong vòng 6 tháng, không đội mũ, không có cảnh nền. Người chưa đủ 16 tuổi thì không cần)
- Giấy chứng nhận các mục ghi trong thông báo khai sinh, Giấy chứng minh đã sinh (Trong trường hợp sinh tại Nhật Bản)
- Giấy chứng minh quốc tịch (trong trường hợp đã bỏ quốc tịch Nhật Bản)
- Giấy tờ chứng minh nội dung hoạt động tại Nhật Bản (Giấy tờ chứng minh sẽ khác nhau tùy từng tư cách lưu trú)
- Hộ chiếu (Nếu có)

2-5 Đề nghị cấp giấy chứng nhận xác định tư cách lưu trú

Khi Người nước ngoài muốn nhập cảnh vào Nhật Bản, cần thực hiện thủ tục để chứng minh rằng hoạt động dự định thực hiện tại Nhật Bản là không gian dối và phù hợp với tư cách lưu trú. Nếu tư cách lưu trú đó có quy định tiêu chuẩn cấp phép nhập cảnh, thì cũng phải đáp ứng các tiêu chuẩn đó. Bằng cách xuất trình giấy chứng nhận này, việc xin visa tại cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài và thủ tục kiểm tra nhập cảnh khi đến Nhật sẽ được tiến hành thuận lợi (Tuy nhiên, nếu không nộp giấy chứng nhận này cùng với visa cho chuyên viên kiểm tra nhập cảnh trong vòng 3 tháng kể từ ngày cấp, thì giấy chứng nhận sẽ mất hiệu lực.). Lưu ý, chế độ này không áp dụng đối với tư cách lưu trú “lưu trú ngắn hạn” như du lịch hoặc thăm thân.

Hồ sơ cần thiết

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận xác định tư cách lưu trú (Nhận tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương, hoặc tải về từ website của Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú).
- 1 ảnh (kích cỡ 3cm x 4cm, chỉ chụp người làm đơn, chụp trong vòng 6 tháng, không đội mũ, không có cảnh nền).
- Giấy tờ chứng minh nội dung hoạt động tại Nhật Bản (Giấy tờ chứng minh sẽ khác nhau tùy từng tư cách lưu trú). (Ví dụ) giấy bảo lãnh, Bảng câu hỏi (Nhận tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương, hoặc tải về từ website của Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú).
- Phong bì để gửi trả kết quả hoặc phong bì loại Letter Pack (màu đỏ).

2-6 Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú

Người có tư cách lưu trú không được phép lao động như du học sinh và người theo visa gia đình,... mà muốn thực hiện các hoạt động như làm thêm để kiếm thu nhập, hoặc người có tư cách lưu trú được phép lao động mà muốn làm công việc khác ngoài phạm vi tư cách hiện tại thì phải xin giấy phép hoạt động ngoài tư cách tại Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh địa phương. Nếu không được cấp giấy phép này mà tự ý làm các công việc nằm ngoài phạm vi hoạt động của tư cách lưu trú thì sẽ bị coi là “Lao động trái phép”.

Người nhập cảnh lần đầu với tư cách “Du học” (trừ trường hợp có thời hạn lưu trú 3 tháng) thì có thể đề nghị cấp Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú ngay tại cửa khẩu hải quan lúc nhập cảnh.

Hồ sơ cần thiết

- Đơn đề nghị cấp phép hoạt động ngoài tư cách (Nhận tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương, hoặc tải về từ website của Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú).
- Giấy tờ làm rõ nội dung của hoạt động liên quan đến việc cấp phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú (với người có tư cách “du học”, “theo gia đình” và một bộ phận visa “hoạt động đặc định” một tuần làm việc dưới 28 giờ thì không cần nộp giấy này).
- Thẻ lưu trú
- Hộ chiếu hoặc giấy chứng nhận tư cách lưu trú

2-7 Giấy phép vĩnh trú

Người có nguyện vọng vĩnh trú tại Nhật thì cần xin Giấy phép vĩnh trú tại Cơ quan quản lý lưu trú xuất nhập cảnh địa phương. Nếu được chấp thuận thì cần đóng một khoản phí là 10000 yên (miễn phí khi đăng ký cho trẻ mới sinh). Thẻ lưu trú mới sẽ được cấp.

Khi được cấp phép vĩnh trú thì tư cách lưu trú sẽ là “vĩnh trú nhân” và có thể lưu trú tại Nhật vô thời hạn. Sẽ không cần phải làm các thủ tục như gia hạn thời gian lưu trú hay thay đổi tư cách lưu trú. Để được cấp phép thường trú thì phải đáp ứng một số điều kiện. Vui lòng tham khảo tại “Hướng dẫn về Giấy phép vĩnh trú” để biết thông tin chi tiết. Hơn nữa, lưu ý rằng dù đã được cấp phép vĩnh trú nhưng vẫn cần làm thủ tục gia hạn cho thẻ lưu trú[※]. Bên cạnh đó, cần lưu ý về thời hạn lưu trú hiện tại trong thời gian xin cấp phép vĩnh trú. (Trong thời gian xin cấp phép vĩnh trú, bạn cần nộp đơn xin gia hạn cho tư cách lưu trú hiện tại,...). ※Thông tin về lệ phí vui lòng tham khảo tại mục 2-1 trang V-2.

※Về thời hạn có hiệu lực của thẻ lưu trú, vui lòng tham khảo cách xem thẻ lưu trú ở mục 4-2 trang V-5.

Bộ Tư pháp “Hướng dẫn về Giấy phép vĩnh trú”

URL https://www.moj.go.jp/isa/applications/resources/nyukan_nyukan50.html

Hồ sơ cần thiết

- Đơn đề nghị cấp phép vĩnh trú (Nhận tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương, hoặc tải về từ website của Cơ quan quản lý lưu trú xuất nhập cảnh).
- 1 ảnh (kích cỡ 3cm x 4cm, chỉ chụp người làm đơn, chụp trong vòng 6 tháng, không đội mũ, không có cảnh nền. Người chưa đủ 16 tuổi thì không cần).
- Giấy tờ chứng minh (Giấy tờ chứng minh sẽ khác nhau tùy từng tư cách lưu trú)
- Thẻ lưu trú
- Hộ chiếu hoặc giấy chứng minh tư cách lưu trú.

2-8 Khai báo liên quan đến cơ quan hoạt động, cơ quan hợp đồng, vợ/chồng

Người nước ngoài có tư cách lưu trú với mục đích lao động (trừ một số ngoại lệ), du học sinh, nghiên cứu sinh, khi nơi làm việc, cơ quan mà mình trực thuộc như tổ chức giáo dục thay đổi tên, địa chỉ, công ty bị phá sản, kết thúc hợp đồng lao động thì trong vòng 14 ngày phải nộp đơn đăng ký thay đổi. Ngoài ra, người nước ngoài là người kết hôn theo diện “visa gia đình”, “kết hôn với người Nhật”, “kết hôn với người vĩnh trú” thì khi vợ/chồng mất hay ly hôn, trong vòng 14 ngày phải nộp đơn khai báo.

Khai báo phải do chính bản thân nộp tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương, nhưng cũng có thể gửi qua đường bưu điện tới Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Tokyo. Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ với Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương hoặc Trung tâm thông tin tổng hợp cho người nước ngoài (tham khảo mục 6 trang V-8, V-9).

- ※ Có thể sử dụng “Hệ thống khai báo điện tử của Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú” để khai báo tới Ủy viên Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú.

URL <https://www.ens-immi.moj.go.jp/NA01/NAA01S/NAA01STransfer> (đa ngôn ngữ)

Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc (phồn thể, giản thể), Tagalog, Hàn Quốc, Nhật Bản.

2-9 Hủy bỏ tư cách lưu trú

Trong trường hợp Người nước ngoài có tư cách lưu trú và đang lưu trú nhưng nhận con dấu cho phép nhập cảnh vào Nhật Bản bằng các hình thức giả mạo, hoặc trong trường hợp Người nước ngoài không thực hiện hoạt động đúng theo tư cách lưu trú và vẫn lưu trú trong một thời gian nhất định thì người thuộc đối tượng trong các trường hợp đã nêu trên sẽ bị hủy bỏ tư cách lưu trú.

3 Cư trú bất hợp pháp

Nếu quá thời hạn lưu trú tại Nhật Bản mà không làm đơn đề nghị thay đổi tư cách lưu trú hoặc xin gia hạn thời gian lưu trú thì sẽ bị xem là “Cư trú bất hợp pháp”. Người bị bắt do cư trú bất hợp pháp sẽ được giao cho Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú để xử lý thủ tục trục xuất về nước. Người rời khỏi Nhật Bản do bị trục xuất theo nguyên tắc trong vòng 5 năm (nếu trong quá khứ đã từng bị trục xuất một lần thì 10 năm) sẽ không được phép nhập cảnh vào Nhật Bản. Trường hợp phạm tội và bị kết án với một mức hình phạt nhất định thì sẽ không thể nhập cảnh vào Nhật Bản.

3-1 Chế độ mệnh lệnh xuất cảnh

Chế độ mệnh lệnh xuất cảnh là chế độ cho phép những người cư trú bất hợp pháp được rời khỏi Nhật Bản mà không bị giam giữ khi người này đáp ứng một số điều kiện nhất định thông qua một số thủ tục đơn giản. Đối tượng chịu lệnh xuất cảnh là những người cư trú bất hợp pháp đáp ứng tất cả những điều kiện dưới đây. Khi rời khỏi Nhật Bản theo lệnh xuất cảnh thì thời gian bị cấm nhập cảnh sẽ là 1 năm.

Điều kiện

- Người có ý chí muốn nhanh chóng rời khỏi Nhật Bản trước khi bắt đầu tiến hành điều tra vi phạm và đến trình diện tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương hoặc sau khi tiến hành điều tra vi phạm và trước khi nhận thông báo từ thanh tra nhập cảnh, tự mình bày tỏ rõ ý muốn sớm rời khỏi Nhật Bản với chuyên viên nhập cảnh hoặc nhân viên kiểm soát nhập cảnh.
- Không có bất kỳ lý do bị trục xuất nào khác ngoài lý do lưu trú bất hợp pháp.
- Sau khi nhập cảnh vào Nhật Bản chưa từng bị xử phạt tù giam hoặc tù cải tạo vì một số tội nhất định như trộm cắp.
- Trước đây chưa từng bị trục xuất hoặc bị buộc xuất cảnh theo chế độ mệnh lệnh xuất cảnh.
- Chắc chắn có khả năng nhanh chóng rời khỏi Nhật Bản.

3-2 Giấy phép lưu trú đặc biệt

Người thuộc diện bị trục xuất nếu được Bộ trưởng Bộ Tư pháp chấp nhận là có lý do cần được lưu trú đặc biệt thì có thể nhận được giấy phép lưu trú đặc biệt. Việc có được chấp nhận tiếp tục lưu trú hay không là tùy thuộc vào quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Nếu được cho phép thì sẽ được cấp tư cách lưu trú và có thể tiếp tục sống tại Nhật Bản. Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ với Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương (mục 6 trang V-8, trang V-9).

Tài liệu tham khảo: Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú “**Hướng dẫn về Giấy phép lưu trú đặc biệt**”

URL https://www.moj.go.jp/isa/deportation/resources/08_00035.html

Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc (phồn thể, giản thể), Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Myanma, Mông Cổ, Khmer (Campuchia), Nhật Bản.

4

Các thủ tục liên quan đến Thẻ lưu trú

Các thủ tục phải do chính bản thân người lưu trú trung dài hạn (mục 1 trang V-1) tự thực hiện, tuy nhiên, đối với người dưới 16 tuổi hay người có lý do chính đáng như đau bệnh thì người thân trên 16 tuổi* luôn phải mang theo bên mình và phải xuất trình nếu cảnh sát hoặc nhân viên của Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương công nhận thực hiện thay.

Các loại giấy tờ, mẫu đơn tương ứng với các loại thủ tục có thể lấy tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương hoặc tải trực tiếp từ website của Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú. Về các mẫu đơn, xem thêm tại trang V-2.

Về thủ tục liên quan đến thẻ lưu trú, vui lòng liên hệ Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương hoặc Trung tâm thông tin tổng hợp cho Người nước ngoài (mục 6 trang V-8, V-9).

4-1 Thẻ lưu trú

Người lưu trú trung và dài hạn thuộc đối tượng của Chế độ quản lý lưu trú* sẽ được phát thẻ lưu trú. Thẻ lưu trú là để chứng minh danh tính tại Nhật Bản, người lưu trú trung và dài hạn trên 16 tuổi* luôn phải mang theo bên mình và phải xuất trình nếu cảnh sát hoặc nhân viên của Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương yêu cầu. Các thủ tục liên quan đến thẻ lưu trú được thực hiện tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương, nếu thay đổi địa chỉ sinh sống thì có thể thực hiện ngay tại Văn phòng hành chính xã phường quận hoặc thành phố nơi bạn sinh sống.

※ Về người lưu trú trung và dài hạn tham khảo Chế độ quản lý lưu trú mục 1 trang V-1

4-2 Cách xem thẻ lưu trú

Thẻ lưu trú – mặt trước

Thẻ lưu trú – mặt sau

- ① **Ngày hết thời hạn lưu trú**
Thời hạn lưu trú được quyết định dựa trên kết quả thẩm tra tương ứng với từng tư cách lưu trú. Chi tiết xem tại danh sách các tư cách lưu trú ở trang V-7.
- ② **Thời hạn có hiệu lực của thẻ lưu trú**
Kể cả người nước ngoài có tư cách vĩnh trú thì thẻ lưu trú cũng chỉ có thời hạn hiệu lực nhất định. Tránh nhầm lẫn giữa thời hạn lưu trú và thời hạn có hiệu lực của thẻ lưu trú.
- ③ **Lao động**
Với tư cách lưu trú không được phép lao động thì trên thẻ sẽ ghi 就労不可 (không được phép lao động). Chi tiết xem tại danh sách các tư cách lưu trú ở V-7.
Với người có tư cách lưu trú không được phép lao động như du học sinh thì nếu được phép thực hiện các hoạt động mang lại thu nhập như làm thêm thì ở mục ⑥ Hoạt động ngoài tư cách, sẽ ghi nội dung đó.
- ④ **Ảnh chứng minh**
Người chưa đủ 16 tuổi sẽ không có dán ảnh (mục 4-3 trang V-6).
- ⑤ **Thay đổi địa chỉ**
Nếu thay đổi địa chỉ thì địa chỉ mới sẽ được ghi ở mặt sau (mục 4-5 trang V-6).
- ⑥ **Hoạt động ngoài tư cách**
Nếu được phép thực hiện các hoạt động ngoài tư cách thì nội dung đó sẽ được ghi ở mặt sau của thẻ lưu trú (mục 2-6 trang V-3).
- ⑦ **Thay đổi thời gian lưu trú – Tư cách lưu trú**
Khi đang làm thủ tục xin gia hạn thời gian lưu trú hay thay đổi tư cách lưu trú thì mặt sau của thẻ sẽ được ghi là đang làm thủ tục (mục 2-1, 2-2 trang V-2).

4-3 Đề nghị gia hạn thời gian có hiệu lực của thẻ lưu trú

Người lưu trú trung và dài hạn bao gồm cả vĩnh trú (mục 1 trang V-1) phải làm đơn gia hạn thời gian có hiệu lực cho thẻ lưu trú tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương trước ngày hết thời hạn có hiệu lực. Người có tư cách vĩnh trú hoặc Nhân lực chất lượng cao số 2 có thể làm thủ tục này 2 tháng trước khi thẻ lưu trú hết hiệu lực. Đối với người mà ngày thẻ hết hiệu lực là ngày sinh nhật 16 tuổi thì trước ngày sinh nhật (※) 16 tuổi phải làm thủ tục đổi thẻ lưu trú mới. Với người chưa đủ 16 tuổi thì có thể làm thủ tục thay đổi 6 tháng trước sinh nhật 16 tuổi. Về nguyên tắc, thẻ mới sẽ được cấp ngay tại ngày thực hiện thủ tục. Không mất phí làm thủ tục. Hơn nữa, nếu có nguyện vọng ghi tên mình bằng Hán tự thì bạn cần gửi yêu cầu cùng lúc với ngày xin gia hạn cho thẻ.

(※) Nếu thẻ được cấp sau ngày 1 tháng 11 năm 2023, thời gian có hiệu lực đến ngày trước sinh nhật lần thứ 16 và thời hạn nộp đơn gia hạn sẽ là từ sáu tháng trước ngày trước sinh nhật lần thứ 16 đến ngày trước sinh nhật lần thứ 16 của người đó.

Hồ sơ cần thiết

- Đơn đề nghị gia hạn thời gian có hiệu lực của thẻ lưu trú (Nhận tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương, hoặc tải về từ website của Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú).
- 1 ảnh (kích cỡ 3cm x 4cm, chỉ chụp người làm đơn, chụp trong vòng 6 tháng, không đội mũ, không có cảnh nền. Người chưa đủ 16 tuổi thì không cần, nhưng nếu ngày hết hiệu lực của thẻ lưu trú là ngày sinh nhật 16 tuổi hoặc là ngày trước ngày sinh nhật 16 tuổi thì cần có ảnh).
- Thẻ lưu trú
- Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng minh tư cách lưu trú.
- Giấy đăng ký ghi tên Hán tự trên thẻ lưu trú (chỉ dành cho người có yêu cầu).

4-4 Đề nghị cấp lại thẻ lưu trú

Nếu làm mất hay bị lấy trộm thẻ lưu trú thì cùng với việc trình báo cảnh sát thì trong vòng 14 ngày bạn cần thực hiện thủ tục đề nghị cấp lại thẻ lưu trú tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương. Ngoài ra nếu thẻ bị bẩn hoặc hư hỏng nặng, hay trong trường hợp có yêu cầu ghi tên Hán tự mới lên thẻ cũng phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp lại. Trong trường hợp thất lạc, hư hỏng thì sẽ không tốn phí. Trường hợp vì lý do khác ngoài những lý do trên mà muốn cấp lại thẻ thì mất phí cấp lại là 1600 yên.

Hồ sơ cần thiết

- Đơn đề nghị cấp lại thẻ lưu trú (Nhận tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương, hoặc tải về từ website của Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú).
- 1 ảnh (kích cỡ 3cm x 4cm, chỉ chụp người làm đơn, chụp trong vòng 6 tháng, không đội mũ, không có cảnh nền. Người chưa đủ 16 tuổi thì không cần).
- (Trường hợp mất thẻ lưu trú) Giấy tờ chứng minh việc mất thẻ lưu trú (Giấy khai báo thất lạc, giấy khai báo mất trộm, giấy chứng minh thiệt hại do thiên tai...).
- (Trường hợp không mất thẻ lưu trú) Thẻ lưu trú
- Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng minh tư cách lưu trú.
- (Trường hợp người đã được chấp thuận hoạt động ngoài tư cách lưu trú) Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú.
- (Trường hợp có nhu cầu ghi tên Hán tự mới trên thẻ lưu trú) Giấy tờ chứng minh Hán tự được sử dụng trong tên của người nộp đơn tại Nhật Bản.

4-5 Khai báo nơi ở

Người nhập cảnh vào Nhật Bản và trở thành người lưu trú trung và dài hạn (mục 1 trang V-1), sau khi xác định được nơi ở hoặc khi chuyển chỗ ở phải làm thủ tục khai báo nơi ở tại văn phòng hành chính xã phường quận thành phố nơi sinh sống trong vòng 14 ngày. Người lưu trú trung và dài hạn cũng giống như người Nhật Bản, cần phải đến văn phòng hành chính xã phường quận thành phố để thực hiện thủ tục khai báo chuyển đến, chuyển đi được quy định trong Hệ thống đăng ký thường trú cơ bản (mục 1 trang V-10). Văn phòng hành chính xã phường quận thành phố sau đó sẽ thực hiện thủ tục thông báo với Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương.

4-6 Khai báo thay đổi các mục khác ngoài nơi ở trên thẻ lưu trú

Nếu phát sinh những thay đổi như họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, quốc tịch thì trong vòng 14 ngày phải làm thủ tục khai báo tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương. Về nguyên tắc, thẻ mới sẽ được cấp ngay trong ngày.

Giấy tờ cần thiết

- Đơn thay đổi nội dung trên thẻ lưu trú (Nhận tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương, hoặc tải về từ website của Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú)
- 1 ảnh (kích cỡ 3cmx4cm, chỉ chụp người làm đơn, chụp trong vòng 6 tháng, không đội mũ, không có cảnh nền. Người chưa đủ 16 tuổi thì không cần)
- Giấy chứng minh phát sinh việc thay đổi nội dung trong thẻ (như hộ chiếu có ghi nội dung sau khi thay đổi, giấy chứng nhận kết hôn...)
- Thẻ lưu trú
- Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng minh tư cách lưu trú

4-7 Trả lại thẻ lưu trú

Khi thẻ lưu trú mất hiệu lực (ví dụ như khi hết tư cách là người lưu trú trung và dài hạn (mục 1 trang V-1), xuất cảnh sau khi đã làm thủ tục xin tái nhập cảnh nhưng trong thời hạn được phép tái nhập cảnh không quay lại), thì trong vòng 14 ngày phải trả lại thẻ lưu trú cho Trưởng cơ quan quản lý lưu trú xuất nhập cảnh. Có thể trực tiếp mang tới nộp cho Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương hoặc gửi về địa chỉ dưới đây.

Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh Tokyo, văn phòng Odaiba

135-0064 Tokyo-to, Koto-ku, Aomi 2-7-11 Tokyo Kowan Godo Chosha, 9F

※Vui lòng ghi “在留カード返納” (Trả lại thẻ lưu trú) lên mặt trước của phong bì thư.

Có 29 loại tư cách lưu trú. Bạn không được phép thực hiện các hoạt động khác với hoạt động được chấp nhận ứng với tư cách lưu trú được cấp. Ngoài ra, trong trường hợp lưu trú vượt quá thời hạn lưu trú thì phải làm đơn xin phép gia hạn thời gian lưu trú.

(Thời điểm tháng 10/2024) Giới hạn công việc: ○ không / △ được phép làm một số công việc / × không được phép đi làm

Tư cách lưu trú	Thời hạn lưu trú	Ví dụ nghề nghiệp tiêu biểu	
Ngoại giao	Trong thời hạn thực hiện hoạt động ngoại giao	Viên chức ngoại giao	△
Công vụ	5 năm/3 năm/1 năm/3 tháng/30 ngày/15 ngày	Nhân viên tổ chức quốc tế	△
Giảng viên	5 năm/3 năm/1 năm/3 tháng	Giảng viên đại học	△
Nghệ sĩ	5 năm/3 năm/1 năm/3 tháng	Nhạc sỹ, nghệ sỹ	△
Hoạt động tôn giáo	5 năm/3 năm/1 năm/3 tháng	Người hoạt động tôn giáo	△
Báo chí	5 năm/3 năm/1 năm/3 tháng	Phóng viên thường trú nước ngoài	△
Nhân lực chất lượng cao	5 năm/vô thời hạn	Nhà nghiên cứu, kỹ sư, người kinh doanh của cơ quan do Bộ trưởng Bộ tư pháp chỉ định	△
Kinh doanh, quản lý	5 năm/3 năm/1 năm/6 tháng/4 tháng/3 tháng	Doanh nhân, người quản lý của doanh nghiệp	△
Pháp luật, kế toán	5 năm/3 năm/1 năm/3 tháng	Luật sư	△
Y tế	5 năm/3 năm/1 năm/3 tháng	Bác sỹ, y tá	△
Nghiên cứu	5 năm/3 năm/1 năm/3 tháng	Nghiên cứu viên của cơ quan nhà nước hoặc công ty tư nhân	△
Giáo dục	5 năm/3 năm/1 năm/3 tháng	Giáo viên ngoại ngữ của trường THCS, THPT	△
Kỹ thuật/Nhân văn/Quốc tế	5 năm/3 năm/1 năm/3 tháng	Kỹ sư, phiên dịch, thiết kế	△
Chuyển công tác trong nội bộ doanh nghiệp	5 năm/3 năm/1 năm/3 tháng	Người chuyển công tác đến từ văn phòng chi nhánh ở nước ngoài	△
Hộ lý	5 năm/3 năm/1 năm/3 tháng	Hộ lý	△
Giải trí	3 năm/1 năm/6 tháng/3 tháng/30 ngày	Vũ công, vận động viên chuyên nghiệp	△
Kỹ năng	5 năm/3 năm/1 năm/3 tháng	Đầu bếp nấu món ăn nước ngoài	△
Kỹ năng đặc định	Trong phạm vi không vượt quá 1 năm và thời hạn do Bộ Trưởng Bộ Tư pháp chỉ định cho từng người/3 năm/1 năm/6 tháng/4 tháng	Hộ lý, xây dựng, đóng thuyền, nhà ở, nông nghiệp, ngư nghiệp, chế biến thực phẩm, nhà hàng, sản xuất ô tô	△
Thực tập kỹ năng	Trong thời hạn do Bộ trưởng Bộ tư pháp quyết định cho từng người và trong phạm vi không quá 1 hoặc 2 năm	Thực tập sinh kỹ năng	△
Hoạt động văn hóa	3 năm/1 năm/6 tháng/3 tháng	Người nghiên cứu văn hóa Nhật Bản	×
Lưu trú ngắn hạn	Tính theo đơn vị ngày, tối đa 90 ngày/30 ngày/15 ngày	Khách du lịch	×
Du học	Trong thời hạn do Bộ Trưởng Bộ Tư pháp chỉ định cho từng người và trong phạm vi không quá 4 năm 3 tháng	Sinh viên, học sinh cấp 1/ cấp 2/ cấp 3, học sinh trường tiếng Nhật	×※1
Nghiên cứu sinh	1 năm/6 tháng/3 tháng	Nghiên cứu sinh	×
Đi theo gia đình	Trong thời hạn do Bộ Trưởng Bộ Tư pháp chỉ định cho từng người và trong phạm vi không quá 5 năm	Người hôn phối, con của người lưu trú nước ngoài	×※1
Hoạt động đặc định	5 năm/3 năm/1 năm/6 tháng/3 tháng/thời hạn do Bộ trưởng Bộ tư pháp quy định (nhưng không quá 5 năm)	Working holiday (vừa làm vừa trải nghiệm văn hóa), y tá, hộ lý dự bị theo Hiệp định Hợp tác Kinh tế	△ hoặc ×※1
Vĩnh trú	Vô thời hạn	Người được phép cư trú vĩnh viễn	○
Người hôn phối với người Nhật	5 năm/3 năm/1 năm/6 tháng	Người hôn phối, con, con nuôi đặc biệt (riêng) của người Nhật	○
Người hôn phối với người vĩnh trú	5 năm/3 năm/1 năm/6 tháng	Người hôn phối, con của người vĩnh trú	○
Định trú	5 năm/3 năm/1 năm/6 tháng/thời hạn do Bộ trưởng Bộ tư pháp chỉ định (nhưng không quá 5 năm)	Đời thứ 3 của người gốc Nhật, người hôn phối với người định trú, con nuôi dưới 6 tuổi của người Nhật	○

※ Nếu có “Giấy phép hoạt động ngoài tư cách” thì được phép làm các công việc bán thời gian tối đa 28 tiếng một tuần, ngoại trừ các công việc trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ giải trí dành cho người lớn.

4-9 Giấy chỉ định (Shiteisho)

Đối với người có tư cách lưu trú như Hoạt động đặc định, Kỹ năng đặc định, Nhân lực chất lượng cao, Giấy chỉ định sẽ được phát cùng lúc với thẻ lưu trú. Giấy chỉ định sẽ được dán vào hộ chiếu, và sẽ ghi rõ người đó có thể đi làm được hay không. Trường hợp trên Giấy chỉ định đã ghi rõ không được làm việc nhưng vẫn thực hiện công việc thì bị coi là phạm pháp, sẽ bị phạt tiền hoặc phạt tù, vì vậy vui lòng chú ý kỹ.



5 Đề nghị công nhận người tị nạn

Đề nghị công nhận người tị nạn là chế độ cho phép người chạy nạn từ nước sở tại đến Nhật tìm kiếm sự bảo hộ tại Nhật Bản. Thủ tục đăng ký có thể thực hiện tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương, văn phòng chi nhánh có thẩm quyền quản lý ở nơi bạn sinh sống. Người nước ngoài được Bộ trưởng Tư pháp công nhận là người tị nạn sẽ được cấp Giấy chứng nhận tị nạn và nếu đáp ứng được một số yêu cầu nhất định, họ sẽ được cấp tư cách định trú 「定住者」.

6 Thông tin liên hệ liên quan đến các thủ tục

Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Nagoya

Địa chỉ 455-8601 Nagoya-shi, Minato-ku, Shoho-cho 5-18

Cách đi 2 phút đi bộ từ ga “Kouhoku” trên tuyến Aonami

Điện thoại 0570-052259 (Đại diện)

052-217-8944 (Liên hệ từ điện thoại IP hoặc từ nước ngoài)

※ Vui lòng gọi đến số 0570-052259 và bấm chọn số tương ứng dưới đây nếu đã xác định được bộ phận cần liên hệ

Tên bộ phận	Công việc phụ trách	Mã số của từng bộ phận
Bộ phận tổng vụ	Công tác tổng vụ, nhân sự, truyền thông, yêu cầu công khai các văn bản hành chính	010#
Bộ phận kế toán	Các công tác liên quan đến kế toán và tiền bảo lãnh	020#
Phòng kế hoạch và quản lý	Phụ trách cường chế trực xuất	101#
Bộ phận điều tra I	Phụ trách cường chế trực xuất (công khai hành vi phạm tội)	102#
Bộ phận điều tra II	Phụ trách cường chế trực xuất (điều tra)	103#
Bộ phận xử lý	Phụ trách cường chế trực xuất (xử lý)	104#
Bộ phận thi hành	Phụ trách cường chế trực xuất (trực xuất về nước)	105#
Bộ phận thẩm tra và quản lý	Phụ trách quản lý quầy thông tin, bến cảng, thẻ lưu trú	110#
Bộ phận hỗ trợ lưu trú	Phụ trách tư vấn các thủ tục lưu trú, hỗ trợ lưu trú	140#
Phòng thẩm định tư cách lao động I	Xét duyệt tư cách lưu trú (Lao động)	210#
Phòng thẩm định tư cách lao động II	Xét duyệt tư cách lưu trú (Kỹ năng đặc định)	310#
Phòng thẩm định cách tư cách nghiên cứu sinh/ lưu trú ngắn hạn	Xét duyệt tư cách lưu trú (Nghiên cứu sinh/ Thực tập sinh kỹ năng/ Hoạt động văn hóa/ Lưu trú ngắn hạn)	410#
Phòng thẩm định tư cách du học	Xét duyệt tư cách lưu trú (du học)	420#
Phòng thẩm định tư cách vĩnh trú	Xét duyệt tư cách lưu trú (vĩnh trú, toàn thể tư cách lưu trú liên quan đến danh tính)	610#
Phòng điều tra tị nạn	Phụ trách thẩm định công nhận người tị nạn	710#
Phòng thẩm định tị nạn	Phụ trách các nghiệp vụ liên quan đến yêu cầu thẩm định công nhận tị nạn	820#
Phòng thẩm định	Xét duyệt vi phạm pháp luật nói chung	810#
Phòng điều tra thực tế		910#

Thời gian Thứ 2 – thứ 6 9:00～16:00 (không làm việc vào ngày lễ và ngày nghỉ cuối năm)

Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Nagoya Văn phòng chi nhánh cảng Toyohashi

Địa chỉ 441-8075 Toyohashi-shi Jinnofutou-chou 3-11
Tòa nhà chính phủ cảng Toyohashi

Cách đi Từ cửa Tây ga Toyohashi tuyến Meitetsu/JR lên tuyến xe buýt Toyotetsu bus Jinnofutou (hướng Nishifutoukita) xuống tại trạm xe buýt Tòa nhà chính phủ cảng

Số điện thoại 0532-32-6567

Thời gian tiếp nhận từ thứ 2 đến thứ 6 9:00~16:00 (không làm việc vào ngày lễ và ngày nghỉ cuối năm)

Trung tâm thông tin tổng hợp dành cho người nước ngoài

Quầy tư vấn Bên trong Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Nagoya (không có ở văn phòng chi nhánh cảng Toyohashi)
Thứ 2 đến thứ 6 8:30~16:00 (không làm việc vào ngày lễ và ngày nghỉ cuối năm)
(Tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Tagalog, Nhật Bản)

Điện thoại tư vấn 0570-013904 (Số điện thoại chung cho toàn quốc)
(đối với PHS, điện thoại IP, điện thoại từ nước ngoài gọi đến số 03-5796-7112)
Thứ 2 đến thứ 6 8:30~17:15
(Tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Myanmar, Pháp, Khmer (Campuchia), Mông Cổ, Srilanka, Urdu, Nhật Bản)

Quầy tư vấn hỗ trợ lưu trú FRAT (Foreign Residents Assistance Team)

Quầy tư vấn Bên trong Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Nagoya (không có ở văn phòng chi nhánh cảng Toyohashi)

Thời gian tư vấn (cần đặt hẹn) Thứ 2 đến thứ 6 8:30~12:00、13:00~16:00
(không làm việc vào ngày lễ và ngày nghỉ cuối năm)
(Tại thời điểm ngày 31 tháng 10 năm 2024, chỉ hỗ trợ tiếng Nhật khi đặt hẹn)

Cách đặt hẹn Vui lòng gọi đến số điện thoại 0570-052259 (140 #) và cung cấp 9 thông tin sau:
① Ngày giờ đặt hẹn ② Họ tên ③ Thông tin liên lạc ④ Quốc tịch ⑤ Tư cách lưu trú ⑥ Thời hạn lưu trú
⑦ Số thẻ lưu trú ⑧ Bạn có cần thông dịch không? (ngôn ngữ cần thông dịch) cần
⑨ Nội dung cần được tư vấn
※ Nếu không muốn, bạn có thể không cần nói.

Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh Nagoya



Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh Nagoya
Chi nhánh Toyohashi-ko



Thời gian tiếp nhận tại quầy dịch vụ : thứ 2 đến thứ 6 9:00~16:00
(không làm việc vào ngày lễ và ngày nghỉ cuối năm)

Vì không gian bãi đậu xe bị giới hạn, vui lòng sử dụng phương tiện giao thông công cộng



Chương 2

Các thủ tục khác

1 Chế độ đăng ký thường trú cơ bản

Chế độ đăng ký thường trú cơ bản được áp dụng cho Người nước ngoài cũng như người Nhật. Tại mỗi thành phố, phường, thị trấn bạn sẽ được cấp giấy cư trú cho từng hộ gia đình, nhập số đăng ký thường trú để nắm bắt một cách chính xác tình trạng cư trú của người dân nhằm mang lại một cuộc sống thuận tiện cho người cư trú. Số đăng ký thường trú cơ bản sẽ được sử dụng cho việc xử lý các giấy tờ hành chính liên quan đến bảo hiểm sức khỏe quốc dân, lương hưu, thuế cư trú, trợ cấp cho trẻ em,...

Người nước ngoài thuộc đối tượng của Chế độ đăng ký thường trú cơ bản

- Người lưu trú trung và dài hạn (người được cấp thẻ lưu trú)
- Người vĩnh trú đặc biệt
- Người có giấy phép nạm thời hoặc giấy phép lưu trú tạm thời
- Người có thể tiếp tục tạm thời ở lại sau khi sinh hoặc mất quốc tịch

Bộ Nội vụ Hối đáp liên quan đến “Chế độ đăng ký thường trú cơ bản đối với Người nước ngoài”

URL https://www.soumu.go.jp/main_sosiki/jichi_gyousei/c-gyousei/zairyu/index.html
Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc (giản thể, phồn thể), Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản.

Dịch vụ Thông dịch đa ngôn ngữ

Thời gian tiếp nhận 8:30~17:30
Điện thoại 050-1720-0849 (Điện thoại IP, PHS) 03-6436-3605
Ngôn ngữ sử dụng Nhật Bản, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc.

※Thông tin về dịch vụ thông dịch đa ngôn ngữ là thông tin tại thời điểm tháng 10 năm 2024. Thông tin mới nhất vui lòng tham khảo tại trang web.

1-1 Bản sao Giấy xác nhận cư trú

Trên Giấy xác nhận cư trú của Người nước ngoài cũng như người Nhật, ngoài các thông tin cơ bản như họ tên, ngày sinh, giới tính, địa chỉ, mã số cá nhân (my number) (mục 2 trang V-10), còn có những thông tin liên quan đến người tham gia bảo hiểm như việc tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân, hưu trí. Đối với Giấy xác nhận cư trú của Người nước ngoài thì còn có thêm thông tin về quốc tịch, tư cách lưu trú, thời hạn lưu trú,...

Khi cần chứng minh các thông tin ghi trên Giấy xác nhận cư trú thì có thể đến văn phòng hành chính địa phương nơi sống để xin bản sao giấy cư trú. Có lệ phí.

1-2 Thủ tục liên quan đến Chế độ đăng ký thường trú cơ bản

Khi có sự thay đổi về tình trạng cư trú, bạn phải thực hiện thủ tục khai báo. Hãy thực hiện một cách chính xác để đảm bảo có thể nhận được đầy đủ các dịch vụ hành chính tại địa phương khu vực bạn đang sinh sống. Việc khai báo cũng có thể được thực hiện thông qua người đại diện theo giấy ủy quyền

A Khi chuyển chỗ ở

Khi chuyển chỗ ở từ nơi ở hiện tại tới một địa phương khác hoặc ra nước ngoài thì trước khi chuyển đi hoặc trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển đi phải đến văn phòng hành chính của nơi ở cũ làm thủ tục thông báo chuyển địa chỉ. Khi đó bạn sẽ được cấp giấy chứng nhận chuyển đi. Trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển chỗ ở bạn phải mang giấy đó tới văn phòng hành chính của nơi ở mới để làm giấy thông báo chuyển đến.

Nếu chỗ ở mới cùng một khu vực hành chính với nơi ở cũ thì trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển chỗ ở bạn cũng phải đến văn phòng hành chính làm thủ tục thay đổi địa chỉ.

B Khi thay đổi chủ hộ

Nếu chủ hộ có sự thay đổi thì trong vòng 14 ngày phải tới văn phòng hành chính tại địa phương để làm giấy thông báo.

2 My number (Hệ thống an sinh xã hội/ mã số thuế)

Hệ thống My number là hệ thống sử dụng những mã số gồm 12 số gắn cho tất cả những ai có giấy xác nhận cư trú tại Nhật, là nền tảng xã hội nhằm nâng cao hiệu quả cho các thủ tục hành chính, thuận tiện cho người dân, thực hiện một xã hội công bằng bình đẳng trong các lĩnh vực như bảo hiểm xã hội, thuế, phòng chống thiên tai,

My number (mã số cá nhân) sẽ được ghi trên “Giấy thông báo mã số cá nhân” hoặc “Thẻ thông báo” và được gửi bưu điện từ văn phòng hành chính tại địa phương nơi bạn có giấy cư trú. “Giấy thông báo mã số cá nhân” và “Thẻ thông báo” không có thời hạn sử dụng nên hãy cất giữ cẩn thận. Người làm đơn sẽ được cấp “Thẻ My number” và có thể sử dụng thẻ này như giấy tờ chứng minh danh tính. Ngoài ra, kể từ ngày 2 tháng 12 năm 2024, thẻ bảo hiểm y tế sẽ bị hủy bỏ và “Thẻ My Number” sẽ được sử dụng làm “Thẻ bảo hiểm y tế My Number” (trang V-33, V-34) (Tuy nhiên, cần làm riêng thủ tục liên kết cho 2 thẻ). Trong tương lai, thẻ này sẽ được tích hợp với giấy phép lái xe và thẻ lưu trú.

Bên cạnh đó, trong trường hợp thời gian lưu trú được gia hạn, bạn cũng sẽ cần thay đổi thông tin được ghi trên Thẻ My Number. Nếu trong thời gian cho đến ngày thẻ My Number hết hạn mà không làm thủ tục gia hạn tại văn phòng hành chính địa phương thì thẻ sẽ bị vô hiệu lực, vì vậy vui lòng chú ý để làm thủ tục gia hạn. Thông tin chi tiết vui lòng hỏi văn phòng hành chính tại nơi ở hoặc liên hệ với địa chỉ dưới đây.

Cơ quan công nghệ kỹ thuật số “My Number Hệ thống an sinh xã hội/ mã số thuế”

URL <https://www.digital.go.jp/policies/mynumber/>

Tổng đài miễn phí thông tin tổng hợp My Number

Thông tin về “Hệ thống My Number, thẻ My Number, Thẻ thông báo mã số cá nhân, thẻ thông báo” 0120-95-0178

Thời gian tiếp nhận Ngày trong tuần 9:30~20:00, Ngày cuối tuần, ngày lễ 9:30~17:30

Tổng đài thông tin về thẻ mã số cá nhân (Tổng đài thông tin dùng chung toàn quốc) 0570-783-578

Tất cả các ngày 8:30~20:00 (trừ các ngày cuối năm và đầu năm)

※ Trong trường hợp không thể kết nối với bất kỳ số điện thoại nào được nêu ở trên bằng một số loại điện thoại IP (có tính phí), vui lòng gọi số 050-3818-1250

Ngôn ngữ hỗ trợ

Thông tin về “Thẻ thông báo mã số cá nhân, thẻ thông báo, thẻ My Number, tạm ngừng sử dụng thẻ do bị mất hoặc bị trộm” 0120-0178-27 • 0570-064-738	
Tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc	Cả ngày 8:30~20:00 ※Tiếp nhận 24h đối với trường hợp tạm ngừng sử dụng thẻ
Tiếng Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan	Cả ngày 9:00~18:00
Thông tin về “Hệ thống My Number, Myna-portal” 0120-0178-26	
Tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung, Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc	Ngày trong tuần 9:30~20:00 Các ngày cuối tuần, ngày lễ 9:30~17:30 (không làm việc vào ngày nghỉ cuối năm)

3

Yêu cầu cung cấp thông tin trên giấy đăng ký Người nước ngoài hoặc lịch sử xuất nhập cảnh

Ngày 9 tháng 7 năm 2012, hệ thống đăng ký Người nước ngoài đã được hủy bỏ, do đó giấy đăng ký Người nước ngoài được lưu giữ tại các địa phương đã được chuyển về Bộ Tư pháp trong cùng ngày trở đi và hiện tại đang được lưu lại tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú. Do đó, trong trường hợp cần xác minh những thông tin như nơi ở trước ngày nói trên (chỉ những thông tin được ghi trên giấy đăng ký người nước ngoài) thì bạn (hoặc người đại diện hợp pháp của bạn) có thể gửi yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân đến Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú. Ngoài ra bạn cũng có thể yêu cầu cung cấp thông tin về lịch sử xuất nhập cảnh. Chi tiết xem trên website của Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú hoặc liên hệ địa chỉ dưới đây.

Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Phòng tổng vụ Bộ phận cung cấp thông tin xuất nhập cảnh

Địa chỉ 160-0004 Tokyo-to, Shinjuku-ku, Yotsuya, 1-6-1, Yotsuya Tower 13F

Điện thoại 03-5363-3005 (trực tiếp)

Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú “Về yêu cầu cung cấp thông tin trên giấy đăng ký người nước ngoài”

URL <https://www.moj.go.jp/isa/publications/privacy/foreigner.html>

Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú “Về yêu cầu cung cấp thông tin xuất nhập cảnh”

URL <https://www.moj.go.jp/isa/publications/privacy/record.html>

4

Chứng nhận tại Bộ Ngoại vụ

Trong một số trường hợp, để thực hiện các thủ tục ở nước ngoài (như kết hôn, sinh con, xin thị thực, thành lập công ty, mua bất động sản...), bạn cần nộp các văn bản công do cơ quan hành chính hoặc chính quyền địa phương của Nhật Bản cấp. Nếu quốc gia tiếp nhận yêu cầu xác nhận lãnh sự từ đại sứ quán hoặc lãnh sự quán của họ đối với các văn bản này, thì trước tiên bạn phải thực hiện thủ tục xác nhận con dấu công tại Bộ Ngoại giao Nhật Bản. Sau khi Bộ Ngoại giao xác nhận con dấu công trên văn bản, bạn mới có thể xin xác nhận lãnh sự tại đại sứ quán hoặc lãnh sự quán của nước đó. Tuy nhiên, nếu bạn nộp văn bản công đến các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đã tham gia Công ước La Hay (ví dụ: Mỹ, Peru, Đức...), và nếu họ chấp nhận chứng nhận Apostille của Bộ Ngoại giao Nhật Bản (chứng nhận bằng tem dán), thì bạn không cần phải xin xác nhận lãnh sự nữa. Việc chứng nhận của Bộ Ngoại giao được thực hiện qua đường bưu điện. Vui lòng liên hệ theo thông tin bên dưới để biết chi tiết.

Chứng nhận (Chứng nhận con dấu/ Apostille)

FRESC (Trung tâm hỗ trợ lưu trú cho người nước ngoài) Bộ Nội vụ - Ngoại vụ thị thực và thông tin

Điện thoại 0570-011000 (tổng đài hướng dẫn: vui lòng bấm phím 2 sau khi chọn phím 1 theo hướng dẫn)

Số điện thoại từ điện thoại IP 03-5369-6577

Thời gian tiếp nhận Thứ 2 đến thứ 6 9:00~17:00 (trừ các ngày lễ)

Bộ Ngoại vụ [Công chứng (con dấu công chứng/ thủ tục công chứng công văn) • Công chứng tại Cơ quan chính phủ ở nước ngoài]

URL <https://www.mofa.go.jp/mofaj/toko/todoke/shomei/index.html>

Văn phòng chính Địa chỉ 100-8919 Tokyo-to, Chiyoda-ku, Kasumigaseki, 2-2-1
Phòng chứng nhận, Trung tâm dịch vụ lãnh sự, Cục lãnh sự

Văn phòng Osaka Địa chỉ 540-0008 Osaka-fu, Osaka-shi, Chuo-ku, Otemae, 4-1-76
Osaka Godochosha 4 gokan 4F

5 Nhập quốc tịch

Nhập quốc tịch nghĩa là lấy quốc tịch Nhật Bản. Người nước ngoài cần phải làm đơn xin nhập tịch để lấy quốc tịch Nhật Bản. Khi lấy quốc tịch Nhật Bản, bạn sẽ được hưởng những quyền như quyền bầu cử. Tuy nhiên, vì Nhật Bản không chấp nhận một người có hai quốc tịch nên bạn sẽ mất quốc tịch gốc của mình khi nhập quốc tịch Nhật Bản. Việc nhập quốc tịch cần phải có sự cho phép của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, không thể tự động đổi sang quốc tịch Nhật Bản bằng việc kết hôn hoặc trở thành con nuôi của người Nhật. Đăng ký đổi quốc tịch được tiến hành tại Cục Tư pháp có thẩm quyền quản lý nơi bạn đang sinh sống hoặc các văn phòng chi cục. Khi việc đổi quốc tịch đã được chấp nhận thì sẽ không cần tư cách lưu trú mà sẽ được làm hộ tịch như người Nhật. Chi tiết hãy hỏi thêm Cục Tư pháp hoặc chi cục phụ trách vấn đề quốc tịch gần nhất.

Thông tin liên hệ

Bộ phận phụ trách quốc tịch Phòng hành chính dân sự Cục Pháp lý Nagoya

Địa chỉ 460-8513 Nagoya-shi, Naka-ku, Sannomaru 2-2-1

Điện thoại 052-952-8073

Thời gian tiếp nhận Thứ 2 đến thứ 6 (trừ ngày cuối tuần, ngày lễ và 29/12 - 3/1) 9:00~17:00 (cần đặt hẹn)

※ Trong trường hợp cần được tư vấn, cần phải đặt lịch hẹn (có thể đặt hẹn qua điện thoại)

6 Tử vong

6-1 Những thủ tục cần thực hiện khi tử vong

Trong vòng 07 ngày kể từ ngày biết được thông tin về cái chết, người thân của người đã mất phải mang theo giấy chứng tử của bác sỹ tới văn phòng hành chính địa phương để khai báo. Thẻ My Number của người đã mất sẽ tự động bị hủy bỏ, vì vậy người thân trong gia đình không có nghĩa vụ trả lại thẻ. Nếu người đã mất là Người nước ngoài thì trong vòng 14 ngày kể từ ngày tử vong, người thân cần phải mang thẻ lưu trú hoặc giấy chứng nhận vĩnh trú đặc biệt của người đã mất tới nộp lại cho Cục Quản lý lưu trú xuất nhập cảnh địa phương. Có thể gửi qua đường bưu điện.

Địa chỉ gửi trong trường hợp gửi qua bưu điện:

135-0064 Tokyo-to, Koto-ku, Aomi 2-7-11 Tokyo Kowan Goudouchosha 9F

Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Tokyo – văn phòng Odaiba

※ Vui lòng ghi rõ “Trả lại thẻ lưu trú” trên phong bì. (mục 4-7 trang V-6)

Đồng thời cũng phải thông báo với đại sứ quán hoặc lãnh sự quán mà người đã mất có quốc tịch tại Nhật Bản.

Ngoài ra, Người nước ngoài là người hôn phối đang có tư cách lưu trú “lưu trú theo gia đình”, “người hôn phối với người Nhật”, “người hôn phối với người vĩnh trú”, thì khi vợ hoặc chồng mất, trong vòng 14 ngày phải đến Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương để khai báo (mục 2-8 trang V-4). Tư cách lưu trú của người vợ hoặc chồng còn sống sẽ không bị mất hiệu lực ngay tại thời điểm khai báo, tuy nhiên nếu quá một khoảng thời gian nhất định (với người có tư cách “người hôn phối với người Nhật” và “người hôn phối với người vĩnh trú” là 6 tháng, với tư cách “lưu trú theo gia đình” và “hoạt động đặc định” là 3 tháng) mà không thực hiện các hoạt động theo đúng tư cách lưu trú như là người hôn phối và vẫn lưu trú tại Nhật thì người đó sẽ trở thành đối tượng bị hủy bỏ tư cách lưu trú. Nếu có nguyện vọng tiếp tục lưu trú thì cần phải làm thủ tục thay đổi tư cách lưu trú tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú địa phương (mục 2-1 trang V-2).

6-2 Xử lý thi thể

Nếu hỏa táng, mai táng tại Nhật Bản thì cần phải có Giấy phép hỏa táng (mai táng). Sau khi giấy báo tử được thụ lý thì có thể làm đơn xin tại văn phòng hành chính địa phương. Theo đó, việc chôn cất thi thể người đã mất (bao gồm thi thể của thai nhi) tại bờ sông, công viên, đất tư hữu mà không có giấy phép đều bị cấm.

Có thể đưa di thể người mất về nước nhưng sẽ tốn rất nhiều chi phí. Phải tiến hành xử lý chống thối rữa, các thủ tục di chuyển và thông quan theo quy định của nước tiếp nhận. Chi tiết vui lòng liên hệ với đại sứ quán hoặc lãnh sự quán.

7 Con dấu

Ở Nhật Bản, con dấu được sử dụng thay cho chữ ký. Con dấu thường gồm có con dấu xác nhận (mitome-in) thường được dùng với các sự vụ hàng ngày, dấu ngân hàng (ginko-in) được dùng khi mở tài khoản ngân hàng, và dấu xác thực (jitsu-in) được dùng cho các tài liệu, giấy tờ quan trọng, hợp đồng mua bán bất động sản,... Trong các năm gần đây, có một vài nơi đã tiến hành xem xét lại việc đóng con dấu, vì vậy sẽ có một số trường hợp không cần đóng dấu đối với một số thủ tục đơn giản.

7-1 Đăng ký con dấu

Dấu xác thực (jitsu-in) là một con dấu rất quan trọng được sử dụng trong một số trường hợp để thay cho chữ ký khi làm thủ tục đăng ký ô tô, đăng ký bất động sản, vay mượn tiền bạc. Với con dấu được sử dụng như con dấu xác nhận thì cần phải đăng ký tại văn phòng hành chính địa phương. Đăng ký con dấu chỉ có thể được thực hiện với người đã có đăng ký cư trú đủ 15 tuổi trở lên. Nếu kích cỡ con dấu không thỏa mãn một số điều kiện nhất định, hoặc dấu đóng khác với tên, tên thường gọi trên giấy cư trú thì không thể đăng ký được. Sau khi làm xong thủ tục đăng ký con dấu, Chứng nhận đăng ký con dấu (số hoặc thẻ) sẽ được cấp. Dấu xác thực và Chứng nhận đăng ký con dấu đều là những vật quan trọng nên hãy bảo quản cẩn thận. Nếu làm mất Chứng nhận đăng ký thì phải làm đơn thông báo mất, đồng thời phải làm thủ tục đăng ký lại.

Khi sử dụng con dấu xác thực thì giấy chứng nhận đăng ký chính là giấy tờ để chứng minh con dấu là thật. Giấy chứng nhận đăng ký sẽ được cấp nếu chủ con dấu hoặc người đại diện trình Chứng nhận đăng ký cho văn phòng hành chính và làm đơn xin cấp. Hơn nữa, tùy theo địa phương mà có nơi sẽ nhận được giấy chứng minh ở cửa hàng tiện lợi bằng việc sử dụng thẻ My Number.



Chương 3 Lao động

1 Công việc và tư cách lưu trú

Người nước ngoài khi có ý định làm việc ở Nhật Bản thì cần xác nhận xem nội dung công việc với tư cách lưu trú được cấp thì có thể thực hiện các hoạt động dự định sẽ làm trong công việc đó hay không (trang V-7). Loại tư cách lưu trú mà có thể làm bất kỳ loại công việc (nội dung công việc) nào gồm có “Người hôn phối với người Nhật”, “Định trú nhân”, “Vĩnh trú”, “Người hôn phối với người vĩnh trú”. Trong trường hợp làm công việc ngoài phạm vi hoạt động được chấp nhận của tư cách lưu trú thì cần xin “Giấy phép hoạt động ngoài tư cách”. Nếu làm việc bất hợp pháp thì sẽ bị xử phạt hình sự, xóa bỏ tư cách lưu trú (mục 2-9 trang V-4) và cưỡng chế trục xuất. Ngoài ra, người tuyển dụng lao động bất hợp pháp và người liên đới đến việc tuyển dụng đó sẽ bị phạt tù cải tạo đến 03 năm hoặc phạt tiền đến 3 triệu yên vì tội dung túng xúi giục lao động bất hợp pháp. Ngoài ra, không chỉ bị xử phạt dưới hai hình thức trên, nếu trường hợp người liên đới tới tuyển dụng lao động bất hợp pháp là người nước ngoài thì người đó sẽ trở thành đối tượng bị cưỡng chế trục xuất.

2 Quy tắc lao động

2-1 Hợp đồng lao động

Người sử dụng lao động phải thông báo rõ ràng bằng văn bản cho người lao động về các điều kiện lao động như tiền lương, thời gian làm việc,... Hơn nữa, chỉ trong trường hợp người lao động yêu cầu thì việc làm rõ có thể được công nhận bằng việc gửi mail hoặc fax. Nhiều rắc rối có thể xảy ra vì tiền lương chỉ được thỏa thuận miệng mà không có bằng chứng. Khi bắt đầu công việc, việc thỏa thuận và quyết định các điều kiện lao động chi tiết, cụ thể trong khả năng có thể trong hợp đồng là rất quan trọng.

Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Cục lao động tỉnh Văn phòng giám sát tiêu chuẩn lao động
“Thông báo mẫu về Điều kiện lao động cho Người lao động nước ngoài”

URL https://jsite.mhlw.go.jp/aichi-roudoukyoku/pamphlet_form/roudu_00185.html
Ngôn ngữ hỗ trợ Tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippine/Tagalog, Việt Nam, Indonesia, Hàn Quốc

Điều kiện lao động phải quy định trong văn bản (các mục bắt buộc căn cứ theo Luật Tiêu chuẩn lao động)

- Thời hạn của hợp đồng lao động.
- Điều kiện gia hạn hợp đồng lao động (tổng thời hạn hợp đồng của hợp đồng lao động có thời hạn hoặc bao gồm cả số lần gia hạn tối đa).
- Nơi làm việc, nội dung công việc (bao gồm cả phạm vi thay đổi công việc – địa điểm làm việc).
- Thời gian bắt đầu và kết thúc công việc, có làm tăng ca không, thời gian nghỉ, ngày nghỉ, nghỉ phép...
- Xác định mức lương, cách tính lương, cách chi trả, ngày chốt lương, ngày trả lương.
- Các điều khoản liên quan đến nghỉ việc (bao gồm cả điều kiện sa thải).

※ Ngoài ra, còn có các mục bắt buộc phải ghi bằng văn bản khác theo Luật Lao động bán thời gian, Luật Phái cử lao động, Luật việc làm. Nếu công ty có “Nội quy lao động (nội quy công ty)” xác định rõ điều kiện lao động và quy định dịch vụ thì bạn cần phải xác nhận rõ những nội dung này.

2-2 Điều kiện lao động

A Thời gian làm việc và nghỉ ngơi

Về nguyên tắc, thời gian làm việc không được vượt quá 8 tiếng một ngày, 40 tiếng một tuần. Thời gian nghỉ ngơi không được tính trong thời gian làm việc. Tuy nhiên, nếu làm các công việc dưới sự yêu cầu của chủ lao động, ví dụ như các khâu chuẩn bị, dọn dẹp, thì thời gian đó được tính là thời gian làm việc. Nếu thời gian làm việc của một ngày từ 8 tiếng trở lên thì phải có từ 1 tiếng trở lên thời gian nghỉ ngơi giữa khoảng thời gian làm việc. Về giới hạn thời gian làm tăng ca, về nguyên tắc, được giới hạn trong 45 tiếng một tháng và 360 tiếng một năm. Ngoài ra, cũng có quy định về giới hạn thời gian tăng ca trong những tình huống đặc biệt mang tính tạm thời.

B Ngày nghỉ và chế độ ngày nghỉ có lương hàng năm

Theo Luật tiêu chuẩn lao động, về nguyên tắc, người lao động sẽ được nghỉ ít nhất 1 ngày mỗi tuần, hoặc ít nhất 4 ngày cho mỗi 4 tuần. Ngoài ra, nếu làm việc liên tục trong 6 tháng kể từ khi vào công ty và đi làm từ trên 80% tổng số ngày lao động (số ngày phải đi làm), thì ngoài số ngày nghỉ theo quy định, người lao động được hưởng ít nhất 10 ngày nghỉ có lương mỗi năm (nghỉ phép năm).

Ngay cả người lao động có số ngày làm việc ít như người làm bán thời gian cũng có thể được hưởng nghỉ phép có lương tùy theo số ngày làm việc. Tuy nhiên, nếu sự vắng mặt của bạn ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của công ty, ngày nghỉ phép hàng năm được chỉ định của bạn có thể bị thay đổi, vì vậy hãy chắc chắn thảo luận điều này với người giám sát của bạn trước.

Ngoài ra, nếu người lao động được hưởng từ 10 ngày nghỉ có lương trở lên thì công ty phải cho người lao động nghỉ ít nhất là 5 ngày trong vòng một năm tính từ ngày được cấp.

Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Cục lao động tỉnh Văn phòng giám sát tiêu chuẩn lao động
“Sổ tay điều kiện lao động”

URL https://jsite.mhlw.go.jp/aichi-roudoukyoku/pamphlet_form/roudu_00001.html
Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippine, Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Myanmar, Nhật Bản.

3-1 Sa thải

“Sa thải” là việc người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Việc sa thải cần phải có lý do chính đáng. Nếu người sử dụng lao động có ý định sa thải người lao động ngay cả khi có lý do chính đáng thì cũng phải thông báo cho người lao động biết trước ít nhất trước 30 ngày trở lên. Nếu thời gian thông báo trước không đủ 30 ngày thì người sử dụng lao động sẽ phải trả một khoản trợ cấp thông báo sa thải.

Những hành vi sa thải bị cấm theo pháp luật

- Sa thải khi người lao động đang nghỉ ốm, nghỉ do tai nạn lao động và trong 30 ngày tiếp sau đó.
- Sa thải khi đang trong thời gian nghỉ trước và sau khi sinh và 30 ngày tiếp sau đó.
- Sa thải với lý do tố giác vì lợi ích công cộng.
- Sa thải với lý do là thành viên công đoàn, tham gia các hoạt động công đoàn hợp pháp.
- Sa thải với lý do là phụ nữ đã kết hôn, mang thai, sinh con, nghỉ thai sản trước và sau khi sinh.
- Sa thải vì yêu cầu xin được nghỉ để chăm sóc nuôi dạy con – chăm sóc người thân, hoặc đang nghỉ để chăm sóc nuôi dạy con nhỏ - chăm sóc người thân,...

3-2 Nghỉ việc

Nghỉ việc là chấm dứt công việc vì lý do cá nhân và có sự thỏa thuận với người sử dụng lao động. Với người có hợp đồng lao động có thời hạn, thì trong thời hạn hợp đồng nếu không có những lý do bất khả kháng thì người lao động không thể tự hủy bỏ hợp đồng. Sau khi người sử dụng lao động đã chấp nhận cho người lao động thôi việc thì về nguyên tắc, người lao động sẽ không thể rút lại đơn nghỉ việc, hãy thận trọng khi gửi đơn nghỉ việc. Khi ký kết hợp đồng lao động nên xem kỹ các điều kiện và thủ tục nghỉ việc. Ngoài ra, bạn cũng phải trả lại cho người sử dụng lao động thẻ nhân viên, đồng phục được cho mượn, thẻ bảo hiểm sức khỏe... Khi nghỉ việc, nếu người lao động yêu cầu thì có thể nhận số tiền lương chưa được thanh toán trong vòng 7 ngày, và được hoàn trả các khoản như tiền tích lũy, tiền tiết kiệm.

4

Bảo hiểm bồi thường tai nạn cho Người lao động (Bảo hiểm tai nạn lao động)

4-1 Bảo hiểm tai nạn lao động

Bảo hiểm này có mục đích là bảo vệ người lao động và gia đình người lao động trong trường hợp người lao động bị thương, bệnh tật do công việc, tai nạn trong quá trình đi làm hoặc chẳng may tử vong. Phí bảo hiểm do người sử dụng lao động (chủ doanh nghiệp) chi trả toàn bộ. Bảo hiểm này được áp dụng cho cả người lao động nước ngoài, bao gồm cả người làm thêm, làm bán thời gian, để có thể nhận các khoản bồi thường trong trường hợp bị thương tật, bệnh tật, tử vong do công việc, bị tai nạn trên đường đi làm. Người muốn được chi trả bảo hiểm phải tự mình làm giấy yêu cầu gửi lên Văn phòng Giám sát Tiêu chuẩn Lao động. Khi bị tai nạn lao động, hãy trao đổi với nơi làm việc, Phòng Giám sát Tiêu chuẩn Lao động (mục 3, 69, 70 trang V-62), Cục Lao động Aichi (mục 7-1 trang V-17).

Thông tin về Luật Tiêu chuẩn Lao động, yêu cầu chi trả tai nạn lao động có trên website chính thức của Bộ Y tế - Lao động - Phúc lợi Nhật Bản bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Hãy tham khảo thêm thông tin trên website.

URL https://www.mhlw.go.jp/stf/seisakunitsuite/bunya/koyou_roudou/roudoukijun/gyousei/rousai/gaikoku-pamphlet.html
Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Myanmar, Campuchia, Ba Tư, Nhật Bản.

4-2 Các khoản bồi thường chính

Dưới đây là các khoản bồi thường tai nạn lao động chính. Các loại đơn yêu cầu được cấp tại Văn phòng Giám sát Tiêu chuẩn Lao động, hoặc có thể tải về từ website của Bộ Y tế, Lao động, Phúc lợi.

URL https://www.mhlw.go.jp/stf/seisakunitsuite/bunya/koyou_roudou/roudoukijun/rousaihoken.html (chỉ có tiếng Nhật)

A Trợ cấp (bồi thường) y tế

Nếu người lao động bị thương, bị ốm trong khi làm việc hoặc trên đường đi làm thì sẽ được chi trả các chi phí cần thiết trong quá trình điều trị và phục hồi. Để được nhận chi phí điều trị y tế, nếu có thể hãy đến điều trị tại các bệnh viện được chỉ định. Nếu bạn nộp “Giấy yêu cầu trợ cấp phí điều trị” cho bệnh viện, bạn sẽ không phải trả chi phí điều trị.

B Trợ cấp (bồi thường) nghỉ phép

Nếu người lao động bị thương trong khi làm việc hoặc trên đường đi làm, và phải nghỉ phép để điều trị, phục hồi sức khỏe do đó không có lương, thì sẽ được nhận 60% lương cơ bản hàng ngày tính từ ngày nghỉ làm thứ 4. Ngoài ra, thêm 20% lương cơ bản hàng ngày sẽ được trả như một khoản trợ cấp nghỉ làm đặc biệt. Như vậy, tổng cộng sẽ nhận được 80%. Bạn hãy nộp “Giấy yêu cầu chi trả trợ cấp (bồi thường) nghỉ làm” cho Phòng Giám sát Tiêu chuẩn lao động.

C Trợ cấp (bồi thường) thương tật

Trợ cấp này sẽ được chi trả nếu người lao động bị một mức thương tật nhất định sau khi đã hồi phục từ việc bị thương, bị ốm trong khi làm việc hoặc trên đường đi làm.

D Trợ cấp (bồi thường) cho thân nhân

Trợ cấp này được trả cho gia đình người lao động bị tử vong do tai nạn trong khi làm việc hoặc trên đường đi làm.

5 Bảo hiểm việc làm

5-1 Bảo hiểm việc làm

Là chế độ bảo hiểm của nhà nước nhằm mục đích thúc đẩy hoạt động tìm kiếm việc làm bằng cách hỗ trợ ổn định cuộc sống cho người lao động. Phí bảo hiểm sẽ do chủ sử dụng lao động và người lao động cùng đóng theo một tỷ lệ nhất định. Phần phí bảo hiểm của người lao động sẽ được khấu trừ từ tiền lương hàng tháng. Hơn nữa, bảo hiểm việc làm cũng sẽ được áp dụng cho người lao động với nhiều quốc tịch khác nhau nếu có dự kiến làm việc từ 31 ngày trở lên và làm việc từ 20 tiếng trở lên trong một tuần.

Sách hướng dẫn thủ tục nhận trợ cấp thất nghiệp dành cho Người đã nghỉ việc

Bạn có thể tham khảo sách hướng dẫn về các thủ tục xin trợ cấp thất nghiệp từ trang chủ của Cục Lao động tỉnh Aichi.

URL	https://jsite.mhlw.go.jp/aichi-roudoukyoku/pamphlet_form/_121786/_122012_00002.html
Ngôn ngữ hỗ trợ	Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc

Liên hệ tư vấn

Về các thủ tục liên quan đến bảo hiểm việc làm, có thể xem trên website của Hellowork, vui lòng liên hệ với Văn phòng An ninh Việc làm Công cộng (Hello Work) có thẩm quyền quản lý khu vực bạn đang sinh sống (mục 2, 69 trang V-61) hoặc xem Dịch vụ Internet Hello Work.

URL https://www.hellowork.mhlw.go.jp/enterprise/insurance_subsidy.html (chỉ có tiếng Nhật)

5-2 Trợ cấp thất nghiệp (trợ cấp cơ bản)

Trợ cấp thất nghiệp (trợ cấp cơ bản) sẽ được chi trả cho người lao động đã tham gia bảo hiểm theo chế độ bảo hiểm việc làm nhưng đã nghỉ việc, có ý chí tích cực đi tìm việc làm mới, có đủ năng lực lao động nhưng vẫn chưa tìm được việc làm phù hợp. Theo nguyên tắc, thời gian tham gia bảo hiểm của bạn phải từ 12 tháng trở lên trong 2 năm trước ngày nghỉ việc※(trong những trường hợp như bị mất việc làm do công ty phá sản, sa thải, chấm dứt hợp đồng lao động,... thì bạn phải đã tham gia bảo hiểm 6 tháng trở lên trong 1 năm trước ngày nghỉ việc)

※ Thời gian tham gia bảo hiểm là thời gian bạn với tư cách người được bảo hiểm dưới chế độ bảo hiểm việc làm, và được tính là 1 tháng nếu số ngày được trả lương là từ 11 ngày trở lên trong thời gian được chia ra theo từng tháng 1 kể từ ngày thôi việc. Ngoài ra, đối với người đã thôi việc kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2020 trở đi, nếu trong 12 tháng không có tháng nào mà số ngày làm việc để tính lương là 11 ngày trở lên thì tháng có số giờ làm việc để tính lương là 80 giờ trở lên sẽ được tính là một tháng để tính toán.

A Cách nhận trợ cấp

Để nhận trợ cấp thất nghiệp (trợ cấp cơ bản), hãy nộp những giấy tờ dưới đây cho Hellowork và làm thủ tục đăng ký tìm việc. Trợ cấp cơ bản lần đầu sẽ được chi trả sau 7 ngày (thời gian chờ) tính từ khi được nhận quyết định đủ điều kiện nhận trợ cấp. Tuy nhiên, nếu nghỉ việc vì lý do cá nhân mà không có nguyên do chính đáng thì sẽ phải chờ thêm 3 tháng nữa (với người nghỉ việc từ ngày 1 tháng 10 năm 2020 thì là 2 tháng cho tối đa 2 lần xin trong vòng 5 năm) trước khi được nhận trợ cấp. Sau đó, phải tiếp tục hoạt động tìm việc làm mới, phải có mặt ở Hellowork vào ngày được chỉ định (28 ngày một lần) để tiếp nhận công nhận thất nghiệp. Số ngày và số tiền trợ cấp thất nghiệp (trợ cấp cơ bản) sẽ được quyết định tùy theo thời gian bạn đã nhận bảo hiểm việc làm, tiền lương, tuổi, lý do nghỉ việc.

Giấy tờ cần thiết

- Phiếu nghỉ việc—1・2 (nhận từ công ty sau khi nghỉ việc)
- Giấy xác nhận mã số cá nhân (như thẻ My Number (mục 2 trang V-10), Giấy thông báo mã số cá nhân (mục 2 trang V-10), Giấy cư trú có ghi mã số cá nhân)
- Giấy chứng minh danh tính (như thẻ My Number (mục 2 trang V-10), thẻ lưu trú (mục 4-1 trang V-5),...)
- 2 ảnh (3cm×2.4cm)
- Sổ ngân hàng chính chủ hoặc thẻ ngân hàng

B Thời hạn nhận trợ cấp

Nếu quá 1 năm tính từ ngày tiếp theo sau ngày nghỉ việc thì dù chưa nhận hết trợ cấp thất nghiệp (trợ cấp cơ bản) cũng không thể được nhận tiếp nữa. Tuy nhiên, nếu trong 1 năm này mà bạn bị ốm, bị thương, mang thai, sinh con, nuôi con nhỏ... mà không thể đi làm từ 30 ngày trở lên thì với số ngày không thể đi làm đó, bạn có thể xin kéo dài thời hạn nhận trợ cấp. Thời gian gia hạn tối đa là 3 năm.

5-3 Trợ cấp cho người tìm việc lớn tuổi

Người tham gia bảo hiểm theo chế độ bảo hiểm việc làm từ 65 tuổi trở lên khi nghỉ việc thì thay vì nhận trợ cấp thất nghiệp (trợ cấp cơ bản) sẽ được nhận “Trợ cấp cho người tìm việc lớn tuổi”.

5-4 Trợ cấp tiếp tục việc làm

Trong trợ cấp bảo hiểm việc làm có bao gồm “Trợ cấp tiếp tục việc làm (dành cho người lớn tuổi), (trợ cấp nghỉ phép chăm sóc gia đình)”, và “Trợ cấp nghỉ phép chăm sóc con nhỏ”.

Trợ cấp tiếp tục việc làm dành cho người lớn tuổi

Người tham gia bảo hiểm trong độ tuổi từ 60 tuổi đến dưới 65 tuổi và có thời gian tham gia bảo hiểm việc làm từ 5 năm trở lên thì, theo nguyên tắc sẽ có thể nhận “Trợ cấp cơ bản cho người lớn tuổi tiếp tục làm việc”, hoặc “Trợ cấp đi làm lại dành cho người lớn tuổi” nếu vẫn tiếp tục làm việc trong tình trạng tiền lương sau tuổi 60 giảm dưới 75 % so với lương tại thời điểm 60 tuổi.

Trợ cấp nghỉ việc để chăm sóc gia đình

Với những người tham gia bảo hiểm việc làm mà đã nghỉ việc với lý do chăm sóc gia đình thì trong trường hợp thỏa mãn một số điều kiện nhất định vẫn có thể nhận “Trợ cấp nghỉ việc để chăm sóc gia đình”.

Trợ cấp nghỉ việc chăm sóc con nhỏ

Người tham gia bảo hiểm việc làm xin nghỉ việc để chăm sóc con nhỏ dưới 1 tuổi (nếu thỏa mãn những điều kiện nhất định thì là con dưới 1 tuổi 2 tháng. Thỏa mãn thêm những điều kiện khác nữa thì là con dưới 1 tuổi 6 tháng hoặc 2 tuổi), nếu thỏa mãn một số điều kiện nhất định sẽ được nhận “Trợ cấp nghỉ việc chăm sóc con nhỏ (tiền trợ cấp nghỉ chăm con khi sinh và tiền trợ cấp nghỉ chăm con)”.

Trợ cấp nghỉ việc sau sinh (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2025)

Nếu cả người tham gia bảo hiểm theo chế độ bảo hiểm việc làm và vợ/chồng của người đó đều xin nghỉ phép chăm sóc con từ 14 ngày trở lên trong một khoảng thời gian nhất định ngay sau khi sinh con (nam giới trong vòng tám tuần sau khi sinh con, phụ nữ trong vòng tám tuần sau khi nghỉ thai sản), họ đều đủ điều kiện nhận “Trợ cấp hỗ trợ nghỉ phép sau sinh” trong tối đa 28 ngày nếu đáp ứng được một số yêu cầu nhất định.

Trợ cấp làm việc ít giờ để chăm sóc con (có hiệu lực từ 01 tháng 5 năm 2025)

Nếu người tham gia bảo hiểm theo chế độ bảo hiểm việc làm phải làm việc ít giờ hơn để nuôi con dưới hai tuổi, họ có thể đủ điều kiện nhận “trợ cấp làm việc ít giờ để chăm sóc trẻ em” nếu họ đáp ứng một số yêu cầu nhất định.

6 Cách tìm việc làm

Tại Văn phòng An ninh Việc làm Công cộng (Hellowork) có hỗ trợ tư vấn và giới thiệu việc làm. Một số Hellowork có bố trí phiên dịch viên để hỗ trợ người tìm việc (V-69). Hơn nữa bạn có thể gọi đến Hellowork bằng nhiều ngôn ngữ khác.

Ngoài ra, thông tin việc làm của Hellowork cũng có thể xem trên internet.

URL <https://www.hellowork.mhlw.go.jp/index.html>

Văn phòng Hellowork tại Aichi xem tại mục 2 trang V-61. Hãy tìm văn phòng gần nhất theo khu vực quản lý.

Trung tâm Dịch vụ Việc làm cho Người nước ngoài Nagoya

Tư vấn, giới thiệu việc làm cho người nước ngoài (bao gồm cả du học sinh nước ngoài).

Địa chỉ 460-8640 Nagoya-shi Naka-ku Nishiki 2-14-25 Yamaichi Building, 8F
URL <https://jsite.mhlw.go.jp/aichi-foreigner/>
Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Nhật Bản
Điện thoại 052-855-3770
Thời gian làm việc 8:30~17:15
Ngôn ngữ hỗ trợ tại quầy Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Việt Nam (Thứ 2~Thứ 6)
Tagalog (Thứ 2, Thứ 4 ~ Thứ 6), Ukraine (thứ 4)
(Thời gian thông dịch) 9:15~12:00, 13:00~17:15

Trung tâm Tư vấn Việc làm cho Người nước ngoài Toyohashi

Tư vấn, giới thiệu việc làm cho người nước ngoài.

Địa chỉ 440-0884 Toyohashi-shi Daikoku-cho 73 Daikoku Building, 2F
Điện thoại 0532-57-1356
Thời gian làm việc 8:30~17:00
Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha (Thứ 2~Thứ 6), Tây Ban Nha (Thứ 2, thứ 5), tiếng Anh (Thứ 2~Thứ 5)
(Thời gian thông dịch) 9:00~12:00, 13:00~17:00

Có thể gọi đến Hellowork bằng nhiều ngôn ngữ

Thời gian tiếp nhận Thứ 2~Thứ 6 8:30~18:00, Thứ 7 10:00~17:00 (trừ Chủ nhật, ngày lễ, ngày nghỉ cuối năm)

Điện thoại - ngôn ngữ Bồ Đào Nha : 0800-919-2904, Tây Ban Nha : 0800-919-2905, tiếng Anh : 0800-919-2901, Trung Quốc: 0800-919-2902, Tagalog: 0800-919-2907, Việt Nam: 0800-919-2908, Nepal: 0800-919-2909, Indonesia: 0800-919-2910, Thái Lan: 0800-919-2906

Văn phòng Hellowork có thể tiếp nhận tư vấn Higashi Nagoya, Naka Nagoya, Minami Nagoya, Toyohashi, Okazaki, Ichinomiya, Handa, Toyota, Tsushima, Kariya, Inuyama, Toyokawa, Kasugai

※ Khi đã kết nối được điện thoại, vui lòng cho biết địa chỉ nơi bạn đang sống và tên văn phòng Hellowork mà bạn muốn liên hệ.
URL <https://www.mhlw.go.jp/content/000673000.pdf> (chỉ có tiếng Nhật)

Người lao động nước ngoài tại Nhật Bản thường bối rối trước những khác biệt về luật pháp, quy định. Khi gặp những rắc rối liên quan đến điều kiện lao động như không được trả lương mà không được giải quyết thỏa đáng dù đã trao đổi với nơi làm việc thì có thể trao đổi và tìm sự giúp đỡ tại Quầy Tư vấn Lao động Nước ngoài của Cục Lao động Aichi, hoặc Văn phòng Thanh tra Tiêu chuẩn Lao động tại khu vực sở tại (trang V-62, 69, 70).

Ngoài ra, Cục Lao động Aichi còn cung cấp chương trình đào tạo nghề cho cư dân Người nước ngoài trong lĩnh vực điều dưỡng và các lĩnh vực khác. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ văn phòng Hello Work gần nhất.

7-1 Quầy tư vấn

Góc tư vấn cho Người lao động nước ngoài

Tên cơ quan	Địa chỉ	Điện thoại	Ngôn ngữ	Thời gian tư vấn
Cục Lao động Aichi, Bộ phận Tiêu chuẩn Lao động, Ban Giám sát	460-8507 Tòa nhà Chính phủ chung Nagoya số 2, tầng 2, 2-5-1 Sannomaru, Naka-ku, Nagoya	052-972-0253	Tiếng Bồ Đào Nha (thứ 3~thứ 6), tiếng Anh (thứ 3, thứ 5)	9:30~12:00, 13:00~16:00
Văn phòng thanh tra tiêu chuẩn lao động Nagoya Nishi	453-0813 3-37 Futatsubashi-cho, Nakamura-ku, Nagoya	052-481-9533	Tiếng Việt (thứ 5)	
Văn phòng thanh tra Tiêu chuẩn Lao động Toyohashi	440-8506 Tòa nhà Chính quyền chung khu vực Toyohashi Tầng 6, Daikokucho111, Thành phố Toyohashi	0532-54-1192	Tiếng Bồ Đào Nha (thứ 2, thứ 3, thứ 6)	
Văn phòng thanh tra Tiêu chuẩn Lao động Kariya	448-0858 Tòa nhà Chính phủ chung Kariya Tầng 3, 1-46-1 Wakamatsu-cho, Thành phố Kariya	0566-21-4885	Tiếng Bồ Đào Nha (thứ 2, thứ 4, thứ 5)	

Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Điện thoại tư vấn cho Người lao động nước ngoài

Giải thích về quy định pháp luật và giới thiệu về cơ quan liên quan đến các vấn đề về điều kiện lao động. (Thời điểm tháng 10 năm 2024)

Ngôn ngữ	Điện thoại	Ngày tư vấn	Thời gian
Bồ Đào Nha	0570-001-703	Thứ 2~Thứ 6	10:00~12:00 13:00~15:00 ※Trừ các ngày lễ, dịp cuối năm (29/12-3/1)
Tây Ban Nha	0570-001-704	Thứ 2~Thứ 6	
Tiếng Anh	0570-001-701	Thứ 2~Thứ 6	
Trung Quốc	0570-001-702	Thứ 2~Thứ 6	
Philippines/Tagalog	0570-001-705	Thứ 2~Thứ 6	
Tiếng Việt	0570-001-706	Thứ 2~Thứ 6	
Nepal	0570-001-708	Thứ 2~Thứ 5	
Indonesia	0570-001-715	Thứ 3	
Tiếng Thái	0570-001-712	Thứ 5	
Hàn Quốc	0570-001-709	Thứ 5, 6	
Myanmar	0570-001-707	Thứ 6	
Campuchia (Khmer)	0570-001-716	Thứ 4	
Mông Cổ	0570-001-718	Thứ 6	

Đường dây nóng tư vấn điều kiện lao động

Cung cấp dịch vụ tư vấn về các vấn đề liên quan tới điều kiện lao động trong thời gian thứ 7, chủ nhật, các ngày lễ cũng như thời gian sau giờ làm việc của các cục lao động tỉnh thành, và văn phòng thanh tra tiêu chuẩn lao động dưới sự ủy quyền của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi (Thời điểm tháng 10 năm 2024)

Ngôn ngữ	Điện thoại	Ngày tư vấn	Thời gian
Bồ Đào Nha	0120-531-403	Tất cả các ngày (thứ 2~thứ 7)	Ngày thường 17:00~22:00 Thứ 7, Chủ Nhật, Ngày lễ 9:00~21:00 ※Trừ các ngày cuối năm đầu năm (29/12-3/1)
Tây Ban Nha	0120-531-404	Thứ 5, 6, 7	
Tiếng Anh	0120-531-401	Tất cả các ngày	
Trung Quốc	0120-531-402	Tất cả các ngày	
Philippines/Tagalog	0120-531-405	Thứ 3, 4, 7	
Tiếng Việt	0120-531-406	Thứ 3,4, 6, 7, chủ nhật	
Nepal	0120-531-408	Thứ 4, Chủ Nhật	
Indonesia	0120-613-803	Thứ 5, Chủ Nhật	
Tiếng Thái	0120-613-802	Thứ 5, Chủ Nhật	
Hàn Quốc	0120-613-801	Thứ 5, Chủ Nhật	
Myanmar	0120-531-407	Thứ 4, Chủ Nhật	
Campuchia (Khmer)	0120-613-804	Thứ 2, Thứ 7	
Mông Cổ	0120-613-805	Thứ 2, Thứ 7	
Tiếng Nhật	0120-811-610	Tất cả các ngày	

Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Trang web thông tin tổng hợp về điều kiện lao động

Bạn có thể tra cứu các quy tư vấn đa ngôn ngữ qua đường link bên dưới.

URL <https://www.check-roudou.mhlw.go.jp/soudan/foreigner.html>

Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, Trung Quốc, Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Myanmar, Campuchia, Mông Cổ, Nhật Bản.

7-2 Chế độ hỗ trợ giải quyết tranh chấp

Khi xảy ra tranh chấp và sự cố giữa người lao động và người sử dụng lao động, Sở Môi trường Việc làm và Bình đẳng thuộc Cục Lao động Aichi sẽ hỗ trợ giải quyết xung đột hoặc hòa giải để nhanh chóng giải quyết tranh chấp nếu một hoặc cả hai bên yêu cầu. Bạn có thể xem thông tin về hệ thống hỗ trợ giải quyết tranh chấp cho người lao động nước ngoài bằng nhiều ngôn ngữ theo đường link bên dưới.

URL <https://www.mhlw.go.jp/bunya/koyoukintou/pamphlet/>

Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Việt Nam, Hàn Quốc, Nhật Bản

7-3 Từ điển đa ngôn ngữ hữu ích cho việc quản lý việc làm (Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi)

Đây là từ điển dành cho người lao động nước ngoài dùng để học các từ vựng chuyên dụng cần thiết trong việc làm. Ngoài ra, từ điển này còn là công cụ có thể giúp người lao động hiểu rõ hơn về thói quen, luật làm việc và luật lao động của Nhật Bản.

URL https://www.mhlw.go.jp/seisakunitsuite/bunya/koyou_roudou/koyou/jigyounushi/tagengoyougosyu/index.html

Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc (giản thể - phồn thể), Philippine/Tagalog, Việt Nam, Nepal, Hàn Quốc, tiếng Nhật dễ hiểu.

8 Quầy tư vấn khởi nghiệp, thành lập, quản lý doanh nghiệp

Ngày càng có nhiều Người nước ngoài sống lâu năm ở Nhật Bản tham gia khởi nghiệp kinh doanh và hiện đã có nhiều Người nước ngoài đang điều hành doanh nghiệp riêng tại Nhật Bản. Cùng với đó, việc khởi nghiệp và điều hành một doanh nghiệp không hề dễ dàng do rào cản ngôn ngữ, sự khác biệt trong hoạt động kinh doanh so với quốc gia sở tại và tính phức tạp của các thủ tục để điều hành hoạt động kinh doanh.

Các văn phòng tư vấn cho doanh nghiệp bao gồm cơ quan thuế (mục 5 trang V-63, 64), hiệp hội công nghiệp thương mại địa phương và các trung tâm hỗ trợ chung. Ngoài ra, tại Tổ chức Xúc tiến Công nghiệp Aichi (V-70), một tổ chức phi lợi ích công cộng, cung cấp dịch vụ tư vấn miễn phí từ các chuyên gia (như cố vấn quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ, thư ký hành chính, kế toán thuế, luật sư và cố vấn thương mại) về khởi nghiệp kinh doanh và các vấn đề quản lý kinh doanh nói chung cho các doanh nhân và nhà quản lý Người nước ngoài trong tỉnh.

Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp và hoạt động kinh doanh cho người nước ngoài tại Aichi

Cơ quan thực hiện Tổ chức xúc tiến công nghiệp Aichi

Địa chỉ 450-0002 Nagoya-shi, Nakamura-, Meieki 4-4-38,
Trung tâm lao động công nghiệp tỉnh Aichi (Wink Aichi), tầng 14

Thời gian làm việc Thứ 2~Thứ 6 9:00~17:30 (trừ các ngày lễ và dịp cuối năm)

Phương thức tiếp nhận ①Điện thoại Tiếng Anh, Nhật

Thứ 3, 6 13:00~17:00 (trừ các ngày lễ và các ngày cuối năm đầu năm)

Số điện thoại 052-563-1435

②Form mẫu trên web Tiếng Bồ Đào Nha, Anh, Trung Quốc, Philippine, Việt Nam, Nhật Bản

URL <https://www.aibsc.jp/support/17356/> (Bồ Đào Nha)

<https://www.aibsc.jp/support/17354/> (Anh)

<https://www.aibsc.jp/support/17355/> (Trung Quốc)

<https://www.aibsc.jp/support/17353/> (Nhật Bản)

<https://www.aibsc.jp/support/36685/> (Philippine)

<https://www.aibsc.jp/support/36443/> (Việt Nam)

※ Nếu bạn cần thông dịch, sẽ có thông dịch viên hỗ trợ khi tư vấn. (Tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, Trung Quốc, Philippine/ Tagalog, Việt Nam, Pháp, các ngôn ngữ khác)

Trung tâm tư vấn lao động việc làm tỉnh Aichi

Bạn có thể trao đổi với các chuyên viên về những lo lắng hay thắc mắc liên quan đến cách làm việc. Đây là nơi bạn có thể nhận tư vấn miễn phí từ các chuyên viên về các vấn đề liên quan đến tuyển dụng và quản lý lao động. Ngoài ra, nơi này còn hỗ trợ các doanh nhân và Người lao động thuộc các công ty khởi nghiệp hoặc doanh nghiệp toàn cầu, đồng thời cung cấp thông tin và tư vấn về lao động cho những người nước ngoài có nguyện vọng khởi nghiệp tại Nhật Bản. (Dịch vụ này dành cho các doanh nghiệp đang hoạt động tại tỉnh Aichi và những người đang làm việc tại đó.)

Địa chỉ 450-0002 Wink Aichi tầng 14, 4-4-38 Meieki, Nakamura-ku, Nagoya

Điện thoại 0120-544-610 (052-563-52610)

Thời gian làm việc 9:00~20:30

Ngôn ngữ hỗ trợ

Dịch vụ thông dịch ngôn ngữ qua điện thoại : Tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, Trung Quốc (tiếng Bắc Kinh), Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Myanmar, Nga, Pháp, Đức, Ý, Malaysia, Khmer, Mông Cổ, Sinhalese, Hindi, Bengal, tiếng Urdu

Các ngôn ngữ có thể hỗ trợ cho dịch vụ đặt lịch hẹn : Tiếng Bồ Đào Nha, Anh.



Chương 4

Kết Hôn · Ly Hôn

1 Kết hôn

Trong hôn nhân quốc tế, cả hai bên trong cuộc hôn nhân đều phải tuân thủ luật pháp của từng quốc gia mà mỗi người có quốc tịch. Công dân Nhật Bản phải đáp ứng tất cả các điều kiện hôn nhân sau đây theo quy định của luật pháp Nhật Bản. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ tới đại sứ quán hoặc lãnh sự quán của quốc gia có liên quan tại Nhật Bản.

Các điều kiện hôn nhân

- Độ tuổi kết hôn đối với cả nam và nữ là từ đủ 18 tuổi.
- Không được kết hôn nếu đã có hôn nhân hợp pháp khác.

1-1 Kết hôn giữa Người Nhật và Người nước ngoài

Nếu bạn kết hôn ở Nhật Bản, các thủ tục sẽ được thực hiện theo luật pháp Nhật Bản. Vui lòng nộp các giấy tờ sau đến văn phòng xã, phường, quận, thành phố nơi bạn cư trú hoặc nơi đăng ký thường trú.

Sau khi giấy đăng ký kết hôn của bạn được tiếp nhận, bạn sẽ cần phải nộp đăng ký kết hôn đến đại sứ quán hoặc lãnh sự quán quốc gia bạn có quốc tịch tại Nhật Bản. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ tới văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố của bạn và đại sứ quán hoặc lãnh sự quán quốc gia có liên quan tại Nhật Bản.

Giấy tờ cần thiết

- Giấy đăng ký kết hôn (Cần có chữ ký của 2 người làm chứng đủ tuổi thành niên)
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện để kết hôn của người hôn phối nước ngoài (mục 1-3 chứng trang V-19) và bản dịch giấy chứng nhận
- Giấy chứng nhận quốc tịch của người hôn phối nước ngoài (hộ chiếu,...)

1-2 Kết hôn giữa Người nước ngoài với nhau

Nếu bạn làm theo thủ tục của Nhật Bản, bạn sẽ cần nộp các giấy tờ sau đến văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi người bạn sắp kết hôn sinh sống.

Sau khi đăng ký kết hôn của bạn được tiếp nhận, bạn sẽ cần phải nộp giấy đăng ký kết hôn đến đại sứ quán hoặc lãnh sự quán tại Nhật Bản. Ngoài ra, nếu bạn đã nộp đơn đăng ký kết hôn tại đại sứ quán hoặc lãnh sự quán tại Nhật Bản theo thủ tục của quốc gia bạn có quốc tịch, bạn sẽ không cần phải nộp đơn đăng ký tại văn phòng xã, phường, quận, thành phố.

Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ với văn phòng xã, phường, quận, thành phố nơi bạn sống và đại sứ quán hoặc lãnh sự quán quốc gia liên quan tại Nhật Bản.

Giấy tờ cần thiết

- Giấy đăng ký kết hôn (Cần có chữ ký của 2 chứng nhân đủ tuổi thành niên)
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện để kết hôn của cả hai người và bản dịch giấy chứng nhận
- Giấy chứng nhận quốc tịch của cả hai người (hộ chiếu,...)

1-3 Giấy chứng nhận đủ điều kiện để kết hôn

Đây là giấy chứng nhận liệu bạn có đủ điều kiện kết hôn dựa theo pháp luật của mỗi quốc gia hay không. Trong hầu hết các trường hợp, giấy này do đại sứ quán tại Nhật Bản cấp, nhưng điều này có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vì vậy vui lòng kiểm tra và xác nhận với đại sứ quán hoặc lãnh sự quán của quốc gia có liên quan tại Nhật Bản. Khi nộp các tài liệu viết bằng tiếng nước ngoài đến văn phòng thành phố, thị trấn hoặc làng xã của bạn, bạn phải đính kèm bản dịch tiếng Nhật ghi rõ tên người dịch.

1-4 Hệ thống cam kết gia đình của tỉnh Aichi

Đây là một hệ thống chứng nhận rằng tỉnh đã tiếp nhận lời tuyên thệ của hai người không thể kết hôn do nhiều lý do khác nhau, nhưng vẫn công nhận nhau là bạn đời trong cuộc sống, cùng với con cái và những người thân cận khác, rằng họ có mối quan hệ như một gia đình.

Người nước ngoài có hộ khẩu thường trú tại tỉnh và không có vợ hoặc chồng cũng có thể tuyên thệ. Nếu người nộp thông báo là công dân nước ngoài, vui lòng chuẩn bị Giấy chứng nhận đủ điều kiện kết hôn hoặc Giấy chứng nhận tình trạng độc thân do đại sứ quán hoặc lãnh sự quán nước ngoài tại Nhật Bản cấp, cũng như bản dịch tiếng Nhật của các tài liệu có liên quan (phải ghi rõ tên của người dịch). Ngoài ra, các cặp đôi kết hôn đồng giới có gốc nước ngoài cũng có thể tuyên thệ. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem trang web bên dưới hoặc liên hệ với Nhóm Tư vấn Nhân quyền của Phòng Xúc tiến Nhân quyền Tỉnh Aichi (điện thoại 052-954-6749)

URL <https://www.pref.aichi.jp/soshiki/jinken/aichifamilyship.html> (chỉ có tiếng Nhật)

2 Ly hôn

2-1 Ly hôn giữa Người Nhật và Người nước ngoài

Nếu một trong hai vợ chồng là công dân Nhật Bản cư trú tại Nhật Bản, việc ly hôn sẽ được thực hiện theo luật pháp Nhật Bản. Nếu cả hai bên đồng ý ly hôn, việc ly hôn sẽ được tiến hành theo ly hôn đồng thuận; nếu không đồng ý, việc ly hôn sẽ được tiến hành thông qua hòa giải; nếu không thể hòa giải, việc ly hôn sẽ được tiến hành theo thủ tục của tòa án. Ly hôn đồng thuận được tiến hành tại tòa thị chính xã, phường, quận, thành phố, trong khi ly hôn thông qua hòa giải và ly hôn theo thủ tục của tòa án được tiến hành tại tòa án gia đình. Tuy nhiên, nếu luật pháp quốc gia của bên kia không công nhận ly hôn đồng thuận hoặc ly hôn qua hòa giải của Nhật Bản, thì thông báo ly hôn được nộp tại Nhật Bản có thể không được chính quyền nước đó công nhận. Trong trường hợp đó, ngoài các thủ tục ly hôn theo luật pháp Nhật Bản, việc ly hôn cũng phải được hoàn tất tại quốc gia của bên kia. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ tới văn phòng xã, phường, quận, thành phố nơi bạn sinh sống hoặc đại sứ quán hoặc lãnh sự quán quốc gia có liên quan tại Nhật Bản.

2-2 Ly hôn giữa Người nước ngoài với nhau

Nếu cặp đôi có cùng quốc tịch, họ sẽ ly hôn theo luật pháp của quốc gia họ. Nếu luật pháp của quốc gia đó cho phép ly hôn đồng thuận, họ có thể nộp đơn xin ly hôn đồng thuận tại văn phòng xã, phường, quận, thành phố địa phương nơi đang sinh sống tại Nhật Bản. Tuy nhiên, nếu luật pháp của mỗi quốc gia không công nhận việc ly hôn đồng thuận thì sẽ không thể nộp đơn xin ly hôn đồng thuận lên văn phòng xã, phường, quận, thành phố địa phương tại Nhật Bản và thủ tục ly hôn sẽ cần phải được hoàn tất tại quốc gia đó. Nếu một cặp đôi có quốc tịch khác nhau và không có luật quốc gia chung nhưng cả hai đều có nơi cư trú tại Nhật Bản, họ có thể ly hôn theo luật pháp Nhật Bản. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ với văn phòng xã, phường, quận, thành phố nơi bạn sinh sống hoặc đại sứ quán hoặc lãnh sự quán quốc gia có liên quan tại Nhật Bản.

2-3 Khai báo ly hôn

Khi khai báo ly hôn tại văn phòng xã, phường, quận, thành phố ở Nhật Bản, bạn phải nộp các giấy tờ sau.

Giấy tờ cần thiết

- Mẫu đơn đăng ký ly hôn (phải có chữ ký của hai người làm chứng đủ tuổi thành niên)
- Bản sao biên bản hòa giải (trong trường hợp ly hôn qua hòa giải)
- Bản sao bản án và Giấy chứng nhận quyết định có hiệu lực (trong trường hợp ly hôn qua tòa án gia đình)
- Bản sao phán quyết và Giấy chứng nhận quyết định có hiệu lực (trong trường hợp ly hôn qua tòa án)
- Giấy tờ tùy thân của người nộp hồ sơ (hộ chiếu, ...)

2-4 Đơn yêu cầu không thụ lý đơn xin ly hôn

Nếu bạn đang bị ép buộc ly hôn bởi vợ/chồng người Nhật, có khả năng người kia sẽ nộp đơn ly hôn đã ký tên mà không có sự đồng ý của bạn. Trong trường hợp bạn không muốn ly hôn, bạn nên nộp đơn yêu cầu không tiếp nhận/ không thụ lý đơn xin ly hôn tại nơi đăng ký hộ khẩu của người kia (Người Nhật) hoặc văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn cư trú. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ với văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố.

2-5 Ly hôn và tư cách lưu trú

Người nước ngoài có visa "Gia đình", "Vợ/chồng của người Nhật" hoặc "Vợ/chồng của thường trú nhân" nếu ly hôn với vợ/chồng của mình, phải thông báo việc ly hôn cho Cục Quản lý Xuất nhập cảnh tại địa phương trong vòng 14 ngày (mục 2-8 trang V-4).

Tư cách lưu trú không ngay lập tức bị vô hiệu nhưng nếu không thực hiện các hoạt động với tư cách là vợ/chồng trong một thời gian nhất định (6 tháng đối với "Vợ/chồng của người Nhật" và "Vợ/chồng của thường trú nhân", 3 tháng đối với "Gia đình" và "Hoạt động đặc biệt") thì có thể bị hủy tư cách lưu trú. Nếu muốn tiếp tục cư trú, cần nộp đơn xin thay đổi tư cách cư trú tại Cục Quản lý Xuất nhập cảnh địa phương (mục 2-1 trang V-2). Trường hợp đã cư trú tại Nhật Bản trong thời gian dài hoặc đang nuôi dưỡng con là người Nhật, có thể được xem xét thay đổi tư cách cư trú.

Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với Cục Quản lý Xuất nhập cảnh hoặc Trung tâm Thông tin Tổng hợp về Cư trú của Người nước ngoài (mục 6 trang V-8, V-9).

3 Bạo lực gia đình (DV-Domestic violence)

3-1 Định nghĩa về bạo lực gia đình (DV)

Bạo lực gia đình (DV) là hành vi bạo lực về thể chất, tinh thần, và tình dục do bạn đời, người yêu hoặc bạn đời cũ gây ra. Loại bạo lực này có thể xảy ra trong mọi tầng lớp xã hội và ngành nghề. Nếu bạn là nạn nhân của bạo lực gia đình, hãy liên hệ với cảnh sát gần nhất, văn phòng phúc lợi của xã, phường, quận, thành phố, hoặc trung tâm hỗ trợ tư vấn cho phụ nữ để được giúp đỡ. Để làm các thủ tục liên quan đến tư cách cư trú hoặc tại văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố, bạn cần cung cấp giấy chứng minh thực tế về việc bạn đã báo cáo sự việc (chứng nhận DV, ...). Ngoài ra, trong trường hợp khẩn cấp, bạn có thể yêu cầu được bảo vệ tạm thời.

Văn phòng Nội các Cục Bình đẳng giới

Cung cấp thông tin về các cơ quan hỗ trợ và tư vấn cho những nạn nhân của bạo lực gia đình từ vợ/chồng

Dịch vụ tư vấn DV

Bạn có thể nhận tư vấn DV qua chat

Ngôn ngữ hỗ trợ

Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, Trung Quốc, Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái, Hàn Quốc.

URL

<https://soudanplus.jp/>

Hướng dẫn liên hệ tư vấn DV

Gọi điện để kết nối và được tư vấn trực tiếp với Trung tâm hỗ trợ tư vấn bạo lực gia đình gần nhất.

Số điện thoại chung toàn quốc: #8008



3-2 Quầy tư vấn

Tiếp nhận tư vấn về bạo lực gia đình tại các quầy tư vấn sau đây.

Trung tâm hỗ trợ và tư vấn cho phụ nữ tỉnh Aichi (Trung tâm hỗ trợ tư vấn bạo lực gia đình từ vợ/chồng)

Chúng tôi cung cấp tư vấn, bảo vệ tạm thời cho nạn nhân và gia đình đi cùng, và cung cấp các thông tin cần thiết. Ngoài ra, tại 7 trung tâm phúc lợi của tỉnh Aichi (mục 8 trang V-64) còn có phòng trực của Trung tâm hỗ trợ tư vấn phụ nữ tỉnh Aichi (mục 7 trang V-64). Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ Trung tâm hỗ trợ tư vấn phụ nữ tỉnh Aichi.

Điện thoại 052-962-2527

Điện thoại tư vấn Thứ 2~Thứ 6 9:00~21:00

Thứ 7, Chủ nhật 9:00~16:00 (Ngày nghỉ: ngày lễ, dịp cuối năm, và một số ngày thứ 2)

Tư vấn trực tiếp Thứ 3~Chủ nhật 9:00~17:00 (Thứ Tư đến 20:30)

(Ngày nghỉ: thứ 2, ngày lễ, dịp cuối năm) (phải đặt trước)

Tư vấn chuyên môn về DV qua điện thoại với luật sư: Thứ Hai 14:00 – 15:30

(Ngày nghỉ: ngày lễ, dịp cuối năm và một số ngày thứ 2)

Điện thoại 052-962-2528

Đường dây nóng hỗ trợ nam giới bị bạo lực gia đình tại tỉnh Aichi năm

DV không chỉ xảy ra với phụ nữ. Nhân viên tư vấn nam sẽ hỗ trợ các vấn đề cho nam giới.

Điện thoại 080-1555-3055

Tư vấn qua điện thoại Thứ 7 13:00~16:00 (Trừ thứ 7 tuần thứ 5, ngày lễ, dịp cuối năm)

※ Trong trường hợp khẩn cấp, hãy gọi ngay cho số 110.

3-3 Chế độ bảo hộ theo mệnh lệnh

Nếu nạn nhân hoặc người thân bị đe dọa về tính mạng hoặc sức khỏe bởi bạo lực hoặc hành vi đe dọa từ vợ/chồng, họ có thể nộp đơn bằng văn bản tại Tòa án địa phương để yêu cầu lệnh bảo vệ từ tòa án đối với người gây bạo lực.

Ngoài ra, mục **C** lệnh cấm tiếp cận con cái, mục **D** lệnh cấm tiếp cận người thân, mục **E** lệnh cấm liên lạc qua điện thoại và các phương tiện liên lạc khác, mục **F** lệnh cấm liên lạc qua điện thoại và các phương tiện liên lạc khác, không thể được ban hành độc lập mà phải kèm theo lệnh cấm tiếp cận nạn nhân. Những lệnh này chỉ có hiệu lực khi lệnh cấm tiếp cận nạn nhân đang được thi hành. Nếu vi phạm những lệnh bảo vệ này, người vi phạm có thể bị phạt tù lên đến 2 năm hoặc phạt tiền lên đến 2 triệu yên.

A Lệnh cấm tiếp cận trực tiếp

Đây là lệnh cấm người bạo hành không được theo dõi bám theo nạn nhân và không được lảng vảng gần nhà ở, nơi làm việc của nạn nhân trong vòng 1 năm.

B Lệnh bắt buộc rời khỏi nhà,...

Đây là lệnh bắt buộc người bạo hành phải rời khỏi nhà trong 2 tháng nếu người bạo hành và nạn nhân đang chung sống với nhau, và trong thời gian đó người bạo hành bị cấm không được lảng vảng gần nhà của nạn nhân.

Nếu nhà thuộc sở hữu hoặc được thuê bởi chính nạn nhân, lệnh này có thể kéo dài đến 6 tháng khi có yêu cầu.

C Lệnh cấm tiếp cận con cái

Đây là lệnh cấm trong 1 năm, ngăn chặn người gây bạo lực tiếp cận và lảng vảng gần nhà ở, trường học của con cái.

"Con cái" ở đây được hiểu là con chưa thành niên sống chung với nạn nhân. Con cái đã trưởng thành hoặc sống riêng sẽ được tính là người thân theo quy định **D**

D Lệnh cấm tiếp cận người thân

Đây là lệnh cấm kéo dài trong 1 năm, cấm người gây bạo lực theo dõi và lảng vảng gần nhà ở, nơi làm việc của người thân của nạn nhân.

E Lệnh cấm liên lạc qua điện thoại và các phương tiện liên lạc khác

Đây là lệnh cấm kéo dài trong 1 năm, ngăn chặn người gây bạo lực thực hiện các hành vi quấy rối như yêu cầu gặp mặt, gọi điện thoại vào ban đêm ngoài trường hợp khẩn cấp, gửi email, tin nhắn qua mạng xã hội và theo dõi vị trí qua GPS đối với nạn nhân.

F Lệnh cấm liên lạc qua điện thoại và các phương tiện liên lạc khác với con cái

Đây là lệnh cấm kéo dài 1 năm, ngăn chặn người gây bạo lực thực hiện các hành vi quấy rối như liên lạc với con cái của nạn nhân ngoài các trường hợp khẩn cấp vào ban đêm. Lệnh này bao gồm cấm gọi điện, gửi email, tin nhắn qua mạng xã hội và theo dõi vị trí qua GPS đối với con cái của nạn nhân.



Chương 5

Sinh con và nuôi dạy trẻ

1 Việc cần làm khi mang thai

1-1 Sổ tay sức khỏe mẹ và bé (boshi kenkou techou)

Sau khi thăm khám tại cơ sở y tế có kết quả mang thai, hãy nhận sổ tay sức khỏe mẹ và bé. Sổ này ghi lại kết quả kiểm tra sức khỏe của mẹ và bé cũng như sự trưởng thành của trẻ, ngoài ra sổ cũng cung cấp thông tin hướng dẫn về nhiều dịch vụ bảo hiểm như kiểm tra sức khỏe, tiêm chủng cho bé. Để nhận sổ, bạn cần nộp Thông báo mang thai (ninshin todokedesho) (tờ đơn có đặt tại các trung tâm y tế công cộng/ bệnh viện hộ sản tại văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố hoặc trung tâm y tế cộng đồng (tại các thành phố Toyohashi, Okazaki, Ichinomiya và Toyota, bạn cần nộp đơn tại trung tâm y tế công cộng) và sổ sẽ được cấp miễn phí.

1-2 Kiểm tra sức khỏe thai phụ

Trong thời gian mang thai, hãy đảm bảo bạn cung cấp đủ dinh dưỡng và nghỉ ngơi đầy đủ, đồng thời không quên đi khám sức khỏe định kỳ. Khi nhận sổ tay sức khỏe mẹ và bé, bạn cũng có thể nhận được phiếu khám sức khỏe. Sử dụng phiếu này, bạn sẽ được hỗ trợ một phần chi phí khám. Thường thì các cơ sở y tế không có phí dịch, vì vậy nên đi cùng một người biết tiếng Nhật.

1-3 Hướng dẫn tại nhà bởi nữ hộ sinh và chuyên viên chăm sóc sức khỏe

Tại các xã, phường, quận, thành phố, các nữ hộ sinh và chuyên gia tư vấn sức khỏe sẽ đến thăm nhà và tiến hành hướng dẫn thăm khám. Dựa theo tình trạng mang thai, họ sẽ tư vấn về cách chăm sóc trong thời kỳ mang thai, chuẩn bị cho sinh nở, phát triển và trưởng thành của trẻ sơ sinh, phòng ngừa bệnh tật, và giải quyết các lo lắng hay thắc mắc của phụ nữ mang thai,... Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ với văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn ở. Dịch vụ thăm khám tại nhà này miễn phí và có thể được thực hiện theo yêu cầu của bạn hoặc theo giới thiệu của bác sĩ.

1-4 Lớp học dành cho cha mẹ

Tại các xã, phường, quận, thành phố có tổ chức các lớp học dành cho các bậc cha mẹ, cung cấp kiến thức và kỹ năng hàng ngày liên quan đến mang thai, sinh con và nuôi dạy trẻ. Các lớp học này dành cho những người đang mang thai và gia đình của họ, và có thể tham gia miễn phí.

1-5 Công nhận

Công nhận là việc thiết lập quan hệ pháp lý giữa cha và con sinh ra từ cha mẹ chưa kết hôn hợp pháp.

Nếu muốn thực hiện việc công nhận, cần phải nộp đơn tại văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố. Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ với văn phòng hành chính nơi bạn cư trú. Trong trường hợp cả hai là người nước ngoài, bạn cũng nên xác nhận thông tin tại các đại sứ quán hoặc lãnh sự quán liên quan (mục 11 trang V-72, 73, 74).

2 Các thủ tục sau sinh

2-1 Khai sinh (shussho todoke)

Khi trẻ em được sinh ra tại Nhật Bản, bất kể quốc tịch của cha mẹ, cần thông báo khai sinh tại văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi cư trú hoặc nơi sinh trong vòng 14 ngày kể từ ngày sinh.

Các giấy tờ cần thiết

- Giấy đăng ký khai sinh (Được cấp tại bệnh viện hoặc văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố)
- Giấy chứng sinh (Xác nhận của bác sỹ hoặc y tá hộ sinh khi sinh)
- Sổ tay sức khỏe mẹ và bé
- Thẻ bảo hiểm My Number hoặc giấy xác nhận tư cách

Ngoài ra, vui lòng nộp các tờ khai tại đại sứ quán hoặc lãnh sự quán liên quan tại Nhật Bản. Chi tiết vui lòng liên hệ với đại sứ quán liên quan.

2-2 Nhận quốc tịch cho trẻ em

A Trường hợp cha hoặc mẹ mang quốc tịch Nhật Bản

Nếu một trong hai vợ chồng đã kết hôn hợp pháp là người Nhật Bản, đứa trẻ khi sinh ra sẽ có quốc tịch Nhật Bản. Nếu người mẹ là người nước ngoài và chưa kết hôn hợp pháp với người cha Nhật Bản, nhưng người cha đã công nhận con, đứa trẻ cũng sẽ có quốc tịch Nhật Bản khi sinh ra. Ngay cả sau khi sinh, nếu người cha công nhận con và đứa trẻ dưới 18 tuổi đáp ứng các điều kiện khác, quốc tịch Nhật Bản có thể được cấp bằng cách nộp đơn đăng ký quốc tịch với Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với cơ quan pháp lý gần nhất hoặc văn phòng xử lý quốc tịch. Nếu muốn nhận quốc tịch của cha mẹ có quốc tịch nước ngoài, hãy liên hệ với đại sứ quán hoặc lãnh sự quán quốc gia đó tại Nhật Bản.

Chọn quốc tịch

Nếu đứa trẻ được sinh ra ở nước ngoài và lấy quốc tịch Nhật Bản cùng với quốc tịch nước ngoài, thì cha mẹ cần phải nộp đơn đăng ký bảo lưu quốc tịch trong vòng 3 tháng kể từ ngày sinh, cùng với đơn đăng ký khai sinh đến Nhật Bản. Nếu không nộp trong thời gian đó, quốc tịch Nhật Bản của đứa trẻ sẽ bị mất. Khi đã nộp đơn đăng ký bảo lưu quốc tịch, đứa trẻ sẽ mang quốc tịch Nhật Bản và quốc tịch nước ngoài (song tịch). Tuy nhiên, theo luật pháp Nhật Bản, đứa trẻ phải chọn một trong hai quốc tịch cho đến khi đủ 20 tuổi.

URL https://www.moj.go.jp/MINJI/minji04_00069.html
Ngôn ngữ hỗ trợ Tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh

B Trường hợp cha mẹ đều có quốc tịch nước ngoài

Nếu cả cha và mẹ đều có quốc tịch nước ngoài, đứa trẻ sinh ra tại Nhật Bản sẽ không thể có quốc tịch Nhật Bản. Thay vào đó, đứa trẻ sẽ nhận quốc tịch theo luật pháp của từng quốc gia của cha mẹ. Vì quy định có thể khác nhau giữa các quốc gia, hãy liên hệ với đại sứ quán hoặc lãnh sự quán của quốc gia đó tại Nhật Bản để biết thêm về thủ tục và các giấy tờ cần thiết.

2-3 Thủ tục xin tư cách lưu trú cho trẻ em

Nếu trẻ em không có quốc tịch Nhật Bản và muốn ở lại Nhật Bản hơn 60 ngày kể từ ngày sinh, cần phải nộp đơn xin phép lấy tư cách lưu trú trong vòng 30 ngày (mục 2-4 trang V-3). Khi nộp đơn, bạn sẽ cần phải nộp đơn xin cấp phép để có được tư cách cư trú vì vậy để biết thêm chi tiết về thủ tục và các giấy tờ cần thiết, vui lòng liên hệ với Cục Quản lý Xuất nhập cảnh và Cư trú địa phương (mục 6 trang V-8, V-9).

2-4 Thủ tục tham gia bảo hiểm y tế

Sau khi sinh, trẻ em cũng cần được thực hiện thủ tục đăng ký bảo hiểm y tế. Nếu cha mẹ đã tham gia Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân, hãy nộp đơn tại văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố. Nếu cha mẹ tham gia Bảo hiểm Người lao động, hãy thực hiện thủ tục tại công ty. Ngoài ra, nên đăng ký trợ cấp nhi đồng (mục 3-9 trang V-24) và xin chứng nhận nhận hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ (mục 4-3 trang V-24).

3 Chi phí sinh con và các khoản trợ cấp

Thời gian nhập viện khi sinh khoảng 1 tuần và chi phí dao động từ 400,000 đến 500,000 yên. Mang thai và sinh con không phải là bệnh, vì vậy bảo hiểm sức khỏe thông thường không áp dụng cho việc sinh con thông thường. Tuy nhiên, có thể sử dụng bảo hiểm sức khỏe đối với việc sinh mổ. Khi sử dụng thẻ bảo hiểm My Number, ngay cả khi bạn không có giấy hạn mức tối đa đóng tiền viện phí thì bạn cũng chỉ cần trả chi phí tới giới hạn tự thanh toán. Để biết thêm chi tiết, người tham gia bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân nên liên hệ với bộ phận phụ trách bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân tại văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn cư trú; Người tham gia bảo hiểm sức khỏe liên hệ với nơi làm việc hoặc đơn vị bảo hiểm (tổ chức Kenkouhoken Kumiai hoặc tổ chức Zenkoku Kenkohoken Kyokai).

3-1 Trợ cấp 1 lần cho sinh và chăm sóc con

Người tham gia Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân hoặc Bảo hiểm Sức khỏe sẽ nhận được trợ cấp 1 lần cho sinh và chăm sóc con cho mỗi lần sinh con. Để thai phụ không phải chuẩn bị trước một khoản tiền mặt lớn để chi trả chi phí sinh nở, có một hệ thống gọi là “chế độ thanh toán trực tiếp”, trong đó khoản trợ cấp này sẽ được chính quyền địa phương hoặc tổ chức bảo hiểm (tổ chức Kenkouhoken Kumiai hoặc tổ chức Zenkoku Kenkohoken Kyokai) thanh toán trực tiếp cho cơ sở y tế.

3-2 Miễn giảm bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm hưu trí khi sinh con

Người tham gia bảo hiểm hưu trí quốc dân loại 1 sẽ được miễn phí bảo hiểm hưu trí quốc dân trong 4 tháng, bắt đầu từ tháng trước tháng dự sinh hoặc tháng sinh. Đối với trường hợp mang thai đôi trở lên, sẽ được miễn phí trong 6 tháng, bắt đầu từ 3 tháng trước tháng dự sinh hoặc tháng sinh. Người tham gia cần phải nộp đơn đăng ký.

Đối với người tham gia bảo hiểm hưu trí phúc lợi, nếu không làm việc do lý do mang thai hoặc sinh con trong khoảng thời gian từ 42 ngày trước ngày sinh (hoặc ngày dự sinh nếu sinh muộn hơn dự kiến), đến 56 ngày sau ngày sinh, thì doanh nghiệp có thể làm đơn xin miễn đóng phí bảo hiểm y tế và bảo hiểm hưu trí phúc lợi cho người đó. Thời gian được miễn đóng phí bảo hiểm là từ tháng bắt đầu nghỉ thai sản đến tháng trước tháng có ngày kết thúc nghỉ thai sản (tính từ ngày hôm sau của ngày kết thúc). Ngoài ra, đối với thời gian nghỉ chăm con theo Luật nghỉ chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em (áp dụng cho trẻ dưới 3 tuổi), nếu doanh nghiệp làm đơn xin, thì cũng sẽ được miễn đóng phí bảo hiểm y tế và bảo hiểm hưu trí phúc lợi. Thời gian miễn đóng phí bảo hiểm trong trường hợp này là từ tháng bắt đầu nghỉ chăm con đến tháng trước tháng có ngày kết thúc nghỉ (tính từ ngày hôm sau của ngày kết thúc).

3-3 Trợ cấp sinh con

Khi người tham gia bảo hiểm sức khỏe nghỉ việc do sinh con và không nhận được lương, sẽ nhận được trợ cấp tiền nghỉ sinh trong thời gian từ 42 ngày trước ngày sinh (hoặc ngày dự sinh) (98 ngày đối với trường hợp mang thai đôi trở lên) đến 56 ngày sau ngày sinh. Số tiền trợ cấp cho mỗi ngày vắng mặt sẽ được tính là "trung bình mức lương tiêu chuẩn hàng tháng trong 12 tháng trước đối với ngày bắt đầu trợ cấp" ÷ 30 ngày × 2/3. (mục 2-2C-b trang V-34)

3-4 Trợ cấp khi nghỉ chăm con

Người tham gia bảo hiểm việc làm nếu nghỉ để chăm sóc con dưới 1 tuổi (hoặc 1 tuổi 2 tháng trong một số trường hợp, và có thể lên tới 1 tuổi 6 tháng hoặc 2 tuổi trong những trường hợp đặc biệt) và đáp ứng các điều kiện nhất định sẽ nhận được trợ cấp nghỉ chăm con (gồm trợ cấp nghỉ nuôi con khi sinh và trợ cấp nghỉ nuôi con). Để biết thêm chi tiết về thủ tục, vui lòng liên hệ với văn phòng Hello Work gần nhất (mục 2 trang V-61, 69). Ngoài ra, những người nghỉ trước và sau sinh hoặc nghỉ nuôi con sẽ được miễn phí bảo hiểm xã hội trong thời gian nghỉ nếu nộp đơn yêu cầu.

3-5 Trợ cấp hỗ trợ nghỉ sau sinh (áp dụng từ ngày 1 tháng 4 năm 2025)

Trong một khoảng thời gian nhất định ngay sau khi trẻ được sinh ra (đối với nam giới là trong vòng 8 tuần sau khi trẻ chào đời, đối với nữ giới là trong vòng 8 tuần sau kỳ nghỉ sinh), nếu cả người lao động tham gia bảo hiểm việc làm và vợ/chồng của họ đều nghỉ chăm sóc con ít nhất 14 ngày, thì nếu đáp ứng một số điều kiện nhất định, sẽ có thể nhận được khoản trợ cấp “Hỗ trợ nghỉ sau sinh” trong tối đa 28 ngày. Thủ tục và các thông tin liên quan, vui lòng liên hệ với văn phòng Hello Work gần nhất (mục 2 trang V-62, 69).

3-6 Trợ cấp rút ngắn thời gian làm việc để chăm trẻ (áp dụng từ ngày 1 tháng 4 năm 2025)

Khi người tham gia bảo hiểm việc làm và làm việc theo hình thức rút ngắn thời gian làm việc để chăm sóc con nhỏ dưới 2 tuổi và đáp ứng các điều kiện nhất định, sẽ nhận được Trợ cấp rút ngắn thời gian làm việc để chăm sóc trẻ. Để biết thêm chi tiết về thủ tục, vui lòng liên hệ với văn phòng Hello Work gần nhất (mục 2 trang V-62, 69).

3-7 Trợ cấp hỗ trợ thai phụ

Đối với phụ nữ mang thai có địa chỉ cư trú tại Nhật Bản, sẽ được cấp một khoản trợ cấp bằng 50.000 yên nhân với (số lượng thai nhi + 1). Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn cư trú.

3-8 Trợ cấp hỗ trợ chăm sóc trẻ em tỉnh Aichi

Các hộ gia đình có con tham gia kiểm tra sức khỏe lúc 1 tuổi 6 tháng hoặc 3 tuổi và đáp ứng một trong hai điều kiện sau sẽ nhận được 50,000 yên cho mỗi trẻ:

- ① Trẻ em đang nhận trợ cấp nuôi con cho phần của tháng mà trẻ đã kiểm tra sức khỏe.
- ② Trong năm mà trẻ đã kiểm tra sức khỏe (hoặc năm trước đối với trẻ đã kiểm tra sức khỏe vào tháng 4 hoặc tháng 5), tất cả các thành viên trong gia đình không phải đóng thuế cư trú hoặc được miễn thuế cư trú và không phải là người phụ thuộc của người nộp thuế cư trú.

Thời hạn nộp đơn: Đơn phải được nộp trong vòng 6 tháng kể từ ngày kiểm tra sức khỏe. Vui lòng nộp đơn và các giấy tờ cần thiết qua hệ thống đăng ký điện tử hoặc đường bưu điện.

URL <https://www.pref.aichi.jp/soshiki/kosodate/ouenkyuufukin.html>

3-9 Trợ cấp nhi đồng

Kể từ tháng 10 năm 2024, trợ cấp sẽ được cấp cho những người nuôi dưỡng trẻ em đến hết ngày 31 tháng 3 của năm sau khi trẻ đạt 18 tuổi (sau ngày sinh nhật). Ngoài ra, hạn mức thu nhập cũng sẽ được bãi bỏ. Số tiền trợ cấp hàng tháng sẽ được cấp theo bảng bên phải. Tuy nhiên, trẻ em không có địa chỉ cư trú tại Nhật Bản sẽ không đủ điều kiện nhận trợ cấp. Trước đây, trợ cấp được chi trả 3 lần một năm, nhưng với chế độ mới, sẽ được chi trả 6 lần một năm. Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với ủy ban nhân dân xã/phường/thành phố nơi bạn cư trú.

Số tuổi của trẻ	Số tiền trợ cấp nhi đồng (Số tiền trợ cấp hàng tháng cho mỗi trẻ)	
0~2 tuổi	15,000 yên	(Đối với đứa con thứ ba trở đi, số tiền trợ cấp hàng tháng là 30,000 yên.)
3 tuổi~Học sinh tiểu học	10,000 yên	
Học sinh THCS		
Học sinh THPT		

3-10 Miễn phí giáo dục mầm non và giữ trẻ

Chi phí tại các cơ sở giáo dục mầm non sẽ được miễn phí đối với tất cả trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đang theo học tại trường mẫu giáo, nhà trẻ, hoặc các cơ sở giáo dục trẻ em được công nhận và, trẻ em từ 0 đến 2 tuổi thuộc hộ gia đình không phải đóng thuế cư dân, khi sử dụng nhà trẻ hoặc các cơ sở giáo dục trẻ em được công nhận. Tuy nhiên, đối với các cơ sở chăm sóc trẻ em sau giờ học mẫu giáo và cơ sở chăm sóc trẻ em không được công nhận, phụ huynh cần phải nhận được “giấy chứng nhận về nhu cầu chăm sóc trẻ em” từ chính quyền địa phương.

URL <https://www.cfa.go.jp/policies/kokoseido/mushouka>

Ngôn ngữ hỗ trợ Tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, Trung Quốc (phồn thể/ giản thể), Hàn Quốc, Nhật Bản.

4 Nuôi con

4-1 Kiểm tra sức khỏe định kỳ dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ

Trẻ ở các độ tuổi như 3-4 tháng tuổi, 1 tuổi 6 tháng, và 3 tuổi được kiểm tra sức khỏe định kỳ cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ bao gồm các nội dung như khám đánh giá sự phát triển thể chất và tinh thần, đo chiều cao, cân nặng, và tư vấn nuôi dạy trẻ. Cách thức thực hiện có thể khác nhau tùy theo từng xã, phường, quận, thành phố, vì vậy vui lòng liên hệ với trạm y tế hoặc trung tâm chăm sóc sức khỏe nơi bạn cư trú để biết thêm chi tiết.

4-2 Tiêm chủng dự phòng

Có một số bệnh có thể được phòng ngừa bằng cách tiêm chủng. Theo luật về tiêm chủng, phần lớn các loại tiêm chủng này đều được miễn phí. Nếu bạn có bất kỳ thắc mắc hoặc lo lắng nào, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ của bạn hoặc liên hệ với văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn cư trú.

4-3 Phí chăm sóc y tế cho trẻ em

Có chế độ hỗ trợ chi phí y tế dành cho trẻ em, giúp giảm phần chi phí tự trả khi khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế. Tuy nhiên, độ tuổi được hỗ trợ, phương thức chi trả, và việc có áp dụng giới hạn thu nhập hay không sẽ khác nhau tùy theo từng thành phố, quận, huyện. Vì vậy, để biết thông tin chi tiết, bạn nên liên hệ với văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn cư trú.

4-4 Nhà trẻ

Các cơ sở chăm sóc trẻ em là nơi nhận chăm sóc trẻ em trước tuổi đi học khi cha mẹ không thể chăm sóc tại nhà do công việc, bệnh tật hoặc các lý do khác. Độ tuổi của trẻ và các dịch vụ được cung cấp có thể khác nhau tùy theo từng cơ sở chăm sóc trẻ. Một số cơ sở cũng cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ ngoài giờ làm việc thông thường như buổi sáng sớm, buổi tối, ngày nghỉ, hoặc chăm sóc tạm thời khi cha mẹ bị bệnh, nhập viện, tai nạn hoặc mệt mỏi trong việc chăm sóc trẻ. Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố hoặc các cơ sở chăm sóc trẻ. Danh sách các cơ sở chăm sóc trẻ trong tỉnh Aichi có thể được tìm thấy trên trang web chính thức của tỉnh Aichi tại đây.

URL <https://www.pref.aichi.jp/soshiki/kosodate/0000006166.html> (chỉ có tiếng Nhật)

4-5 Cơ sở chăm sóc trẻ em được chứng nhận

Cơ sở chăm sóc trẻ em được chứng nhận là các cơ sở kết hợp chức năng và đặc điểm của trường mẫu giáo (mục 1-3 trang T-27) và nhà trẻ, cung cấp cả giáo dục và chăm sóc trẻ em. Trẻ em từ 3 tuổi trở lên có thể sử dụng dịch vụ này bất kể cha mẹ có đi làm hay không, và ngay cả khi tình trạng công việc của cha mẹ thay đổi, trẻ vẫn có thể tiếp tục học tại cơ sở quen thuộc. Ngoài ra, Cơ sở chăm sóc trẻ em được chứng nhận còn cung cấp các dịch vụ hỗ trợ nuôi dạy trẻ, cho phép các gia đình không có con học tại cơ sở này cũng có thể tham gia tư vấn nuôi dạy trẻ và các hoạt động giao lưu giữa cha mẹ và con cái. Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với ủy ban nhân dân hoặc các cơ sở chăm sóc trẻ em được chứng nhận. Danh sách các cơ sở chăm sóc trẻ em được chứng nhận trong tỉnh Aichi có thể được tìm thấy trên trang web chính thức của tỉnh Aichi tại đây.

URL <https://www.pref.aichi.jp/0000016939.html> (chỉ có tiếng Nhật)

4-6 Câu lạc bộ cho trẻ em sau giờ học (Giữ trẻ sau giờ học)

Câu lạc bộ cho trẻ em sau giờ học là dịch vụ cung cấp nơi vui chơi và sinh hoạt phù hợp cho học sinh tiểu học trong trường hợp cha mẹ phải làm việc vào ban ngày và không thể chăm sóc trẻ. Dịch vụ này diễn ra sau giờ học hoặc trong các kỳ nghỉ dài tại các nhà thiếu nhi hoặc các phòng học trống của trường học. Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn cư trú.

4-7 Trung tâm dịch vụ hỗ trợ gia đình

Đây là một hệ thống dịch vụ hỗ trợ gia đình được thành lập và vận hành chủ yếu bởi các thành phố, quận, huyện trong đó những người cần hỗ trợ nuôi dạy trẻ và những người muốn hỗ trợ sẽ trở thành thành viên và giúp đỡ lẫn nhau trong việc chăm sóc nuôi dạy trẻ. Các dịch vụ bao gồm đón trẻ từ các cơ sở chăm sóc trẻ em khi cha mẹ không thể đi đón, hoặc tạm thời chăm sóc trẻ khi cha mẹ bận công việc hoặc phải ra ngoài. Mặc dù có tính phí (tùy thuộc vào từng thành phố, quận, huyện), nhưng lợi ích của dịch vụ này là bạn có thể sử dụng khi cần. Để sử dụng dịch vụ, bạn cần đăng ký làm thành viên trước. Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với văn phòng hành chính nơi bạn cư trú.

URL <https://www.pref.aichi.jp/soshiki/kosodate/0000054204.html> (chỉ có tiếng Nhật)



Chương 6

Giáo dục

1 Hệ thống giáo dục của Nhật Bản

Giáo dục bắt buộc của Nhật Bản kéo dài 9 năm bao gồm 6 năm tiểu học (6~12 tuổi) và 3 năm trung học (12~15 tuổi). Sau khi tốt nghiệp trung học, học sinh có thể tiếp tục học lên trung học phổ thông, đại học,... Năm học bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm sau. Mỗi năm học được chia thành học kỳ 1 (tháng 4~8), học kỳ 2 (tháng 9~12), học kỳ 3 (tháng 1~3) (cũng có trường chia thành học kỳ trước (tháng 4~9), học kỳ sau (tháng 10~3)). Đối với Người nước ngoài, không bắt buộc theo học trường tiểu học – trung học và trường giáo dục bắt buộc ở Nhật Bản nhưng, có thể theo học tại các trường giáo dục bắt buộc công lập nếu muốn.

Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ

“Hướng dẫn nhập học cho trẻ em Người nước ngoài”

Hướng dẫn thủ tục nhập học ở trường học Nhật Bản bằng nhiều ngôn ngữ

URL https://www.mext.go.jp/a_menu/shotou/clarinet/003/1320860.htm

Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippines/Tagalog, Việt Nam, Hàn Quốc – Triều Tiên, Ukraina

Tỉnh Aichi

“Sổ tay hỗ trợ phát triển tương lai cho trẻ em Người nước ngoài”

Tỉnh Aichi đã soạn thảo sách hướng dẫn bằng nhiều ngôn ngữ để hỗ trợ định hướng lộ trình tương lai cho trẻ em Người nước ngoài.

URL <https://www.pref.aichi.jp/soshiki/tabunka/shinro-gidebook2.html>

Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Philippines/Tagalog, tiếng Nhật có furigana

“Tài liệu học tiếng Nhật cho trẻ em Người nước ngoài”

Tỉnh Aichi đã biên soạn tài liệu học tập dành cho trẻ em Người nước ngoài trước khi nhập học tiểu học, nhằm mục đích giúp trẻ sớm thích nghi với cuộc sống học đường, mang tên "Tanoshii 1 Nen Sei", đồng thời, cũng soạn thảo sổ tay dành cho phụ huynh, giải thích về hệ thống giáo dục ở Nhật Bản với tựa đề "Hướng dẫn nhập học tiểu học - Trước khi trở thành học sinh lớp 1".

URL <https://www.pref.aichi.jp/soshiki/tabunka/purekyouzai.html>

Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippines/Tagalog, Nhật Bản

1-1 Trường tiểu học – trung học cơ sở

Đối với trẻ em mới nhập học lớp 1 trường tiểu học, địa phương nơi bạn đăng ký cư trú sẽ gửi các thông tin về kiểm tra sức khỏe khi nhập học và các giấy tờ khác liên quan đến việc nhập học của trẻ em sau kỳ nghỉ hè trước khi bắt đầu nhập học tiểu học, vì vậy hãy thực hiện các thủ tục cần thiết. Ngoài ra, nếu có mong muốn nhập học giữa chừng tại các trường tiểu học – trung học công, cần chuẩn bị các giấy tờ để xác định nơi cư trú như thẻ lưu trú, giấy chứng nhận thường trú đặc biệt,... Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ hội đồng giáo dục địa phương nơi cư trú.

Tài liệu tham khảo : Đại học Giáo dục Aichi, Hỗ trợ học sinh Người nước ngoài Resource room

“Sách hướng dẫn về trường tiểu học” “Sách hướng dẫn về trường trung học cơ sở”

URL <https://resource-room.nihongo.aichi-edu.ac.jp/about/guidebook/>

Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippines/Tagalog, Việt Nam

1-2 Trường trung học phổ thông

Trường trung học phổ thông công lập được chia thành các khóa học hệ toàn thời gian, hệ bán thời gian và hệ từ xa, đồng thời cung cấp nhiều ngành học khác nhau như khoa thông thường, khoa công nghiệp, khoa thương mại, ... Vì trường trung học phổ thông không nằm trong phạm vi giáo dục bắt buộc nên học sinh phải vượt qua kỳ thi đầu vào để được nhập học. Trong tỉnh, việc tuyển chọn học sinh nước ngoài được thực hiện tại các trường sau.

< Trường học thực hiện tuyển sinh đối với học sinh Người nước ngoài >

Tên trường học	Địa chỉ	Tên trường học	Địa chỉ
Khoa thông thường Trường trung học phổ thông Nagoya Minami	Nagoya-shi	Khoa công nghiệp Trường trung học phổ thông kỹ thuật Toyota	Toyota-shi
Khoa Career Business Trường trung học phổ thông Nakagawa Seiwa	Nagoya-shi	Khoa thông thường Trường trung học phổ thông Anjo Minami	Anjo-shi
Khoa thông thường Trường trung học phổ thông Komaki	Komaki-shi	Khoa tổng hợp Trường trung học phổ thông Chiryu	Chiryu-shi
Khoa tổng hợp Trường trung học phổ thông Iwakura Sogo	Iwakura-shi	Khoa tổng hợp Trường trung học phổ thông Toyohashi Nishi	Toyohashi-shi
Khoa thông thường Trường trung học phổ thông Higashiura	Higashiura-cho	Khoa thông thường Trường trung học phổ thông Mito Aoba	Toyokawa-shi
Khoa thông thường Trường trung học phổ thông Koromodai	Toyota-shi	Khoa công nghiệp Trường trung học phổ thông kỹ thuật Toyokawa	Toyokawa-shi

Ngoài ra, học sinh học bán thời gian có thể nộp đơn “Xem xét đặc biệt khi thi tuyển dành cho học sinh Người nước ngoài”. Về nguyên tắc, người đủ điều kiện là người đã chuyển tiếp từ lớp 4 trở lên của trường tiểu học và đã ở Nhật Bản không quá sáu năm kể từ khi nhập cảnh. Hơn nữa, từ tháng 4 năm 2025, một loại hình trường học mới gọi là “Trường trung học phổ thông linh hoạt (Flexible High School)” sẽ được mở, nơi có sự tích hợp cả ba khóa học: hệ chính quy, hệ bán thời gian vào ban ngày, và hệ từ xa trong cùng một trường học, cho phép học sinh linh hoạt chuyển đổi giữa các khóa học để học tập, cũng sẽ có các trường liên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông trực thuộc tỉnh, được thiết kế để đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng.

< Trường trung học phổ thông linh hoạt >

Tên trường	Địa chỉ	Tên trường	Địa chỉ
Trường trung học phổ thông Saya	Aisai-shi	Trường trung học phổ thông Yutakano	Toyota-shi
Trường trung học phổ thông Taketoyo	Taketoyo-shi	Trường trung học phổ thông Mito Aoba	Toyokawa-shi

< Trường liên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông trực thuộc tỉnh >

Thời gian khai giảng	Loại hình giáo dục		Tên trường	Địa chỉ
Tháng 4/2025	Học tập chú trọng khám phá		Trường trung học phổ thông và trung học cơ sở Meiwa	Nagoya-shi
			Trường trung học phổ thông và trung học cơ sở Tsushima	Tsushima-shi
			Trường trung học phổ thông và trung học cơ sở Handa	Handa-shi
			Trường trung học phổ thông và trung học cơ sở Kariya	Kariya-shi
Tháng 4/2026	Học tập chú trọng khám phá		Trường trung học phổ thông và trung học cơ sở Toyota Nishi	Toyota-shi
			Trường trung học phổ thông và trung học cơ sở Nishio	Nishio-shi
			Trường trung học phổ thông và trung học cơ sở Jishukan	Toyohashi-shi
	Phù hợp với nhu cầu giáo dục địa phương	Không đến trường	Trường trung học phổ thông và trung học cơ sở Nisshin	Nisshin-shi
		Người nước ngoài	Trường trung học phổ thông Koromodai (liên kết với trường trung học cơ sở thành phố)	Toyota-shi
		Nhân sự địa phương	Trường trung học phổ thông Miwa (liên kết với trường trung học cơ sở thành phố)	Ama-shi
	Sản xuất tiên tiến		Trường trung học phổ thông và trung học cơ sở Aichi Sogo	Nagoya-shi

Thông tin chi tiết về quy định nhập học, đối với các trường trung học phổ thông công lập liên hệ Bộ phận giáo dục trung học, Hội đồng giáo dục tỉnh Aichi (điện thoại: 052-954-6786), đối với trường liên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông Bộ phận giáo dục liên cấp, Hội đồng giáo dục tỉnh Aichi (điện thoại: 052-954-7432), đối với trường trung học phổ thông tư lập liên hệ trường để biết thêm chi tiết.

1-3 Mẫu giáo

Trường mẫu giáo dành cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trước khi học tiểu học. Học kì mới bắt đầu vào tháng 4 hằng năm. Trường sẽ nhận đơn đăng ký nhập học vào tháng đã được chỉ định của năm trước, nhưng nếu còn chỗ trống, trường sẽ tiếp nhận đơn bất cứ lúc nào. Miễn học phí được áp dụng từ tháng 10 năm 2019 (năm Reiwa thứ nhất). Thông tin chi tiết, liên hệ trực tiếp trường tư thực, liên hệ cơ quan hành chính địa phương nơi sinh sống đối với trường công lập.

Tài liệu tham khảo: **Đại học Giáo dục Aichi Hỗ trợ học sinh Người nước ngoài Resourceroom**
“Sách hướng dẫn về trường mẫu giáo – nhà trẻ”
 URL <https://resource-room.nihongo.aichi-edu.ac.jp/about/guidebook/>
 Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippines/Tagalog, Việt Nam

1-4 Trường học cho Người nước ngoài và trường quốc tế

Tại Nhật Bản, có trường học cho Người nước ngoài thực hiện giảng dạy các lớp bằng tiếng Anh, Hàn Quốc – Triều Tiên, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha,... Tùy từng trường đại học ở Nhật Bản, cũng có trường không tiếp nhận người tốt nghiệp từ trường dành cho Người nước ngoài tham gia thi tuyển. Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ trực tiếp trường dành cho Người nước ngoài, trường quốc tế.

Tên trường	Địa chỉ	Số điện thoại
Trường học Brazil (được công nhận bởi Bộ Giáo dục Brazil)		
Trường có chương trình giảng dạy tương đương với trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông của Nhật Bản		
Escola Sao Paulo	Anjo-shi	0566-95-7363
Escola Alegria de Sabel (Hekinan)	Hekinan-shi	0566-46-3404
Colegio Emanuel (Espresso)	Handa-shi	0569-58-8655
Toyohashi International Academy (Cantinho)	Toyohashi-shi	0532-21-8415
Escola Alegria de Saber Toyohashi	Toyohashi-shi	0532-54-0450
Escola Alegria de Saber Toyota	Toyota-shi	0565-47-0021 0565-47-0020
Trường học Brazil (không được công nhận bởi Bộ Giáo dục Brazil)		
Trường có chương trình giảng dạy tương đương với trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông của Nhật Bản		
Escola Paulo Freire Seto	Seto-shi	0561-76-0094
Cơ sở vật chất chỉ dành cho trẻ từ 1 đến 6 tuổi		
No Border Educação Infantil	Toyohashi-shi	0532-87-4017
Escola Emanuel	Handa-shi	0569-58-8655
Trường Philippines (tương đương với trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Nhật Bản)		
Ecumenical Learning Center for Children ELCC	Nagoya-shi	052-781-0165
Trường học Nepal (tương đương với trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Nhật Bản)		
Tokai Vatican International School	Nagoya-shi	052-888-6436
Nhà trẻ Muslim		
Darul Eman Kasugai Preschool	Kasugai-shi	0568-70-1910
Trường quốc tế		
Trường quốc tế Nagoya	Nagoya-shi	052-736-2025
Trường quốc tế Aichi	Nagoya-shi	052-788-2255
Trường quốc tế Enishi	Nagoya-shi	052-581-0700
Kurimoto Gakuen Trường trung học phổ thông quốc tế (Trường học theo quy định tại Điều 1 Luật Giáo dục trường học)	Nisshin-shi	0561-73-8181

1-5 Trường trung học cơ sở ban đêm

A Lớp học trung học cơ sở ban đêm

Tại lớp học trung học cơ sở ban đêm, người đã không thể tốt nghiệp trung học cơ sở vì nhiều lý do, có thể đạt được trình độ học vấn tương đương với học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, và nhận được bằng tốt nghiệp trung học cơ sở. Lớp học được thực hiện trong khu vực Nagoya-shi, miễn phí học phí. Lớp học được giảng dạy bằng tiếng Nhật, nhưng Người nước ngoài có thể tham gia. Ngoài ra, lớp học trung học cơ sở ban đêm được vận hành bởi tổ chức sau đây, sẽ không tuyển sinh mới cho năm học 2025 và sẽ đóng cửa vào tháng 3 năm 2026.

Tổ chức vì lợi ích cộng đồng Tổ chức thúc đẩy Giáo dục – Thể thao tỉnh Aichi

Địa chỉ 460-0007 tầng 2 Aichiken Kyoiku Kaikan, 1-49-10 Shinsakae Naka-ku Nagoya-shi
Điện thoại 052-242-1588
URL <https://aichi-kyo-spo.com/education/yakan/yakanchuugaku.html>

B Trường trung học cơ sở ban đêm trong tỉnh Aichi

Trường trung học cơ sở ban đêm, cung cấp cơ hội học tập lại giao đoạn giáo dục bắt buộc, dành cho người đã qua giai đoạn đi học mà chưa hoàn thành giáo dục bắt buộc, người đã tốt nghiệp trung học cơ sở mà chưa nhận được giáo dục đầy đủ vì nhiều lý do như không đi học (cả 2 trường hợp bao gồm cả Người nước ngoài). Từ năm 2025 (năm Reiwa thứ 7) đến năm 2026 (năm Reiwa thứ 8), các lớp học trung học cơ sở ban đêm sẽ được mở trong tỉnh Aichi.

< Trung học cơ sở ban đêm trong tỉnh >

Khai giảng	Tên trường học	Đặt tại	Địa chỉ
Tháng 4 năm 2025	Trường trung học cơ sở Toyohashi (trường do tỉnh thành lập)	Trường trung học phổ thông Toyohashi Koka (trường do tỉnh thành lập)	Toyohashi-shi
	Trường trung học cơ sở Nagoya (trường do thành phố Nagoya thành lập)	Trường tiểu học – trung học cơ sở Sasashima (trường do thành phố thành lập)	Nagoya-shi
Tháng 4 năm 2026	Trường trung học cơ sở Toyota (trường do tỉnh thành lập)	Trường trung học phổ thông Toyota Nishi (trường do tỉnh thành lập)	Toyota-shi
	Trường trung học cơ sở Komaki (trường do tỉnh thành lập)	Trường trung học phổ thông Komaki (trường do tỉnh thành lập)	Komaki-shi
	Trường trung học cơ sở Ichinomiya (trường do tỉnh thành lập)	Trường trung học phổ thông Ichinomiya (trường do tỉnh thành lập)	Ichinomiya-shi

1-6 Kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở (cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở)

Đây là kỳ thi quốc gia dành cho người đã hoãn hoặc miễn học do trường hợp bất khả kháng như bệnh tật, với mục đích xác định người đó có năng lực học tập tương đương trình độ tốt nghiệp trung học cơ sở hay không. Người vượt qua kỳ thi này sẽ đủ điều kiện tham gia kỳ thi tuyển sinh trung học phổ thông. Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ Ban Giáo dục bắt buộc, Hội đồng Giáo dục tỉnh Aichi (điện thoại: 052-954-6790) hoặc phòng thi chứng nhận hai, Ban Thúc đẩy Học tập suốt đời, Cục Chính sách Giáo dục Đại cương, Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (điện thoại: 03-5253-4111).

URL https://www.mext.go.jp/a_menu/shotou/sotugyo/index.htm

1-7 Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (trước đây gọi là Kỳ thi tuyển sinh đại học)

Đây là kỳ thi dành cho người không đủ điều kiện dự thi đại học vì chưa tốt nghiệp phổ thông trung học,... để xác định người đó có năng lực học tập tương đương hoặc cao hơn người đã tốt nghiệp trung học phổ thông hay không. Người vượt qua kỳ thi này sẽ được cấp bằng để tham gia kỳ thi tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng và trường dạy nghề tại Nhật Bản. Nó cũng có thể được sử dụng cho tìm kiếm việc làm, thi tuyển,... Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ phòng thi chứng nhận hai, Ban Thúc đẩy Học tập suốt đời, Cục Chính sách Giáo dục Đại cương, Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (điện thoại: 03-5253-4111).

URL https://www.mext.go.jp/a_menu/koutou/shiken/index.htm

Dự án hỗ trợ tương lai cho thanh thiếu niên và Người nước ngoài (Wakamono – Gaikokujin miraijyuku)

Đây là dự án hỗ trợ - tư vấn học tập miễn phí nhằm giúp người học vượt qua kỳ thi tương đương tốt nghiệp trung học phổ thông. Dự án cũng hỗ trợ Người nước ngoài học tiếng Nhật như một ngôn ngữ chuyên ngành tại sáu địa điểm: Nagoya, Toyohashi, Toyota, Kasugai, Gamagori và Chiryu. Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ ban Thúc đẩy học tập Aichi, Hội đồng Giáo dục tỉnh Aichi.

Điện thoại 052-954-6780

URL <https://www.pref.aichi.jp/site/social-education/mirai-ouen.html>

Tham khảo tờ rơi hướng dẫn dự án “Wakamono – Gaikokujin miraijyuku” (bản tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Tagalog, tiếng Nhật với furigana) tại trang web.

1-8 Step Up School (Khóa học tiếng Nhật cơ bản)

Step Up School là lớp học dành cho người trên 15 tuổi, muốn học lại tiếng Nhật, hoặc học những kiến thức cơ bản về tiếng Nhật. Tuy nhiên, tham gia lớp học này sẽ không nhận được chứng chỉ tốt nghiệp trung học cơ sở. Mỗi tháng 5 hằng năm thông tin tuyển sinh sẽ được cập nhật trên trang web. Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ Tổ chức thúc đẩy Giáo dục – Thể thao tỉnh Aichi.

URL <https://aichi-kyo-spo.com/education/stepup/stepup.html>

2 Hỗ trợ giáo dục

2-1 Hỗ trợ chi phí học tập

Đây là chế độ hỗ trợ chi phí cần thiết cho việc học trong trường hợp người giám hộ cho trẻ em – học sinh đang học tiểu học, trung học cơ sở gặp khó khăn về mặt tài chính trong việc cho trẻ đến trường. Khi gặp khó khăn trong việc chi trả đồ dùng học tập, chi phí ngoại khóa, chi phí du lịch học tập, tiền cơm tại trường,... hãy thảo luận với trường học, hội đồng giáo dục địa phương. Tuy nhiên, mỗi địa phương sẽ có sự khác nhau về nội dung hỗ trợ, giới hạn thu nhập. Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ hội đồng giáo dục địa phương nơi bạn sinh sống.

2-2 Quỹ hỗ trợ chi phí học tập trung học phổ thông

Đây là chế độ cung cấp cho học sinh các khoản trợ cấp học phí trung học để trang trải học phí, giảm gánh nặng tài chính cho các gia đình nhằm tạo ra một xã hội mà tất cả học sinh trung học có nguyện vọng đều có thể an tâm hoàn thành việc học, bất kể hoàn cảnh gia đình. Đây là khoản hỗ trợ không cần hoàn trả.

Người đáp ứng yêu cầu về điều kiện chi trả, phải nộp hồ sơ cho trường học đang theo học bao gồm đơn đăng ký theo mẫu, và bản sao Kojin bango kado hoặc Tsuchi kado của người giám hộ, hoặc giấy chứng nhận thuế,... là thủ tục cần thiết để nhận trợ cấp. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ với trường đang theo học hoặc tra cứu tại trang web bên dưới.

Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Chế độ trợ cấp học phí trung học phổ thông

URL https://www.mext.go.jp/a_menu/shotou/mushouka/index.htm (tiếng Nhật)
https://www.mext.go.jp/a_menu/shotou/mushouka/20220329-mxt_kouhou02-2.pdf (tiếng Anh)

Hội đồng Giáo dục tỉnh Aichi Chế độ trợ cấp học phí trung học phổ thông của tỉnh

URL <https://www.pref.aichi.jp/soshiki/zaimusisetsu/syugakushienkin.html>
 Ngôn ngữ hỗ trợ Bô Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Nhật Bản

2-3 Trợ cấp học bổng trung học phổ thông

Đây là khoản hỗ trợ được chi trả cho các hộ gia đình có thu nhập thấp giúp giảm bớt gánh nặng về chi phí giáo dục ngoài học phí để đảm bảo tất cả học sinh có nguyện vọng đều có thể an tâm học tập. Đây là khoản hỗ trợ không cần hoàn trả. Trường hợp đáp ứng các điều kiện dưới đây, người giám hộ có thể đăng ký.

Điều kiện đối với học sinh

- Học sinh nhập học năm nhất trường trung học phổ thông từ sau năm 2014 (năm Heisei 26)
- Học sinh đủ điều kiện nhận trợ cấp chi phí học tập từ ngày 1 tháng 7

Điều kiện đối với người giám hộ

- Hộ gia đình nhận trợ cấp sinh hoạt (hỗ trợ sinh kế) hoặc bố mẹ/người giám hộ của học sinh đều được miễn thuế cư trú của tỉnh và địa phương.
- Người có địa chỉ thường trú tại tỉnh Aichi từ ngày 1 tháng 7

Thông tin chi tiết, về trường công lập, liên hệ Ban Giáo dục Trung học Hội đồng Giáo dục tỉnh Aichi (điện thoại: 052-954-6785), về trường tư thục, liên hệ Phòng Xúc tiến trường tư thục Ban Xúc tiến các vấn đề học thuật Bộ phận Đời sống Công dân Cục Văn hóa Đời sống tỉnh Aichi hoặc trường đang theo học. Ngoài ra, bạn có thể tìm kiếm thông tin tại trang web dưới đây.

Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Trợ cấp học bổng cho học sinh trung học phổ thông

URL https://www.mext.go.jp/a_menu/shotou/mushouka/1344089.htm (tiếng Nhật)
https://www.mext.go.jp/a_menu/shotou/mushouka/20230317-mxt_kouhou02-2.pdf (tiếng Anh)

2-4 Học bổng

Tại tỉnh Aichi, nhằm hỗ trợ việc học tập tại chương trình giáo dục trung học phổ thông tại trường chuyên môn, trường trung học phổ thông của học sinh có ý chí học tập, có các loại học bổng hoàn trả và không hoàn trả.

A Học bổng dành cho học sinh trung học phổ thông

Đây là chế độ cho vay học bổng (phải hoàn trả) dành cho người cần hỗ trợ tài chính để học tập tại trường trung học phổ thông – chương trình giáo dục trung học phổ thông tại trường chuyên môn. Đối tượng của chế độ này bao gồm người có quốc tịch Nhật Bản, người nước ngoài vĩnh trú tại Nhật Bản. Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ Ban Giáo dục trung học phổ thông Hội đồng Giáo dục tỉnh Aichi (điện thoại: 052-954-6785), hoặc trường đang theo học.

B Học bổng dành cho sinh viên tại trường đại học ngắn hạn, trường chuyên môn (hệ chuyên môn), trường đại học....

Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản có học bổng dành cho sinh viên theo học tại trường đại học ngắn hạn, trường chuyên môn (hệ chuyên môn), trường đại học,... Người nước ngoài phải có một trong các tư cách cư trú sau đây “vĩnh trú” “định trú” “vợ/chồng của người Nhật” “vợ/chồng của người vĩnh trú” “vĩnh trú đặc biệt”. Ngoài ra từ tháng 4 năm 2024, mở rộng đối tượng đối với một số người có tư cách cư trú “cư trú gia đình”. Có học bổng hỗ trợ và học bổng cho vay, mức hỗ trợ - cho vay sẽ khác nhau tùy thuộc vào điều kiện kèm theo. Ngoài ra, học bổng cho vay có 2 loại bao gồm cho vay có lãi và cho vay không có lãi. Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ bộ phận phụ trách học bổng của trường.

C Học bổng dành cho du học sinh

Học bổng dành cho sinh viên quốc tế học tập tại Nhật Bản được cung cấp bởi chính phủ Nhật Bản (Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ), Tổ chức Dịch vụ Sinh viên Nhật Bản, chính quyền địa phương và các tổ chức khác. Vui lòng tham khảo Danh sách các chương trình học bổng trong "Sách hướng dẫn học bổng du học Nhật Bản" của Tổ chức dịch vụ sinh viên Nhật Bản, được xuất bản hàng năm bằng cả tiếng Nhật và tiếng Anh.

URL <https://www.studyinjapan.go.jp/ja/planning/scholarships/about-scholarships/>

2-5 Chi phí giáo dục

Khi học lên trung học phổ thông hoặc đại học cần chuẩn bị một số tiền. Có thể sử dụng học bổng, khoản vay giáo dục, tuy nhiên sẽ phải hoàn trả khi tốt nghiệp, nên hãy suy nghĩ kỹ trước khi vay. Việc tiết kiệm tiền từ khi còn nhỏ, chuẩn bị trước rất quan trọng. Bảng bên phải là ví dụ (năm 2018) cho chi phí giáo dục (bao gồm học phí, tiền ăn, tiền học thêm).

Tỉnh Aichi “Dành cho Người nước ngoài sinh sống tại tỉnh Aichi Yên tâm hơn khi biết những điều này! Hướng dẫn toàn bộ về tương lai và tiền bạc của bạn”

URL <https://www.pref.aichi.jp/soshiki/tabunka/lifeplanguidebook.html>

Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippines/Tagalog, Việt Nam, Nhật Bản.

	Công lập	Tư thực
Mẫu giáo	Khoảng 650000 yen	Khoảng 1580000 yen
Tiểu học	Khoảng 1930000 yen	Khoảng 9590000 yen
Trung học cơ sở	Khoảng 1460000 yen	Khoảng 4220000 yen
Trung học phổ thông	Khoảng 1370000 yen	Khoảng 2900000 yen
Đại học	Khoảng 2430000 yen	Khoảng 5070000 yen

2-6 Quỹ hỗ trợ giáo dục (Cơ quan Phúc lợi Xã hội tỉnh Aichi)

“Quỹ hỗ trợ giáo dục” là chế độ cung cấp các khoản vay cho hộ gia đình có thu nhập thấp nhằm trang trải chi phí cần thiết để theo học trung học phổ thông, cao đẳng, đại học hoặc cao đẳng kỹ thuật theo quy định của Luật Giáo dục Trường học. Đối với Người nước ngoài, có một trong các tư cách cư trú sau “vĩnh trú” “định trú” “vợ/chồng của người Nhật” “vợ/chồng của người vĩnh trú” “vĩnh trú đặc biệt”, ngoài ra phải cư trú tại địa chỉ hiện tại trên 6 tháng và có ý định định cư lâu dài tại Nhật Bản trong tương lai. Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ Cơ quan Phúc lợi Xã hội địa phương nơi bạn đang sinh sống.

3-1 Đánh giá – kiểm tra trình độ tiếng Nhật

Có rất nhiều kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Nhật dành cho người học tiếng Nhật. Có nhiều phương pháp kiểm tra, trình độ đánh giá, phương pháp chấm điểm, địa điểm thi, tổ chức, lệ phí khác nhau. Hãy lựa chọn kỳ thi phù hợp với mục đích của bản thân (du học, tìm việc làm, thực tập sinh kỹ năng,...) Bảng dưới đây liệt kê một số kỳ thi tiêu biểu. Vui lòng tham khảo “Danh sách kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Nhật” được đăng tải trên trang web Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ.

URL https://www.bunka.go.jp/seisaku/kokugo_nihongo/kyoiku/hyoka_shiken/

Tên gọi	Tổ chức	Thời gian thi	URL
JLPT Kỳ thi năng lực tiếng Nhật	Tổ chức Hỗ trợ Giáo dục Quốc tế Nhật Bản, Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản	Tháng 7 và 12 (2 lần trong năm)	https://info.jees-jlpt.jp (tiếng Nhật, tiếng Anh)
JPT Kỳ thi năng lực tiếng Nhật	The JPT Japan Executive Committee	12 lần trong năm	https://www.jpctest.jp (tiếng Nhật, tiếng Anh, Trung Quốc (giản thể - phồn thể))
Tiếng Nhật NAT -TEST	Công ty Senmon Kyouiku Publishing “Ban điều hành kỳ thi tiếng Nhật NAT-TEST”	Hơn 6 lần trong năm	http://www.nat-test.com (tiếng Nhật, tiếng Anh)
J.TEST	Công ty Gobun Kenkyusya “Văn phòng J TEST Kiểm tra năng lực tiếng Nhật”	6 lần trong năm	https://j-test.jp (tiếng Nhật)
BJT Kỳ thi năng lực tiếng Nhật thương mại	Hiệp hội kiểm định năng lực Kanji	Thường xuyên	https://www.kanken.or.jp/bjt/ (tiếng Nhật, tiếng Anh) http://www.businessjapanese.org/ (tiếng Trung giản thể) https://www.kanken.or.jp/bjt/tw/ (tiếng Trung phồn thể) http://www.bjttest.com/ (tiếng Hàn)
Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)	Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản	Tháng 6 và 11 (2 lần trong năm)	https://www.jasso.go.jp/ryugaku/eju/index.html (tiếng Nhật, tiếng Anh)

Ngoài ra, có công cụ cho phép người học tiếng Nhật kiểm tra trình độ tiếng Nhật của mình bằng 14 ngôn ngữ, bao gồm tiếng Nhật, để có thể tự đánh giá bằng ngôn ngữ mà bản thân cảm thấy thành thạo. Bạn có thể kiểm tra khả năng tiếng Nhật của mình ở sáu cấp độ, từ A1 đến C2.

Công cụ tự đánh giá năng lực tiếng Nhật “Nihongo check”

URL <https://www.nihongo-check.bunka.go.jp/>
 Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc (giản thể), Philippines/Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Myanmar, Campuchia/Khmer, Mông Cổ, Nhật Bản.

3-2 Cách học tiếng Nhật

Ngoài trường dạy tiếng Nhật thông thường, có thể học tiếng Nhật tại lớp học tiếng Nhật do địa phương, tổ chức tình nguyện,... tổ chức. Hiệp hội Giao lưu Quốc tế Nhật Bản cũng tổ chức các lớp học tiếng Nhật. (mục E trang T-61).

Ngoài ra, trên trang web của Hiệp hội Xúc tiến Giáo dục tiếng Nhật (<https://www.nisshinkyo.org/>), bạn có thể tìm kiếm thông tin về các tổ chức thành viên của hiệp hội (214 trường tính đến ngày 15 tháng 10 năm 2024) bằng tiếng Anh, tiếng Trung (giản thể và phồn thể), tiếng Hàn và tiếng Nhật.

Bạn cũng có thể dễ dàng sử dụng các công cụ học tiếng Nhật có sẵn trên Internet.

Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ

Trang web học tiếng Nhật dành cho “Người nước ngoài sinh sống”

“Cuộc sống được kết nối và mở rộng hơn với tiếng Nhật” (Tsunahiro)

URL <https://tsunagarujp.mext.go.jp>
 Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, tiếng Trung (giản thể - phồn thể), Philippines/Tagalog, Việt Nam, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Myanmar, Campuchia/Khmer, Mông Cổ, Nga, Ukraina, Pháp, Nhật Bản



Chương 7

Y tế - Lương hưu - Phúc lợi

1 Cơ sở y tế

Các cơ sở y tế tại Nhật có rất nhiều khoa khám chữa bệnh, có bệnh viện cung cấp dịch vụ điều trị như nhập viện và phẫu thuật, và các phòng khám (phòng khám) nhỏ hơn bệnh viện và có thể đến thăm khám thường xuyên.

Bạn hãy chọn cơ sở y tế để đến khám tùy theo tình trạng của bệnh tình hoặc chấn thương. Ngoài ra, khi đến bệnh viện có nhiều khoa và không biết nên đến khoa nào, hãy giải thích các triệu chứng của bạn và hỏi nhân viên lễ tân.

Khi đến bệnh viện, bạn sẽ cần xuất trình thẻ bảo hiểm y tế My Number. Bằng cách xuất trình thẻ bảo hiểm y tế My Number, bạn có thể được chăm sóc y tế mà chỉ cần chi trả một phần chi phí. Nếu bạn có giấy chứng nhận trợ cấp chi phí y tế (mục 4-3 trang T-24) chi trả để hỗ trợ các chi phí tự chi trả, bạn cũng phải xuất trình giấy chứng nhận này. Nếu bạn không mang theo thẻ bảo hiểm y tế My Number hoặc không tham gia bảo hiểm y tế, bạn sẽ phải chi trả mọi chi phí y tế (mục 2 trang T-33).

Các khoa khám chữa bệnh chính

Nội khoa	Khoa này chủ yếu sử dụng thuốc để điều trị các bệnh thông thường bao gồm cả cảm cúm. Nếu bạn không biết mình mắc bệnh gì, trước tiên nên đến gặp bác sĩ nội khoa.
Ngoại khoa	Điều trị chấn thương ngoài và thực hiện phẫu thuật.
Khoa Nhi	Điều trị các bệnh thông thường cho trẻ em từ 15 tuổi trở xuống.
Khoa chấn thương chỉnh hình	Điều trị về xương, khớp và cơ, như là gãy xương, bong gân và đau lưng, ...
Khoa mắt	Ngoài điều trị các bệnh thông thường về mắt, còn thực hiện các bài kiểm tra thị lực.
Nha khoa	Điều trị bệnh về răng như sâu răng, ...

Ngoài ra, còn có các khoa khác như khoa sản phụ, khoa tai mũi họng, khoa da liễu, khoa tiết niệu và khoa tâm thần,...

Danh sách tài liệu hướng dẫn bằng đa ngôn ngữ dành cho Người nước ngoài

Trên trang web của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi trong phần danh sách các tài liệu thông tin đa ngôn ngữ dành cho Người nước ngoài, có tài liệu về y tế khám chữa bệnh bằng nhiều ngôn ngữ.

URL https://www.mhlw.go.jp/stf/seisakunitsuite/bunya/kenkou_iryuu/iryuu/kokusai/setsumei-ml.html

Phiếu hỏi y tế đa ngôn ngữ

Đây là phiếu hỏi y tế bằng đa ngôn ngữ do Trung tâm giao lưu quốc tế Hearty Konandai (tổ chức phi lợi nhuận) và Tổ chức giao lưu quốc tế Kanagawa (tổ chức lợi ích công cộng) cùng biên soạn. Bạn có thể tìm thông tin dựa theo các khoa khám bệnh riêng biệt và ngôn ngữ của bạn.

URL <https://kifjp.org/medical/>

1-1 Cơ sở y tế có thể hỗ trợ bằng ngoại ngữ

Bạn có thể tìm kiếm các cơ sở y tế cung cấp dịch vụ bằng tiếng nước ngoài qua Internet, điện thoại hoặc fax.

Hướng dẫn cấp cứu y tế Aichi

Bạn có thể tìm kiếm bệnh viện và phòng khám hiện đang tiếp nhận bệnh nhân bằng tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Anh, tiếng Trung (phồn thể và giản thể) và tiếng Hàn.

Bạn cũng có thể tìm kiếm các cơ sở y tế cấp cứu trong tình hỗ trợ được nhiều ngôn ngữ.

URL <https://www.qq.pref.aichi.jp/>

Ngoài ra, có hướng dẫn tự động bằng giọng nói hoặc FAX

Điện thoại • FAX 050-5810-5884

Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc.

Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Mạng thông tin y tế (Navi)

Bạn có thể tìm kiếm thông tin y tế về các bệnh viện, phòng khám, phòng khám nha khoa, hiệu thuốc, phòng khám hộ sinh, ... trong tỉnh cung cấp dịch vụ bằng ngôn ngữ nước ngoài.

URL <https://www.iryuu.teikyouseido.mhlw.go.jp/znk-web/juminkanja/S2300/initialize>

Ngôn ngữ hỗ trợ Tiếng Anh, Trung Quốc (phồn thể - giản thể), Hàn Quốc, Nhật Bản.

Ngoài ra, một số cơ sở y tế còn cung cấp các dịch vụ sau:

Hệ thống thông dịch y tế Aichi (AiMIS)

Các cơ sở y tế tại tỉnh Aichi đã đăng ký với Hệ thống thông dịch y tế Aichi cung cấp các dịch vụ như điều phối thông dịch viên y tế, thông dịch qua điện thoại và phiên dịch thư giới thiệu, ...

Nội dung dịch vụ	Ngôn ngữ hỗ trợ
Điều phối thông dịch viên	Tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippines, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc – Triều Tiên, Myanma, Ả Rập, Malaysia
Thông dịch qua điện thoại (hỗ trợ 24 giờ 365 ngày)	Tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippines, Việt Nam, Hàn Quốc – Triều Tiên. (tiếng Philippines và Việt Nam chỉ có từ 8:00 đến 20:00)
Phiên dịch văn bản (như dịch thư giới thiệu của cơ quan y tế)	Tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippines, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc – Triều Tiên, Myanma, Ả Rập, Malaysia

Thông tin liên quan đến danh sách cơ sở y tế cung cấp dịch vụ thuộc hệ thống thông dịch y tế Aichi và cách thức sử dụng dịch vụ, vui lòng liên hệ bộ phận quản lý vận hành.

Điện thoại 050-3816-7465 (bộ phận quản lý vận hành) (chỉ có tiếng Nhật)

Thời gian tiếp nhận Ngày trong tuần 9:00~17:30

URL <https://www.aichi-iryoku-tsuyaku-system.com/>

(Tổ chức phi lợi nhuận đặc định) Trung tâm thông tin Y tế Quốc tế AMDA

Cung cấp thông tin bằng nhiều ngôn ngữ nhiều khác nhau về các cơ sở y tế trên toàn quốc có thể sử dụng tiếng nước ngoài và giải thích về hệ thống y tế phúc lợi của Nhật Bản.

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập trang web sau:

URL <https://www.amdamedicalcenter.com/consaltant>

2 Bảo hiểm y tế

2-1 Chế độ bảo hiểm y tế của Nhật Bản

Chế độ bảo hiểm y tế của Nhật Bản được thành lập với mục đích giảm gánh nặng chi phí y tế khi bị thương tật ốm đau. Tất cả mọi người sống tại Nhật Bản, bất kể quốc tịch nào, đều phải tham gia bảo hiểm y tế công cộng. Có hai loại bảo hiểm y tế bao gồm bảo hiểm sức khỏe (bảo hiểm người lao động) dành cho những người làm việc tại doanh nghiệp hoặc cơ sở và những người phụ thuộc của họ, và bảo hiểm sức khỏe quốc dân dành cho những người không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm sức khỏe. Sau khi tham gia bảo hiểm, khi bị bệnh, nếu xuất trình thẻ bảo hiểm My Number hoặc giấy xác nhận tư cách tại quầy tiếp nhận của cơ sở y tế, người bệnh được điều trị y tế cần thiết mà chỉ cần chi trả một phần chi phí.

2-2 Bảo hiểm sức khỏe (Bảo hiểm người lao động)

Người làm việc thường xuyên tại nơi làm việc có áp dụng bảo hiểm sức khỏe, bất kể quốc tịch nào, đều phải tham gia bảo hiểm sức khỏe. Thủ tục này sẽ được thực hiện bởi người sử dụng lao động. Ngoài ra, khi số lượng người phụ thuộc của người tham gia bảo hiểm tăng lên khi kết hôn, sinh con, ..., người tham gia bảo hiểm phải thông báo cho công ty.

Ngoài ra, Cơ quan hưu trí Nhật Bản đã biên soạn tờ rơi về bảo hiểm xã hội dành cho Người nước ngoài.

Tờ rơi đa ngôn ngữ của Cơ quan hưu trí Nhật Bản

“Bảo hiểm xã hội” cho mọi người

URL <https://www.nenkin.go.jp/service/pamphlet/kaigai/201904.html>

Ngôn ngữ hỗ trợ : Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippines/Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Myanma, tiếng Nga, Campuchia, Mông Cổ, Nhật Bản

Hướng dẫn tham gia hệ thống bảo hiểm xã hội

URL <https://www.nenkin.go.jp/service/pamphlet/kaigai/shakaihoken.html>

Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippines/Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Myanma, Nga, Campuchia, Mông Cổ, Nhật Bản.

Thông tin hướng dẫn về chế độ Bảo hiểm hưu trí và Bảo hiểm sức khỏe

URL <https://www.nenkin.go.jp/service/pamphlet/kaigai/konen-kenpo.html>

Ngôn ngữ hỗ trợ : Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippines/Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Myanma, Nga, Campuchia, Mông Cổ, Nhật Bản.

A Phí bảo hiểm

Phí bảo hiểm được xác định dựa trên mức lương, trong đó, người sử dụng lao động và người được bảo hiểm mỗi bên trả 50%. Người sử dụng lao động sẽ khấu trừ phí bảo hiểm từ tiền lương của người lao động được bảo hiểm.

B Thẻ bảo hiểm My Number

Bắt đầu từ ngày 2 tháng 12 năm 2024, Nhật Bản đã thay đổi sang hệ thống sử dụng thẻ My Number như là chứng nhận bảo hiểm. Những người không có thẻ bảo hiểm My Number, cần nộp đơn yêu cầu tại tổ chức bảo hiểm mà mình đã tham gia để nhận miễn phí "Giấy xác nhận tư cách". Khi đến khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế My Number, bạn phải đăng ký bằng máy đọc thẻ được lắp đặt tại cơ sở y tế.

C Nội dung trợ cấp chỉ áp dụng cho bảo hiểm sức khỏe (Bảo hiểm người lao động)

a. Tiền trợ cấp ốm đau

Nếu người được bảo hiểm không được nhận lương do nghỉ làm việc từ bốn ngày trở lên, bao gồm ba ngày liên tiếp, do thương tật ốm đau ngoài lý do công việc, thì từ ngày thứ tư trở đi, họ sẽ được nhận số tiền tương đương như sau "mức lương trung bình của tổng mức lương tiêu chuẩn trung bình hàng tháng cho 12 tháng trước ngày bắt đầu trợ cấp" ÷ 30 ngày × 2/3 cho mỗi ngày nghỉ làm (tối đa là 1 năm 6 tháng). *Từ tháng 1 năm 2022, các kỳ thanh toán sẽ được tính cộng dồn.

b. Tiền trợ cấp sinh con

Nếu người được bảo hiểm phải nghỉ làm, không được nhận lương vì sinh con, thì đối với mỗi ngày nghỉ trong khoảng thời gian từ 42 ngày trước ngày (dự kiến) sinh con (98 ngày trong trường hợp mang đa thai) đến 56 ngày sau ngày sinh, người được bảo hiểm sẽ nhận được khoản tiền tương ứng "mức lương trung bình của tổng mức lương tiêu chuẩn trung bình hàng tháng cho 12 tháng trước ngày bắt đầu trợ cấp" ÷ 30 ngày × 2/3. (mục 3-3 trang T-23)

D Không còn tư cách người được bảo hiểm

Khi không còn tư cách người được bảo hiểm như trong trường hợp nghỉ việc tại công ty, không còn là người phụ thuộc theo chế độ bảo hiểm sức khỏe, hãy hoàn trả lại chứng nhận bảo hiểm hoặc chứng nhận tư cách người được bảo hiểm cho nơi làm việc. Thẻ bảo hiểm chỉ có thể được sử dụng cho đến ngày nghỉ việc, vì vậy nếu người nào tiếp nhận điều trị y tế bằng thẻ bảo hiểm sau khi không còn tư cách người được bảo hiểm, người đó sẽ phải hoàn trả chi phí y tế. Có những trường hợp số tiền phải hoàn trả rất lớn, vì vậy hãy nhớ kiểm tra cẩn thận thời hạn sử dụng của thẻ bảo hiểm.

Thông tin liên hệ

Chi nhánh tỉnh Aichi của Hiệp hội Bảo hiểm Sức khỏe Toàn quốc (Kyokaikenpo)

Địa chỉ 450-6363 tầng 23, Tòa nhà JP Tower Nagoya, 1-1-1 Meieki, Nakamura-ku, Nagoya-shi
Điện thoại 052-856-1490
Giờ làm việc ngày thường 8:30~17:15
URL <https://www.kyoukaikenpo.or.jp/shibu/aichi/>

Chi nhánh Aichi của Hiệp hội Bảo hiểm Sức khỏe Toàn quốc đã phát hành tờ rơi hướng dẫn thông tin cho người nước ngoài về bảo hiểm sức khỏe.

Sổ tay hướng dẫn sử dụng bảo hiểm sức khỏe cho Người nước ngoài

URL <https://www.kyoukaikenpo.or.jp/~media/Files/aichi/pr/gaikokugo/20191017gaikokugo//20220221103.pdf> (Tiếng Nhật dễ hiểu)

Thông tin về hệ thống bảo hiểm y tế của Nhật Bản và việc sử dụng thẻ bảo hiểm sức khỏe sau khi nghỉ việc

URL <https://www.kyoukaikenpo.or.jp/shibu/aichi/cat080/2019102801/2019102802/>

Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippines/Tagalog, Việt Nam, Indonesia.

2-3 Bảo hiểm sức khỏe quốc dân

Những người dưới 75 tuổi không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế công cộng khác như bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc, đã đăng ký cư trú, thì phải tham gia Bảo hiểm sức khỏe quốc dân. Nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây, bạn phải nộp đơn tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống trong vòng 14 ngày.

- Khi đăng ký cư trú
- Khi chuyển đến nơi mới từ phường quận thành phố khác
- Khi dừng tham gia bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc
- Khi trẻ em được sinh ra (phần bảo hiểm cho trẻ)

Xin lưu ý rằng ngay cả khi thời gian lưu trú của bạn được xác định là ba tháng hoặc ít hơn và bạn không phải đăng ký thường trú, bạn vẫn có thể phải tham gia bảo hiểm nếu bạn dự kiến lưu trú hơn ba tháng. Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

A Phí bảo hiểm (thuế)

Người chủ hộ trong gia đình có người tham gia Bảo hiểm sức khỏe quốc dân có nghĩa vụ đóng phí bảo hiểm (thuế). Phí bảo hiểm (thuế) được tính dựa trên số lượng thành viên trong gia đình và thu nhập của năm trước. Ngoài ra, phí bảo hiểm (thuế) được chủ hộ gia đình trả thông qua các tổ chức tài chính theo từng kỳ thanh toán hàng năm. Cách thức thanh toán bao gồm, thanh toán tại văn phòng hành chính hoặc tổ chức tài chính khi đi mang theo "phiếu thanh toán" đã được văn phòng hành chính gửi đến, hoặc bằng cách sử dụng "chuyển khoản ngân hàng" qua tổ chức tài chính (tại một số xã, phường, thành phố, có thể thực hiện việc thanh toán tại các cửa hàng tiện lợi, ...).

Phí bảo hiểm (thuế) được tính từ tháng đã đủ tư cách tham gia Bảo hiểm sức khỏe quốc dân, không phải từ ngày nộp đơn tham gia bảo hiểm.

Ngoài ra, nếu gặp khó khăn trong việc thanh toán phí bảo hiểm (thuế) do thiên tai, thất nghiệp hoặc phá sản, ..., bạn có thể được miễn giảm phí bảo hiểm (thuế), vì vậy vui lòng liên hệ với văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống.

B Thẻ bảo hiểm My number (Thẻ bảo hiểm sức khỏe quốc dân)

Bắt đầu từ ngày 2 tháng 12 năm 2024, Nhật Bản đã thay đổi sang hệ thống sử dụng thẻ My Number làm thẻ bảo hiểm. Nếu không có thẻ bảo hiểm My Number, bạn sẽ được cấp miễn phí "Giấy xác nhận tư cách". (Trong một số trường hợp, bạn có thể cần phải nộp đơn đề nghị cấp giấy xác nhận tư cách. Vui lòng liên hệ tòa thị chính thành phố hoặc địa phương nơi bạn sinh sống để biết thêm thông tin) Khi đi khám, bạn sẽ cần phải thực hiện thủ tục đăng ký bằng cách sử dụng đầu đọc thẻ được lắp đặt tại cơ sở y tế.

C Không còn tư cách người được bảo hiểm

Nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây, bạn sẽ không còn đủ điều kiện tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân, vì vậy, trong vòng 14 ngày, bạn cần thực hiện thủ tục về không còn đủ điều kiện tham gia bảo hiểm và trả lại thẻ bảo hiểm.

- Khi về nước và không quay lại Nhật.
- Khi bạn chuyển đến địa phương khác.
- Khi bạn tham gia bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc.
- Khi chết.
- Khi bạn trở thành đối tượng của Cơ chế chăm sóc y tế cho người cao tuổi hậu kỳ (Cơ chế chăm sóc y tế cho người từ 75 tuổi trở lên và người từ 65 tuổi trở lên có một số khuyết tật nhất định và đã được chứng nhận khi nộp đơn) (Bạn không cần thực hiện thủ tục tham gia Cơ chế chăm sóc y tế cho người cao tuổi hậu kỳ khi bạn 75 tuổi).

*Nếu khám chữa bệnh bằng bảo hiểm sau khi không còn tư cách người được bảo hiểm, bạn sẽ phải hoàn trả chi phí y tế do bảo hiểm sức khỏe quốc dân chi trả.

2-4 Cơ chế chăm sóc y tế cho Người cao tuổi hậu kỳ

Cơ chế chăm sóc y tế cho người cao tuổi hậu kỳ được thiết lập nhằm đảm bảo người cao tuổi có thể tiếp tục nhận được dịch vụ chăm sóc y tế một cách an tâm và được điều hành thông qua sự hợp tác giữa các thành phố, quận thôn với Hiệp hội Bảo hiểm Chăm sóc y tế người cao tuổi trong và ngoài khu vực, bao gồm tất cả các thành phố trong mỗi tỉnh.

A Đối tượng tham gia (đối với Người nước ngoài)

Những người thuộc một trong các trường hợp sau đây đều được bảo hiểm theo Chế độ chăm sóc y tế dành cho người cao tuổi hậu kỳ. Tuy nhiên, những người có visa Tokutei Katsudo - hoạt động đặc định và có hoạt động vì mục đích y tế hoặc du lịch nghỉ dưỡng thì không thể tham gia. Ngoài ra, bạn sẽ phải rút khỏi các loại bảo hiểm sức khỏe đã tham gia từ trước (Bảo hiểm sức khỏe quốc dân, bảo hiểm của tổ chức kenkouhoken kumiai, bảo hiểm của tổ chức Kyoukaikenpo, bảo hiểm của tổ chức Kyou Sai kumiai, ...).

a. Người từ 75 tuổi trở lên

Bạn sẽ tham gia từ ngày hoặc sau ngày sinh nhật lần thứ 75 của mình. Không cần thủ tục nào để tham gia.

b. Người từ 65 đến 74 tuổi có một số khuyết tật nhất định*

Kể từ ngày nhận được chứng nhận của Hiệp hội Chăm sóc Y tế dành cho Người cao tuổi, có thể tham gia Cơ chế chăm sóc y tế dành cho Người cao tuổi hậu kỳ. Những người có mong muốn tham gia cần nộp đơn đề nghị cấp chứng nhận tại văn phòng xã, phường, quận, thành phố nơi bạn đang sinh sống. Ngoài ra, người đã được cấp chứng nhận, vẫn có thể hủy giấy chứng nhận khuyết tật bất kỳ lúc nào cho đến khi đủ 74 tuổi và chuyển sang một loại bảo hiểm y tế khác.

* "Những người có một số khuyết tật nhất định" là người có

Sổ tay người khuyết tật thể chất cấp độ 1 đến 3, Sổ tay người khuyết tật thể chất cấp độ 4 (âm thanh, ngôn ngữ, chỉ dưới cấp độ 1, 3, 4)

Sổ tay phục hồi chức năng (chăm sóc sức khỏe) loại A (độ 1, độ 2)

Sổ tay sức khỏe và phúc lợi cho người có rối loạn tâm thần, cấp độ 1 và 2

B Phí bảo hiểm

Phí bảo hiểm hàng năm là tổng của "số tiền chia dựa theo thu nhập" do người được bảo hiểm trả theo thu nhập của họ và "số tiền được chia đều cho tất cả người được bảo hiểm" (phí cố định) do tất cả những người được bảo hiểm trả đồng đều. Tỷ lệ phí bảo hiểm sẽ được xem xét lại hai năm một lần.

2-5 Danh sách bảo hiểm y tế

	Bảo hiểm y tế (Bảo hiểm người lao động)	Bảo hiểm sức khỏe quốc dân	Cơ chế bảo hiểm Người cao tuổi hậu kỳ
Nơi liên hệ	Hiệp hội bảo hiểm sức khỏe toàn quốc hoặc Tổ chức bảo hiểm sức khỏe	Văn phòng ủy ban nhân dân hoặc hiệp hội bảo hiểm sức khỏe quốc dân	Văn phòng ủy ban nhân dân
Đối tượng	Người làm việc thường xuyên tại nơi làm việc có áp dụng bảo hiểm sức khỏe	Người dưới 75 tuổi có đăng ký cư trú	Người từ 75 tuổi trở lên và người từ 65-74 tuổi có một số khuyết tật nhất định
Phí bảo hiểm	Số tiền được xác định dựa trên mức lương, trọng độ công ty và người tham gia bảo hiểm mỗi bên trả 50%	Được tính dựa trên số thành viên trong gia đình và thu nhập của năm trước.	Mức chi trả dựa trên thu nhập của người được bảo hiểm. Tỷ lệ phí bảo hiểm sẽ được xem xét lại sau mỗi hai năm
Nội dung trợ cấp	Phí chăm sóc trị liệu y tế,...	Người dưới 70 tuổi sẽ được chi trả 70% và tự chi trả 30% Đối với trẻ em chưa đến tuổi đi học, sẽ được chi trả 80% và tự trả 20%. Đối với người trên 70 tuổi và chưa đủ 75 tuổi sẽ được chi trả 80% và tự chi trả 20% (Người có thu nhập tương đương với người đang làm việc phải tự chi trả 30%.)	Được chi trả 90% và tự chi trả 10% (Người có thu nhập trên mức nhất định sẽ được chi trả 80%, tự chi trả 20%; người có thu nhập tương đương với người đang làm việc sẽ được chi trả 70%, tự chi trả 30%.)
	Tiền trợ cấp thương tật-bệnh	Có trợ cấp Tham khảo mục 2-2C-a trang V-34	Không có trợ cấp (có một số trường hợp ngoại lệ)
	Tiền trợ cấp một lần sinh con và nuôi dạy trẻ	Số tiền trợ cấp là 500,000 yên cho mỗi một trẻ mới sinh (Theo nguyên tắc, nếu sinh ở cơ sở y tế không tham gia hệ thống bồi thường y tế sản khoa, sẽ nhận được 488,000 yên), ngay cả trong trường hợp thai chết hoặc sảy thai sau 85 ngày mang thai, cũng sẽ nhận được	Số tiền trợ cấp là 500,000 yên cho mỗi một trẻ mới sinh (Theo nguyên tắc, nếu sinh ở cơ sở y tế không tham gia hệ thống bồi thường y tế sản khoa, sẽ nhận được 488,000 yên), ngay cả trong trường hợp thai chết hoặc sảy thai sau 85 ngày mang thai, cũng sẽ nhận được.

	Bảo hiểm sức khỏe (Bảo hiểm người lao động)	Bảo hiểm sức khỏe quốc dân	Cơ chế bảo hiểm Người cao tuổi hậu kỳ
Trợ cấp sinh con	Có trợ cấp Tham khảo mục 3-3 trang V-23, mục 2-2C-b trang V-34	Không có trợ cấp	Không có trợ cấp
Chi phí trị liệu	Nếu bạn đã chi trả toàn bộ chi phí y tế trong một số trường hợp như dưới đây, sau khi nộp đơn đề nghị nếu bên bảo hiểm chấp thuận, bạn có thể được hoàn lại một phần chi phí đã chi trả. - Trong trường hợp bất khả kháng, bạn đã khám chữa bệnh trong khi không mang thẻ bảo hiểm. - Khi được bác sĩ chỉ định chế tạo và đeo nẹp lưng hoặc các thiết bị hỗ trợ khác. - Chi phí sử dụng máu để truyền máu. - Tiếp nhận khám chữa bệnh trong khi đi nước ngoài.		
Chi phí trị liệu đắt tiền	Khi khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm My Number, bạn không cần giấy chứng nhận áp dụng hạn mức tối đa, chi phải chi trả đến mức giới hạn tự chi trả.		
	Khi xuất trình “giấy chứng nhận áp dụng hạn mức tối đa chi phí y tế” (Gendogaku Tekiyō Ninteisho) cùng với thẻ bảo hiểm tại quầy tiếp tân của cơ sở y tế, thì chi phí thanh toán tại quầy trong một tháng (từ ngày 1 đến hết tháng) sẽ chỉ đến mức giới hạn tự chi trả.	Khi khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm giấy hoặc giấy xác nhận tư cách, khi xuất trình “giấy chứng nhận áp dụng hạn mức tối đa chi phí y tế” cùng với thẻ bảo hiểm tại quầy tiếp tân của cơ sở y tế, thì chi phí thanh toán tại quầy trong một tháng (từ ngày 1 đến hết tháng) sẽ chỉ đến mức giới hạn tự chịu.	Tổng hợp một phần các khoản chi phí y tế đã chi trả trong cùng một tháng, phần vượt quá hạn mức tự chịu (được thiết lập chi tiết theo phân loại thu nhập, v.v.) sẽ được chi trả. Chi cần nộp đơn đăng ký cho lần đầu tiên.
Chi phí trị liệu kết hợp với chi phí điều dưỡng đắt tiền	Trường hợp người được bảo hiểm y tế trong cùng một hộ gia đình, có người hưởng bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng ở hộ gia đình tham gia bảo hiểm sức khỏe, thì sau khi tính tổng các khoản tự chi trả phí bảo hiểm sức khỏe và phí chăm sóc điều dưỡng trong một năm, nếu vượt quá số tiền chuẩn tổng tính toán chăm sóc điều dưỡng (được thiết lập chi tiết theo phân loại thu nhập, v.v.), thì sẽ được chi trả khi nộp đơn xin lại số tiền.		
Chi phí ăn uống trong thời gian nằm viện	Khi người được bảo hiểm hoặc người phụ thuộc nhập viện, chi phí ăn uống sẽ được tính vào phần tự chi trả của họ cho đến một mức nhất định, nhưng nếu đáp ứng được các điều kiện nhất định, có thể nộp đơn đề giảm chi phí ăn uống.		
Chi phí trị liệu y tế như bằng các phương pháp như phương pháp judo, châm cứu, y học cổ truyền - massage	Bảo hiểm sức khỏe "có thẻ" và "không thẻ" áp dụng khi thực các liệu pháp như phục hồi judo (phòng khám nắn chỉnh/ bó bột xương) và chuyên gia châm cứu,...		
Chi phí chăm sóc điều dưỡng tại nhà	Khi người bệnh đang điều trị tại nhà và sử dụng dịch vụ chăm sóc tại nhà của trạm chăm sóc theo chỉ dẫn của bác sĩ điều trị chính, chi phí này sẽ được cấp dưới dạng hiện vật như chi phí chăm sóc tại nhà.		
Chi phí tự trả ngoài khoản đồng thanh toán bảo hiểm	Khi tiếp nhận điều trị không được bảo hiểm áp dụng, mặc dù có những phần có thể được bảo hiểm áp dụng nhưng vẫn phải tự chi trả toàn bộ chi phí. Tuy nhiên, nếu đáp ứng được các điều kiện nhất định, chi phí cho các phần liên quan đến điều trị thông thường (như khám bệnh, xét nghiệm-phát thuốc, phí nhập viện) sẽ được bảo hiểm áp dụng.		
Chi phí chuyên chở	Khi bệnh nhân gặp khó khăn trong việc di chuyển do bệnh tật hoặc chấn thương, mà việc di chuyển do bệnh tật hoặc chấn thương cần phải chuyển viện theo chỉ định của bác sĩ vì cần thiết trong tình huống khẩn cấp hoặc tạm thời, thì chi phí chuyển viện sẽ được chi trả dưới hình thức trợ cấp bằng tiền mặt khi đơn vị bảo hiểm công nhận rằng việc chuyển viện là cần thiết về mặt y tế.	Khi bệnh nhân gặp khó khăn trong việc di chuyển do bệnh tật hoặc chấn thương, mà cần phải chuyển viện theo chỉ định của bác sĩ vì cần thiết trong tình huống khẩn cấp hoặc tạm thời, thì chi phí chuyển viện sẽ được chi trả dưới hình thức trợ cấp bằng tiền mặt khi đơn vị bảo hiểm công nhận rằng việc chuyển viện là trường hợp bất khả kháng.	Khi bệnh nhân gặp khó khăn trong việc di chuyển do bệnh tật hoặc chấn thương, mà cần phải chuyển viện theo chỉ định của bác sĩ vì cần thiết trong tình huống khẩn cấp hoặc tạm thời, thì chi phí chuyển viện sẽ được chi trả khi Hiệp hội Chăm sóc Y tế dành cho Người cao tuổi công nhận rằng việc chuyển viện là trường hợp bất khả kháng.
Chi phí tang lễ, mai táng	Khi bản thân người được bảo hiểm hoặc bản thân người phụ thuộc mất, gia đình sẽ được chi cấp 50,000 yên (Nếu là đối với phí mai táng/ chôn cất thì chúng tôi sẽ chi cấp một khoản phí trong phạm vi 50,000 yên và phí đó sẽ ứng với chi phí mai táng/ chôn cất thực mà gia đình đã chi trả).	Về nguyên tắc, khi người tham gia bảo hiểm mất thì người cử hành tang lễ trong gia đình sẽ được trợ cấp 50,000 yên.	Khi người được bảo hiểm mất, thì người cử hành tang lễ sẽ được trợ cấp 50,000 yên dưới hình thức trợ cấp chi phí tổ chức tang lễ

※Từ 0 tuổi đến khi tốt nghiệp trung học cơ sở (tức đến ngày 31 tháng 3 đầu tiên sau khi tròn 15 tuổi), cần xuất trình “Giấy chứng nhận quyền lợi chăm sóc y tế trẻ em”. Ngoài ra, đối với người từ 70 đến 74 tuổi, có thể cần xuất trình “Chứng nhận phúc lợi Người cao tuổi”. Tuy nhiên, độ tuổi đủ điều kiện được hỗ trợ, phương thức chi trả, giới hạn thu nhập, và yêu cầu xuất trình Chứng nhận phúc lợi Người cao tuổi có thể khác nhau tùy theo thành phố hoặc khu vực. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ cơ quan hành chính tại địa phương của bạn.

3 Chế độ lương hưu

3-1 Chế độ lương hưu tại Nhật Bản

Chế độ lương hưu của Nhật Bản được thiết kế để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống xã hội đối với các trường hợp như già yếu, khuyết tật hoặc tử vong vì vậy, tất cả mọi người cư trú tại Nhật Bản đều phải tham gia chế độ lương hưu này. Chế độ lương hưu công của Nhật Bản bao gồm Hưu trí quốc dân (Kokumin nenkin) và Bảo hiểm hưu trí Người lao động (Kosei nenkin hoken). Hưu trí quốc dân là một chế độ cung cấp lương hưu cơ bản dựa trên thời gian tham gia và số tiền bảo hiểm đã đóng, trong khi đó, Bảo hiểm hưu trí người lao động là hệ thống trả lương hưu theo tỷ lệ thù lao (tiền lương) trước đây và thời gian tham gia như một khoản bổ sung cho lương hưu cơ bản.

Ngoài ra, hàng năm, Tổ chức lương hưu Nhật Bản (Japan Pension Service) sẽ gửi Nenkin Teikibin (bưu thiếp hoặc thư) bằng tiếng Nhật được gửi từ cho những người tham gia lương hưu công vào tháng sinh của họ. Nenkin Teikibin có chứa hồ sơ lương hưu như thời gian tham gia lương hưu và số tiền phí bảo hiểm đã đóng. Bạn cũng có thể kiểm tra thông tin lương hưu của mình trực tuyến từ máy tính hoặc điện thoại thông minh bằng cách sử dụng "Nenkin Net". Đối với trường hợp người nước ngoài trở về nước, vấn đề lương hưu đã đóng tại Nhật Bản sẽ được giải quyết thông qua thủ tục thanh toán một lần (Dattai ichijikin) theo chỉ dẫn tại tài liệu mục 3-4 trang V-38.

Nếu bạn không thể trả phí bảo hiểm hưu trí, hãy chắc chắn tham khảo ý kiến của văn phòng hưu trí gần nhất hoặc văn phòng thành phố hoặc thị trấn. Nếu bạn tiếp tục chậm đóng phí bảo hiểm hưu trí, tiền lương và tiền tiết kiệm của bạn có thể bị tịch thu.

Tài liệu tham khảo : **Tổ chức lương hưu Nhật Bản 「ねんきんネット」**

URL https://www.nenkin.go.jp/n_net/

3-2 Hưu trí quốc dân (Kokumin nenkin)

Bất kể quốc tịch nào, người từ 20 trở lên và dưới 60 tuổi sống tại Nhật Bản đều phải tham gia Hưu trí quốc dân và có nghĩa vụ đóng phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, cũng có các chế độ miễn trừ và hoàn đóng phí Hưu trí quốc dân, áp dụng trong nhiều trường hợp khác nhau, chẳng hạn như “Chế độ thanh toán đặc biệt cho sinh viên”, “Chế độ miễn trừ cho giai đoạn trước và sau khi sinh” (mục 3-2 trang V-23) và “Miễn trừ đặc biệt cho người chịu bạo lực gia đình từ vợ/chồng”. Tổ chức lương hưu Nhật Bản có phát hành sách hướng dẫn dành cho Người nước ngoài tham khảo.

A Người tham gia và thủ tục tham gia

a. Người được bảo hiểm nhóm 1

Mọi người trong độ tuổi từ 20 trở lên và dưới 60 sống tại Nhật Bản và không thuộc diện người được bảo hiểm nhóm 2 hoặc nhóm 3. Người nước ngoài thuộc diện người được bảo hiểm nhóm 1, sau khi đăng ký cư trú tại văn phòng thành phố, thị trấn hoặc làng xã của mình, đến quầy Lương hưu quốc dân tại cùng văn phòng thành phố, thị trấn hoặc làng xã đó để nộp đơn xin tham gia.

b. Người được bảo hiểm nhóm 2

Người làm việc tại công ty hoặc nhà máy và được tham gia Bảo hiểm hưu trí Người lao động. Thủ tục tham gia sẽ được thực hiện bởi công ty hoặc nhà tuyển dụng, do đó bạn không cần phải thực hiện bất kỳ thủ tục nào. Vui lòng liên hệ với nơi làm việc để biết thêm chi tiết.

c. Người được bảo hiểm nhóm 3

Vợ/chồng từ 20 tuổi trở lên và dưới 60 tuổi (vợ/chồng là người phụ thuộc) đang sống tại Nhật Bản và được người được bảo hiểm nhóm 2 hỗ trợ chu cấp. Tuy nhiên, có những trường hợp ngoại lệ đối với quy tắc này, chẳng hạn như những người đi nước ngoài tạm thời có thể trở thành người được bảo hiểm nhóm 3. Thủ tục đăng ký phải được thực hiện thông qua người sử dụng lao động như công ty hoặc tổ chức khác nơi vợ/chồng của bạn, là người được bảo hiểm nhóm 2 đang làm việc. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ nơi làm việc của vợ/chồng bạn.

B Phí bảo hiểm (Đối với người được bảo hiểm nhóm 1)

Phí bảo hiểm hàng tháng được ấn định hàng năm. Tổ chức lương hưu Nhật Bản sẽ gửi cho bạn giấy nộp tiền và bạn phải trả phí bảo hiểm hàng tháng vào ngày cuối của tháng tiếp theo. Phí bảo hiểm có thể được thanh toán bằng tiền mặt tại quầy giao dịch của các tổ chức tài chính như ngân hàng, bưu điện và cửa hàng tiện lợi, cũng như bằng chuyển khoản ngân hàng, thẻ tín dụng và qua Internet. Nếu bạn gặp khó khăn trong việc thanh toán phí bảo hiểm do thu nhập thấp hoặc các lý do khác, vui lòng nộp đơn xin miễn phí bảo hiểm tại văn phòng thành phố, thị trấn hoặc làng xã bạn sinh sống. Nếu được chấp thuận, phí bảo hiểm của bạn sẽ được miễn toàn bộ hoặc một phần. Ngoài ra, trước và sau khi sinh con, bạn sẽ được miễn đóng bảo hiểm hưu trí quốc dân trong bốn tháng kể từ tháng trước ngày dự sinh hoặc tháng có ngày sinh (trong trường hợp mang đa thai, bạn sẽ được miễn đóng trong 6 tháng. Thời gian sẽ được tính bắt đầu từ ba tháng trước tháng có ngày dự sinh hoặc tháng có ngày sinh). (mục 3-2 trang V-23)

C Quyền lợi được chi trả từ Hưu trí quốc dân

Các khoản lương hưu cơ bản sau đây được trả theo một số điều kiện nhất định. Trừ một số trường hợp ngoại lệ, nếu bạn cư trú bên ngoài Nhật Bản, bạn vẫn có thể nhận lương hưu tại nơi cư trú của mình.

a. Hưu trí cơ bản cho người cao tuổi

Về nguyên tắc, chế độ này được trả từ 65 tuổi cho những người đáp ứng một số điều kiện nhất định, chẳng hạn như đã đóng phí bảo hiểm lương hưu quốc dân trong hơn 10 năm.

b. Hưu trí cơ bản cho người khuyết tật

Quyền lợi này sẽ được chi trả nếu bạn tham gia bảo hiểm lương hưu quốc dân và bị khuyết tật được phân loại vào Loại 1 hoặc Loại 2 do bệnh tật hoặc thương tích đã được chuẩn đoán trước tại phòng khám.

c. Hưu trí cơ bản cho gia quyến

Nếu người tham gia Hưu quốc dân qua đời, thì những người thân phụ thuộc vào họ (cụ thể là vợ/chồng có con hoặc con cái) sẽ được nhận hỗ trợ.

3-3 Bảo hiểm hưu trí Người lao động (Kosei nenkin hoken)

Người được tuyển dụng bởi các doanh nghiệp (như công ty hoặc nhà máy) đang tham gia hệ thống bảo hiểm xã hội, theo nguyên tắc, người đó có nghĩa vụ phải tham gia chế độ bảo hiểm này.

A Người tham gia và thủ tục tham gia

Người được tuyển dụng dưới 70 tuổi sẽ phải tham gia bảo hiểm này theo một số điều kiện nhất định của công ty hoặc nhà máy. Về nguyên tắc, người lao động dưới 65 sẽ đồng thời trở thành người được bảo hiểm nhóm 2 của Hưu trí Quốc dân. Các thủ tục sẽ do người sử dụng lao động thực hiện.

B Phí bảo hiểm

Phí bảo hiểm sẽ được quy định dựa theo mức lương, và người sử dụng lao động cũng như người tham gia bảo hiểm sẽ trả mỗi bên 50%*. Người sử dụng lao động sẽ khấu trừ phần phí chi trả bảo hiểm từ tiền lương của người tham gia. Đối với các trường hợp miễn trừ trong thời gian thai sản trước và sau sinh cũng như trong thời gian nghỉ việc nuôi con, vui lòng tham khảo mục 3-2 trang V-23 "Miễn giảm phí bảo hiểm y tế và phí bảo hiểm hưu trí khi sinh con".

* Tỷ lệ đóng phí bảo hiểm y tế tại các doanh nghiệp thuộc hiệp hội bảo hiểm y tế sẽ được xác định dựa trên các điều khoản cụ thể.

C Quyền lợi được chi trả từ Bảo hiểm hưu trí Người lao động

Hưu trí tuổi già cho Người lao động, Hưu trí dành cho Người lao động khuyết tật, Hưu trí Người lao động trả cho gia quyền sẽ được chi cấp dựa theo một số điều kiện yêu cầu nhất định.

3-4 Trợ cấp lương hưu một lần

Trợ cấp lương hưu một lần sẽ được chi trả cho người đáp ứng đủ các điều kiện bên dưới khi đã mất tư cách người được bảo hiểm và đã nộp đơn đề nghị trong vòng 2 năm kể từ ngày (dự định) chuyển ra khỏi nơi cư trú. Tuy nhiên, nếu bạn không nộp đơn khai báo rời khỏi Nhật Bản, thì về nguyên tắc bạn sẽ không thể nhận trợ cấp lương hưu một lần. Số tiền từ trợ cấp lương hưu một lần sẽ được xác định dựa theo khoản thời gian tham gia bảo hiểm và khoản thời gian đã đóng tiền phí bảo hiểm. Ngoài ra, mặc dù thuế thu nhập sẽ không bị khấu trừ từ Trợ cấp lương hưu một lần trong Hưu trí quốc dân, nhưng thuế thu nhập sẽ bị khấu trừ 20.42% từ trợ cấp lương hưu một lần trong bảo hiểm hưu trí Người lao động. Đối với người có khoản thời gian tham gia bảo hiểm hưu trí ở đất nước có ký kết hiệp định cộng dồn tiền bảo hiểm hưu trí với Nhật Bản thì sẽ có trường hợp có thể nhận được tiền lương hưu ở quốc gia có hiệp định với Nhật Bản sau khi tính cộng dồn khoản thời gian tham gia bảo hiểm hưu trí nếu đáp ứng được các điều kiện nhất định dưới đây. Tuy nhiên, nếu bạn nhận Trợ cấp lương hưu một lần, thì khoảng thời gian đó sẽ không được tính vào tổng.

Điều kiện được thanh toán

- Người không mang quốc tịch Nhật Bản.
- Tổng số tháng mà bạn đã đóng phí bảo hiểm theo chế độ Người được bảo hiểm loại 1 trong chế độ Hưu trí quốc dân, số tháng tương đương với ba phần tư số tháng trong thời gian mà bạn được miễn đóng một phần tư số tiền bảo hiểm, số tháng tương đương với một phần hai số tháng trong thời gian mà bạn được miễn đóng một nửa phí bảo hiểm hoặc số tháng tương đương một phần tư số tháng trong thời gian mà bạn được miễn đóng ba phần tư phí bảo hiểm hoặc số tháng mà bạn là người được bảo hiểm theo chế độ bảo hiểm hưu trí Người lao động (bao gồm cả thời gian bạn là thành viên của hiệp hội tương trợ,...) là sáu tháng trở lên.
- Người không có địa chỉ tại Nhật.
- Người trong quá khứ không có quyền nhận lương hưu (bao gồm cả tiền trợ cấp cho người khuyết tật).

Thông tin về Trợ cấp lương hưu một lần

Bạn có thể tải về giấy yêu cầu thanh toán và thông tin chi tiết liên quan tới Trợ cấp lương hưu một lần từ trang chủ của Tổ chức lương hưu Nhật Bản

URL <https://www.nenkin.go.jp/service/jukyu/todokesho/sonota-kyufu/20150406.html>

Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, Trung, Philipin (Tagalog), Việt, Nepal, Indonesia, Thái, Hàn, Myanmar, Nga, Campuchia, Mông Cổ.

3-5 Hiệp định An sinh xã hội

Trong khi hoạt động trao đổi quốc tế ngày càng trở nên sôi động, số lượng người được các công ty cử đi làm việc hoặc có kế hoạch sinh sống ở nước ngoài trong tương lai ngày càng tăng theo từng năm. Khi làm việc tại nước ngoài, việc tham gia chế độ an sinh xã hội tại quốc gia đang làm việc là cần thiết, bên cạnh đó, đối với nhân viên công ty được phái từ Nhật Bản ra nước ngoài, có trường hợp họ phải chịu gánh nặng đóng phí bảo hiểm cho cả hệ thống an sinh xã hội của Nhật Bản và quốc gia sở tại. Ngoài ra, để nhận được lương hưu tại Nhật Bản và nước ngoài, bởi vì trong một số trường hợp cần tham gia vào hệ thống lương hưu của quốc gia đó trong một khoảng thời gian nhất định, nên dù đã đóng phí bảo hiểm lương hưu tại quốc gia đó mà vẫn không được nhận lương hưu.

Hiệp định An sinh xã hội được ký kết dựa trên việc xem xét trường hợp trên với 2 mục đích sau đây.

- ① Phối hợp song phương giữa hai quốc gia để điều chỉnh chế độ tham gia cần tham gia nhằm tránh tình trạng “nộp phí bảo hiểm hai lần” (Phòng ngừa đóng phí bảo hiểm 2 lần)
- ② Để đảm bảo đủ điều kiện nhận lương hưu, thời gian tham gia vào chế độ lương hưu của cả hai quốc gia sẽ được tính tổng, giúp người lao động dễ dàng đáp ứng các yêu cầu về thời gian tham gia cần thiết để nhận lương hưu. (Tính tổng thời gian tham gia bảo hiểm)

Nội dung của mỗi Hiệp định An sinh xã hội, có nhiều điểm tương đồng, bên cạnh đó, tùy thuộc vào hệ thống an sinh của từng quốc gia ký kết hiệp định, sẽ có những khác biệt về các chế độ bảo hiểm được áp dụng.

Bạn có thể kiểm tra về thủ tục và cách xử lý chung của các hiệp định đã ký kết với từng quốc gia trên trang web của Cơ quan Lương hưu Nhật Bản.

Tổ chức lương hưu Nhật Bản Thông tin về Hiệp định An sinh xã hội

URL <https://www.nenkin.go.jp/service/shaho-kyotei/shaho.html>

3-6 Danh sách chế độ hưu trí

Phân loại	Người được bảo hiểm nhóm 1	Người được bảo hiểm nhóm 2	Người được bảo hiểm nhóm 3
Chế độ bảo hiểm	Hưu trí quốc dân	Hưu trí quốc dân và Bảo hiểm hưu trí Người lao động	Hưu trí quốc dân
Đối tượng	Nông dân, ngư dân, người làm nghề lâm nghiệp, người tự kinh doanh, sinh viên và người không có việc làm từ 20 đến dưới 60 tuổi không tham gia Bảo hiểm hưu trí củ Người lao động.	Nhân viên công ty, công chức, viên chức,...	Vợ/ chồng đang sống ở Nhật Bản từ 20 đến dưới 60 tuổi đang được Người được bảo hiểm nhóm 2 chu cấp. ※Người tạm thời ra nước ngoài cũng có trường hợp trở thành Người được bảo hiểm nhóm 3
Cách thức đăng ký	Đăng ký tại văn phòng thị chính thành phố (quận), địa phương nơi sinh sống	Người sử dụng lao động đăng ký tại nơi làm việc	Đăng ký thông qua nơi làm việc của Người được bảo hiểm nhóm 2
Cách thức thanh toán phí bảo hiểm	- Tự thanh toán bằng giấy nộp tiền, chuyển khoản ngân hàng,... - Phí bảo hiểm được quyết định hằng năm	- Thanh toán tại nơi làm việc (khấu trừ từ lương) - Áp dụng tỷ lệ chung dựa trên tiền lương hằng tháng^{※1} và thưởng^{※2} (Người lao động và Người sử dụng lao động mỗi bên chi trả một nửa)	Không cần tự chi trả (Chế độ bảo hiểm của Người được bảo hiểm nhóm 2 chi trả)
Quyền lợi được chi trả	Bảo hiểm hưu trí Người lao động Hưu trí tuổi già dành cho Người lao động • Hưu trí dành cho Người lao động khuyết tật • Hưu trí Người lao động trả cho gia quyến Hưu trí quốc dân (Lương hưu cơ bản) Hưu trí cơ bản cho người già • Hưu trí cơ bản cho người khuyết tật • Hưu trí cơ bản cho gia quyến		

※1 Mức lương tháng tiêu chuẩn được tính dựa trên mức lương mà Người được bảo hiểm nhận được

※2 Mức thưởng tiêu chuẩn

3-7 Liên hệ

Nenkin Daiyaru

Vấn đề chung về lương hưu:

Điện thoại 0570-05-1165 (hướng dẫn tự động Navi Dial)
(Nếu số điện thoại của bạn bắt đầu là 050 hãy gọi đến số 03-6700-1165 (điện thoại cố định))
※ Nếu thứ hai là ngày nghỉ lễ, sẽ tiếp nhận cuộc gọi đến 19:00 vào ngày làm việc đầu tiên sau đó.

Thời gian tiếp nhận Thứ hai 8:30～19:00
Thứ ba đến thứ sáu 8:30～17:15
Thứ bảy tuần thứ hai 9:30～16:00
Thứ bảy – chủ nhật – ngày lễ (trừ thứ bảy tuần thứ hai) và 29/12 ～ 3/1: không làm việc.

Điện thoại tiếp nhận đặt lịch hẹn

Đặt lịch hẹn tư vấn tại văn phòng:

Điện thoại 0570-05-4890 (hướng dẫn tự động Navi Dial)
(Nếu số điện thoại của bạn bắt đầu là 050 hãy gọi đến số 03-6631-7521 (điện thoại cố định))

Thời gian tiếp nhận Thứ hai đến thứ sáu 8:30～17:15
Thứ bảy – chủ nhật – ngày lễ và 29/12 ～ 3/1: không làm việc.

Nenkin Kanyusha Daiyaru

Vấn đề chung về tham gia chế độ lương hưu:

Dành cho cá nhân tham gia Hưu trí quốc dân:

Điện thoại 0570-003-004 (hướng dẫn tự động Navi Dial)
(Nếu số điện thoại của bạn bắt đầu là 050 hãy gọi đến số 03-6630-2525 (điện thoại cố định))

Dành cho công ty, cá nhân tham gia Bảo hiểm hưu trí Người lao động:

Điện thoại 0570-007-123 (hướng dẫn tự động Navi Dial)
(Nếu số điện thoại của bạn bắt đầu là 050 hãy gọi đến số 03-6837-2913 (điện thoại cố định))

Thời gian tiếp nhận Thứ hai đến thứ sáu 8:30～19:00
Thứ bảy tuần thứ hai 9:30～16:00
Thứ bảy – chủ nhật – ngày lễ (trừ thứ bảy tuần thứ hai) và 29/12 ～ 3/1: không làm việc.

※ Nếu không hiểu hướng dẫn bằng giọng nói trên Navi Dial, hãy đợi và bạn sẽ được kết nối với người phụ trách.

Dịch vụ thông dịch đa ngôn ngữ của Văn phòng quản lý lương hưu

Tại quầy tiếp nhận của Văn phòng quản lý lương hưu, bạn sẽ được tư vấn bằng dịch vụ thông dịch 11 ngôn ngữ.

Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Myanma.

Thời gian tiếp nhận Mỗi ngôn ngữ sẽ có thời gian tiếp nhận khác nhau

(Tiếng Anh) Thứ hai 8:30~19:00

Thứ ba ~ thứ sáu 8:30~17:15

Thứ bảy tuần thứ 2 9:30~16:00

(Các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh trong danh sách các ngôn ngữ tiếp nhận trên) Thứ hai ~ thứ sáu 8:30~17:15

Thứ bảy – chủ nhật – ngày lễ (Trừ thứ bảy tuần thứ 2), 29/12~03/1 Không làm việc

※ Văn phòng quản lý lương hưu không cung cấp tư vấn với dịch vụ thông dịch qua điện thoại.

※ Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với Văn phòng quản lý lương hưu gần nhất (mục 4 trang V-62).

3-8 Trang web của Tổ chức lương hưu Nhật Bản

Hướng dẫn về Lương hưu dành cho Người nước ngoài

Tìm kiếm “日本年金機構” (Tổ chức lương hưu Nhật Bản), ấn vào mục “外国人のみなさま／International” (dành cho Người nước ngoài) ở phần đầu mục của trang web Tổ chức lương hưu Nhật Bản, hoặc tìm kiếm “Pension international” (Hưu trí quốc tế).

4 Bảo hiểm chăm sóc dài hạn (Kaigo hoken)

4-1 Bảo hiểm chăm sóc dài hạn

Chế độ bảo hiểm chăm sóc dài hạn, là loại hình bảo hiểm trong đó toàn xã hội cùng hỗ trợ lẫn nhau trong việc chăm sóc, được điều hành chủ yếu bởi địa phương. Khi chẳng may rơi vào tình trạng cần được chăm sóc như nằm liệt giường, suy giảm trí nhớ,... hoặc cần phải hỗ trợ trong các hoạt động thường ngày, bạn có thể sử dụng dịch vụ chăm sóc với mức chi trả từ 10% đến 30% chi phí phát sinh, tùy theo thu nhập. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ văn phòng hành chính địa phương.

Tài liệu tham khảo:

Tỉnh Aichi **Tờ rơi giải thích về bảo hiểm chăm sóc dài hạn cho Người nước ngoài 「KAIGO HOKEN」**

URL <https://www.pref.aichi.jp/soshiki/tabunka/koureisya-kaigo.html>

Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippines/Tagalog, Hàn Quốc, Nhật Bản.

Tỉnh Aichi **“Sổ tay hướng dẫn bảo hiểm chăm sóc dài hạn và phúc lợi Người cao tuổi”**

URL <https://www.pref.aichi.jp/soshiki/korei/guidebook.html>

Bộ Y tế, Lao động, Phúc lợi **Giải thích về chế độ bảo hiểm chăm sóc dài hạn**

URL https://www.mhlw.go.jp/stf/newpage_10548.html

Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippines/Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản.

A Đối tượng tham gia (Trường hợp là Người nước ngoài)

Những người đáp ứng tất cả các điều kiện dưới đây là đối tượng tham gia bảo hiểm.

- Đã đăng ký cư trú (Người có thời hạn lưu trú dưới 3 tháng không thuộc đối tượng đăng ký cư trú, khi dự định sẽ lưu trú ở Nhật Bản trên 3 tháng, có thể thuộc đối tượng tham gia);
- Người trên 65 tuổi, hoặc từ 45 tuổi đến dưới 65 tuổi, và đang tham gia bảo hiểm y tế công của Nhật Bản.

B Phí bảo hiểm

a. Người trên 65 tuổi

Tùy thuộc vào địa phương nơi bạn sinh sống, phương pháp tính phí tiêu chuẩn là khoản phí được chia thành 13 bậc dựa trên thu nhập, được thu dựa trên thông báo từ địa phương. Tuy nhiên, trường hợp thu nhập từ lương hưu Người cao tuổi trên 15000 yên/ tháng, phí bảo hiểm sẽ được khấu trừ từ lương hưu.

b. Người từ 45 tuổi đến dưới 65 tuổi

Sẽ được thu bằng cách thêm vào phí bảo hiểm của bảo hiểm y tế. Phương pháp tính và số tiền sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại bảo hiểm y tế đang tham gia, lương, thu nhập, tài sản...

4-2 Sử dụng dịch vụ hộ lý

Để sử dụng dịch vụ hộ lý, trước tiên bạn cần gửi đề nghị đến cơ quan hành chính địa phương, sau đó sẽ được xác nhận mức độ cần thiết chăm sóc dài hạn. Dựa trên kết quả xác nhận đó, nhà cung cấp hỗ trợ chăm sóc tại nhà (care prevention management) sẽ lập kế hoạch chăm sóc (kế hoạch sử dụng dịch vụ chăm sóc dựa trên mong muốn và tình trạng thể chất, tinh thần của người sử dụng) và sử dụng các dịch vụ chăm sóc cần thiết. Hơn nữa, bản thân người sử dụng dịch vụ cũng có thể lập kế hoạch chăm sóc.

5 Người khuyết tật

Về dịch vụ phúc lợi dành cho Người khuyết tật, bạn có thể liên hệ với cơ quan hành chính địa phương nơi bạn đang sinh sống để được tư vấn. Tại cơ quan hành chính địa phương, bạn sẽ nhận được tư vấn chung liên quan phúc lợi như cấp phát sổ tay Người khuyết tật, hỗ trợ chi phí y tế,...

Thông tin liên quan đến phúc lợi cho Người khuyết tật, vui lòng tham khảo “Sổ tay hướng dẫn phúc lợi” do tỉnh Aichi phát hành.

Tài liệu tham khảo: **Tỉnh Aichi “Năm 2024 Sổ tay hướng dẫn phúc lợi”**
URL <https://www.pref.aichi.jp/soshiki/shogai/0000077181.html>

5-1 Sổ tay Người khuyết tật

Người có khuyết tật một phần cơ thể, trí tuệ, tinh thần, sẽ được cấp phát sổ tay Người khuyết tật khi đề nghị. Sau khi được cấp phát sổ tay, Người khuyết tật được hưởng nhiều chế độ khác nhau như nhận các loại trợ cấp, miễn giảm các loại thuế, giảm giá vé giao thông công cộng,... Liên hệ cơ quan hành chính địa phương nơi sinh sống để thực hiện các thủ tục cần thiết.

5-2 Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em đặc biệt

Khi giám hộ, nuôi dưỡng trẻ em dưới 20 tuổi có khuyết tật cơ thể hoặc tinh thần đáp ứng một số điều kiện nhất định, sẽ được chi trả trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em đặc biệt (lưu ý, có quy định về mức thu nhập). Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ cơ quan địa phương nơi sinh sống.

6 Gia đình bố/mẹ đơn thân

Có các chế độ hỗ trợ cho gia đình bố/mẹ đơn thân.

6-1 Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em

Gia đình không có bố hoặc mẹ vì lý do như ly hôn,... mà đang nuôi dưỡng trẻ em dưới 18 tuổi (trẻ em khuyết tật dưới 20 tuổi), sẽ được chi trả trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em. Mức chi trả trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em sẽ được quyết định dựa trên mức thu nhập của người được nhận trợ cấp, số trẻ em đang nuôi dưỡng. Có những trường hợp vì lý do mức thu nhập vượt quá mức quy định nên không được chi trả trợ cấp. Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ cơ quan hành chính địa phương nơi sinh sống.

Phân loại	Mức trợ cấp
Một trẻ em	45,500~10,740 yên
Hai trẻ em	10,750~5,380 yên tăng thêm
Từ ba trẻ em trở lên (Đối với mỗi trẻ em tăng thêm)	10,750~5,380 yên tăng thêm

6-2 Trợ cấp trẻ em mồ côi tỉnh Aichi

Gia đình không có bố hoặc mẹ vì lý do như ly hôn,... mà đang nuôi dưỡng trẻ em dưới 18 tuổi, được chi trả trợ cấp tối đa 5 năm. Trường hợp có thu nhập vượt mức quy định sẽ không được chi trả trợ cấp. Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ cơ quan hành chính địa phương nơi sinh sống.

6-3 Chế độ y tế cho gia đình bố/mẹ đơn thân

Là chế độ hỗ trợ chi trả phần chi phí y tế tự thanh toán dành cho trẻ em dưới 18 tuổi trong gia đình đơn thân và bố hoặc mẹ đang nuôi dưỡng trẻ em này, khi khám chữa bệnh tại cơ sở y tế. Trường hợp có mức thu nhập vượt quá quy định sẽ không nhận được hỗ trợ này. Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ cơ quan hành chính địa phương nơi sinh sống.

Tư vấn với chuyên viên hỗ trợ tự lập cuộc sống cho gia đình đơn thân

Tại các văn phòng phúc lợi thành phố - tỉnh, có tổ chức tư vấn tổng hợp các vấn đề liên quan như ổn định cuộc sống, tư vấn nuôi dạy trẻ, việc làm,... để hỗ trợ tự lập trong cuộc sống cho gia đình đơn thân.

- ※ Vui lòng liên hệ tòa thị chính nếu đang sống ở khu vực thành phố, hoặc liên hệ với trung tâm phúc lợi tỉnh trực thuộc khu vực đang sinh sống (mục 8 trang V-64) nếu sống ở xã phường địa phương.



Chương 8

Thuế

1 Chế độ thuế của Nhật Bản

Người đang sống ở Nhật Bản, dù có quốc tịch nước ngoài, cũng có nghĩa vụ đóng thuế như người Nhật. Thuế ở Nhật Bản được chia thành hai loại chính: thuế quốc gia (koku-zei) nộp cho chính phủ và thuế địa phương (chiho-zei) nộp cho xã, phường, quận, thành phố và khu vực. Loại thuế quốc gia tiêu biểu là thuế thu nhập (shotoku-zei), thuế địa phương bao gồm thuế cư trú (jumin-zei) và thuế ô tô (jidosha-zei). Thêm vào đó, thuế thu nhập và thuế cư trú được coi là thuế trực tiếp, còn thuế tiêu thụ được xem là thuế gián tiếp.

2 Thuế thu nhập (shotoku-zei)

2-1 Thuế thu nhập

Thuế thu nhập là loại thuế đánh vào thu nhập cá nhân từ hoạt động kinh doanh, tiền lương, tiền thưởng do công ty trả. Có hai cách nộp thuế thu nhập đó là, người kinh doanh tự mình kê khai và nộp thuế tại cơ quan thuế; đối với người có thu nhập từ lương, người trả lương sẽ khấu trừ thuế thu nhập từ lương và nộp thay cho người có thu nhập từ lương.

Ngoài ra, từ năm 2013 (Heisei 25) đến năm 2037 (Reiwa 19), người có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cũng phải nộp thêm thuế thu nhập đặc biệt dành cho việc tái thiết.

2-2 Khấu trừ thuế tại nguồn (gensen choshu)

Việc người trả lương khấu trừ thuế thu nhập và thuế thu nhập đặc biệt dành cho việc tái thiết khi trả lương, và nộp cho nhà nước, gọi là khấu trừ thuế thu nhập từ lương. Người trả lương sẽ cấp chứng từ gọi là "Bảng tổng kết thu nhập và thuế", trong đó ghi rõ tổng số tiền lương, số thuế thu nhập và thuế thu nhập đặc biệt dành cho việc tái thiết đã khấu trừ từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12^{*1}, chứng từ này sẽ được cấp trước ngày 31 tháng 1 của năm sau^{*2}. Đây là một tài liệu quan trọng để chứng minh thu nhập của bạn, và cần thiết khi bạn làm tờ khai thuế, vì vậy hãy lưu trữ cẩn thận.

^{*1} Trường hợp nghỉ việc trong năm, thì sẽ tính đến ngày nghỉ việc.

^{*2} Trường hợp nghỉ việc trong năm, thì trong vòng 1 tháng kể từ ngày nghỉ việc.

2-3 Điều chỉnh thuế cuối năm (nenmatsu chousei)

"Điều chỉnh thuế cuối năm" đối với mỗi người nhận lương, là việc so sánh số tiền thuế khấu trừ từ các khoản lương, thưởng khi trả lương tháng (ngày), và số tiền thuế phải nộp (khoản thuế năm) cho tổng số tiền tiền lương trong năm đó, là thủ tục tính toán số tiền thừa hoặc thiếu, và đây được coi là tổng quyết toán của thuế thu nhập khấu trừ từ lương.

Điều chỉnh thuế cuối năm, theo nguyên tắc thường được thực hiện cho những người đã nộp "Tờ khai (điều chỉnh) giảm trừ gia cảnh người có thu nhập từ lương" cho người trả lương, nhưng đối với những người đã nghỉ việc trong năm, không thuộc diện điều chỉnh cuối năm, sẽ phải tự làm Khai thuế cuối cùng (kakitei shinkoku). Bên cạnh đó, trường hợp có người thân phụ thuộc sống ở nước ngoài, nếu đáp ứng các điều kiện nhất định, bạn vẫn có thể áp dụng giảm trừ gia cảnh. Để áp dụng giảm trừ gia cảnh cho người thân phụ thuộc sống ở nước ngoài khi điều chỉnh thuế cuối năm, bạn cần nộp hoặc xuất trình các giấy tờ chứng minh liên quan đến người thân đó cho người trả lương.

Cơ quan thuế Quốc Gia soạn thảo tờ khai điều chỉnh cuối năm và tờ rơi liên quan đến người phụ thuộc sống ở nước ngoài bằng nhiều ngôn ngữ.

URL <https://www.nta.go.jp/users/gensen/nencho/shinkokusyo/gaikokugo.htm> (Các mẫu khai báo)

URL <https://www.nta.go.jp/publication/pamph/gensen/gaikokugo/02.htm.htm> (Người thân sống ở nước ngoài)

Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippines, Việt Nam

2-4 Khai thuế cuối cùng (kakutei shinkoku)

"Khai thuế cuối cùng" là quá trình tính toán thu nhập và thuế từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 của năm trước, rồi nộp tờ khai cho cơ quan thuế địa phương từ ngày 16 tháng 2 đến ngày 15 tháng 3 của năm sau (nếu ngày 15 tháng 3 là thứ Bảy hoặc Chủ Nhật, thì sẽ nộp vào thứ hai kế tiếp), để thực hiện thủ tục nộp thuế thu nhập hoặc xin hoàn thuế. (Bạn có thể nộp tờ khai hoàn thuế trong vòng 5 năm kể từ ngày 1 tháng 1 của năm sau, không liên quan đến thời gian khai báo thuế). Khi gia hạn hoặc thay đổi tư cách lưu trú, bạn có thể cần nộp bản sao tờ khai báo thuế, vì vậy hãy lưu giữ cẩn thận bản sao của tờ khai này.

Cơ quan thuế Quốc Gia soạn thảo "Hướng dẫn ghi tờ khai thuế cho người nước ngoài (Bản đơn giản)" bằng nhiều ngôn ngữ.

URL <https://www.nta.go.jp/taxes/shiraberu/shinkoku/tebiki/2023/foreigner/index.htm>

Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, tiếng Anh, Trung Quốc (giản thể và phồn thể), Việt Nam, Nepal

A Đối với người cư trú (kyojusha)

Người cư trú (là cá nhân có "địa chỉ" tại Nhật Bản, hoặc đã có "nơi ở" liên tục trong nước trên 1 năm) chỉ có thu nhập từ một nguồn duy nhất là tiền lương, thì thuế thu nhập và thuế thu nhập đặc biệt dành cho việc tái thiết sẽ được điều chỉnh thông qua quy trình Điều chỉnh thuế cuối năm, thông thường không cần phải làm Khai thuế cuối cùng. Tuy nhiên, ngay cả người cư trú có thu nhập từ lương, nếu thuộc các trường hợp dưới đây, sẽ phải làm Kế khai thu nhập.

- Thu nhập từ lương vượt mức 20.000.000 yên.
 - Trường hợp nhận lương từ một nơi, và toàn bộ số tiền lương đó thuộc đối tượng khấu trừ thuế thu nhập từ lương, nhưng tổng số tiền thu nhập khác nhau (không bao gồm thu nhập từ lương và thu nhập từ nghỉ việc) vượt quá 200.000 yên.
(Ví dụ) Trường hợp nhận lương từ một nơi, mà tổng thu nhập từ lương hưu công, ... vượt quá 800.000 yên (Đối với người trên 65 tuổi là 1.300.000 yên).
 - Trường hợp nhận lương từ hai nơi trở lên, và toàn bộ số tiền lương đó thuộc đối tượng khấu trừ thuế thu nhập từ lương, nhưng tổng số tiền thu nhập lương chưa thực hiện điều chỉnh thuế cuối năm và các loại thu nhập khác (trừ thu nhập từ lương và thu nhập từ nghỉ việc) vượt quá 200.000 yên.
 - Người điều hành công ty gia đình hoặc người thân của họ, nhận được các khoản thanh toán như lãi cho vay, tiền thuê cửa hàng hoặc nhà máy, tiền thuê máy móc và thiết bị ngoài tiền lương từ công ty gia đình.
 - Đối với tiền lương, đã được hoãn hoặc hoàn thuế thu nhập và các loại thuế khấu trừ khác theo Đạo luật cứu trợ thiên tai.
 - Trường hợp người có thu nhập từ lương là người làm việc tại các cơ quan ngoại giao nước ngoài tại Nhật Bản, người giúp việc gia đình không phải khấu trừ thuế thu nhập và các loại thuế khác khi nhận lương.
- ※ Trên nguyên tắc, tiền lương, ... nhận được bên ngoài Nhật Bản cũng được tính vào thu nhập chịu thuế.

B Đối với người không cư trú (hikyojusha)

Ngay cả người không cư trú (là cá nhân không có "địa chỉ" tại Nhật Bản, và có "nơi ở" tại Nhật dưới 1 năm liên tục), nếu có thu nhập từ bất động sản hoặc thu nhập khác đáp ứng các điều kiện nhất định tại Nhật, sẽ phải làm Kế khai thu nhập. Người không cư trú chỉ có thu nhập từ lương, theo nguyên tắc, sẽ bị khấu trừ thuế thu nhập từ lương với mức thuế suất 20.42%, nên không cần thực hiện Kế khai thu nhập.

C Trường hợp rời khỏi Nhật Bản

Trong trường hợp người có nghĩa vụ thực hiện Khai thuế cuối cùng rời khỏi Nhật Bản và không còn địa chỉ hoặc nơi ở tại Nhật, người đó cần chỉ định một người quản lý thuế, thông báo cho trường cơ quan thuế trước ngày xuất cảnh và yêu cầu người quản lý thuế nộp tờ khai báo thuế, hoặc nộp tờ khai báo thuế và hoàn thành việc nộp thuế trước ngày xuất cảnh.

2-5 Thông tin liên hệ

Cung cấp thông tin qua Internet

Trang web của Cơ quan Thuế Quốc gia cung cấp "Câu trả lời về thuế (các câu hỏi thường gặp về thuế)" và "Chatbot" để trả lời các câu hỏi về thuế quốc gia, vì vậy, hãy sử dụng để biết thêm thông tin.

- Trang web của Cơ quan Thuế Quốc gia
<https://www.nta.go.jp/index.htm> (tiếng Nhật)
<https://www.nta.go.jp/english/index.htm> (tiếng Anh)
- Câu trả lời về thuế (các câu hỏi thường gặp về thuế)
<https://www.nta.go.jp/taxe9070s/shiraberu/taxanswer/index2.htm> (tiếng Nhật)
<https://www.nta.go.jp/english/taxes/> (tiếng Anh)
- Chatbot (Chỉ có tiếng Nhật)
<https://www.nta.go.jp/taxes/shiraberu/chatbot/index.htm>

Liên hệ qua điện thoại

Thời gian làm việc Thứ hai đến thứ sáu (Trừ ngày lễ và cuối năm) 9:00~17:00

- Giải đáp chung các vấn đề về thuế (Trung tâm giải đáp qua điện thoại)
 03-3821-9070 (tiếng Anh)
 0570-00-5901 (tiếng Nhật)
- Liên hệ với cơ quan thuế ngoài các vấn đề chung (Số điện thoại của từng cơ quan thuế)
 Số điện thoại của từng cơ quan thuế vui lòng tham khảo tại mục 5 trang V-63 (tiếng Nhật)
 ※ Thực hiện theo hướng dẫn tự động và ấn phím 2

3 Thuế cư trú (jumin-zei)

3-1 Thuế cư trú

Là loại thuế áp dụng cho người có địa chỉ tại Nhật Bản vào ngày 1 tháng 1 hàng năm và có thu nhập nhất định. Thuế cư trú được chia thành thuế tỉnh (kenmin-zei) và thuế địa phương (shichosonmin-zei), và cả hai đều được nộp tại địa phương. Cách cách nộp thuế bao gồm: tự nộp hoặc khấu trừ từ lương hoặc lương hưu công khi được trả. Số tiền thuế được tính dựa trên thu nhập của năm trước. Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với văn phòng hành chính địa phương.

(Lưu ý: Thuế môi trường rừng (thuế quốc gia) cũng được nộp cùng với thuế thị dân tại địa phương)

Bộ Nội vụ và Truyền thông Liên quan đến thuế thị dân cá nhân của Người nước ngoài

URL https://www.soumu.go.jp/main_sosiki/jichi_zeisei/czaisei/czaisei_seido/individual-inhabitant-tax.html

Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản

3-2 Trường hợp rời khỏi Nhật Bản

Người có nghĩa vụ nộp thuế thị dân phải nộp giấy tờ liên quan đến người quản lý thuế tại cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố để xử lý các vấn đề liên quan đến việc nộp thuế sau khi cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế xuất cảnh. Trong một số trường hợp, có thể nộp toàn bộ số thuế cư trú trước khi xuất cảnh. Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố.

4 Thuế liên quan đến xe ô tô

4-1 Thuế xe ô tô (phân loại) (jidosha-zei)

Thuế xe ô tô (phân loại) là thuế địa phương áp dụng cho người sở hữu xe ô tô (không bao gồm xe ô tô hạng nhẹ và xe máy) tại thời điểm ngày 1 tháng 4 hàng năm. Khi nhận được thông báo thuế từ cơ quan thuế địa phương, bạn nộp thuế tại ngân hàng, cửa hàng tiện lợi,... trước thời hạn nộp thuế. Để biết thông tin về các cơ quan thuế trong tỉnh Aichi, vui lòng xem tại 6-J-64. Ngoài ra, tại các cơ quan thuế, bạn có thể nhận được tư vấn thông qua máy tính bảng được trang bị chức năng thông dịch.

Tỉnh Aichi Hướng dẫn liên quan đến thuế xe ô tô (phân loại) Dành cho Người nước ngoài

URL <https://www.pref.aichi.jp/soshiki/zeimu/0000051633.html#foreigners>

Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc

4-2 Thuế xe ô tô hạng nhẹ (phân loại)

Thuế xe ô tô hạng nhẹ (phân loại) là thuế áp dụng cho người sở hữu xe ô tô hạng nhẹ, xe máy, xe điện kickboard, xe nâng và máy kéo nhỏ tại thời điểm ngày 1 tháng 4 hàng năm. Khi nhận được thông báo thuế từ cơ quan hành chính xã, phường, quận, thành phố, bạn nộp thuế tại ngân hàng, cửa hàng tiện lợi,... trước thời hạn nộp thuế.

4-3 Thuế trọng lượng xe (jidosha jyuryo-zei)

Thuế đóng dựa trên trọng lượng của xe ô tô khi đăng ký mới hoặc khi kiểm định xe (mục 3-7 trang V-54). Về số tiền thuế, nếu đăng ký mới, hãy liên hệ với cửa hàng nơi bạn đã mua xe; nếu kiểm định xe, hãy liên hệ với Sở Giao thông Vận tải hoặc Cơ quan Đăng kiểm (đối với xe thông thường) hoặc Hiệp hội Kiểm định xe ô tô hạng nhẹ (đối với xe ô tô hạng nhẹ).

5 Các loại thuế khác

5-1 Thuế tiêu dùng – Thuế tiêu dùng địa phương

Khi người tiêu dùng mua hàng hoặc được cung cấp các dịch vụ, thuế tiêu dùng sẽ được áp dụng với giá mua của hàng hóa hoặc giá của dịch vụ được cung cấp. Thuế suất tiêu chuẩn là 10% (trong đó 2,2% là thuế tiêu dùng địa phương) hoặc thuế suất giảm là 8% (trong đó 1,76% là thuế tiêu dùng địa phương).

5-2 Thuế mua bất động sản

Thuế địa phương khi mua đất đai hoặc nhà ở.

5-3 Thuế tài sản cố định

Thuế áp dụng đối với người sở hữu đất đai, nhà ở, tài sản khấu hao (tài sản kinh doanh hữu hình khác ngoài đất đai và nhà ở) tại thời điểm ngày 1 tháng 1.



Chương 9

Cuộc sống thường ngày

1 Nơi cư trú

1-1 Nhà công cho thuê (koteiki chintai jutaku)

Nhà công cho thuê là loại nhà ở được cơ quan hành chính địa phương như xã, phường, quận, thành phố và doanh nghiệp công cung cấp với mức giá thuê nhà thấp, bao gồm các loại như nhà ở cấp tỉnh, nhà ở quận, nhà ở thành phố, nhà ở thị trấn, nhà cho thuê UR,... Tuy nhiên, chỉ người đáp ứng các điều kiện nhất định mới có thể chuyển vào ở.

1-2 Thông tin liên hệ Nhà công cho thuê

Nhà ở tỉnh Aichi

Để biết thông tin về việc nhận đơn đăng ký Nhà ở tỉnh Aichi, vui lòng liên hệ với văn phòng (chi nhánh) quản lý nhà ở của Công ty công cung cấp nhà ở tỉnh Aichi. Để biết thông tin về từng văn phòng (chi nhánh) quản lý nhà ở, vui lòng xem Chương 12 "Tóm lược" (V-71).

Thời gian tiếp nhận văn phòng (chi nhánh) quản lý nhà ở

Thứ hai đến thứ sáu 9:00~17:15 (Ngày nghỉ: thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, cuối năm)

Dịch vụ điện thoại về nhà ở của tỉnh

052-971-4118 (tiếng Nhật)

Bàn hỗ trợ Người nước ngoài

052-684-5007 (số điện thoại dùng chung 7 ngôn ngữ) ※ Chỉ tiếp nhận điện thoại

Thời gian tiếp nhận

Thứ hai đến thứ sáu 9:00~12:00, 13:00~17:00 Ngày nghỉ: thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, cuối năm

Ngôn ngữ hỗ trợ

Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Nepal: thứ hai đến thứ sáu

Tiếng Tagalog : thứ hai đến thứ sáu, tiếng Việt: thứ hai – thứ tư – thứ sáu

Tiếng Trung Quốc: thứ ba – thứ năm (13:00~17:00)

※ Mỗi văn phòng (chi nhánh) quản lý nhà ở đều cung cấp hỗ trợ từ xa thông qua thiết bị đầu cuối máy tính.

(Thời gian tiếp nhận và ngôn ngữ giống như Bàn hỗ trợ Người nước ngoài.)

Bạn có thể tìm thông tin về nhà ở hiện có trên trang web của Công ty nhà ở tỉnh Aichi.

URL

<https://www.aichi-kousha.or.jp/prefectural/>

Tổ chức đô thị UR

Để biết thêm thông tin về nhà cho thuê UR, vui lòng liên hệ theo thông tin sau:

Trung tâm kinh doanh UR Nagoya

Địa chỉ Enisio Meieki Tầng 6, 4-8-26 Meieki, Nakamura-ku, Nagoya

Số điện thoại 052-526-4000

URL

<https://www.ur-net.go.jp/chintai/>

https://www.ur-net.go.jp/chintai_portal/sumainoshiori/index.html

(Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Việt, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Hàn)

Ngôn ngữ hỗ trợ Có phiên dịch qua điện thoại tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Anh, tiếng Việt

(Có thể có phiên dịch viên bên ngoài văn phòng)

Thời gian tiếp nhận Mỗi ngày 9:30~18:00 (Ngày nghỉ: cuối năm)

※ Tùy thuộc từng ngôn ngữ, ngày có dịch vụ phiên dịch sẽ khác nhau, vì vậy, vui lòng liên hệ với Trung tâm kinh doanh UR Nagoya để biết thông tin chi tiết.

Nhà ở thành phố Nagoya

Để biết thêm thông tin đăng ký vào Nhà ở thành phố Nagoya và Nhà ở xúc tiến định cư, vui lòng liên hệ với theo thông tin sau:

Công ty công cung cấp nhà ở thành phố Nagoya Ban quản lý Phòng quản lý Bộ phận tuyển dụng

Điện thoại 052-523-3875

Thời gian tiếp nhận Thứ hai đến thứ sáu 8:45~17:15 (Thứ năm: 8:45~19:00)

Ngày nghỉ: Thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, cuối năm (29/12~3/1)

Nhà ở đô thị khác của thành phố, địa phương

Vui lòng liên hệ với văn phòng quản lý nhà ở tại văn phòng hành chính địa phương nơi bạn sống.

「Quầy liên hệ về nhà ở」

Thành phố Nagoya, Công ty công cung cấp nhà ở thành phố Nagoya, Công ty công cung cấp nhà ở tỉnh Aichi đang tiếp nhận tư vấn về nhà ở, nhà bỏ trống và nhà cho thuê công cộng.

Địa chỉ Bên trong Bến xe buýt Oasis 21 1-11-1 Higashisakura, Higashi-ku, thành phố Nagoya

Điện thoại 052-961-4555 (thành phố Nagoya)

052-228-1808 (Công ty công cung cấp nhà ở thành phố Nagoya)

052-950-5231 (Công ty công cung cấp nhà ở tỉnh Aichi)

Thời gian hoạt động

Thứ hai đến thứ tư, thứ sáu đến chủ nhật (Trừ thứ tư tuần thứ 2-4 và cuối năm)

10:00~19:00 (Tiếp nhận đăng ký đến 18:00)

Vui lòng lưu ý Công ty công cung cấp nhà ở tỉnh Aichi không tiếp nhận đơn đăng ký tại Quầy liên hệ về nhà ở.

1-3 Nhà ở tư nhân

Khi thuê nhà ở tư nhân, bạn có thể tìm kiếm thông tin bất động sản cho thuê thông qua trang web thông tin bất động sản trên Internet hoặc các công ty bất động sản (cửa hàng) trong khu vực. Hầu hết các công ty bất động sản (cửa hàng) chỉ hỗ trợ bằng tiếng Nhật, vì vậy bạn nên nhờ ai đó biết tiếng Nhật đi cùng để tư vấn. Cũng có các trang web tổng hợp thông tin về nhà ở có thể thuê cho người nước ngoài, nên bạn có thể tham khảo. Ngoài ra, Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng, Giao thông và Du lịch cùng Hiệp hội Quản lý Nhà cho thuê Nhật Bản soạn thảo “Sổ tay hướng dẫn tìm nhà” cho Người nước ngoài tìm kiếm nhà ở tại Nhật Bản

Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng, Giao thông và Du lịch - Hiệp hội Quản lý Nhà cho thuê Nhật Bản

URL https://www.mlit.go.jp/jutakukentiku/house/jutakukentiku_house_tk3_000017.html
Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippines/Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Myanmar, Campuchia (Khmer), Mông Cổ, Nhật.

Mạng lưới nhà ở an toàn Hệ thống cung cấp thông tin

URL <https://safety-net-jutaku.mlit.go.jp/guest/index.php> (chỉ có tiếng Nhật)

1-4 Chi phí cần thiết khi chuyển vào ở

Khi chuyển vào ở tại nhà cho thuê, thường tốn các chi phí cơ bản sau đây.

Tiền thuê nhà	Tiền thuê 1 tháng. Mỗi tháng thanh toán vào ngày đã được ấn định.
Tiền lễ	Khoản tiền thanh toán một lần cho chủ nhà khi thuê nhà ở tư nhân. Sẽ không được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng
Tiền đặt cọc (tiền bảo đảm)	Khoản tiền trả cho chủ nhà như là tiền đảm bảo khi chậm đóng tiền nhà, chi phí sửa chữa. Khi kết thúc hợp đồng thuê nhà, sau khi khấu trừ khoản tiền nhà chưa nộp,... phần còn lại sẽ được hoàn trả.
Phí dịch vụ chung (phí quản lý)	Người thuê nhà chia sẻ chi phí tiền điện ở khu vực chung như cầu thang, hành lang, thang máy trong căn hộ, phí duy trì,... Chi phí này trả riêng ngoài tiền nhà.
Phí môi giới	Khoản tiền chỉ trả cho công ty bất động sản xem như là thù lao môi giới khi ký hợp đồng thuê nhà thông qua công ty bất động sản (trên nguyên tắc, khoản tiền tương đương khoảng 0.55 tháng tiền thuê nhà (trường hợp nhận thù lao từ cả bên thuê và cho thuê nhà); khoản tiền tương đương khoảng 1.1 tháng tiền thuê nhà khi có sự đồng ý của bên thuê (trường hợp không nhận thù lao từ bên cho thuê)
Phí bảo hiểm rủi ro	Trường hợp thuê nhà ở tư nhân, để đề phòng trường hợp bên thuê gây ra thiệt hại cho chủ nhà như hỏa hoạn, rò rỉ nước,... chủ nhà có thể yêu cầu bên thuê phải mua bảo hiểm hỏa hoạn hoặc các loại bảo hiểm tương tự như một điều kiện để được thuê nhà.
Phí gia hạn	Khoản thanh toán cho công ty bất động sản và chủ nhà khi gia hạn hợp đồng thuê nhà (Tiếp tục sống trong cùng một ngôi nhà)
Phí bảo đảm cho công ty bảo lãnh nghĩa vụ thuê nhà	Khi vào ở nếu không tìm được người bảo lãnh, có thể sử dụng công ty bảo lãnh nghĩa vụ thuê nhà. Trường hợp muốn sử dụng dịch vụ này, hãy thảo luận với chủ nhà và công ty bất động sản. Khi người thuê nhà chậm đóng tiền nhà, công ty bảo lãnh nghĩa vụ thuê nhà sẽ đại diện cho người thuê nhà để đóng tiền nhà cho chủ nhà.
Chi phí vệ sinh	Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp. Còn được gọi là chi phí phục hồi nguyên trạng hay chi phí vệ sinh. Để phòng tránh rắc rối khi chuyển đi, hãy cẩn thận xác nhận hợp đồng thuê nhà khi chuyển vào.

2 Điện – Ga – Nước

Khi chuyển nhà, cần thực hiện hiện thủ tục liên quan đến điện – ga – nước.

Thông tin liên hệ về điện

Hãy liên hệ với nhà cung cấp điện bán lẻ theo hợp đồng hoặc người quản lý. Số điện thoại liên hệ, được niêm yết trên trang web của nhà cung cấp điện bán lẻ theo hợp đồng,... Khi liên hệ, hãy cung cấp thông tin như “Địa chỉ”, “Họ tên”, “Số điện thoại”, “Mã số nhận dạng điểm cung cấp (22 chữ số) hoặc mã số khách hàng”.

Thông tin liên hệ về ga

Có hai loại ga là ga thành phố (toshi gasu) và ga lỏng propan (ga LP). Ga thành phố được cung cấp cho khu vực rộng lớn sử dụng đường ống, còn những khu vực khác sử dụng ga LP chứa trong bình. Ngoài ra, thiết bị sử dụng ga đều được ghi chú loại ga sử dụng. Hãy kiểm tra thiết bị sử dụng có phù hợp với loại ga hay không. Hãy cẩn thận khi sử dụng ga và kiểm tra cẩn thận cách sử dụng thiết bị trước khi sử dụng.

a. Ga thành phố

Hãy xác nhận với chủ nhà về công ty ga,... và liên hệ với cửa hàng kinh doanh gần nhất

b. Ga lỏng propan

Thông tin liên hệ của nhà bán lẻ được ghi trên phiếu đọc đồng hồ ga. Nếu bạn không chắc chắn, hãy xác nhận với chủ nhà.

Thông tin liên hệ về nước

Vui lòng liên hệ với bộ phận cấp nước tại văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn sinh sống.

3

Rác

3-1

Phân loại rác

Rác thải sinh hoạt phải được phân loại đúng theo quy định của địa phương và bỏ đúng nơi, đúng thời điểm quy định. Nếu không tuân thủ quy định này, sẽ gây bất tiện cho cư dân địa phương và dẫn đến nhiều vấn đề. Cách thức phân loại rác sẽ khác nhau tùy vào từng địa phương. Về cách phân loại rác, thời gian, địa điểm bỏ rác, ... hãy liên hệ với văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn sinh sống.

3-2

Tái chế thiết bị điện gia dụng

Thiết bị điện gia dụng như điều hòa nhiệt độ, tivi, tủ lạnh, ... có nhiều bộ phận có thể sử dụng làm tài nguyên. Mỗi loại thiết bị điện gia dụng (ngoại trừ thiết bị gia dụng thương mại), theo quy định của Luật tái chế thiết bị điện gia dụng, có thể được tái chế thành tài nguyên. Khi vứt bỏ, bạn sẽ phải trả phí tái chế, phí thu gom và vận chuyển cho cửa hàng nơi bạn đã mua hoặc cửa hàng nơi bạn muốn thu đổi và họ sẽ mang đi. Trường hợp không biết đã mua ở cửa hàng nào, cũng không có dự định thu đổi, hãy liên hệ với văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn sinh sống.

Thiết bị điện gia dụng áp dụng

Điều hòa nhiệt độ, tivi, tủ lạnh, tủ đông, máy giặt, máy sấy quần áo.

※ Máy tính sẽ do nhà sản xuất thu lại miễn phí (Tuy nhiên, chỉ áp dụng với sản phẩm có nhãn tái chế) vì vậy, vui lòng liên hệ với nhà sản xuất máy tính của bạn.

3-3

Những điểm cần lưu ý khác liên quan đến rác

Việc vứt bỏ thiết bị điện gia dụng lớn, đồ dùng gia đình, ... ven đường, trên núi (vứt bỏ bất hợp pháp) là phạm tội. Trường hợp không biết cách vứt rác, nhất định hãy liên hệ với văn phòng hành chính xã, phường, quận, thành phố nơi bạn sinh sống. Ngoài ra, việc lấy rác thải có thể tái chế như lon rỗng, báo, ... ra khỏi điểm thu gom cũng là một hành vi phạm tội.

4

Điện thoại – Internet – Truyền hình NHK

4-1

Điện thoại di động (Smartphone)

Trường hợp Người nước ngoài ký hợp đồng với công ty điện thoại di động Nhật Bản, các loại giấy tờ cần thiết sẽ khác với Người Nhật. Ngoài ra, tùy thuộc vào thời hạn cư trú, sẽ không thể ký hợp đồng với một số công ty điện thoại di động, vì vậy, liên quan đến phương pháp ký kết hợp đồng và các loại giấy tờ cần thiết, hãy xác nhận trước với cửa hàng của công ty điện thoại di động và trung tâm chăm sóc khách hàng. Các công ty điện thoại di động lớn đều có trung tâm chăm sóc khách hàng (V-72) cung cấp hỗ trợ bằng nhiều ngôn ngữ. Ngoài ra, một số cửa hàng có thể có nhân viên có thể nói được ngoại ngữ.

4-2

Đăng ký mới điện thoại di động và internet

Điện thoại không chỉ bao gồm điện thoại cố định sử dụng đường dây điện thoại, mà còn có điện thoại cố định truy cập bằng internet (điện thoại IP). Khi ký hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ internet, có thể truy cập internet từ máy tính, thiết bị di động, ... Thông qua Internet, bạn có thể truy cập vào nhiều dịch vụ khác nhau giúp bạn kết nối với thế giới, bao gồm trao đổi email và gọi điện video. Đường dây điện thoại bao gồm internet cáp quang. Cước phí, giá dịch vụ điện thoại và internet mỗi công ty sẽ khác nhau, nên hãy so sánh giá trước khi ký hợp đồng.

4-3

Truyền hình NHK

Nếu có tivi có thể thu được chương trình phát sóng của Japan Broadcasting Corporation (NHK) (bao gồm máy tính có bộ đồ sóng tích hợp và thiết bị đầu cuối tương thích OneSeg), theo quy định pháp luật, phải ký hợp đồng thu sóng với NHK và trả phí thu sóng. Để biết thông tin chi tiết về thủ tục hợp đồng và hệ thống miễn phí phát sóng, vui lòng liên hệ với NHK.

Dành cho
smartphone
(Đa ngôn ngữ)



NHK Easy Words News (Tiếng Nhật dễ hiểu)

<https://www3.nhk.or.jp/news/easy/>

URL thông tin phí tiếp nhận NHK (đa ngôn ngữ)

<https://www.nhk-cs.jp/jushinryo/>

Đăng ký hợp đồng thu sóng (chỉ có tiếng Nhật)

0120-151515

9:00~18:00

(hoạt động cả thứ 7, chủ nhật, ngày lễ)

Quay số NHK Navi

(chỉ có tiếng Nhật)

0570-077-077

※ Không hoạt động: từ 17:00 ngày 30/12 đến ngày 3/1

5

Bưu chính

Các vấn đề bưu chính được xử lý tại bưu điện, quầy Yu-Yu, ... Các quầy bưu điện có ký hiệu là “〒”, và tất cả các cửa hàng có bán tem như cửa hàng tiện lợi đều có ký hiệu này.

Thông tin liên hệ

Mọi thông tin về bưu điện vui lòng liên hệ bên dưới.

Trung tâm tư vấn dịch vụ khách hàng của Japan Post Service, Ltd. (không thể nhận cuộc gọi quốc tế)

Điện thoại

0570-046-111 (Tiếng Anh, tính phí cuộc gọi, có thể gọi từ điện thoại di động)

0120-23-28-86 (Tiếng Nhật, miễn phí cuộc gọi, không thể gọi từ điện thoại di động)

0570-046-666 (Tiếng Nhật, tính phí cuộc gọi, có thể gọi từ điện thoại di động)

Thời gian hoạt động

Tất cả các ngày 8:00~21:00

(Câu hỏi thường gặp) URL	https://www.post.japanpost.jp/question/index.html
Ngôn ngữ sử dụng	tiếng Anh, tiếng Nhật
(Bưu chính quốc tế) URL	https://www.post.japanpost.jp/int/question/index.html
Ngôn ngữ sử dụng	Bồ Đào Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản

Ngân hàng Yucho	Mở tài khoản	Trung tâm cuộc gọi đa ngôn ngữ
Điện thoại	0570-023170	
Ngôn ngữ hỗ trợ	tiếng Anh, Trung Quốc, Việt Nam, Indonesia, Hàn Quốc, Nhật Bản	

Chỉ dẫn hội thoại có thể sử dụng tại bưu điện

URL	https://www.post.japanpost.jp/int/ems/ryugaku/intl_student/
Ngôn ngữ hỗ trợ	tiếng Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc

6 Chuyển phát nhanh quốc tế

Công ty chuyển phát quốc tế sẽ đảm nhận việc vận chuyển hàng hóa ra nước ngoài, vì vậy hãy liên hệ với các công ty này để biết thêm chi tiết. Các phương thức vận chuyển quốc tế mà các công ty cung cấp có thể khác nhau. Về các mặt hàng không thể gửi, sẽ có quy định chung cho tất cả các quốc gia và quy định riêng của từng quốc gia. Ví dụ, các mặt hàng nguy hiểm như bình xịt hoặc pin có thể không được phép vận chuyển. Hãy lưu ý, tùy vào nội dung của hàng hóa, có thể có các chi phí như thuế nhập khẩu, thuế tiêu dùng, VAT,... phát sinh ở quốc gia nhận hàng, và thường thì người nhận hàng sẽ phải thanh toán các chi phí này.

7 Ngân hàng

Thời gian hoạt động của quầy giao dịch ngân hàng Nhật Bản thường bắt đầu từ 9:00 đến 15:00 từ thứ hai đến thứ sáu, tuy nhiên, sẽ có một số ngân hàng có thời gian hoạt động riêng. Về ATM (máy rút tiền tự động), thời gian sử dụng sẽ khác nhau tùy thuộc vào từng tổ chức tín dụng, vì vậy hãy xác nhận trước khi sử dụng.

7-1 Mở tài khoản (koza no kaisetsu)

Người nước ngoài có thể mở tài khoản ngân hàng nếu có thời gian lưu trú trên 6 tháng cho mục đích làm việc, học tập,... và có đăng ký cư trú. Giấy tờ cần thiết cho việc mở tài khoản chủ yếu bao gồm, thẻ lưu trú hoặc chứng nhận thương trú đặc biệt, hộ chiếu, con dấu (mục 7 trang V-12), tuy nhiên, tùy thuộc vào từng ngân hàng sẽ có quy định khác nên hãy xác nhận với ngân hàng.

Ngoài ra, khi không sử dụng tài khoản ngân hàng, về nước vĩnh viễn, hãy hủy tài khoản ngân hàng. Tùy thuộc vào từng ngân hàng sẽ có phí duy trì tài khoản. Bên cạnh đó, hãy cân trọng lưu ý rằng việc bán tài khoản ngân hàng, thẻ cash, sổ ngân hàng mang tên mình cho người khác là phạm pháp.

7-2 Chuyển tiền

a. Chuyển tiền trong nước

Nếu người nhận có tài khoản ngân hàng có thể sử dụng dịch vụ chuyển khoản. Phí chuyển khoản, tùy thuộc vào ngân hàng, chi nhánh, số tiền chuyển khoản, thường sẽ ở miễn phí hoặc giao động ở khoảng 880 yên. Hơn nữa, trường hợp chuyển tiền mặt trên 100.000 yên, cần xác minh danh tính, vì vậy hãy chuẩn bị hộ chiếu hoặc thẻ lưu trú.

b. Chuyển tiền ra nước ngoài

Bạn có thể chuyển tiền ra nước ngoài thông qua ngân hàng hoặc bưu điện có dịch vụ chuyển tiền quốc tế. Nếu bạn có tài khoản tại ngân hàng nước ngoài, bạn có thể thực hiện thủ tục chuyển tiền từ ngân hàng hoặc bưu điện có dịch vụ chuyển tiền quốc tế của Nhật Bản. Ngoài ra, bạn cũng có thể chuyển tiền ra nước ngoài bằng séc chuyển tiền.

Hơn nữa, khi chuyển tiền, cần kiểm tra trước các tài liệu xác minh danh tính, mục đích chuyển tiền,... Khi chuyển tiền ra nước ngoài có thể được thực hiện khi cả người chuyển và người nhận tiền có tài khoản ngân hàng. Thời gian cần thiết và phí chuyển khoản khác nhau tùy theo ngân hàng, vì vậy hãy liên hệ với ngân hàng để biết thêm chi tiết. Ngoài ra, khi đăng ký chuyển tiền, ngoài tài liệu xác minh danh tính, còn có thể yêu cầu xác minh bổ sung tùy theo nội dung và tình huống giao dịch.

Hiệp hội Ngân hàng Nhật Bản	Trung tâm tư vấn
Điện thoại	0570-017109 hoặc 03-5252-3772
Thời gian tiếp nhận	Thứ hai đến thứ sáu (Trừ ngày lễ và ngày nghỉ của ngân hàng) 9:00~17:00
Ngôn ngữ hỗ trợ	tiếng Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản
URL	https://www.zenginkyo.or.jp/adr/ (chỉ có tiếng Anh và tiếng Nhật)

Có hệ thống khác với ngân hàng nhưng cũng có thể sử dụng để chuyển tiền đó là thông qua nhà cung cấp dịch vụ chuyển tiền (đã được đăng ký với Thủ tướng). Đối với chuyển tiền trong nước, có thể chuyển tiền giữa các tài khoản trong các ứng dụng thanh toán. Đối với chuyển tiền quốc tế, có thể sử dụng các quầy dịch vụ của nhà cung cấp dịch vụ chuyển tiền, ATM của các cửa hàng tiện lợi, Internet hoặc ứng dụng điện thoại di động. Số tiền có thể chuyển trong mỗi lần thường tối đa là 1.000.000 yên*, nhưng khu vực chuyển tiền, phí chuyển tiền, phương thức nạp tiền và phương thức nhận tiền có thể khác nhau tùy theo nhà cung cấp dịch vụ chuyển tiền, vì vậy hãy kiểm tra trên trang web của các nhà cung cấp dịch vụ chuyển tiền.

Khi đăng ký sử dụng, cần có tài liệu xác minh danh tính như thẻ lưu trú. Ngoài ra, tùy theo nội dung và tình huống giao dịch, có thể yêu cầu xác minh bổ sung

*Một số nhà cung cấp dịch vụ chuyển tiền cũng xử lý các giao dịch chuyển tiền có số tiền vượt quá 1.000.000 yên.

(Tham khảo) **Hiệp hội các Nhà cung cấp Dịch vụ Thanh toán Nhật Bản (Japan Payment Service Association)** 「Thông báo gửi đến quý khách hàng sử dụng dịch vụ chuyển tiền」

URL <https://www.s-kessai.jp/consumer/>



Chương 10

Giao thông

1 Quy định giao thông

Trong tỉnh Aichi, đã xảy ra nhiều vụ tai nạn giao thông, mà trong đó đã chứng kiến những trường hợp Người nước ngoài là người gây tai nạn hoặc nạn nhân. Để tai nạn giao thông không tiếp diễn, hãy tuân thủ các quy định chung sau đây.

Người đi bộ

- a. Nơi có đường dành cho người đi bộ, hãy đi trên phần đường dành cho người đi bộ.
- b. Nơi không có đường dành cho người đi bộ, hãy đi phía bên phải đường.
- c. Khi băng qua đường, hãy tuân theo đèn tín hiệu giao thông (đèn tín hiệu dành cho người đi bộ) tại ngã tư có đèn tín hiệu và sử dụng lối đi dành cho người đi bộ.

Xe đạp

Biển báo cho biết “Xe đạp thông thường được phép đi trên phần đường dành cho người đi bộ”



- a. Hãy đi chuyển theo 1 hàng ở rìa bên trái của đường.
- b. Khi có biển báo “Xe đạp thông thường được phép đi trên phần đường dành cho người đi bộ”, có thể đi trên phần đường dành cho người đi bộ.
- c. Ngay cả trên phần đường dành cho người đi bộ không có biển báo “Xe đạp thông thường được phép đi trên phần đường dành cho người đi bộ”, trẻ em dưới 13 tuổi, người cao tuổi trên 70 tuổi, người có khuyết tật về thể chất vẫn có thể đi. Ngoài ra, khi di chuyển qua những nơi mà việc đi lại trên phần bên trái của đường trở nên khó khăn, chẳng hạn như các công trình đường bộ hoặc các xe đậu liên tiếp, hoặc khi đi lại trên đường bộ trở nên nguy hiểm, bạn cũng có thể đi trên phần đường dành cho người đi bộ.
- d. Ngay cả khi có thể đi trên phần đường dành cho người đi bộ, bạn cần di chuyển với tốc độ có thể dừng lại ngay lập tức tại gần phần đường xe chạy, trong trường hợp cản trở người đi bộ, bạn cần phải tạm dừng lại.
- e. Mũ bảo hiểm có hiệu quả trong việc giảm thiểu chấn thương do tai nạn giao thông gây ra. Hãy cố gắng đội mũ bảo hiểm.
- f. Pháp luật nghiêm cấm hành vi vừa điều khiển xe vừa chở thêm người, sử dụng ô dù, điện thoại thông minh (smartphone), điện thoại di động.
- g. Tại đoạn giao nhau với đường sắt hoặc điểm dừng tạm thời, hãy luôn dừng lại và kiểm tra an toàn từ hai bên trước khi tiếp tục di chuyển.
- h. Tại ngã tư có đèn tín hiệu, hãy tuân thủ theo đèn tín hiệu để di chuyển.
- i. Không được lái xe đạp sau khi uống rượu bia. Ngoài ra, cũng không được thực hiện các hành vi như cho người đã uống rượu bia mượn xe đạp, khuyến khích người lái xe đạp uống rượu bia, hoặc yêu cầu người đã uống rượu bia lái xe và cùng đi với họ. Các hành vi này bị pháp luật nghiêm cấm.
- j. Bật đèn xe vào ban đêm.

Trên kênh YouTube “愛知県警公式チャンネル”, các video về việc sử dụng xe đạp an toàn có phụ đề được phát hành bằng các ngôn ngữ: tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Việt Nam, Indonesia và Nepal.

※ Các video có thể bị gỡ xuống sau một thời gian nhất định.

Ô tô (bao gồm cả xe máy 2 bánh) và xe đạp có động cơ

- a. Người không có giấy phép lái xe hợp lệ (mục 3-2 trang V-51) tại Nhật Bản, tuyệt đối không được phép điều khiển ô tô, xe đạp có động cơ (mục 3-2 trang V-51)
- b. Hãy chú ý đảm bảo an toàn cho người đi bộ, người đi xe đạp.
- c. Đã uống rượu bia tuyệt đối không được lái xe. Ngoài ra, các hành vi sau đây sẽ bị phạt như cho người đã uống rượu bia mượn xe, khuyến khích người lái xe uống rượu bia, yêu cầu người đã uống rượu bia lái xe và đi cùng với họ.
- d. Hãy tuân thủ luật giao thông, tuân theo đèn tín hiệu, chỉ dẫn giao thông, biển báo trên đường.
- e. Hãy xác nhận việc thắt dây an toàn tất cả chỗ ngồi trong xe bao gồm cả chỗ ngồi phía sau. Ngoài ra, khi điều khiển xe máy 2 bánh, xe đạp có động cơ, hãy luôn đội mũ bảo hiểm.
- f. Khi chở trẻ em dưới 6 tuổi, hãy để trẻ ngồi đúng trong ghế trẻ em.
- g. Ở nơi có chỉ dẫn giao thông, biển báo chỉ dẫn về tốc độ tối đa, không được vượt quá tốc độ đó.
- h. Khi điều khiển ô tô, xe đạp có động cơ, không được sử dụng điện thoại thông minh, điện thoại di động. Pháp luật nghiêm cấm các hành vi này.
- i. Khi xảy ra tai nạn giao thông, hãy liên lạc ngay với cảnh sát (số 110). Thông tin chi tiết tham khảo tại mục 3-9 trang V-55 chương này.

2 Phương tiện giao thông công cộng

2-1 Tàu hỏa – Tàu điện ngầm

Trong tỉnh, tàu điện ngầm do thành phố Nagoya quản lý, JR, Meitetsu, Kintetsu và các tuyến đường khác đều đang hoạt động. Có thể mua vé bằng máy bán vé tự động. Thông thường, bên trên các máy bán vé tự động có một bảng giá vé theo kiểu sơ đồ tuyến đường, nơi bạn có thể tra cứu tên ga và giá vé. Đối với trẻ em dưới 12 tuổi (học sinh trung học trở lên xem tính là người lớn), được giảm nửa giá vé; trẻ em dưới 6 tuổi, được miễn phí vé nếu đi cùng một người giám hộ (một người lớn hoặc trẻ em đi cùng) với tối đa hai trẻ em (tối đa bốn trẻ em đối với tàu điện ngầm do thành phố Nagoya quản lý). Ngoài ra, nếu đi quá ga, hãy thanh toán tại máy thanh toán quá ga hoặc quầy thu phí tại nhà ga. Cũng có các loại vé giá rẻ như vé đi lại trong một ngày hoặc vé định kỳ. Ngoài ra, có nhiều thẻ IC giao thông cho phép bạn đi tàu hỏa và tàu điện ngầm với một thẻ duy nhất, chẳng hạn như "Manaca", "Toica" và "Pitapa" (ngoại trừ một phần của tuyến Gamagori và tuyến Hiromi của Meitetsu). Vé tốc hành hoặc vé đặt trước có thể được mua tại quầy vé của nhà ga khoảng một tháng trước đó.

Thông tin liên hệ của các công ty đường sắt chính

Tên công ty đường sắt	URL	Điện thoại	Thời gian tiếp nhận
Cơ quan Giao thông Thành phố Nagoya (Trung tâm điện thoại cho xe buýt thành phố và tàu điện ngầm)	https://www.kotsu.city.nagoya.jp/jp/pc/ (tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc (giản thể - phồn thể), Việt Nam, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản)	052-522-0111	8:00~19:00 Hoạt động liên tục (chỉ có tiếng Nhật)
JR Tokai (Trung tâm điện thoại JR Tokai)	https://global.jr-central.co.jp/en/ (tiếng Anh, Trung Quốc (giản thể - phồn thể), Thái Lan, Hàn Quốc, Pháp, Đức, Nhật Bản) ※Liên quan đến hành lý thất lạc https://global.jr-central.co.jp/en/lost-and-found/	050-3772-3910 Chọn phím 2 và làm theo hướng dẫn	6:00~24:00 Hoạt động liên tục
Meitetsu (Trung tâm dịch vụ khách hàng)	https://top.meitetsu.co.jp/ (tiếng Anh, Trung Quốc (giản thể - phồn thể), Hàn Quốc, Thái Lan)	052-582-5151	8:00~19:00 Thứ hai~thứ sáu 8:00~18:00 Thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ (Bao gồm cả cuối năm)
Kintetsu (Trung tâm điện thoại tàu điện Kintetsu)	https://www.kintetsu.co.jp/ (tiếng Anh, Trung Quốc (giản thể - phồn thể), Hàn Quốc, Thái Lan)	050-3536-3957	8:00~21:00 Hoạt động liên tục

2-2 Xe buýt

Giá vé xe buýt bao gồm 2 loại: giá vé đồng giá và giá vé thay đổi theo khoảng cách di chuyển. Đối với giá vé đồng giá, thông thường, khi lên xe sẽ bỏ tiền vé vào thùng thu tiền bên cạnh tài xế. Đối với giá vé thay đổi theo khoảng cách di chuyển, sẽ lấy vé khi lên xe, xác nhận giá vé theo số vé tại bảng giá ở phía trước rồi trả tiền vào hộp thu tiền khi xuống xe. Ngay cả xe buýt cũng có vé ngày và vé định kỳ. Ngoài ra, chỉ với một chiếc thẻ IC "Manaca" có thể đi xe buýt của Cục Giao thông thành phố Nagoya, xe buýt Meitetsu và xe buýt Yutorito Line. Khi đi xe buýt, phải thông báo cho tài xế khi muốn xuống xe. Khi nghe thông báo về điểm dừng bạn muốn xuống, hãy nhấn nút xuống xe ở gần cửa sổ hoặc trần xe.

2-3 Taxi

Dưới đây là những cách sử dụng taxi.

- Gọi điện đến công ty taxi.
- Khi nhìn thấy từ hướng chính diện taxi, có dòng chữ “空車” màu đỏ hiển thị bên phải kính chắn gió, hãy giơ tay để ra hiệu và sử dụng taxi đó.
- Sử dụng tại bãi đỗ taxi.
- Sử dụng ứng dụng taxi trên điện thoại thông minh, để gọi taxi đến chỗ bạn muốn sử dụng. Khi đặt taxi qua ứng dụng, nhập địa điểm lên xe và xuống xe, ngoài việc dù không thông thạo ngôn ngữ vẫn có thể dễ dàng sử dụng, bạn có thể ước tính được chi phí (có thể thay đổi tùy thuộc vào tình hình giao thông lúc đó).

Giá tiền taxi được tính dựa trên khoảng cách di chuyển, thời gian di chuyển. Hiện nay, có nhiều xe taxi cho phép thanh toán bằng tiền mặt, thẻ tín dụng, mã QR (Pay), tiền điện tử, ... hãy xác nhận với tài xế trước khi lên xe.

Ngoài ra, cũng có taxi hỗ trợ chăm sóc và phúc lợi với trang bị thang nâng, giúp những người sử dụng xe lăn hoặc giường nằm dễ dàng di chuyển. Người đã được cấp sổ tay người khuyết tật có thể được hưởng chế độ giảm giá. Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ cơ quan hành chính địa phương.

2-4 Sân bay

Trong tỉnh có 2 sân bay. Sân bay Quốc tế Chubu (Centrair), là sân bay cửa ngõ quốc tế khu vực Chubu, tự hào với mạng lưới hàng không nội địa và quốc tế phong phú. Sân bay Nagoya do tỉnh quản lý là sân bay trung chuyển cho các máy bay cỡ nhỏ như máy bay cộng đồng và máy bay kinh doanh.

A Sân bay Quốc tế Chubu (Centrair)

Centrair Trung tâm điện thoại

Địa chỉ 479-0881 1-1 Centrair, Tokoname-shi
Điện thoại 0569-38-1195 (6:40~22:00 Hoạt động liên tục)
URL <https://www.centrair.jp/>

B Sân bay Nagoya do tỉnh quản lý

Trung tâm thông tin chung của sân bay Nagoya

Địa chỉ 480-0202 Nishikasugai-gun, Toyoyama-cho, Oazatoyoba
Điện thoại 0568-28-5633 (7:00~21:00 Hoạt động liên tục)
URL <https://nagoya-airport.jp/>

3 Xe ô tô

Tại Nhật Bản, khi điều khiển xe ô tô, xe đạp có động cơ, phải có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe. Ngoài ra, bắt buộc phải đeo theo giấy phép lái xe khi điều khiển phương tiện.

3-1 Giấy phép lái xe nước ngoài

A Giấy phép lái xe quốc tế

Giấy phép lái xe quốc tế được phép sử dụng tại Nhật Bản, chỉ áp dụng đối với giấy phép lái xe được cấp bởi quốc gia ký kết Công ước Geneva (1949.9.19). Thời gian có thể lái xe phải đáp ứng đồng thời hai điều kiện sau:

- Giấy phép lái xe quốc tế còn hiệu lực (trong vòng 01 năm kể từ ngày cấp)
- Không vượt quá 01 năm kể từ khi nhập cảnh vào Nhật Bản

Điều kiện xuất nhập cảnh

Nếu công dân Nhật Bản đã đăng ký thường trú tại Nhật Bản hoặc công dân nước ngoài đã đăng ký thường trú và được phép tái nhập cảnh, quay trở lại Nhật Bản trong vòng chưa đầy ba tháng kể từ ngày xuất cảnh, thì ngày bắt đầu “1 năm kể từ ngày nhập cảnh vào Nhật Bản” sẽ không được tính từ ngày nhập cảnh đó.

B Giấy phép lái xe nước ngoài

Giấy phép lái xe của các nước Đức, Pháp, Bỉ, Monaco, Thụy Sĩ, Đài Loan chỉ được chấp nhận khi kèm theo bản dịch tiếng Nhật (do cơ quan hành chính hoặc cơ quan lãnh sự của nước cấp giấy phép, hoặc Hiệp hội Ô tô Nhật Bản (JAF) hoặc Công ty Ziplus dịch (với một số quốc gia mà việc dịch thuật có giới hạn)). Thời gian có thể lái xe phải đáp ứng đồng thời hai điều kiện sau:

- Giấy phép lái xe nước ngoài còn hiệu lực
- Không vượt quá 01 năm kể từ khi nhập cảnh vào Nhật Bản

Hiệp hội Ô tô Nhật Bản (JAF) Hướng dẫn đăng ký dịch thuật tiếng Nhật đối với bằng lái xe nước ngoài

URL <https://jaf.or.jp/common/visitor-procedures/switch-to-japanese-license> (tiếng Nhật)
<https://english.jaf.or.jp/driving-in-japan/drive-in-japan/foreign-nationals-license> (tiếng Anh)

Điều kiện xuất nhập cảnh

Giống như điều kiện đối với Giấy phép lái xe quốc tế đã ghi ở phía trên.

3-2 Giấy phép lái xe Nhật Bản

A Chuyển đổi giấy phép lái xe nước ngoài sang giấy phép lái xe Nhật Bản

Người đáp ứng các điều kiện sau đây, có thể nộp đơn xin chuyển đổi sang giấy phép lái xe Nhật Bản tại Trung tâm thi giấy phép lái xe hoặc Trung tâm thi giấy phép lái xe Higashi Mikawa.

- Có giấy phép lái xe được cấp hợp pháp, còn hiệu lực tại quốc gia cấp.
- Sau khi nhận được giấy phép, đã lưu trú tại quốc gia cấp giấy phép lái xe nước ngoài tổng cộng từ 03 tháng trở lên.

Sau khi kiểm tra hồ sơ tại thời điểm nộp đơn, nếu đậu kỳ thi năng lực – kiểm tra kiến thức – kiểm tra thực hành (vào một ngày khác), sẽ được cấp giấy phép lái xe. Tuy nhiên, một số quốc gia sẽ được miễn kiểm tra kiến thức – kiểm tra thực hành.

Ngoài ra, tại tỉnh Aichi, khi đăng ký chuyển đổi từ giấy phép lái xe nước ngoài sang giấy phép lái xe Nhật Bản, cần đặt lịch trước qua mạng. Vui lòng đặt lịch thời gian và địa điểm mong muốn từ thứ hai đến thứ sáu trên trang web bên dưới, sau đó đến địa điểm đã đặt.

a. Trung tâm thi giấy phép lái xe

Người đã hoàn tất kiểm tra hồ sơ trước 13:30 ngày nộp đơn, sẽ tham gia kỳ thi năng lực – kiểm tra kiến thức vào cùng ngày hôm đó. Kiểm tra thực hành sẽ tiến hành sau đó vài ngày.

b. Trung tâm thi giấy phép lái xe Higashi Mikawa

Tại Trung tâm thi giấy phép lái xe Higashi Mikawa, việc kiểm tra hồ sơ sẽ bao gồm kiểm tra lần 1 và kiểm tra lần 2.

Kiểm tra lần 1 sẽ được thực hiện vào buổi chiều các ngày trong tuần theo lịch hẹn.

Ngày kiểm tra lần 2 sẽ được ấn định sau khi vượt qua Kiểm tra lần 1.

Hồ sơ cần thiết

- Giấy phép lái xe nước ngoài (Hãy mang theo giấy tờ tùy thân,... khi nhận được yêu cầu mang theo giấy phép lái xe, giấy tờ tùy thân,...)
 - Bản dịch tiếng Nhật của giấy phép lái xe nước ngoài (chỉ áp dụng đối với các bản dịch do cơ quan hành chính hoặc cơ quan lãnh sự của nước cấp giấy phép, hoặc do Hiệp hội Ô tô Nhật Bản (JAF) hoặc Công ty Ziplus dịch).
 - Tất cả các hộ chiếu cũ và mới có đóng dấu ngày tháng xuất cảnh và nhập cảnh (nếu có nhiều hộ chiếu, hãy nộp tất cả).
 - Thẻ lưu trú.
 - Bản sao giấy chứng nhận cư trú (không chấp nhận bản copy) cư trú tại tỉnh Aichi có ghi quốc tịch (nơi cư trú).
 - 1 tấm ảnh dùng để nộp đơn xin cấp giấy phép. ※ Ảnh phải chụp trong vòng 6 tháng trước khi nộp đơn, không đội mũ (trừ trường hợp vì lý do tôn giáo hoặc y tế mà phải đội khăn hoặc phủ đầu trong phạm vi không che khuất được đường nét khuôn mặt), chụp chính diện, từ phía trên nửa thân trở lên, và không có phông nền (kích thước dọc 3cm × ngang 2.4cm).
 - Giấy phép lái xe Nhật Bản
 - Người đang sở hữu giấy phép lái xe của Nhật Bản còn hiệu lực, giấy phép lái xe đó
 - Người đã sở hữu giấy phép lái xe trong quá khứ, giấy phép lái xe đó
 - Giấy tờ khác
 - Có trường hợp sẽ cần phải cung cấp giấy chứng nhận kinh nghiệm lái xe nước ngoài, chứng nhận lưu trú,...
 - Tùy thuộc vào quốc gia, tình trạng được nhận giấy phép, có trường hợp cần phải cung cấp một số giấy tờ khác.
- ※ Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ trực tiếp Trung tâm thi giấy phép lái xe tỉnh Aichi (Higashibari) (điện thoại: 052-801-3211) hoặc Trung tâm thi giấy phép lái xe Higashi Mikawa (điện thoại: 052-801-3211)

Lưu ý

Nếu không giao tiếp được bằng tiếng Nhật, hãy đến cùng người phiên dịch.

Tài liệu tham khảo như sách hướng dẫn giao thông bằng ngôn ngữ nước ngoài (tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Anh, tiếng Trung Quốc) được Hiệp hội Ô tô Nhật Bản (JAF) (số điện thoại: 052-872-3685) bán.

B Lấy giấy phép lái xe

Ở Nhật Bản, thông thường sẽ lấy giấy phép lái xe sau khi học lý thuyết, thực hành tại “trường dạy lái xe”. Đối với giấy phép lái xe thông thường, sẽ tốn phí khoảng 300.000 yên. Thời hạn đa dạng tùy thuộc vào trường dạy lái xe. Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ các trường dạy lái xe. Nếu tốt nghiệp từ trường dạy lái xe được chỉ định, sẽ được miễn kỳ thi kỹ năng, sau đó, sẽ phải vượt qua kỳ thi lý thuyết (được tổ chức bằng các ngôn ngữ như tiếng Nhật, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Tagalog, tiếng Việt, tiếng Nepal, tiếng Indonesia, tiếng Thái, tiếng Hàn Quốc, tiếng Myanmar, tiếng Nga, tiếng Ukraina, tiếng Ả Rập, tiếng Urdu, tiếng Khmer, tiếng Sinhala, tiếng Hindi, tiếng Ba Tư và tiếng Mông Cổ) và kỳ thi năng lực do Ủy ban An toàn Công cộng tổ chức để được cấp bằng lái xe. Ngoài ra, bài học tại các trường dạy lái xe chỉ định được thực hiện bằng tiếng Nhật.

C Gia hạn giấy phép lái xe

Thời hạn giấy phép lái xe được cấp lần đầu có hiệu lực kể từ ngày cấp đến hết tháng đầu tiên sau ngày sinh nhật lần thứ 3. Sau đó, giấy phép lái xe có thời hạn từ 3 – 5 năm tùy thuộc vào độ tuổi, mức độ vi phạm,... của người lái xe. Thủ tục gia hạn giấy phép lái xe được thực hiện tại trường thi giấy phép lái xe, Trung tâm giấy phép lái xe Higashi Mikawa và các đồn cảnh sát có quầy gia hạn giấy phép lái xe. Ngoài ra, việc gia hạn giấy phép lái xe tại quầy, Ủy ban An toàn Công cộng sẽ gửi thông báo gia hạn riêng để thông báo cho bạn biết văn phòng nơi bạn có thể gia hạn giấy phép. Nếu không gia hạn giấy phép lái xe thì giấy phép lái xe sẽ hết hạn (không còn giá trị sử dụng), và có trường hợp phải thi lại giấy phép lái xe.

Gia hạn giấy phép lái xe cần đặt lịch trước. Trường hợp cần gia hạn giấy phép lái xe, có thể truy cập trang web để đặt lịch trước. Ngoài ra, cũng có thể đặt lịch qua điện thoại thông qua số điện thoại đặt lịch hẹn.

Đặt lịch gia hạn giấy phép lái xe (Trang web của Sở cảnh sát tỉnh Aichi)

URL <https://www.pref.aichi.jp/police/menkyo/tetsuzuki/menkyo/kousinyoyaku.html>

Điện thoại đặt lịch hẹn TEL: 052-680-9777 (Thời gian tiếp nhận Ngày làm việc 9:00~17:00)

Hồ sơ cần thiết

- Thông báo gia hạn giấy phép lái xe (bưu thiếp);
- Giấy phép lái xe (nếu giấy phép lái xe bị đình chỉ, thông báo đình chỉ giấy phép lái xe);
- Nếu đồng thời thay đổi địa chỉ, giấy tờ chứng minh địa chỉ mới (thẻ lưu trú, giấy chứng nhận thường trú đặc biệt, bưu phẩm gửi đến địa chỉ mới,...);
- Nếu đồng thời thay đổi địa chỉ cư trú, quốc tịch, họ tên, ngày tháng năm sinh, bản sao giấy chứng nhận cư trú có ghi quốc tịch (hộ khẩu đối với công dân Nhật Bản) (không chấp nhận bản copy);
- Lệ phí;
- Màn hình (ảnh chụp màn hình) hiển thị số lễ tân, mã QR,... được hiển thị sau khi hoàn tất đặt chỗ (nếu bạn không chụp được ảnh màn hình hoặc đặt chỗ qua điện thoại, vui lòng ghi lại ngày, giờ, địa điểm và số lễ tân của đặt chỗ).

D Thông tin liên hệ xin cấp giấy phép lái xe

Trung tâm thi giấy phép lái xe tỉnh Aichi (Higashibari)

Địa chỉ 468-8513 Nagoya-shi Tenpaku-ku Hirabari Minami 3 - 605

Điện thoại [Đại diện] 052-801-3211 (chỉ sử dụng tiếng Nhật)

[Điện thoại đơn vị phụ trách]

○Liên quan đến gia hạn – cấp lại – thay đổi thông tin – cấp giấy phép lái xe nước ngoài.

052-800-1351 (thời gian tiếp nhận Thứ hai đến thứ sáu 8:45~17:15)

○Liên quan đến thủ tục dự thi – hết hạn/ chuyển đổi từ giấy phép lái xe nước ngoài.

052-800-1352 (thời gian tiếp nhận Thứ hai đến thứ sáu 8:45~17:15)

○Khóa học dành cho người cao tuổi

0570-02-7075 (thời gian tiếp nhận Thứ hai đến thứ sáu 9:00~17:00)

Trung tâm thi giấy phép lái xe Higashi Mikawa

Địa chỉ 442-0067 Toyogawa-shi Kanayanishi-machi 2-7

Điện thoại 0533-85-7181 (chỉ sử dụng tiếng Nhật)

3-3 Hệ thống điểm giấy phép lái xe

Hệ thống điểm là hệ thống mà các vi phạm giao thông như tai nạn giao thông, vượt đèn đỏ, vượt quá tốc độ, vi phạm đỗ xe, sử dụng điện thoại di động khi lái xe sẽ bị cộng điểm. Khi tổng số điểm đạt đến một mức độ nhất định, sẽ bị xử phạt như hủy bỏ hoặc đình chỉ giấy phép lái xe.

3-4 Đăng ký xe ô tô (jidousha no toroku)

Khi mua xe ô tô, cần thực hiện thủ tục đăng ký xe ô tô. Ngoài ra, khi nhận chuyển nhượng xe từ người khác, bán xe cho người khác, phải thực hiện đăng ký thay đổi chủ sở hữu. Thông tin liên quan đến đăng ký xe ô tô, cũng có thể tra cứu trên mạng.

URL <https://www.jidoushatouroku-portal.mlit.go.jp/jidousha/kensatoroku/>

Hồ sơ cần thiết cho việc đăng ký thay đổi (đối với xe thông thường)

- Đơn đăng ký;
- Xác nhận nộp lệ phí;
- Chứng nhận đăng kiểm xe ô tô;
- Chứng nhận đăng ký con dấu (được cấp trong vòng 3 tháng gần nhất của cả chủ sở hữu mới và cũ);
- Giấy chứng nhận chuyển nhượng theo quy định;
- Con dấu đã đăng ký của cả chủ sở hữu mới và cũ (nếu là đại diện nộp đơn, con dấu phải được dán vào giấy ủy quyền được chỉ định);
- Giấy chứng nhận chỗ đậu xe (do cảnh sát tại khu vực cấp trong vòng một tháng);
- Bản sao giấy chứng nhận cư trú (nếu địa chỉ, họ tên,... của chủ sở hữu ghi trên giấy chứng nhận kiểm định xe khác với thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký con dấu).

Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ Cơ quan Giao thông Vận tải tỉnh Aichi hoặc Văn phòng Đăng ký và Kiểm định Xe cơ giới (đối với xe ô tô hạng nhẹ, Hiệp hội Kiểm định Xe ô tô hạng nhẹ) (mục 3-7 trang V-54).

3-5 Hủy đăng ký xe ô tô (massho toroku)

Khi không sử dụng xe ô tô, hoặc xe ô tô bị mất, bị tháo rời,... cần thực hiện hủy đăng ký xe ô tô.

Hồ sơ cần thiết (đối với xe thông thường)

- Đơn đăng ký;
- Xác nhận nộp lệ phí;
- Chứng nhận đăng kiểm xe ô tô;
- Biển số xe;
- Chứng nhận đăng ký con dấu (được cấp trong vòng 3 tháng gần nhất của sở hữu);
- Con dấu đã đăng ký của chủ sở hữu (nếu là đại diện nộp đơn, con dấu phải được dán vào giấy ủy quyền được chỉ định);
- Bản sao giấy chứng nhận cư trú (nếu địa chỉ, họ tên,... của chủ sở hữu ghi trên giấy chứng nhận kiểm định xe khác với thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký con dấu);
- Thông tin về việc tháo rời (mã số báo cáo di chuyển tái chế và ngày nhận báo cáo tháo rời) (trường hợp tháo rời);
- Giấy xác nhận số định danh cá nhân của chủ sở hữu (thẻ định danh cá nhân, thẻ thông báo, giấy chứng nhận cư trú có ghi số định danh cá nhân,...) và giấy chứng minh định danh cá nhân của chủ sở hữu (thẻ định danh cá nhân, giấy phép lái xe,...) (trường hợp chủ sở hữu nộp đơn xin hoàn thuế trọng lượng);
- Giấy xác nhận số định danh cá nhân của chủ sở hữu (thẻ định danh cá nhân, thẻ thông báo, giấy chứng nhận cư trú có ghi số định danh cá nhân, ...), giấy chứng minh định danh cá nhân của người đại diện (thẻ định danh cá nhân, giấy phép lái xe, ...) và con dấu của người đại diện (trường hợp người đại diện nộp đơn xin hoàn thuế trọng lượng).

Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ Cơ quan Giao thông Vận tải tỉnh Aichi hoặc Văn phòng Đăng ký và Kiểm định Xe cơ giới (đối với xe ô tô hạng nhẹ, Hiệp hội Kiểm định Xe ô tô hạng nhẹ) (mục 3-7 trang V-54)

3-6 Chứng nhận chỗ đậu xe (shako shomei)

Để sở hữu xe ô tô, cần có giấy chứng nhận chỗ đậu xe (trường hợp đậu xe ở lề đường, chứng minh cho việc bạn đã đảm bảo được chỗ đậu xe). Nếu đảm bảo được có chỗ đậu xe trong vòng 2 km từ địa chỉ nhà (nơi cư trú), nộp đơn xin chứng nhận chỗ đậu xe ô tô tại cảnh sát phụ trách khu vực đỗ xe đó. Nếu được công nhận rằng chỗ đậu xe đã được đảm bảo đúng cách, sẽ được cấp chứng nhận chỗ đậu xe. Ngoài ra, cũng có những khu vực cần đăng ký chỗ đậu xe đối với xe ô tô hạng nhẹ, thông tin chi tiết vui lòng liên hệ cảnh sát gần nhất.

Hồ sơ cần thiết

(Chứng nhận chỗ đậu xe đối với xe thông thường)

- Đơn đề nghị chứng nhận chỗ đậu xe ô tô (2 bản);
- Sơ đồ vị trí – Bản đồ phân bổ;
- Chứng nhận cho phép sử dụng chỗ đậu xe (chấp nhận bản sao hợp đồng thuê chỗ đậu xe) hoặc thư xác nhận;
- Lệ phí khi đăng ký 2.200 yên (tiếp nhận bằng tem thu của tỉnh Aichi hoặc thanh toán không dùng tiền mặt).
※ Lệ phí có thể thay đổi

(Đăng ký chỗ đậu xe đối với xe ô tô hạng nhẹ)

- Đơn đăng ký chỗ đậu xe;
- Sơ đồ vị trí – Bản đồ phân bổ;
- Chứng nhận cho phép sử dụng chỗ đậu xe (chấp nhận bản sao hợp đồng thuê chỗ đậu xe) hoặc thư xác nhận;
- Lệ phí khi đăng ký 500 yên (tiếp nhận bằng tem thu của tỉnh Aichi hoặc thanh toán không dùng tiền mặt).

Mẫu đơn đăng ký được phát miễn phí tại phòng giao thông của cơ quan cảnh sát trong tỉnh. Ngoài ra, có thể tải về mẫu Excel từ trang web của Cảnh sát tỉnh Aichi và điền thông tin.

URL <https://www.pref.aichi.jp/police/shinsei/koutsu/shako/chusha/index.html>

3-7 Đăng kiểm xe ô tô (shaken)

Cơ quan nhà nước kiểm tra xe ô tô có đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn và môi trường hay không theo các khoảng thời gian nhất định gọi là đăng kiểm xe ô tô (shaken). Nếu kiểm tra không đạt và không nhận được giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô hợp lệ (shakensho), xe sẽ không được phép lưu hành. Thời hạn có hiệu lực của giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô, đối với xe dùng cho gia đình, lần đầu tiên là 3 năm, từ lần thứ hai trở đi là 2 năm (chỉ có lần đầu tiên với xe mới là 3 năm). Để biết thêm thông tin chi tiết về thủ tục, vui lòng liên hệ với cơ quan vận tải hoặc văn phòng đăng ký đăng kiểm gần nhất.

Thông tin liên hệ

Biển số	Cơ quan Giao thông Vận tải Khu vực Chubu (trừ xe ô tô hạng nhẹ)	Số điện thoại	Khu vực quản lý
	Hiệp hội Kiểm định Xe ô tô hạng nhẹ (xe ô tô hạng nhẹ)		
Nagoya	Cơ quan giao thông tỉnh Aichi 454-8558 Nagoya-shi Nakagawa-ku Kitaecho 1-1-2	050-5540-2046	Nagoya-shi, Handa-shi, Tsushima-shi, Tokoname-shi, Tōkai-shi, Ofu-shi, Chita-shi, Homei-shi, Nisshin-shi, Aisaishi, Yatomi-shi, Ama-shi, Nagakute-shi, Togo-machi, Agui-cho, Taketoyo-machi, Higashiura-machi, Mihama-cho, Minamichita-cho, Oharu-cho, Kaniejo, Tobishima-mura
	Hiệp hội Kiểm định Xe ô tô hạng nhẹ Văn phòng khu vực Aichi 455-0052 Nagoya-shi Minato-ku Iroha-cho 2-56-1	050-3816-1770	
OwariKomaki ※1	Văn phòng đăng ký đăng kiểm xe ô tô Komaki 485-0074 Komaki-shi Shinkoki 3-32	050-5540-2048	※1 Seto-shi, Inuyama-shi, Konan-shi, Kiyosu-shi, Komaki-shi, Inazawa-shi, Iwakura-shi, Owariasahi-shi, Kitanagoya-shi, Toyoyama-cho, Okuchi-machi, Fuso-cho
Ichinomiya ※2	Văn phòng Komaki 485-0074 Komaki-shi Shinkoki 3-36	050-3816-1773	※2 Ichimiya-shi
Kasugai ※3			※3 Kasugai-shi
Mikawa ※1 Toyota ※2 Okazaki ※3	Văn phòng đăng ký đăng kiểm xe ô tô Nishi Mikawa 473-0917 Toyota-shi Wakabayashinishi-cho Nishihayama 46	050-5540-2047	※1 Hekinan-shi, Kariya-shi, Anjoji, Nishio-shi, Chita-shi, Takahama-shi, Miyoshi-shi
	Văn phòng Mikawa 473-0917 Toyota-shi Wakabayashinishi-cho Nishihayama 48-2	050-3816-1772	※2 Toyota-shi ※3 Okazaki-shi, Koda-cho
Toyohashi	Văn phòng đăng ký đăng kiểm xe ô tô Toyohashi 441-8077 Toyohashi-shi Jinnoshinden-cho Kyonowari 20-3	050-5540-2049	Toyohashi-shi, Toyogawa-shi, Gamagori-shi, Shinjo-shi, Tawara-shi, Shitara-cho, Higashisakae-machi, Toyone-mura
	Văn phòng Toyohashi 441-8077 Toyohashi-shi Jinnoshinden-cho Kyonowari 18	050-3816-1771	

3-8 Bảo hiểm xe cơ giới (jidoshha hoken)

A Bảo hiểm bắt buộc (Bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại xe cơ giới) (jibaiseki hoken)

Bảo hiểm xe cơ giới bao gồm 2 loại là bảo hiểm bắt buộc và bảo hiểm tự nguyện. Tại Nhật Bản, việc tham gia bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại xe cơ giới (Jibaiseki hoken) đối với tất cả các xe cơ giới là nghĩa vụ bắt buộc theo quy định pháp luật. Bảo hiểm này chỉ áp dụng trong trường hợp lái xe ô tô hoặc xe máy gây chết hoặc thương tích cho người khác, và bảo hiểm sẽ bồi thường thiệt hại cho nạn nhân trong phạm vi hạn mức. Trong một số trường hợp, do tính chất vụ tai nạn, số tiền bồi thường có thể rất lớn và bảo hiểm Jibaiseki có thể không đủ, vì vậy nên mua thêm cả bảo hiểm tự nguyện.

B Bảo hiểm tự nguyện (nini hoken)

Bảo hiểm tự nguyện sẽ chi trả cho thiệt hại đối với tài sản không thuộc đối tượng của bảo hiểm bắt buộc (ví dụ như tai nạn làm hỏng đồ vật của người khác), thiệt hại xe cơ giới (ví dụ như tai nạn mất cắp xe), và các thiệt hại về người mà số tiền bồi thường vượt quá hạn mức chi trả của bảo hiểm Jibaiseki. Bảo hiểm tự nguyện có thể được mua từ các công ty bảo hiểm tư nhân, và có những công ty hỗ trợ nhiều ngôn ngữ. Ngoài ra, nếu bạn chỉ mượn xe của người khác trong một ngày, cũng có loại bảo hiểm ô tô 1 ngày có thể mua theo ngày. Các gói bảo hiểm này có thể được mua tại cửa hàng tiện lợi hoặc qua Internet.

3-9 Tai nạn giao thông

Chẳng may nếu gặp tai nạn giao thông, hãy bình tĩnh và thực hiện các bước sau đây:

- Nếu đang lái xe, hãy di chuyển đến nơi an toàn tránh làm cản trở giao thông, tắt máy.
- Nếu có người bị thương, hãy gọi cứu hộ (119), trong lúc chờ xe cứu thương đến, đảm bảo ở nơi an toàn và tiến hành sơ cứu cho người bị thương.
- Gọi ngay cho cảnh sát (110), hãy truyền đạt thông tin như thời gian, địa điểm xảy ra tai nạn, số người bị thương, mức độ bị thương,... và nhận hướng dẫn.
- Không được rời khỏi hiện trường xảy ra tai nạn cho đến khi cảnh sát đến.

- ※ Nếu xảy ra tai nạn giao thông mà không báo cảnh sát rồi cứ thể rời khỏi hiện trường, sẽ bị buộc tội và phải chịu hình phạt.
- ※ Quay tiếp nhận tư vấn liên quan đến tai nạn giao thông, vui lòng tham khảo mục 9 trang V-65

4 Xe đạp

Xe đạp cũng là một loại “phương tiện giao thông” như ô tô. Nếu tái phạm hành vi nguy hiểm như lái xe khi say rượu hoặc vượt đèn đỏ hơn hai lần trong vòng ba năm, sẽ phải tham gia khóa học dành cho người lái xe đạp. Hãy tuân thủ các quy tắc và sử dụng xe đạp một cách an toàn.

URL <https://www.pref.aichi.jp/police/koutsu/jitensha/kousyu.html>

4-1 5 quy tắc sử dụng xe đạp an toàn

- Hãy tuân thủ 5 quy tắc sử dụng xe đạp an toàn

- Theo nguyên tắc, lưu thông ở phần đường bên trái.

Trên vỉa hè, phải ưu tiên người đi bộ.

- Tại nút giao thông, phải tuân theo tín hiệu giao thông và tạm dừng lại để xác nhận an toàn.
- Vào ban đêm phải bật đèn.
- Nghiêm cấm lái xe sau khi sử dụng đồ uống có cồn.
- Đội mũ bảo hiểm.

※ Theo quy định của văn bản thi hành Luật Giao thông Đường bộ sửa đổi, kể từ tháng 4 năm 2023, tất cả người sử dụng xe đạp được khuyến khích đội mũ bảo hiểm. Mũ bảo hiểm có hiệu quả trong việc giảm thiểu thiệt hại do tai nạn giao thông. Hãy nỗ lực đội mũ bảo hiểm cho cả người lớn và trẻ em.

- Hãy tham gia bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại xe đạp

Nếu không sử dụng xe đạp an toàn, bất kỳ ai cũng có thể trở thành người gây tai nạn giao thông. Gần đây, đã có nhiều phán quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại cao đối với những trường hợp gây chết hoặc thương tích cho người khác trong tai nạn xe đạp. Hãy tham gia bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại xe đạp để phòng ngừa trường hợp xấu nhất. Ngoài ký hiệu TS, bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại xe đạp còn có nhiều loại khác như bảo hiểm cá nhân cho xe đạp, bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm hỏa hoạn có kèm điều khoản phụ,... vì vậy, nếu đã tham gia bảo hiểm, hãy kiểm tra lại nội dung bảo hiểm đó.

※ Tại tỉnh Aichi, từ tháng 10 năm 2021, việc tham gia bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại xe đạp đã trở thành nghĩa vụ bắt buộc.

4-2 Kiểm tra, bảo dưỡng và bảo hiểm bổ sung xe đạp

Ký hiệu TS ngoài bao gồm bảo hiểm trách nhiệm bồi thường và bảo hiểm thương tật, cũng như tiền thăm hỏi nạn nhân (ký hiệu xanh lá và đỏ), cũng đi kèm với dịch vụ đàm phán hòa giải (chỉ ký hiệu xanh lá). Tại các cửa hàng bảo dưỡng an toàn xe đạp được Hiệp hội Công nghệ Quản lý Giao thông Nhật Bản chứng nhận, xe đạp đã được kiểm tra và bảo dưỡng, và đạt tiêu chuẩn sẽ có ký hiệu TS và có thể tham gia bảo hiểm.

Nội dung bảo hiểm kèm theo ký hiệu TS như sau. Bảo hiểm có hiệu lực trong vòng 1 năm, vì vậy mỗi năm một lần bạn nên kiểm tra và bảo dưỡng xe đạp.

Nội dung bồi thường bảo hiểm kèm theo ký hiệu TS

Loại ký hiệu TS	Hạn mức trách nhiệm bồi thường	Số tiền bảo hiểm bồi thường thương tật		Tiền thăm hỏi nạn nhân
		Tử vong và thương tật nặng (cấp độ 1 đến 4)	Bị thương phải nhập viện trên 15 ngày	Bị thương phải nhập viện trên 15 ngày
Ký hiệu TS xanh lá	Tử vong – bị thương (không giới hạn) ※ Kèm theo dịch vụ đàm phán hòa giải Hạn mức tối đa 100.000.000 yên	500.000 yên (không phân biệt mức độ)	50.000 yên (không phân biệt mức độ)	Không (được chi trả bởi bảo hiểm trách nhiệm bồi thường)
Ký hiệu TS đỏ	Tử vong và bị thương nặng (cấp độ 1 đến 7) ※ Không kèm theo dịch vụ đàm phán hòa giải Hạn mức tối đa 100.000.000 yên	1.000.000 yên (không phân biệt mức độ)	100.000 yên (không phân biệt mức độ)	100.000 yên (không phân biệt mức độ)
Ký hiệu TS xanh dương	Tử vong và bị thương nặng (cấp độ 1 đến 7) ※ Không kèm theo dịch vụ đàm phán hòa giải Hạn mức tối đa 10.000.000 yên	300.000 yên (không phân biệt mức độ)	10.000 yên (không phân biệt mức độ)	Không

5 Xe đạp có gắn động cơ nhỏ đặc định (Xe điện scooter)

Theo Luật Giao thông Đường bộ sửa đổi từ tháng 7 năm 2023 (năm Reiwa thứ 5), xe đạp điện scooter đáp ứng tiêu chuẩn nhất định được định nghĩa là "xe đạp có gắn động cơ nhỏ đặc định", người từ 16 tuổi trở lên có thể lái mà không cần bằng lái xe. Trước khi sử dụng, hãy kiểm tra các quy tắc giao thông và lái xe an toàn.

5-1 Tiêu chuẩn của xe đạp có gắn động cơ nhỏ đặc định

- a. Kích thước xe
 - Chiều dài: dưới 190 cm
 - Chiều rộng: dưới 60 cm
- b. Cấu tạo xe
 - Động cơ chính phải là động cơ điện có công suất định mức dưới 0,60 kW.
 - Cấu tạo phải đảm bảo rằng xe không thể tăng tốc vượt quá 20 km/giờ.
 - Không thể thay đổi cài đặt tốc độ tối đa khi đang lái xe
 - Phải có hộp số tự động (AT)
 - Được trang bị đèn báo tốc độ tối đa (đèn xanh sáng hoặc nhấp nháy)

Xe điện scooter không đạt tiêu chuẩn phải có bằng lái xe theo phân loại phương tiện xe đạp có gắn động cơ thông thường (moped) hoặc ô tô.

Ngoài ra, xe điện scooter phải được trang bị các thiết bị đáp ứng tiêu chuẩn an toàn do Bộ Giao thông Vận tải yêu cầu, ví dụ như đèn pha và đèn phanh, nếu không sẽ không được phép lưu thông trên đường. Những sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn này sẽ có “nhãn xác nhận tính năng” hoặc “biên số xác nhận loại xe”. Khi mua, hãy chọn những sản phẩm có các nhãn này.

5-2 Quy tắc giao thông đối với xe đạp có gắn động cơ nhỏ đặc định

- Nghiêm cấm người dưới 16 tuổi điều khiển phương tiện.
- Nghiêm cấm lái xe sau khi sử dụng đồ uống có cồn.
- Nghiêm cấm chở người đi cùng.
- Nghiêm cấm việc lái xe trong khi nói chuyện hoặc nhìn vào màn hình điện thoại di động.



Chương 11

Trường hợp khẩn cấp

1 Cách gọi điện thoại khẩn cấp

Hỏa hoạn – Bị thương – Bệnh đột ngột

Khi gặp hỏa hoạn, bị thương, bệnh đột ngột, hãy gọi đến số 119. Số 119 hoạt động trên cả nước trong 24 giờ liên tục, miễn phí cước gọi.

1. Bấm trực tiếp số 119 không cần mã vùng. Nếu sử dụng điện thoại công cộng, nhấn mạnh nút khẩn cấp màu đỏ.
2. Hãy bình tĩnh nói rõ là “hỏa hoạn”, “cấp cứu (bị thương – bệnh đột ngột)”, địa chỉ, họ tên.
3. Thông tin chính cần nói với tổng đài viên 119 bao gồm”

(Ví dụ) Trường hợp hỏa hoạn

- Cái gì đang cháy.
- Có ai chưa kịp chạy thoát hay bị thương không.

Trường hợp cấp cứu

- Ai đó đã như thế nào
- Có còn ý thức không.
- Bị đau hoặc bị thương ở đâu.

4. Hãy bình tĩnh trả lời các câu hỏi khác của tổng đài viên 119

Tai nạn giao thông – Tội phạm

Khi xảy ra tai nạn giao thông hoặc tội phạm, hãy gọi đến số 110. Số 110 hoạt động trên cả nước trong 24 giờ liên tục, miễn phí cước gọi.

1. Bấm trực tiếp số 110 không cần mã vùng.
2. Hãy kể chính xác khi nào, ở đâu, chuyện gì đã xảy ra và nêu tên của bạn.
3. Bình tĩnh trả lời câu hỏi của cảnh sát.

(Ví dụ)

(Thời gian), (Địa điểm cụ thể) đã có tai nạn giao thông (trộm cắp, đánh nhau,...) xảy ra

Tôi tên là (Tên) và tôi là một bên (nhân chứng, ...) trong vụ tai nạn giao thông (trộm cắp/đánh nhau, ...).

Thông tin liên hệ là (số điện thoại bàn – điện thoại di động)

※ Trong trường hợp cần thiết, cuộc gọi có thể được chuyển đến phiên dịch, thiết lập cuộc gọi 3 bên. (Có thể có trường hợp không có phiên dịch) Vui lòng giữ máy cho đến khi cảnh sát nói chuyện với bạn.

Trang web của cảnh sát tỉnh Aichi (đa ngôn ngữ)

Trang web của cảnh sát, đăng tải thông tin bằng nhiều ngôn ngữ liên quan đến phòng chống tội phạm, phòng chống thiên tai.

Thông tin chi tiết xem tại trang web dưới đây.

URL <https://www.pref.aichi.jp/police/other-languages/index.html>

Ngôn ngữ hỗ trợ Bò Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Sinhala, tiếng Urdu, Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật Bản

Inochi wo tsunagu 0000JAPAN

Dịch vụ Wi – fi miễn phí có thể sử dụng khi xảy ra thảm họa tại tỉnh

URL <https://www.wlan-business.org/00000japan/>

2 Động đất

Nhật Bản là đất nước xảy ra nhiều động đất. Khu vực Tokai bao gồm cả tỉnh Aichi, đã nhiều lần chịu thiệt hại nghiêm trọng do các trận động đất lớn có cường độ khoảng 8 độ Richter, xảy ra theo chu kỳ từ 100 đến 150 năm tại rãnh Nankai. Ngoài ra, các trận động đất dạng đứt gãy hoạt động, như trận động đất Nobi năm 1891 (năm Meiji thứ 24) và trận động đất Mikawa năm 1945 (năm Showa thứ 20), cũng gây ra thiệt hại lớn.

Độ lớn và cường độ

Độ lớn (M) biểu thị năng lượng phát sinh từ động đất và kích thước của trận động đất. Trong khi đó, cường độ biểu thị mức độ rung lắc của động đất. Đối với cùng một trận động đất, cường độ tại mỗi địa điểm khác nhau, và cường độ sẽ yếu hơn khi càng xa tâm chấn. Độ lớn là thước đo chung toàn cầu, và khi giá trị này tăng 1 đơn vị, năng lượng tăng khoảng 31 lần. Trong khi đó, cường độ ở Nhật Bản được biểu thị bằng 10 cấp bậc (0, 1, 2, 3, 4, 5 yếu, 5 mạnh, 6 yếu, 6 mạnh, 7). Ví dụ, cường độ chấn động 6 yếu khiến đứng không vững và nhà gỗ có độ chống động đất thấp có thể bị đổ.

2-1 Động đất tại rãnh Nankai

Rãnh là một hồ dài và hẹp, dưới đáy đại dương có độ sâu khoảng 6000m. Rãnh có độ sâu 4000m gọi là rãnh Nankai, nằm ở phía Thái Bình Dương của quần đảo Nhật Bản, và trải dài từ vịnh Suruga ở tỉnh Shizuoka đến Kyushu. Tại rãnh Nankai này, các trận động đất lớn như động đất Tokai, động đất Tonankai, động đất Nankai cứ khoảng 100 – 150 năm lại xảy ra lặp đi lặp lại.

Tương lai, trong vòng 30 năm tới tại rãnh Nankai, khả năng xảy ra động đất mạnh 8 – 9 độ Richter được dự báo khoảng 70 – 80%. Để giảm thiểu tối đa thiệt hại, nay từ bây giờ việc chuẩn bị đối phó với động đất là vô cùng quan trọng.

2-2 Chuẩn bị cho động đất

Hãy xác định trước trên bản đồ nguy hiểm những nơi dễ xảy ra thảm họa, vị trí nơi trú ẩn an toàn tại khu vực bạn đang sinh sống. Có thể nhận bản đồ nguy hiểm tại cơ quan hành chính xã phường quận thành phố. Hoặc kiểm tra tại trang web công thông tin dưới đây.

Trang web công thông tin bản đồ nguy hiểm

URL <https://disaportal.gsi.go.jp>

- Trong khả năng có thể hãy chuẩn bị đồ ăn, nước uống, nhà vệ sinh di động... dù sử dụng trong 1 tuần (tối thiểu là 3 ngày). Ngoài ra, trong trường hợp sơ tán, nên chuẩn bị túi hoặc ba lô mang theo các vật dụng như radio di động và đèn pin là rất hữu ích khi khẩn cấp.
 - Ngôi nhà xây dựng trước ngày 31/5/1981 (Năm Showa thứ 56) có thể không đủ khả năng chống chịu động đất. Trường hợp ngôi nhà đã được kiểm tra khả năng chịu động đất và nhận kết quả “có khả năng bị sụp đổ”, hãy cân nhắc việc sửa chữa hoặc xây dựng lại.
 - Hãy xem xét sơ đồ bố trí nhà, vị trí sắp xếp đồ nội thất để xác định chỗ an toàn có thể bảo vệ bản thân.
 - Hãy cố định đồ nội thất trong nhà, thiết bị điện tử, dán phim chống vỡ cho cửa kính.
 - Nếu đi sơ tán, phải kiểm tra trước tuyến đường, cách thức liên lạc với gia đình.
 - Hãy tích cực tham gia buổi diễn tập phòng chống thảm họa thiên tai do địa phương tổ chức.
 - Hãy tìm hiểu những kiến thức cơ bản về động đất và các biện pháp chuẩn bị hàng ngày tại gia đình bằng cách tham khảo 'Hướng dẫn kiểm tra phòng chống thảm họa thiên tai'.
- ※ “Hướng dẫn kiểm tra thảm họa thiên tai” tham khảo tại mục 6-1 trang T-59.

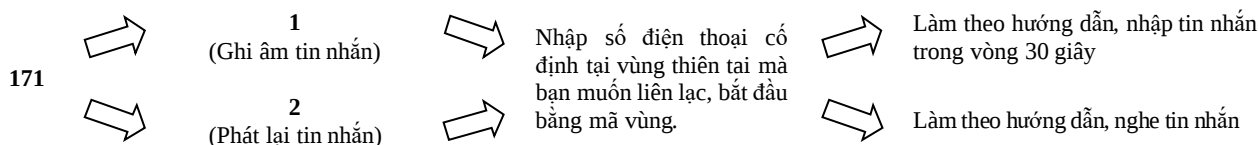
2-3 Khi xảy ra động đất

- Khi ở trong tòa nhà, hãy tự bảo vệ bản thân bằng cách tránh xa khỏi đồ đạc có nguy cơ bị đổ, chờ cho cơn rung lắc dừng lại ở nơi an toàn như dưới gầm bàn.
- Khi rung lắc dừng lại, hãy tắt ngay lửa đang sử dụng, khóa van ga, cố gắng ngăn chặn hỏa hoạn.
- Sau khi xác nhận không có nguy cơ xảy ra hỏa hạn, hãy mở cửa, đảm bảo có lối thoát hiểm khẩn cấp.
- Trước khi sơ tán, hãy khóa van nước, ngắt điện để tránh hỏa hoạn (cháy do dẫn điện) do bất điện từ các thiết bị bị hỏng hoặc rơi khi có điện trở lại. Ngoài ra, việc lắp đặt cầu dao cảm biến động đất cũng là một biện pháp hiệu quả.
- Khi ở ngoài trời, hãy cẩn thận với các vật thể rơi xuống như tường khối bị sập, máy bán hàng tự động, kính cửa sổ và biển hiệu.
- Khi ở gần bờ biển, có nguy cơ xảy ra sóng thần, ngay lập tức hãy sơ tán đến nơi cao hơn.
- Trường hợp đang lái xe ô tô, hãy nắm chặt vô lăng, giảm dần tốc độ, dừng lại bên trái đường và tắt máy. Nếu cần thiết phải sơ tán, để nguyên chìa khóa trong xe, dùng khóa cửa và đừng quên mang theo giấy chứng nhận kiểm tra xe và các vật có giá trị khác rồi đi bộ sơ tán.

2-4 Quay số tin nhắn thảm họa thiên tai

Khi xảy ra thảm họa thiên tai lớn như động đất,... việc điện thoại xác nhận an toàn, thăm hỏi địa phương bị ảnh hưởng trở nên dồn dập, khiến các cuộc gọi khó kết nối trong vài ngày. “Quay số tin nhắn thảm họa thiên tai (số 171), là dịch vụ được sử dụng để xác nhận tình trạng an toàn và liên lạc thông tin của gia đình, người thân, người quen,... tùy thuộc vào trạng thái liên lạc qua điện thoại, trong trường hợp xảy ra thảm họa thiên tai. Đầu tiên, bấm số 171, sau đó làm theo hướng dẫn để ghi lại – phát lại tin nhắn. Ngoài ra, dịch vụ bảng tin nhắn thảm họa thiên tai đang được các công ty điện thoại di động cung cấp.

Thao tác cơ bản



Hướng dẫn chi cộ tiếng Nhật, không thể sử dụng từ nước ngoài. Theo nguyên tắc, cước phí điện thoại sẽ được tính cho đối phương nhận cuộc gọi. Bạn có thể trải nghiệm dịch vụ quay số tin nhắn thảm họa thiên tai vào ngày 1 và 15 hàng tháng, ba ngày đầu năm mới, tuần lễ Phòng chống thảm họa thiên tai (từ ngày 30 tháng 8 đến ngày 5 tháng 9 hàng năm) và tuần lễ Phòng chống thảm họa thiên tai và Tình nguyện (từ ngày 15 tháng 1 đến ngày 21 tháng 1 hàng năm).

Bảng tin nhắn thảm họa thiên tai (Web171)

Từ máy tính hoặc điện thoại thông minh, bạn có thể nhập số điện thoại cố định hoặc số điện thoại di động/PHS để đăng ký và xác nhận thông tin an toàn (tin nhắn)

URL <https://www.ntt-west.co.jp/dengon/web171/>

Ngoài ra, các công ty điện thoại di động cũng đang cung cấp dịch vụ bảng tin nhắn thảm họa thiên tai. Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ công ty cung cấp dịch vụ.

3 Bão – Mưa lớn cục bộ

Tại Nhật Bản, bão có xu hướng đổ bộ từ mùa hè đến mùa thu. Khi bão đổ bộ, gió mạnh và mưa lớn thường gây ra ngập lụt, sạt lở đất,... Chú ý thông tin về bão trên radio, TV,... khi bão đến gần, tránh tham gia các hoạt động như du lịch, leo núi, câu cá, tắm biển,... Ngoài ra, các trận mưa lớn tập trung trong thời gian ngắn và mưa lớn cục bộ sẽ gây ra thiệt hại trên toàn quốc. Để chuẩn bị cho bão, mưa lớn cục bộ, hãy thường xuyên kiểm tra trên bản đồ nguy hiểm nơi nguy hiểm, tuyến đường sơ tán, chuẩn bị đồ cần thiết mang theo trong trường hợp khẩn cấp, khi xảy ra thảm họa thiên tai hãy hiểu chính xác thông tin sơ tán, thông tin thời tiết do từng khu vực xã phường quận thành phố, đài khí tượng thủy văn cung cấp để thực hiện sơ tán vào thời điểm thích hợp. Hơn nữa, nơi sơ tán không chỉ bao gồm trường tiểu học, trường trung học, nhà văn hóa công cộng.

4 Chứng nhận thiệt hại do thảm họa thiên tai (risai shome)

Trong trường hợp bị thiệt hại do động đất, bão lũ, hỏa hoạn,... để nhận được giảm hoặc tạm hoãn đóng thuế, cần có chứng nhận thiệt hại do thảm họa thiên tai. Đơn đề nghị có tại cơ quan hành chính xã phường quận thành phố nơi bạn cư trú (trừ trường hợp hỏa hoạn) hoặc văn phòng cứu hỏa (chỉ đối với trường hợp hỏa hoạn).

5 Rò rỉ ga

Khi phát hiện mùi khí ga, thiết bị cảnh báo rò rỉ khí ga kêu lên, đây là tình huống nguy hiểm. Trong trường hợp như vậy hãy xử lý như sau:

- Mở cửa sổ và cửa ra vào.
- Đóng van ga và van của đồng hồ do ga, không sử dụng lửa.
- Tuyệt đối không chạm tay vào công tắc thiết bị điện kê cả quạt thông gió. Việc này trở thành nguyên nhân gây nổ do tia lửa điện.
- Hãy liên hệ với công ty ga, cửa hàng bán ga.

6 Tài liệu về phòng chống thiệt hại thảm họa thiên tai

6-1 Hướng dẫn kiểm tra thảm họa thiên tai

Nhằm nâng cao ý thức phòng chống thảm họa thiên tai và khả năng tự bảo vệ bản thân của Người nước ngoài, tổ chức chúng tôi đã soạn thảo “Hướng dẫn kiểm tra thảm họa thiên tai”. Bạn có thể tải xuống bản PDF từ đường dẫn dưới đây.

URL <https://www2.aia.pref.aichi.jp/kikaku/j/bosaiguidebook/index.html>

Ngôn ngữ hỗ trợ Bô Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc và tiếng Nhật dễ hiểu.

6-2 Sổ tay phòng chống thảm họa thiên tai đa văn hóa Aichi

Sổ tay tổng hợp thông tin cơ bản phòng chống thảm họa thiên tai dành cho Người nước ngoài. Sử dụng hình ảnh biểu tượng, hình minh họa dễ biểu thị dễ hiểu, có thể gấp gọn dễ mang theo.

URL <https://www.pref.aichi.jp/soshiki/tabunka/bosai-pocketguide.html>

Ngôn ngữ hỗ trợ Bô Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản.

6-3 Công cụ đánh giá kế hoạch hành động phòng chống thảm họa thiên tai

Trước khi xảy ra thảm họa thiên tai, hãy kiểm tra nhà cửa, lập kế hoạch sơ tán. Để hỗ trợ chính quyền địa phương và các hiệp hội quan hệ quốc tế khu vực trong nỗ lực đảm bảo không có cư dân Người nước ngoài nào bị bỏ lại trong trường hợp xảy ra thảm họa, chúng tôi đã tạo ra “Công cụ đánh giá kế hoạch hành động phòng chống thảm họa thiên tai dành cho cư dân Người nước ngoài (My Timeline)”

Hiệp hội tự quản quan hệ quốc tế (Jichitaikokusaikakyokai - CLAIR)

Công cụ đánh giá kế hoạch hành động phòng chống thảm họa thiên tai dành cho cư dân Người nước ngoài (My Timeline)

URL <https://www.clair.or.jp/j/multiculture/tagengo/mtl.html>

Ngôn ngữ hỗ trợ Bô Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc (phồn thể - giản thể), Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Myanmar, Pháp, Nga, tiếng Nhật dễ hiểu.

6-4 Bảng hướng dẫn đa ngôn ngữ

Khi xảy ra thảm họa thiên tai, Người nước ngoài gặp khó khăn trong việc giao tiếp tiếng Nhật cũng đến các địa điểm sơ tán. Khi đó, việc biết đến “Bảng hướng dẫn đa ngôn ngữ” giúp ích rất nhiều cho việc giao tiếp giữa Người nước ngoài đi sơ tán và người điều phối địa điểm sơ tán. Có 3 loại bảng bao gồm xác nhận ngôn ngữ, sử dụng cho nhân viên địa điểm sơ tán, sử dụng cho Người nước ngoài đi sơ tán.

Hiệp hội tự quản quan hệ quốc tế (Jichitaikokusaikakyokai - CLAIR) Bảng hướng dẫn đa ngôn ngữ

URL <https://www.clair.or.jp/j/multiculture/tagengo/yubisashi.html>

Ngôn ngữ hỗ trợ Bô Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc (phồn thể - giản thể), Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Myanmar, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Nhật dễ hiểu.



Chương 12

Tóm lược

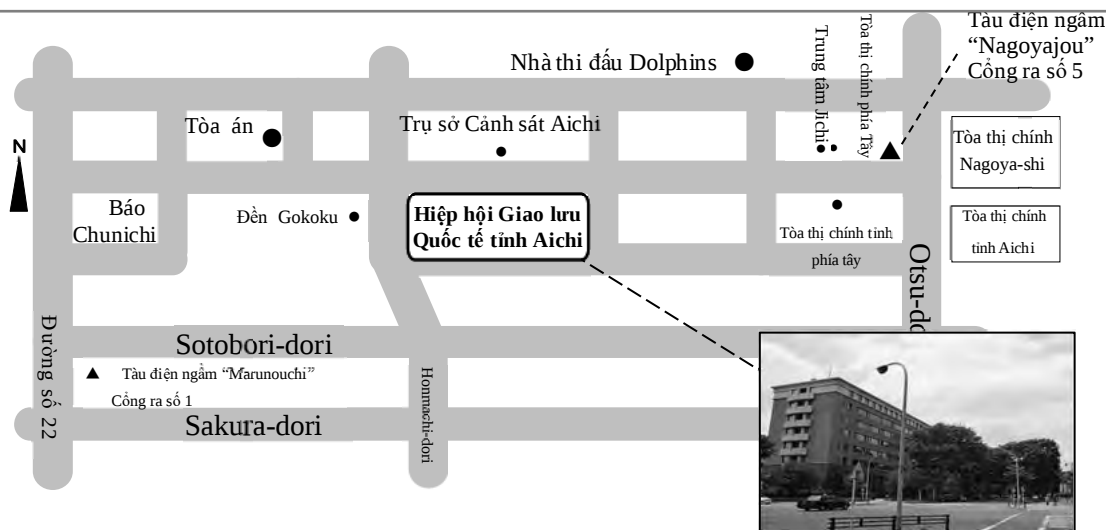
1 Hiệp hội Giao lưu Quốc tế tỉnh Aichi

Tại Hiệp hội Giao lưu Quốc tế tỉnh Aichi ngoài Trung tâm Đa văn hóa Aichi, góc thư viện, còn có cả “Phòng tình nguyện” dành cho tình nguyện viên, “Phòng trao đổi nhóm” nơi các nhóm đăng ký có thể sử dụng. Ngoài ra, Hiệp hội còn tổ chức đa dạng các buổi hội thảo, hội nghị, sự kiện,... Hãy sử dụng nơi đây như một nơi để thu thập thông tin về các quốc gia trên thế giới và là nơi để tăng cường và mở rộng giao lưu.

Địa chỉ 460-0001 2-6-1 Sannomaru, Naka-ku, Nagoya-shi, tầng 1 và 2 Tòa nhà Chính phủ Sannomaru tỉnh Aichi

Thời gian mở cửa Thứ 2 đến thứ năm – thứ bảy 10:00 ~ 18:00
Thứ sáu 10:00~20:30 (Không hoạt động ngày lễ và dịp cuối năm (29/12 đến 3/1))

Phương tiện giao thông Ga “Nagoyajou” tuyến tàu điện ngầm Meijou, cổng ra số 5, đi bộ khoảng 5 phút
Hoặc ga “Marunouchi” tuyến tàu điện ngầm Tsurumai và Sakura-dori, cổng ra số 1, đi bộ khoảng 10 phút



A Trung tâm đa văn hóa Aichi

① Tư vấn – cung cấp thông tin, hỗ trợ bởi Nhân viên xã hội đa văn hóa

Nhân viên xã hội đa văn hóa thực hiện tư vấn cuộc sống hàng ngày cho Người nước ngoài. Ngoài ra, chúng tôi hỗ trợ liên tục đối với các vấn đề phức tạp.

Thời gian Thứ hai đến thứ bảy 10 : 00~18 : 00

Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippines/Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Myanmar, Nga, Ukraina, Nhật Bản



② Luật sư tư vấn miễn phí cho Người nước ngoài (Đặt hẹn trước)

Thứ sáu tuần thứ 2 – 4 13:00 ~ 16:00 ※ Trừ ngày lễ

Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippines/Tagalog, Việt Nam

③ Tư vấn chuyên sâu (Đặt hẹn trước)

- Tư vấn về tư cách lưu trú Thứ tư tuần thứ 3 13:00 ~ 17:00
- Tư vấn về lao động Thứ hai tuần thứ 2 13:00 ~ 17:00
- Tư vấn về tiêu dùng đời sống Thứ hai tuần thứ 4 13:00 ~ 16:30

Ngôn ngữ hỗ trợ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh, Trung Quốc, Philippines/Tagalog, Việt Nam, Nepal, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc, Myanmar, Nga, Ukraina, Nhật Bản

※ Thông tin tại thời điểm tháng 10 năm 2024 (năm Reiwa thứ 6). Ngôn ngữ hỗ trợ có thể thay đổi, vì vậy hãy kiểm tra trên trang web.

Thông tin liên hệ

Điện thoại 052-961-7902

FAX 052-961-8045

Email sodan@aia.pref.aichi.jp

B Trang web (i-net)

Cung cấp thông tin về sự kiện, thông tin về đời sống dành cho Người nước ngoài... bằng 6 ngôn ngữ (riêng Trung tâm đa văn hóa Aichi hỗ trợ 12 ngôn ngữ)

URL <https://www2.aia.pref.aichi.jp/>

URL <https://m.facebook.com/Aichi.International.Association.AIA/>

C Góc thư viện

Nơi cung cấp nhiều loại sách, tài liệu để đọc và mượn, bao gồm sách về giao lưu quốc tế và văn hóa nước ngoài, sách tranh bằng tiếng nước ngoài, sách giáo khoa học tiếng Nhật, sách tham khảo và sách giới thiệu Nhật Bản viết bằng tiếng nước ngoài. Ngoài ra, còn có góc để đọc, xem báo, tạp chí nước ngoài, DVD học tiếng Nhật... Thời gian hoạt động từ 10:00 sáng đến 18:00 từ thứ hai đến thứ sáu (trừ ngày đóng cửa).

D Lớp học tiếng Nhật tại Aichi Kokusai Plaza

Tình nguyện viên đã hoàn thành khóa “Nhập môn tình nguyện tiếng Nhật” do Hiệp hội Giao lưu Quốc tế tỉnh Aichi chủ trì, đã tham gia điều phối hoạt động này từ năm 1999 cùng Hiệp hội.

Ngày và thời gian tổ chức (tổ chức 3 kỳ một năm)

Thứ ba (buổi chiều) 13:30~15:00

Thứ sáu (buổi chiều) 13:30~15:00

Thứ sáu (buổi tối) 19:00~20:30

Thứ bảy (buổi chiều) 10:30~12:00

Thứ bảy (buổi chiều) 14:00~15:30

Thông tin liên hệ

Điện thoại 052-961-8746 (phụ trách trao đổi)

FAX 052-961-8045

Email koryu@aia.pref.aichi.jp

E Cung cấp thông tin liên quan đến lớp học tiếng Nhật

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát lớp học tiếng Nhật trong tỉnh, tổng hợp thông tin như sau:

Lớp học tiếng Nhật trong tỉnh

Bạn có thể tải danh sách các lớp học tiếng Nhật trong tỉnh và tìm kiếm lớp học theo đường link bên dưới:

Danh sách lớp học tiếng Nhật

URL <https://www2.aia.pref.aichi.jp/koryu/resource/class/classtop.html>

Tìm kiếm lớp học tiếng Nhật

URL <https://www2.aia.pref.aichi.jp/aiawp/school/>

Thông tin liên hệ

Điện thoại 052-961-8746 (phụ trách trao đổi)

FAX 052-961-8045

Email koryu@aia.pref.aichi.jp

2

Hellowork (Văn phòng An ninh Việc làm Công cộng)

Tên	Địa chỉ	Điện thoại	Khu vực quản lý
Nagoya	Nagoya Naka 460-8640 Nagoya-shi Naka-ku Nishiki 2 - 14 - 25 Yamaichibiru	052-855-3740	Nishi-ku, Nakamura-ku, Naka-ku, Nakagawa-ku, Kita-ku, Kitanagoya-shi, Kiyosu-shi, Toyohama-cho
	Nagoya Minami 456-8503 Nagoya-shi Atsuta-ku Hataya 2-22-21	052-681-1211	Atsuta-ku, Minami-ku, Minato-ku, Midori-ku, Mizuho-ku, Homei-shi
	Nagoya Higashi 465-8609 Nagoya-shi Meito-ku Heiwagaoka 1-2	052-774-1115	Chitane-ku, Showa-ku, Meito-ku, Higashi-ku, Tenhaku-ku, Higashi-ku, Moriyama-ku, Nisshin-shi, Nagakute-shi,
Toyohashi	440-8507 Toyohashi-shi Okuni-cho 111 Toyohashi Chiho Godochosha	0532-52-7191	Toyohashi-shi, Tahara-shi
Okazaki	444-0813 Okazaki-shi Hane-chō AzaKita Kanchi 50-1 Toyohashi Chiho Godochosha	0564-52-8609	Okazaki-shi, Kota-cho
Ichinomiya	491-8509 Ichinomiya Hanchiman 4-8-7 Ichinomiya Rōdō Sōgō Chōsha	0586-45-2048	Ichinomiya-shi, Inazawa-shi (trừ Heiwacho)
Handa	475-8502 Handa-shi Miyajicho 200-4 Handa Chihō Gōdō Chōsha	0569-21-0023	Handa-shi, Tokoname-shi, Chita-shi, Tōkai-shi, Agui-chō, Taketoyo-chō, Higashiura-chō, Mihama-chō, Minamichita-chō
Seto	489-0871 Seto-shi Higashi Naganechō 86	0561-82-5123	Seto-shi, Owariasahi-shi
Toyota	471-8609 Toyota-shi Tokiwachō 3-25-7	0565-31-1400	Toyoda-shi, Miyoshi-shi
Tsushima	496-0042 Tsushima-shi Teramaechō 2-3	0567-26-3158	Tsushima-shi, Yatomi-shi, Aisai-shi, Ama-shi, Inazawa-shi Heiwachō, Ōharu-chō, Kaniejō, Tobishima-mura

Tên	Địa chỉ	Điện thoại	Khu vực quản lý
Kariya	448-8609 Kariya-shi Wakamatsu-chō 1-46-3	0566-21-5001	Kariya-shi, Takahama-shi, Anjō-shi, Obu-shi, Chiryu-shi
Hekinan	447-0865 Heikian-shi Asama machi 1-41-4	0566-41-0327	Hekinan-shi
Nishio	445-0071 Nishio-shi Kumamicho Komatsujima 41-1	0563-56-3622	Nishio-shi
Inuyama	484-8609 Inuyama-shi Matsumotocho 2-10	0568-61-2185	Inuyama-shi, Kōnan-shi, Iwakura-shi, Oguchi-cho, Fusō-chō
Toyokawa	442-0888 Toyokawa-shi Chitose Dori 1-34	0533-86-3178	Toyokawa-shi
Gamagori	443-0034 Gamagori Minatocho 16-9	0533-67-8609	Gamagori-shi
Shinshiro	441-1384 Shinshiro-shi Nishilrifune 24-1	0536-22-1160	Shinshiro-shi, Shitara-chō, Toei-cho, Toyone-mura
Kasugai	486-0841 Kasugai-shi Minamishimohara-cho 2-14-6	0568-81-5135	Kasugai-shi, Komaki-shi

※ Ngôn ngữ hỗ trợ và thời gian, tham khảo trang V-69 (Việc làm).

3

Văn phòng Thanh tra Tiêu chuẩn Lao động

Tên	Địa chỉ	Điện thoại	Khu vực quản lý
Nagoya Kita	461-8575 Nagoya-shi Higashi-ku Shirakabe 1-15-1 Tầng 8 tòa nhà 3 Nagoya Godo Chosha Sango Kan	Điều kiện lao động: 052-961-8653 Bảo hiểm tai nạn lao động: 052-961-8655	Higashi-ku, Kita-ku, Naka-ku, Moriyama-ku, Kasugai-shi, Komaki-shi
Nagoya Higashi	468-8551 Nagoya-shi Tenpaku-ku Nakahira 5-2101	Điều kiện lao động: 052-800-0792 Bảo hiểm tai nạn lao động: 052-800-0794	Chikusa-ku, Shōwa-ku, Mizuho-ku, Atsuta-ku, Midori-ku, Meito-ku, Tenpaku-ku, Toyoake-shi, Nisshin-shi, Tōgō-cho
Nagoya Minami	455-8525 Nagoya-shi Minatoku Kōmei 1-10-4	Điều kiện lao động: 052-651-9207 Bảo hiểm tai nạn lao động: 052-651-9209	Nakagawa-ku, Minami-ku, Minato-ku
Toyohashi	440-8506 Toyohashi-shi Daikokucho 111 Tầng 6 Toyohashi Chiho Godo Chosha	Điều kiện lao động: 0532-54-1192 Bảo hiểm tai nạn lao động: 0532-54-1194	Toyohashi-shi, Toyokawa-shi, Gamagōri-shi, Shinshiro-shi, Tahara-shi, Shitara-chō, Toei-cho, Toyone-mura
Nagoya Nishi	453-0813 Nagoya-shi Nakamura-ku Futatsubashi-chō 3-37	Điều kiện lao động: 052-481-9533 Bảo hiểm tai nạn lao động: 052-481-9534	Nakamura-ku, Nishi-ku, Kiyosu-shi, Kitanaagoya-shi, Toyoyama-chō
Okazaki	444-0813 Okazaki-shi Hanechō Aza KitaKanchi 50-1 Tầng 5 Okazaki Godo Chosha	Điều kiện lao động: 0564-52-3161 Bảo hiểm tai nạn lao động: 0564-52-3163	Okazaki-shi, Kota-cho
Okazaki Văn phòng Nishio	445-0072 Nishio-shi Tokutsugicho Shimojugoya 13	0563-57-7161	Nishio-shi
Ichinomiya	491-0903 Ichinomiya Hachiman 4-8-7 Tầng 2 Ichinomiya Rodo Sogo Chosha	Điều kiện lao động: 0586-45-0206 Bảo hiểm tai nạn lao động: 0586-80-8092	Ichinomiya-shi, Inazawa-shi
Handa	475-8560 Handa-shi Miyajicho 200-4 Tầng 2 Handa Chiho Godo Chosha	Điều kiện lao động: 0569-21-1030 Bảo hiểm tai nạn lao động: 0569-55-7392	Handa-shi, Tokoname-shi, Tōkai-shi, Chita-shi, Obu-shi, Agui-chō, Taketoyo-cho, Higashiura-cho, Mihama-chō, Minamichita-chō
Kariya	448-0858 Kariya-shi Wakamatsu-chō 1-46-1 Tầng 3 Kariya-shi Godo Chosha	Điều kiện lao động: 0566-21-4885 Bảo hiểm tai nạn lao động: 0566-80-9844	Kariya-shi, Hekinan-shi, Anjō-shi, Chiryu-shi, Takahama-shi
Toyota	471-0867 Toyata-shi Tokiwacho 3-25-2	Điều kiện lao động: 0565-35-2323 Bảo hiểm tai nạn lao động: 0565-30-7112	Toyota-shi, Miyoshi-shi
Seto	489-0881 Seto-shi Kumanochō 100	0561-82-2103	Seto-shi, Owariasahi-shi, Nagakute-shi
Tsushima	496-0042 Tsushima Teramaecho 3-87-4	0567-26-4155	Tsushima-shi, Ama-shi, Aisai-shi, Yatomi-shi, Ōharu-chō, Kanie-cho, Tobishima-mura
Konan	483-8162 Konan-shi Osakicho Kawahara 101	0587-54-2443	Kōnan-shi, Inuyama-shi, Iwakura-shi, Okuchi-cho, Fusō-chō

4

Văn phòng Lương hưu

	Tên	Địa chỉ	Điện thoại	Khu vực quản lý	
				Bảo hiểm sức khỏe – Bảo hiểm Phúc lợi hưu trí	Hưu trí Quốc gia
Nagoya	Ozone	461-8685 Nagoya-shi Higashi-ku Higashi Ozone-chō 28-1	052-935-3344	Chikusa-ku, Higashi-ku, Moriyama-ku, Meito-ku, Kita-ku, Kasugai-shi, Komaki-shi	Chikusa-ku, Higashi-ku, Moriyama-ku, Meito-ku
	Nakamura	453-8653 Nagoya-shi Nakamura-ku Taikō 1-19-46	052-453-7200	Nakamura-ku, Tsushima-shi, Aisai-shi, Yatomi-shi, Ama-shi, Ōharu-cho, Kanie-cho, Tobishima-mura	Giống bên trái
	Tsurumai	460-0014 Nagoya-shi Naka-ku Fujimi-chō 2-13	052-323-2553	Naka-ku	Giống bên trái
	Atsuta	456-8567 Nagoya-shi Atsuta-ku Tenma 2-3-19	052-671-7263	Atsuta-ku, Nakagawa-ku, Minato-ku	Giống bên trái
	Kasadera	457-8605 Nagoya-shi Minami-ku Sakushita-chō 3-21	052-822-2512	Mizuho-ku, Minami-ku, Midori-ku, Toyoake-shi	Giống bên trái
	Showa	466-8567 Nagoya-shi Shōwa-ku Sakurayama-chō 5-99-6 Sakurayama Ekimae Biru	052-853-1463	Shōwa-ku, Tenpaku-ku, Nisshin-shi, Togo-cho	Giống bên trái

Tên		Địa chỉ	Điện thoại	Khu vực quản lý	
				Bảo hiểm sức khỏe – Bảo hiểm Phúc lợi hưu trí	Hưu trí Quốc gia
Nagoya	Nagoya Nishi	451-8558 Nagoya-shi Nishi-ku Jōsai 1-6-16	052-524-6855	Nishi-ku, Kiyosu-shi, Kitanagoya-shi, Toyoyama-chō	Giống bên trái
	Nagoya Kita	462-8666 Nagoya-shi Kitaku Shimizu 5-6-25	052-912-1213		Kita-ku, Kasugai-shi, Komaki-shi
Ngoài Nagoya	Toyahashi	441-8603 Toyahashi-shi Komoguchi-cho 3-96	0532-33-4111	Toyohashi-shi, Gamagōri-shi, Tahara-shi	Giống bên trái
	Okazaki	444-8607 Okazaki-shi Asahi-cho 3-9	0564-23-2637	Okazaki-shi, Kota-cho	Giống bên trái
	Ichinomiya	491-8503 Ichinomiya-shi Shinsei 4-7-13	0586-45-1418	Ichinomiya-shi, Inuyama-shi, Kōnan-shi, Inazawa-shi, Iwakura-shi, Oguchi-cho, Fusō-cho	Giống bên trái
	Seto	489-8686 Seto-shi Kyoeidori 4-6	0561-83-2412	Seto-shi, Owariasahi-shi, Nagakute-shi	Giống bên trái
	Handa	475-8601 Handa-shi Nishinmachi 1-1	0569-21-2375	Handa-shi, Tokoname-shi, Tōkai-shi, Obu-shi, Chita-shi, Agui-cho, Higashiura-machi, Minamichita-chō, Mihama-cho, Taketoyo-cho	Giống bên trái
	Toyokawa	442-8605 Toyokawa-shi Kanaya-cho 32	0533-89-4042	Toyokawa-shi, Shinshiro-shi, Shitara-chō, Toei-cho, Toyone-mura	Giống bên trái
	Kariya	448-8662 Kariya-shi Kotobuki-cho 1-401	0566-21-2110	Kariya-shi, Hekinan-shi, Anjo-shi, Nishio-shi, Chiryu-shi, Takahama-shi	Giống bên trái
	Toyota	471-8602 Toyota-shi Shinmei-cho 3-33-2	0565-33-1123	Toyota-shi, Miyoshi-shi	Giống bên trái

5

Cơ quan thuế

Tên	Địa chỉ	Điện thoại	Khu vực quản lý
Atsuta	456-8711 Nagoya-shi Atsuta-ku Hanaomote-chō 7-17	052-881-1541	Atsuta-ku, Minami-ku, Midori-ku, Toyoake-shi
Ichinomiya	491-8502 Ichinomiya-shi Sakae 4-5-7	0586-72-4331	Ichinomiya-shi, Inazawa-shi
Okazaki	444-8552 Okazaki-shi Hanechō Aza KitaKanchi 50-1Okazaki Godo Chosha	0564-58-6511	Okazaki-shi, Kota-cho
Owari Seto	489-8520 Seto-shi Kumano-chō 76-1	0561-82-4111	Seto-shi, Owariasahi-shi
Kariya	448-8523 Kariya-shi Wakamatsu-chō 1-46-1 Kariya-shi Godo Chosha	0566-21-6211	Hekinan-shi, Kariya-shi, Anjo-shi, Chiryu-shi, Takahama-shi
Komaki	485-8651 Komaki-shi Chuo 1-424	0568-72-2111	Kasugai-shi, Inuyama-shi, Kōnan-shi, Komaki-shi, Iwakura-shi, Oguchi-cho, Fusō-chō
Showa	467-8510 Nagoya-shi Mizuho-ku Mizuho-cho Aza Nishifujizuka 1-4	052-881-8171	Shōwa-ku, Mizuho-ku, Tenpaku-ku, Nisshin-shi, Nagakute-shi, Tōgō-cho
Shinshiro	441-1372 Shinshiro-shi Aza Urano 1-1	0536-22-2141	Shinshiro-shi, Shitara-cho, Toei-cho, Toyone-mura
Chikusa	464-8555 Nagoya-shi Chikusa-ku Shinpo-chō 3-32	052-721-4181	Chikusa-ku, Meito-ku
Tsushima	496-8720 Tsushima-shi Ryōō-chō 2-31-1	0567-26-2161	Tsushima-shi, Aisai-shi, Yatomi-shi, Ama-shi, Oharu-cho, Kanie-cho, Tobishima-mura
Toyota	471-8521 Toyota-shi Tokiwa-cho 1-105-3 Toyota Godo Chosha	0565-35-7777	Toyota-shi, Miyoshi-shi
Toyahashi	440-8504 Toyohashi-shi Daikokucho 111 Toyohashi Chiho Godo Chosha	0532-52-6201	Toyohashi-shi, Toyokawa-shi, Gamagori-shi, Tahara-shi
Nakagawa	454-8511 Nagoya-shi Nakagawa-ku Otōbashi 1-7-19	052-321-1511	Nakagawa-ku, Minato-ku
Nagoya Kita	462-8543 Nagoya-shi Kita-ku Shimizu 5-6-16	052-911-2471	Kita-ku, Moriyama-ku
Nagoya Naka	460-8522 Nagoya-shi Naka-ku Sannomaru 3-3-2 Nagoya Kokuzei Sogo Chosha	052-962-3131	Naka-ku
Nagoya Nakamura	453-8686 Nagoya-shi Nakamura-ku Taiko 3-4-1	052-451-1441	Nakamura-ku
Nagoya Nishi	451-8503 Nagoya-shi Nishi-ku Oshikiri 2-7-21	052-521-8251	Nishi-ku, Kiyosu-shi, Kitanagoya-shi, Toyohama-cho
Nagoya Higashi	461-8621 Nagoya-shi Higashi-ku Chikara-cho 3-18 Nagoya Daisan Kokuzei Sogo Chosha	052-931-2511	Higashi-ku
Nishio	445-8602 Nishio-shi Kumami-cho Minamijugoya 41-1	0563-57-3111	Nishio-shi
Handa	475-8686 Handa-shi Miyaji-cho 50-5	0569-21-3141	Handa-shi, Tokoname-shi, Tokai-shi, Obu-shi, Chita-shi, Agui-cho, Higashiura-cho, Minamichita-cho, Mihama-cho, Taketoyo-cho

Tên	Địa chỉ	Điện thoại	Khu vực quản lý
Nagoya Tobu	460-8483 Nagoya-shi Naka-ku Shinsakaemachi 2-9 Sky Oasis Sakae Nai	052-953-7847	Chikusa-ku, Higashi-ku, Naka-ku, Meito-ku
Nagoya Hokubu	451-8555 Nagoya-shi Nishi-ku Josai 1-9-2	052-531-6305	Kita-ku, Nishi-ku, Moriyama-ku, Kiyosu-shi, Kitagaya-shi, Toyoyama-cho
Nagoya Seibu	454-8503 Nagoya-shi Nakagawa-ku Chugo 1-3	052-362-3215	Nakamura-ku, Nakagawa-ku, Minato-ku
Nagoya Nanbu	456-8558 Nagoya-shi Atsuta-ku Morigo-cho 8-22	052-682-8924	Showa-ku, Mizuho-ku, Atsuta-ku, Minami-ku, Midori-ku, Tenhaku-ku, Homei-shi, Nisshin-shi, Nagakute-shi, Togo-cho
Higashi Owari	486-8515 Kasugai-shi Toriimatsu-cho 3-65	0568-81-3139	Seto-shi, Kasugai-shi, Inuyama-shi, Konan-shi, Komaki-shi, Owariasahi-shi, Iwakura-shi, Okuchi-cho, Fuso-cho
Nishi Owari	491-8506 Ichinomiya-shi Shinsei 2-21-12	0586-45-3170	Ichinomiya-shi, Tsushima-shi, Inazawa-shi, Aisai-shi, Yatomi-shi, Ama-shi, Oharu-cho, Kanie-cho, Tobishima-mura
Chita	475-8505 Handa-shi Deguchi-cho 1-36 Chita Sogo Chosha Nai	0569-89-8176	Handa-shi, Tokoname-shi, Tokai-shi, Obu-shi, Chita-shi, Agui-cho, Higashiura-cho, Minamichita-cho, Mihama-cho, Taketoyo-cho
Nishi Mikawa	444-8503 Okazaki-shi MyodaijiHonmachi 1-4 Nishi Mikawa Sogo Chosha Nai	0564-27-2712	Okazaki-shi, Hekinan-shi, Kariya-shi, Anjo-shi, Nishio-shi, Chiryu-shi, Takahama-shi, Kota-cho
Toyota Kamo	471-8537 Toyota-shi Motoshiro-cho 4-45 Toyota Kamo Sogo Chosha Nai	0565-32-7483	Toyota-shi, Miyoshi-shi
Higashi Mikawa	440-8528 Toyohashi-shi Hacchodori 5-4 Higashi Mikawa Sogo Chosha Nai	0532-35-6130	Toyohashi-shi, Toyogawa-shi, Gamagori-shi, Shinshiro-shi, Tahara-shi, Shitara-cho, Toei-cho, Toyone-mura

Quầy tiếp nhận tư vấn	Địa chỉ	Điện thoại
Trung tâm Tư vấn Hỗ trợ Nữ giới tỉnh Aichi	461-0016 Nagoya-shi Higashi-ku Kamitesugi-cho 1 (Trung tâm hỗ trợ toàn diện Nữ giới)	052-962-2527
Trung tâm Tư vấn Hỗ trợ Nữ giới tỉnh Aichi Văn phòng Owari	460-0001 Nagoya-shi Nakaku Sannomaru 2-6-1 (Trung tâm Tư vấn Phúc lợi Ama)	052-961-7211 Số nội bộ 2323
Trung tâm Tư vấn Hỗ trợ Nữ giới tỉnh Aichi Văn phòng Ama	496-8535 Tsushima-shi Nishiyagiwara-cho 1-14 (Trung tâm Tư vấn Phúc lợi Ama)	0567-24-2134
Trung tâm Tư vấn Hỗ trợ Nữ giới tỉnh Aichi Văn phòng Chita	475-0902 Handa-shi Miyaji-cho 1-1 (Trung tâm Tư vấn Phúc lợi Ama)	0569-31-0121
Trung tâm Tư vấn Hỗ trợ Nữ giới tỉnh Aichi Văn phòng Nishimakawa	444-0860 Okazaki-shi Myodaijihonmachi 1-4 (Trung tâm Tư vấn Phúc lợi Ama)	0564-27-2719
Trung tâm Tư vấn Hỗ trợ Nữ giới tỉnh Aichi Văn phòng Toyatakamo	471-0863 Toyota-shi Motoshiro-cho 2-5-1 (Trung tâm Tư vấn Phúc lợi Ama)	0565-33-0294
Trung tâm Tư vấn Hỗ trợ Nữ giới tỉnh Aichi Văn phòng Shinshiro Shitara	441-1326 Shinshiro-shi Azanakano 6-1 (Trung tâm Tư vấn Phúc lợi Ama)	0536-23-8051
Trung tâm Tư vấn Hỗ trợ Nữ giới tỉnh Aichi Văn phòng Higashimikawa	440-0806 Toyohashi-shi Hacchodori 5-4 (Trung tâm Tư vấn Phúc lợi Ama)	0532-54-5111 Số nội bộ 301

Quầy tiếp nhận tư vấn	Địa chỉ	Điện thoại
Trung tâm Tư vấn Phúc lợi Owari	460-0001 Nagoya-shi Naka-ku Sannomaru 2-6-1 tầng 7 Aichi-ken Sannomaru Chosha	052-961-7211 (Đại diện)
Trung tâm Tư vấn Phúc lợi Ama	496-8535 Tsushima-shi Nishiyagihara-cho 1-14 tầng 3 Ama Sogo Chosha	0567-24-2111 (Đại diện)
Trung tâm Tư vấn Phúc lợi Chita	475-0902 Handa-shi Miyaji-cho 1-1	0569-31-0121 (Bộ phận Phúc lợi địa phương) 0569-22-3939 (Bộ phận Phát triển trẻ em)
Trung tâm Tư vấn Phúc lợi Nishimikawa	444-0860 Okazaki-shi Myodaijihonmachi 1-4 tầng 9 Aichi-ken Nishi Mikawa Sogo Chosha	0564-23-1211 (Đại diện)
Trung tâm Tư vấn Phúc lợi Toyota Kamo	471-0863 Toyota-shi Motoshiro-cho 2-5-1	0565-33-0294 (Bộ phận Phúc lợi địa phương) 0565-33-2211 (Bộ phận Phát triển trẻ em)
Trung tâm Tư vấn Phúc lợi Shinshiro Shitara	441-1326 Shinshiro-shi Azanakano 6-1	0536-23-8051 (Bộ phận Phúc lợi địa phương) 0536-23-7366 (Bộ phận Phát triển trẻ em)
	441-2301 Kitashitara-gun Shitara-cho Taguchi Aza Kawaharada 6-18 tầng 1 Shinshiro Shitara Kensetsu Jimosho Shitara Shisho	0536-63-0070 (Nhóm tư vấn Phúc lợi, Bộ phận Phúc lợi địa phương)
Trung tâm Tư vấn Phúc lợi Higashimikawa	440-0806 Toyohashi-shi Hacchodori 5-4 tầng 1,2 Aichi-ken Higashi Mikawa Sogo Chosha	0532-54-5111 (Đại diện)

J: tiếng Nhật P: Bồ Đào Nha S: Tây Ban Nha E: tiếng Anh C: Trung Quốc T: Philippines/ Tagalog V: Việt Nam

Tổ chức tư vấn	Điện thoại	Địa chỉ	Ngôn ngữ	Ngày	Thời gian
Tổ chức vì lợi ích cộng đồng Hiệp hội Giao lưu Quốc tế tỉnh Aichi (AIA) Trung tâm Đa văn hóa Aichi Tư vấn Luật sư miễn phí dành cho Người nước ngoài	052-961-7902	Nagoya-shi	P – S – E – C – T – V	Thứ sáu tuần thứ 2 và 4 ※ Trừ ngày lễ	13:00~16:00
Tổ chức vì lợi ích cộng đồng Trung tâm Quốc tế Nagoya (NIC) Tư vấn pháp luật dành cho Người nước ngoài	052-581-0100	Nagoya-shi	P – S – E – C	Thứ bảy Đặt hẹn trước (Điền đặt hẹn trực tiếp hoặc đặt hẹn qua biểu mẫu trên web)	10:00~12:30
Trung tâm tư vấn và thông tin công dân tỉnh Aichi Tư vấn tai nạn giao thông	052-962-5100	Nagoya-shi	J	Thứ hai đến thứ sáu	9:00~17:15
Văn phòng tư vấn Higashi Mikawa Tư vấn tai nạn giao thông	0532-52-7337	Toyohashi-shi	J	Thứ hai đến thứ sáu	9:00~17:15
Văn phòng tư vấn Nishi Mikawa Tư vấn tai nạn giao thông	0564-27-0800	Okazaki-shi			
Trung tâm Tư vấn pháp luật (Hội Luật sư tỉnh Aichi) Tư vấn tai nạn giao thông	0570-783-110 Trung tâm chung trong toàn tỉnh	Nagoya-shi	J	Xác nhận khi đặt lịch hẹn Bao gồm cả thứ bảy chủ nhật và ngày lễ	Thời gian tiếp nhận đặt lịch hẹn 9:10~16:30
		Toyohashi-shi, Okazaki-shi, Ichinomiya-shi, Handa-shi		Xác nhận khi đặt lịch hẹn Trừ thứ bảy chủ nhật và ngày lễ	9:30~16:30
Tổ chức phi lợi nhuận Hiệp hội Bảo hiểm chung Nhật Bản Trung tâm Sonpo ADR Tokyo	0570-022808 (Số điện thoại chung toàn quốc – cuộc gọi có tính phí) Số điện thoại trực tiếp 03-4332-5241	Tokyo-to Chiyoda-ku	J	Thứ hai đến thứ sáu	9:15~17:00
Tổ chức vì lợi ích cộng đồng Trung tâm giải quyết tranh chấp tai nạn giao thông Văn phòng Nagoya	052-581-9491	Nagoya-shi	J	Thứ hai đến thứ sáu	9:00~12:00 13:00~17:00

J: tiếng Nhật P: Bồ Đào Nha S: Tây Ban Nha E: tiếng Anh C: Trung Quốc T: Philippines/ Tagalog V: Việt Nam N: Nepal
I: Indonesia Th: Thái Lan K: Hàn Quốc M: tiếng Myanma R: tiếng Nga U: Ukraina F: tiếng Pháp H: tiếng Hindi

Mục	Tổ chức	Điện thoại	Địa chỉ	Ngôn ngữ	Ngày	Thời gian
Chung (Tổ chức công)	Tổ chức vì lợi ích cộng đồng Hiệp hội Giao lưu Quốc tế tỉnh Aichi Trung tâm Đa văn hóa	052-961-7902	Nagoya-shi	P – S – E – C – T – V – N – I – Th – K – M – R – U – J	Thứ hai đến thứ bảy	10:00~18:00
	Nagoya-shi Hướng dẫn tổng hợp cho Người nước ngoài	Chikusa-ku	Nagoya-shi	E	Thứ hai – thứ năm (nếu thứ năm đóng cửa, ngày làm việc tiếp theo)	8:45~17:15
				V	Thứ ba (nếu thứ ba đóng cửa, ngày làm việc tiếp theo)	
		Nakamura-ku	Nagoya-shi	V	Thứ hai – thứ tư – thứ sáu	8:45~17:15
				N	Thứ hai – thứ ba – thứ năm	
		Naka-ku	Nagoya-shi	C	Thứ hai	8:45~17:15
				N	Thứ hai – thứ ba	
				V	Thứ tư – thứ sáu	
				T	Thứ năm	
		Minato-ku	Nagoya-shi	P	Thứ hai – thứ tư – ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ liên tiếp	9:00~17:15
				T	Thứ sáu	9:00~17:15
	Nagoya-shi Dịch vụ hỗ trợ đa ngôn ngữ bằng máy tính bảng tại văn phòng thi chính và các chi nhánh	Thông dịch từ xa	Nagoya-shi	P – S – E – C – T – V – N – I – Th – K – R	Thứ hai đến thứ sáu	8:45~17:15
				M – H – tiếng Khmer – Malaysia		9:00~17:15
				F		10:00~17:15
				U		10:00~12:00
				P – S – E – C – K – Th	Mở cửa ngày chủ nhật (vào ngày văn phòng mở cửa đến 14 giờ, làm việc đến 14 giờ)	8:45~12:00
				T – N – H – tiếng Khmer		9:00~12:00
		Thông dịch bằng máy	Nagoya-shi	V	Thứ hai đến thứ sáu	10:00~12:00
				P – S – E – C (phần thể/gián thể) – T – V – N – I – Th – K – M – R – U – F – tiếng Khmer – tiếng Mông Cổ – J		8:45~12:00
				P – S	Thứ hai đến thứ sáu	8:45~17:15
				E – J	Mở cửa ngày chủ nhật (vào ngày văn phòng mở cửa đến 14 giờ, làm việc đến 14 giờ)	8:45~12:00
	Tổ chức vì lợi ích cộng đồng Trung tâm Quốc tế Nagoya Quầy thông tin	052-581-0100	Nagoya-shi	C	Thứ hai đến thứ sáu	8:45~17:15
				T – K	Thứ ba đến chủ nhật	10:00~12:00 13:00~17:00
				V – N	Thứ ba đến chủ nhật	9:00~19:00
				I	Thứ ba đến thứ sáu	13:00~17:00
				Th	Thứ bảy – chủ nhật	10:00~12:00 13:00~17:00
					Thứ năm – thứ bảy – chủ nhật	13:00~17:00
					Thứ tư – thứ bảy – chủ nhật	
					Thứ tư tuần thứ 1 và 3 Chủ nhật tuần thứ 1 và 3	
					Thứ tư tuần thứ 2 và 4 Chủ nhật tuần thứ 2 và 4	

J: tiếng Nhật I: Indonesia		P: Bồ Đào Nha Th: Thái Lan	S: Tây Ban Nha K: Hàn Quốc	E: tiếng Anh M: Myanmar	C: Trung Quốc R: tiếng Nga	T: Philippines/ Tagalog U: Ukraina	V: Việt Nam F: Pháp	N: Nepal H: tiếng Hindi	
Mục	Tổ chức		Điện thoại	Địa chỉ	Ngôn ngữ		Ngày	Thời gian	
Chung (tổ chức công)	Toyohashi-shi Tư vấn Người nước ngoài		0532-51-2067	Toyohashi-shi	P		Thứ hai đến thứ sáu	9:00~17:00	
					E		Thứ hai đến thứ sáu	9:00~12:00 13:00~17:00	
					T		Thứ hai – thứ tư – thứ sáu	13:15~16:15	
	Tổ chức vì lợi ích cộng đồng Hiệp hội Giao lưu Quốc tế thành phố Toyohashi Tư vấn cuộc sống hàng ngày Quầy tiếp nhận tư vấn tổng hợp cho Người nước ngoài (Infopia)		0532-55-3671 080-3635-0783 P	Toyohashi-shi	E – J		Mỗi ngày	9:00~17:00	
					P (gọi video khi thông dịch viên vắng mặt)		Mỗi tuần thứ hai đến chủ nhật Thứ bảy tuần thứ 1 và 3		
			090-1860-078 E, T, V, ngôn ngữ khác		V (gọi video khi thông dịch viên mặt)		Mỗi tuần thứ tư – thứ sáu	9:30~15:30	
					T (gọi video khi thông dịch mặt)		Mỗi tuần thứ hai đến chủ nhật Thứ bảy tuần thứ 2 và 4	9:00~17:00	
	Okazaki-shi Tư vấn Người nước ngoài		0564-23-6480	Okazaki-shi	P – E – T		Thứ hai đến thứ sáu	8:30~17:15 8:30~16:15	
					C				
	Okazaki-shi Trung tâm Giao lưu Quốc tế Libara		0564-23-3148	Okazaki-shi	S		Thứ năm – thứ bảy – chủ nhật	9:15~17:00	
					E		Thứ hai – thứ ba – thứ sáu đến chủ nhật		
					V		Thứ hai – thứ ba – thứ sáu		
	Hiệp hội Giao lưu Quốc tế thành phố Ichinimiya Giao lưu Quốc tế Welcome Hiroba		0586-85-7076	Ichinomiya-shi	E – Italia Đa ngôn ngữ (phiên dịch bằng máy)		Chủ nhật đầu tiên	10:30~12:00	
	Trung tâm Quốc tế thành phố Seto Tư vấn Người nước ngoài		0561-83-7719	Seto-shi	P		Thứ tư tuần thứ 1 và 3	10:00~12:00 13:00~17:00 (tiếp nhận đến 16:30)	
					S		Thứ ba	8:30~17:15 (水 8:30~19:15)	
	Handa-shi Tư vấn người nước ngoài (Góc đa văn hóa)		0569-84-0609	Handa-shi	P – V, 16 ngôn ngữ khác (hệ thống điện thoại thông dịch)		Thứ hai đến thứ sáu	10:00~16:00	
	Hiệp hội Giao lưu Quốc tế Handa Tư vấn chung		0569-26-1929	Handa-shi	E – C		Thứ hai đến thứ sáu (từ thứ hai – thứ ba tuần thứ 3) J (Khi lớp tiếng Nhật hoạt động)	10:00~12:00	
	Kasugai-shi Tư vấn Người nước ngoài		0568-85-6624	Kasugai-shi	P		Thứ 4 tuần thứ 2 và 4	9:00~12:00	
					A		Thứ 4 tuần thứ 3	13:00~16:00	
					E – T		Thứ 4 tuần thứ 1		
	Toyokawa-shi Tư vấn Người nước ngoài		0533-89-2158	Toyokawa-shi	P		Thứ hai đến thứ sáu	8:30~17:15	
					E				
					C		Thứ hai – thứ tư – thứ sáu	8:45~12:45	
					V		Thứ hai – thứ tư – thứ sáu	10:00~16:00	
					P – S – E – C – T – V – N – K		Thứ ba – thứ năm	9:00~16:00	
					I – Th – M – H – tiếng Khmer – Malaysia		Thứ hai đến thứ sáu (Hỗ trợ qua gọi video)	8:30~17:15	
					R – F			9:00~17:15	
					U			10:00~12:00	
	Tổ chức vì lợi ích cộng đồng Hiệp hội Giao lưu Quốc tế thành phố Toyokawa Tư vấn Người nước ngoài		0533-83-1571	Toyokawa-shi	P		Thứ hai – thứ ba – thứ tư – thứ sáu	13:15~17:15	
					S – C		Thứ ba – thứ tư	9:00~13:00	
					E		Thứ hai – thứ ba – thứ năm – thứ sáu	8:30~17:15 9:00~14:00	
	Hekinan-shi Quầy tiếp nhận tư vấn Người nước ngoài		0566-41-3311 (số nội bộ 521,522)	Hekinan-shi	14 ngôn ngữ như P – T - V		Thứ hai đến thứ sáu	8:30~17:00	
	Kariya-shi Tư vấn cuộc sống		0566-62-1058	Kariya-shi	P		Thứ hai đến thứ năm	8:30~12:00 13:00~17:00	
					C		Thứ hai – thứ tư đến thứ sáu		
					E – T		Thứ hai – thứ ba – thứ năm – thứ sáu		
	Toyota-shi	Tư vấn viên tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, tiếng Anh	0565-34-6626	Toyota-shi	P – S - E		Thứ hai đến thứ sáu (Trừ ngày lễ - dịp cuối năm)	8:30~17:15	
		Dịch vụ điện thoại thông dịch			P – S – E – C – T – V – N – I – Th – K – M – R – F – H – Malaysia – tiếng Khmer – Đức – Italia – Mông Cổ – Sinhala – Bengali				
		Bàn dịch vụ đa ngôn ngữ ① Bộ phận tư vấn công dân (trụ sở chính) ② Văn phòng Kamigo ③ Văn phòng Sanage ④ Văn phòng Honmi ⑤ Văn phòng Takaoka ⑥ Văn phòng Takahashi	(0565) ① 34-6626 ② 21-0001 ③ 45-1211 ④ 48-8006 ⑤ 53-7779 ⑥ 80-0077		P – S – E – C – T – V – N – K I – Th – M – H – Malaysia			8:30~17:15 9:00~17:15	
					R – F			10:00~17:15	
	Tổ chức vì lợi ích cộng đồng Hiệp hội Giao lưu Quốc tế thành phố Toyota Quầy tiếp nhận tư vấn		0565-33-5931	Toyota-shi	P – V		Thứ bảy – chủ nhật	10:00~16:00	
					E		Thứ ba đến thứ sáu	9:00~19:00	
							Thứ bảy – chủ nhật	9:00~17:00	
					C		Thứ ba	13:00~16:00	
							Thứ tư đến thứ sáu – thứ bảy	10:00~16:00	
	Anjo-shi Tư vấn Người nước ngoài		0566-71-2299	Anjo-shi	23 ngôn ngữ như P – C – J 16 ngôn ngữ như P – C – J		Thứ hai đến thứ sáu	8:30~17:15	
	Tư vấn qua điện thoại Tư vấn tại quầy tiếp nhận				P		9:00~13:00		
	Nishio-shi Quầy tiếp nhận tư vấn Người nước ngoài		0563-65-2383	Nishio-shi	V		Thứ hai đến thứ sáu	8:30~17:00	
					Khác (11 ngôn ngữ trên hệ thống điện thoại thông dịch)			8:30~17:15	

J:tiếng Nhật
I:Indonesia

P:Bồ Đào Nha
Th:Thái Lan

S:Tây Ban Nha
K:Hàn Quốc – Triều Tiên

E:tiếng Anh
M: Myanmar

C:Trung Quốc
R: Nga

T: Philippines/ Tagalog
U: Ukrainian

V:Việt Nam
F:Pháp

N:Nepal
H:Hindi

Mục	Tổ chức		Điện thoại	Địa chỉ	Ngôn ngữ	Ngày	Thời gian	
Chương (tổ chức công)	Gamagori-shi Tư vấn dành cho Người nước ngoài		0533-66-1179	Gamagori-shi	E – T – ngôn ngữ khác (12 ngôn ngữ trên hệ thống điện thoại thông dịch)	Thứ hai đến thứ sáu	8:30~16:00	
	Inuyama-shi Tư vấn miễn phí dành cho người nước ngoài		0568-44-0343	Inuyama-shi	P - S E – C - T	Thứ sáu Thứ sáu tuần thứ 4	13:00~16:30	
	Hiệp hội Giao lưu Quốc tế thành phố Konan Fukura no e Tư vấn đời sống cho Người nước ngoài		0587-56-7390	Konan-shi	P – S – E – C – T – V – K – Mông Cổ	Thứ hai đến thứ sáu	10:00~12:00 13:00~15:00	
	Komaki-shi Tư vấn dành cho Người nước ngoài		0568-39-6527	Komaki-shi	P – S – E - V	Thứ hai đến thứ sáu	9:00~12:00 13:00~17:00	
	Inazawa-shi Tư vấn bằng tiếng Bồ Đào Nha		0587-32-1146	Inazawa-shi	P	Thứ sáu tuần thứ 1 - 3	13:00~16:00	
	Shinshiro-shi Tư vấn dành cho Người nước ngoài		0536-23-7697	Shinshiro-shi	P - S (ngôn ngữ khác bằng máy phiên dịch)	Thứ hai đến thứ sáu (Trừ ngày lễ)	9:00~12:00 13:00~16:00	
	Hiệp hội Giao lưu Quốc tế thành phố Tokai Tư vấn đời sống dành cho Người nước ngoài đang cư trú		0562-32-5339	Tokai-shi	E – C - T	Bất kỳ lúc nào (cần đặt hẹn trước)		
	Obu-shi Tư vấn tổng hợp cho Người nước ngoài (Welsuppo)		0562-45-6266	Obu-shi	E Đa ngôn ngữ (Phiên dịch qua cuộc gọi video)	Thứ hai đến thứ sáu Thứ hai – ba – năm – sáu Thứ tư	8:30~17:00 8:30~17:15 8:30~19:15	
	Hiệp hội Giao lưu Quốc tế thành phố Obu Tư vấn bằng ngoại ngữ		080-4525-5931	Obu-shi	P C V	Thứ tư Thứ tư tuần thứ 2 Thứ tư tuần thứ 4	13:00~17:00	
	Chita-shi Tư vấn đời sống dành cho Người nước ngoài		0562-36-2648	Chita-shi	P S	Thứ hai Thứ năm – thứ sáu Thứ ba	9:00~12:00 13:00~16:00 9:00~12:00 13:00~16:00	
	Chiryu-shi Tư vấn cho Người nước ngoài	Văn phòng thị chính (Bộ phận Công dân) Moyai ko hausu	0566-83-1111	Chiryu-shi	14 ngôn ngữ như P – C - T	Thứ hai đến thứ sáu Thứ hai Thứ bảy	9:30~12:00 13:00~16:30 9:00~12:00 9:00~13:00	
	Owariasahi-shi Tư vấn dành cho Người nước ngoài		0561-76-8125	Owariasahi-shi	Chủ nhật – Ngày khác (Máy phiên dịch)	Thứ hai đến thứ sáu	8:30~17:15	
	Takahama-shi Tư vấn dành cho Người nước ngoài		0566-52-1111	Takahama-shi	P - V	Thứ hai đến thứ sáu	8:30~17:15	
	Iwakura-shi Hỗ trợ Người nước ngoài		0587-38-5040	Iwakura-shi	P – S (ngôn ngữ khác bằng máy phiên dịch)	Thứ hai đến thứ sáu	8:30~17:00	
	Toyoake-shi	Tư vấn dành cho Người nước ngoài Dịch vụ phiên dịch qua điện thoại	0562-85-1031	Toyoake-shi	P 21 ngôn ngữ như P – S - E	Thứ hai đến thứ sáu	9:00~12:00 13:00~17:00 8:30~17:15	
	Nisshin-shi (Hiệp hội Giao lưu Quốc tế thành phố Nisshin) Tư vấn dành cho Người nước ngoài		0561-73-1131	Nisshin-shi	S – E – C - K	Thứ hai đến thứ sáu	9:00~12:00 13:00~16:00	
	Tổ chức phi lợi nhuận Hiệp hội Giao lưu Quốc tế Tahara		0531-22-2622	Tahara-shi	J (E – C – T – V – I tùy thuộc vào lịch hẹn)	Thứ tư – thứ sáu – chủ nhật	13:00~17:00 Tiếp nhận trực tuyến (mỗi ngày)	
	Hiệp hội Giao lưu Quốc tế thành phố Kita Nagoya Dịch vụ thông tin đời sống dành cho Người nước ngoài		0568-22-1111	Kita Nagoya -shi	J (ngôn ngữ khác bằng máy phiên dịch)	Thứ hai đến thứ sáu	9:00~17:00 ※Đặt hẹn trước	
	Miyoshi-shi Tư vấn chung	(Bộ phận Công dân) (Bộ phận tư vấn trẻ em) (Bộ phận thuế)	0561-32-8012	Miyoshi-shi	P	Thứ hai – thứ ba Thứ tư – năm – sáu Thứ hai Thứ ba	13:00~16:00 9:00~12:00 13:00~16:00 9:00~12:00	
		Hiệp hội Giao lưu Quốc tế thành phố Ama		090-9900-7930	Ama-shi	J	Thứ hai đến thứ sáu	8:30~17:15
		Hiệp hội Giao lưu Quốc tế thành phố Nagakute Tư vấn dành cho Người nước ngoài		0561-62-5933	Nagakute-shi	J – Ngôn ngữ khác (Máy phiên dịch)	Thứ hai đến thứ sáu	8:30~17:00
	Trung tâm đa văn hóa Fusso-cho Tư vấn cho Người nước ngoài		0587-92-4111	Fuso-cho	J – Ngôn ngữ khác (Máy phiên dịch)	Chủ nhật	13:30~15:00	
	Higashiura-cho Tư vấn dành cho Người nước ngoài	Tòa thị chính Higashiura	0562-83-3111	Higashiura-cho	P	Thứ hai – thứ sáu Thứ tư Thứ năm	8:30~17:00 10:30~19:00 8:30~11:00 13:00~17:00	
					E - T	Thứ hai đến thứ sáu	13:00~16:00	
					P	Thứ năm	11:00~12:00	
		Nhà sinh hoạt cộng đồng khu nhà ở công cộng Higashiura do tỉnh quản lý	0562-83-0318					
	Kota-cho Tư vấn dành cho Người nước ngoài		0564-62-1111 (Số nội bộ 332)	Kota-cho	P Đa ngôn ngữ (Thông dịch qua điện thoại)	Thứ hai đến thứ sáu	10:00~12:00 13:00~17:00 8:30~17:15	

J:tiếng Nhật
I:Indonesia

P:Bồ Đào Nha
Th:Thái Lan

S:Tây Ban Nha
K:Hàn Quốc – Triều Tiên

E:tiếng Anh
M: Myanmar

C:Trung Quốc
R: Nga

T: Philippines/ Tagalog
U: Ukrainian

V:Việt Nam
F:Pháp

N:Nepal
H:Hindi

Mục	Tổ chức	Điện thoại	Địa chỉ	Ngôn ngữ	Ngày	Thời gian	
Chung (tổ chức tư nhân)	(Hoạt động đặc biệt) Hội hỗ trợ người Brazil tại Nhật Bản (Sabja)	050-6861-6400	Tokyo-to	P	Thứ hai đến thứ sáu	Đặt hẹn 9:00~16:00 Tư vấn tâm lý trực tuyến 9:00~21:00	
			Shizuoka-ken Hamamatsu-shi		Thứ sáu (Tổng lãnh sự quán Brazil tại Hamamatsu)	Tư vấn trực tiếp 9:00~13:00	
			Shinshiro-shi		Thứ hai tuần thứ 3 (trong tòa thị chính Shinshiro)	Tư vấn trực tiếp 10:00~13:00 Hỗ trợ giáo dục cho trẻ em Brazil: 9:00~16:00	
	Trung tâm hỗ trợ hòa nhập xã hội Đường dây nóng Yorisoì	0120-279-338 (Sau khi nghe hướng dẫn, nhấn số 2) Gọi điện qua Facebook • Messenger https://www.facebook.com/yorisoiforeign			P-S-E-C-T-V-N-Th-K E-C-T-V-N-I (Ngôn ngữ khác cần đặt lịch trước)	Hoạt động liên tục Thứ năm – sáu – chủ nhật	10:00~22:00 16:00~22:00
	Điện thoại Tư vấn Hamamatsu (Yokohama Inochino Denwa)	0120-428-333	Shizuoka-ken Hamamatsu-shi	P	Thứ sáu	19:30~21:30	
	Điện thoại Tư vấn Tokyo English (Tokyo English Inochino Denwa)	03-5774-0992 0800-300-8355	Tokyo	E	Thứ hai đến thứ năm	9:00~23:00	
					Thứ sáu – chủ nhật	9:00~02:00 sáng ngày hôm sau	
					Nếu không thể liên lạc qua điện thoại, có thể liên hệ qua hộp chat https://telljp.com/lifeline/		
	Điện thoại Tư vấn Yokohama Tư vấn ngôn ngữ nước ngoài (LAL) (Yokohama Inochino Denwa)	0120-66-2488	Kanagawa-ken Yokohama-shi	P	Thứ tư	10:00~21:00	
					Thứ sáu	19:00~21:00	
		0120-66-2477		S	Thứ bảy	12:00~21:00	
					Thứ tư	10:00~21:00	
					Thứ sáu	19:00~21:00	
Tư vấn dành quyền – hành chính	Trung tâm Quốc tế Nagoya Tư vấn Hành chính dành cho Người nước ngoài	052-581-0100	Nagoya-shi	P – S – E - J	Thứ ba đến chủ nhật	10:00~12:00 13:00~17:00	
				C	Thứ ba đến thứ sáu	13:00~17:00	
					Thứ bảy – chủ nhật	10:00~12:00 13:00~17:00	
				T - K	Thứ năm – thứ bảy – chủ nhật	13:00~17:00	
				V	Thứ tư – chủ nhật		
	N	Thứ tư					
	Hội Tư vấn viên Hành chính tỉnh Aichi Hội tư vấn miễn phí	052-908-7255	Nagoya-shi	J	Thứ ba tuần thứ 2 (trừ ngày lễ)	10:00~16:00	
	Toyota-shi Tư vấn thủ tục liên quan đến Người nước ngoài	0565-34-6626	Toyota-shi	P – S – E	Mỗi thứ hai tuần thứ 2 của tháng (phải đặt hẹn trước)		
	Lưu trú – Visa	Hiệp hội Giao lưu Quốc tế tỉnh Aichi Trung tâm đa văn hóa Aichi Tư vấn chuyên môn dành cho Người nước ngoài (liên quan đến cư trú)	052-961-7902	Nagoya-shi	P – S – E – C – T – V – N – I – Th – K – M – R – U - J	Thứ tư tuần thứ 3 (nếu là ngày nghỉ thì tuần tiếp theo)	13:00~17:00 ※Đặt hẹn trước (luôn tiếp nhận)
		Trung tâm Quốc tế Nagoya Tư vấn bởi Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Nagoya	052-581-0100	Nagoya-shi	P – S – E – C – T – V – N - K	Thứ bảy tuần thứ 4	13:00~17:00
P – S – E – C – V – N - J		Thứ tư – chủ nhật			13:00~17:00		
		T - K				Chủ nhật	
Trung tâm thông tin tổng hợp dành cho Người nước ngoài cư trú		Tư vấn trực tiếp		Trong Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Nagoya	P – S – E – C – T - J	Thứ hai đến thứ sáu (trừ ngày lễ, 29/12 đến 3/1)	8:30~16:00
		Tư vấn qua điện thoại	Số trên toàn quốc 0570-013904 Điện thoại PHS, IP, gọi từ nước ngoài 03-5796-7112	P – S – E – C – T – V – N – I – Th – K – M – F – Khmer – Mông Cổ - tiếng Sinhala Urdu - J	8:30~17:15		
Hội nghiên cứu về thủ tục nhập cư cho Người nước ngoài (IPAA) Tư vấn miễn phí qua điện thoại		090-6644-5490	Nagoya-shi	J	Bất kỳ lúc nào		
Komaki-shi Tư vấn cư trú (cần đặt hẹn trước)		0568-39-6527	Komaki-shi	P – S – E - V	Thứ tư tuần thứ 1	13:00~16:45	
Thực tập – Đào tạo kỹ	Hiệp hội thực tập kỹ năng quốc tế (OITT) Trung tâm tư vấn ngôn ngữ mẹ đẻ	0120-250-147	Tokyo	E	Thứ ba – năm – bảy	11:00~19:00 Thứ hai đến thứ sáu 9:00~17:00 Thứ bảy – chủ nhật	
		0120-250-169		C	Thứ hai – tư – sáu		
		0120-250-197		T	Thứ ba – năm – bảy		
		0120-250-168		V	Thứ hai đến thứ sáu – thứ bảy		
		0120-250-192		I	Thứ ba – năm – bảy		
		0120-250-198		Th	Thứ năm – chủ nhật		
		0120-250-302		M	Thứ ba		
		0120-250-366		Campuchia	Thứ năm		
Việc làm	Trung tâm dịch vụ việc làm cho Người nước ngoài Nagoya	052-855-3770	Nagoya-shi	P – S – E – C T	Thứ hai đến thứ sáu Thứ tư đến thứ sáu	9:15~12:00 13:00~17:15	
	Trung tâm tư vấn nghề nghiệp cho Người nước ngoài Toyohashi	0532-57-1356	Toyohashi	P - E	Thứ hai đến thứ sáu	9:00~12:00 13:00~17:00	
				S	Thứ hai – tư – năm – sáu		

J:tiếng Nhật
I:Indonesia

P:Bồ Đào Nha
Th:Thái Lan

S:Tây Ban Nha
K: Hàn Quốc – Triều Tiên

E:tiếng Anh
M: Myanmar

C:Trung Quốc
R: Nga

T: Philippines/ Tagalog
U: Ukrainian

V:Việt Nam
F:Pháp

N:Nepal
H:Hindi

Mục	Tổ chức		Điện thoại	Địa chỉ	Ngôn ngữ	Ngày	Thời gian
Việc làm	Tư vấn qua điện thoại bởi ngôn ngữ nước ngoài của Hello work ※Hello work có khả năng tiếp nhận (trong tỉnh Aichi) Nagoya Higashi, Nagoya Naka, Nagoya Minami, Toyohashi, Okazaki, Ichinomiya, Handa, Toyota, Tsushima, Kariya, Inuyama, Toyokawa, Kasugai		P : 0800-919-2904 E : 0800-919-2901 T : 0800-919-2907 N : 0800-919-2909 Th : 0800-919-2906		S : 0800-919-2905 C : 0800-919-2902 V : 0800-919-2908 I : 0800-919-2910 K : 0800-919-2903	Thứ hai đến thứ sáu 8:30~18:00, thứ bảy 10:00~17:00 ※Khi liên lạc bằng điện thoại, trước tiên hãy cung cấp các thông tin sau ① Địa chỉ nơi sinh sống ② Tên tổ chức Hello work muốn liên lạc	
	Hello work (Văn phòng An ninh Việc làm Công cộng)	Handa	0569-21-0023	Handa-shi	P	Thứ hai đến thứ sáu	9:00~12:00, 13:00~17:00
					S	Thứ tư	
		Seto	0561-82-5123	Seto-shi	P – S	Thứ năm	9:00~12:00, 13:00~17:00
		Ichinomiya	0586-45-2048	Ichinomiya-shi	P	Thứ hai đến thứ sáu	9:30~12:00, 13:00~17:00
					S	Thứ hai – ba – sáu	
					E	Thứ tư đến thứ sáu	
		Inuyama	0568-61-2185	Inuyama-shi	P – S	Thứ hai đến thứ sáu	9:00~12:00, 13:00~17:00
		Kariya	0566-21-5001	Kariya-shi	P	Thứ hai đến thứ sáu	8:30~12:00, 13:00~17:00
					S	Thứ ba – sáu	9:00~12:00, 13:00~17:00
					E	Thứ hai – tư – năm	8:30~12:00, 13:00~16:30
						Thứ ba – sáu	9:00~12:00, 13:00~17:00
					T	Thứ hai – tư – năm	8:30~12:00, 13:00~16:30
					V	Thứ hai – ba – năm	9:00~12:00, 13:00~17:00
		Văn phòng Hekinan	0566-41-0327	Hekinan-shi	P	Thứ hai đến thứ sáu	9:00~12:00, 13:00~16:00
					E – V	Thứ hai – năm	
		Kasugai	0568-81-5135	Kasugai-shi	P – S – E	Thứ hai đến thứ sáu	9:00~12:00, 13:00~17:00
		Nagoya Minami	052-681-1211	Nagoya-shi	P	Thứ hai đến thứ sáu	9:00~12:00, 13:00~17:00
						Thứ hai	9:00~12:00, 13:00~16:30
					E	Thứ ba đến thứ sáu	10:00~12:00, 13:00~17:00
						Thứ tư – năm	10:00~12:00, 13:00~17:00
					C	Thứ tư – sáu	9:00~12:00, 13:00~17:00
					V	Thứ ba – tư	10:00~12:00, 13:00~17:00
		Nishio	0563-56-3622	Nishio-shi	P	Thứ hai đến thứ sáu	9:00~12:00, 13:00~17:00
					V	Thứ ba đến thứ sáu	
		Okazaki	0564-52-8609	Okazaki-shi	P	Thứ hai đến thứ sáu	9:00~12:00, 13:00~17:00
					E	Thứ hai – ba – năm – sáu	
		Toyohashi	0532-52-7191	Toyohashi-shi	P	Thứ hai đến thứ sáu	9:00~12:00, 13:00~17:00
					S	Thứ tư đến thứ sáu	
					E	Thứ hai – tư đến thứ sáu	
		Toyokawa	0533-86-3178	Toyokawa-shi	P	Thứ hai đến thứ sáu	9:00~12:00, 13:00~17:00
					E	Thứ hai - thứ sáu	
		Văn phòng Gamagouri	0533-67-8609	Gamagouri-shi	E	Thứ ba - thứ sáu	9:00~12:00, 13:00~16:00
		Toyota	0565-31-1400	Toyota-shi	P	Thứ hai đến thứ sáu	9:00~12:00, 13:00~17:15
					S	Thứ hai đến thứ năm	9:15~12:00, 13:00~17:15
						Thứ sáu	9:00~12:00, 13:00~17:00
					E	Thứ ba đến thứ năm	9:15~12:00, 13:00~17:15
						Thứ sáu	9:00~12:00, 13:00~17:00
		Tsushima	0567-26-3158	Tsushima-shi	P	Thứ hai đến thứ năm	9:00~12:00, 13:00~17:00
		Shinshiro	0536-22-1160	Shinshiro-shi	P	Thứ năm	9:00~12:00, 13:00~17:00
	Văn phòng quản lý “Xúc tiến việc làm cho Người nước ngoài” tỉnh Aichi		050-5527-0895	Nagoya-shi	E - J	Thứ hai đến thứ sáu	9:00~17:00
Vấn đề lao động	Văn phòng Thanh tra Tiêu chuẩn Lao động Cục Lao động Aichi Góc tư vấn Người lao động nước ngoài		052-972-0253	Nagoya-shi	P	Thứ ba đến thứ sáu	9:30~12:00, 13:00~16:00
					E	Thứ ba - thứ năm	
	Văn phòng Thanh tra Tiêu chuẩn Lao động Toyohashi		0532-54-1192	Toyohashi-shi	P	Thứ hai – ba – sáu	9:30~12:00, 13:00~16:00
	Văn phòng Thanh tra Tiêu chuẩn Lao động Nagoya Nishi		052-481-9533	Nagoya-shi	V	Thứ năm	9:30~12:00, 13:00~16:00
	Văn phòng Thanh tra Tiêu chuẩn Lao động Kariya		0566-21-4885	Kariya-shi	P	Thứ hai – tư	9:30~12:00, 13:00~16:00
	Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Tư vấn cho Người lao động nước ngoài			Tokyo-to	P	Thứ hai - thứ sáu	10:00~12:00, 13:00~15:00 Trừ ngày lễ - cuối năm (29/12 đến 3/1)
					S		
					E		
					C		
					T		
					V		
					N	Thứ hai – ba – tư – năm	
					I	Thứ ba	
					Th	Thứ năm	
					K	Thứ năm – thứ sáu	
					M	Thứ sáu	
					Campuchia	Thứ tư	
					Mông Cổ	Thứ sáu	
					P	Mỗi chủ nhật	
					S	Thứ năm – sáu – bảy	
	Đường dây nóng tư vấn điều kiện lao động			Tokyo-to	E	Mỗi chủ nhật	Ngày thường (thứ hai đến thứ sáu) 17:00~22:00 Thứ bảy – chủ nhật – ngày lễ 9:00~21:00
					C	Mỗi chủ nhật	
					T	Thứ ba – tư – bảy	
						Thứ ba – tư – sáu – bảy	
					V		

J:tiếng Nhật I:Indonesia	P:Bồ Đào Nha Th:Thái Lan	S:Tây Ban Nha K: Hàn Quốc – Triều Tiên	E:tiếng Anh M: Myanmar	C:Trung Quốc R: Nga	T: Philippines/ Tagalog U: Ukrainian	V:Việt Nam F:Pháp	N:Nepal H:Hindi
Mục	Tổ chức	Điện thoại	Địa chỉ	Ngôn ngữ	Ngày	Thời gian	
Vấn đề lao động	Đường dây nóng tư vấn điều kiện lao động	0120-531-408	Tokyo-to	N	Thứ tư – chủ nhật	Ngày thường (thứ hai đến thứ sáu) 17:00~ 22:00 Thứ bảy – chủ nhật – ngày lễ 9:00~21:00	
		0120-613-803		I	Thứ năm – chủ nhật		
		0120-613-802		Th	Thứ năm – chủ nhật		
		0120-613-801		K	Thứ năm – chủ nhật		
		0120-531-407		M	Thứ tư – chủ nhật		
0120-613-804		Campuchia		Thứ hai – bảy			
0120-613-805		Mông Cổ		Thứ hai – bảy			
0120-811-610		J		Mỗi ngày			
Hội nghiên cứu Tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp (NOSH)	052-837-7420 FAX như trên	Nagoya-shi	E – J	Thứ hai đến thứ sáu (trừ ngày lễ)	10:00~ 18:00		
Hiệp hội Giao lưu Quốc tế tỉnh Aichi Trung tâm đa văn hóa Aichi Tư vấn chuyên môn dành cho Người nước ngoài (liên quan đến lao động)	052-961-7902	Nagoya-shi	P – S – E – C – T – V – N- I – Th – K – M – R – U – J	Thứ hai tuần thứ 2 (nếu là ngày lễ thì tuần tiếp theo)	13:00~ 17:00 ※Đặt hẹn trước (thường xuyên tiếp nhận)		
Khởi nghiệp - Kinh doanh	Tổ chức xúc tiến công nghiệp Aichi Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp và kinh doanh dành cho Người nước ngoài tại Aichi	052-563-1435	Nagoya-shi	P – S – E – C – T – V – F – Khác	Thứ hai đến thứ sáu (trừ ngày lễ và dịp cuối năm)	9:00~17:00 ※Đặt hẹn trước	
	※ Cách thức đặt hẹn: gọi điện thoại (thứ ba – sáu 13:00~17:00 chỉ hỗ trợ tiếng Anh và tiếng Nhật) hoặc điền biểu mẫu trên trang web (P – E – C – J – T – V). Chi tiết tham khảo tại mục 8 trang T – 18						
	Trung tâm tư vấn lao động việc làm tỉnh Aichi	0120-544-610 052-563-5261	Nagoya-shi	P – S – E – C – T – V – N – I – Th – K – M – R – F – H – Đức – Italia – Malaysia – Khmer - Mông Cổ - Sinhala - Bengal - Urdu	Thứ hai đến thứ sáu (trừ ngày lễ, dịp cuối năm)	9:00~20:30	
	Nhân quyền	Cục Tư pháp Nagoya Bộ phận Bảo vệ Nhân quyền Trung tâm tư vấn Nhân quyền cho Người nước ngoài (Đường dây nóng tư vấn Nhân quyền bằng ngôn ngữ nước ngoài)	0570-090911	Nagoya-shi	P – S – E – C – T – V – N – I – Th - K	Thứ hai đến thứ sáu (trừ ngày lễ, dịp cuối năm)	9:00~17:00
Tư vấn nhân quyền trên Internet bằng ngôn ngữ nước ngoài		https://www.moj.go.jp/JINKEN/jinken21.html		P-S-E-C-T-V-N-I-Th-K			
Quốc tịch	Cục Tư pháp Nagoya Phòng quốc tịch Bộ phận hành chính dân sự	052-952-8073	Nagoya-shi	J	Đặt hẹn thứ hai đến thứ sáu (trừ ngày lễ, 29/12 đến 3/1)	9:00~17:00	
Pháp luật	Hiệp hội Giao lưu Quốc tế tỉnh Aichi Trung tâm đa văn hóa Aichi Luật sư tư vấn miễn phí cho Người nước ngoài	052-961-7902	Nagoya-shi	P – S – E – C – T - V	Thứ sáu tuần thứ 2 – 4 (trừ ngày lễ) đặt hẹn trước	13:00~ 16:00	
	Trung tâm Quốc tế Nagoya Tư vấn pháp luật miễn phí cho Người nước ngoài	052-581-0100	Nagoya-shi	P – S – E - C	Thứ bảy Đặt hẹn trước (đền trực tiếp đăng ký hoặc đăng ký qua biểu mẫu trên trang web)	10:00~ 12:30	
	Hiệp hội Luật sư tỉnh Aichi Trung tâm tư vấn pháp luật Nagoya Tư vấn pháp luật cho Người nước ngoài (có phí)	052-565-6110	Nagoya-shi	J	Thứ năm (đặt hẹn trước)	14:10~ 16:25 (Đặt hẹn 9:10~ 16:30 Bao gồm thứ bảy – chủ nhật – ngày lễ)	
	Hoterasu Tư vấn pháp luật cho Người nước ngoài (miễn phí)	0570-078341 050-3383-5460 (IP)	Nagoya-shi	P – S – E - C • T – V – N – I – Th - K	Thứ năm tuần thứ 1 - 3	10:00~ 12:30	
		0570-078342 050-3383-5465 (IP)	Okazaki-shi		Thứ năm tuần thứ 1 - 3	13:00~ 16:00	
		Đặt hẹn trước ※ Đặt hẹn bằng ngôn ngữ nước ngoài (P – S – E - C • T – V – N – I – Th – K) 0570-078377 Dành cho Người nước ngoài có thu nhập thấp và có tư cách lưu trú. Số lượng tư vấn có hạn.					
	Tổng Lãnh sự quán Brazil Tư vấn pháp luật (Luật Brazil) (miễn phí)	052-222-1077	Nagoya-shi	P – J (Luật sư Người Brazil) P – J (Luật sư Người Nhật)	Cần đặt hẹn trước Một tháng 1 lần – không cần đặt hẹn trước	9:30~12:00 Ngày tư vấn và phương thức đặt hẹn được thông tin trên trang webhttps://www.gov.br/mre/pt-br/consulado-nagoia	
	Thuế	Cục thuế quốc gia Tokyo Trung tâm tư vấn qua điện thoại (Chỉ tư vấn qua điện thoại)	03-3821-9070	Tokyo-to	E	Thứ hai đến thứ sáu (trừ ngày lễ dịp cuối năm)	9:00~ 17:00
Trung tâm Quốc tế Nagoya Tư vấn thuế cho Người nước ngoài		052-581-0100	Nagoya-shi	P – S – E - C	Thời hạn khai thuế (tháng 2~3) (đặt hẹn trước)		
Hiệp hội Giao lưu Quốc tế thành phố Toyohashi Hội tư vấn thuế cho Người nước ngoài		0532-55-3671	Toyohashi-shi	P – S – E	Hai lần, khoảng hai tuần trước khi bắt đầu nhận tờ khai thuế (đặt hẹn trước)		
Hiệp hội Giao lưu Quốc tế thành phố Toyokawa Hội tư vấn thuế cho Người nước ngoài		0533-83-1571	Toyokawa-shi	S – E - C	Một lần, khoảng hai tuần trước khi bắt đầu nhận tờ khai thuế (đặt hẹn trước)		
Được sinh	Trung tâm Quốc tế Nagoya Trung tâm sinh viên quốc tế	052-654-3511	Nagoya-shi	E - J	Thứ hai – tư – sáu Thứ ba – năm – bảy	9:00~20:00 9:00~17:00	
	Giáo dục	Trung tâm Quốc tế Nagoya Tư vấn giáo dục cho trẻ em và học sinh Người nước ngoài (Đặt hẹn trước)	052-581-0100	Nagoya-shi	P – S – E - C	Thứ tư – sáu – chủ nhật (C: chỉ buổi chiều thứ tư – sáu)	10:00~ 12:00 13:00~ 17:00
T – V - K					Chủ nhật	13:00~ 17:00	
V - N					Thứ tư		
Trung tâm Tư vấn Giáo dục tiếng Nhật		052-961-0418	Nagoya-shi	P – S – C - T	Thứ hai đến thứ sáu	13:00~ 16:00	
				K	Thứ tư		
	N V			Thứ hai Thứ sáu			

J:tiếng Nhật I:Indonesia		P:Bồ Đào Nha Th:Thái Lan		S:Tây Ban Nha K: Hàn Quốc – Triều Tiên		E:tiếng Anh M: Myanmar R: Nga		C:Trung Quốc U: Ukrainian		T: Philippines/ Tagalog F:Pháp		V:Việt Nam H:Hindi		N:Nepal H:Hindi	
Mục	Tổ chức			Điện thoại	Địa chỉ	Ngôn ngữ		Ngày		Thời gian					
Hỗ trợ người nước ngoài	Hiệp hội người Nhật Bản ở nước ngoài Trung tâm tư vấn người Nhật Bản			045-211-1788	Kanagawa-ken Yokohama-shi	P – S - J		Thứ hai đến thứ sáu (trừ ngày lễ)		14:00~ 17:30					
Hỗ trợ người nước ngoài	Trung tâm hỗ trợ và giao lưu người hồi hương từ Trung Quốc khu vực Tokai - Hokuriku			052-954-4070	Nagoya-shi	C – J		Mỗi ngày (trừ dịp cuối năm, ngày lễ)		9:15~15:30					
Tư vấn	Quỹ Phúc lợi và Giáo dục Châu Á Trụ sở hỗ trợ người tị nạn (đối tượng: người được công nhận là người tị nạn,...)			0120-090-091	Tokyo	E – V – J		Thứ hai đến thứ sáu (trừ dịp cuối năm, ngày lễ)		9:30~17:00					
Y tế	Trung tâm thông tin y tế quốc tế AMDA (Chi tư vấn qua điện thoại) Văn phòng Tokyo			03-6233-9266	Tokyo	P		Thứ sáu		10:00~ 16:00					
						S		Thứ tư							
						E		Thứ hai đến thứ sáu							
						C		Thứ ba – thứ năm							
						T - K		Thứ hai							
V		Thứ tư - thứ sáu													
Th		Thứ ba													
Y tế	Trung tâm Quốc tế Nagoya Tư vấn tâm lý cho Người nước ngoài			052-581-0100	Nagoya-shi	P – S – E - C		Thường xuyên (đặt hẹn trước)							
	NPO Nhóm hỗ trợ cho người Brazil tại Nhật Bản (Sabja) Tư vấn sức khỏe			050-6861-6400	Tokyo	P	Thứ hai đến thứ sáu		Tiếp nhận đặt hẹn 9:00~ 16:00						
									Thời gian tư vấn 9:00~ 20:00						
Nhà ở	Trung tâm hỗ trợ cho Người nước ngoài Kanagawa			045-228-1752	Kanagawa-ken Yokohama-shi	P – S – E – C – T – V – N – Th – K – J		Thứ hai đến thứ sáu (Vui lòng liên hệ vì ngôn ngữ hỗ trợ thay đổi tùy theo ngày trong tuần)		10:00~ 17 : 00					
	Nhà ở do tỉnh Aichi quản lý	Bàn hỗ trợ người nước ngoài (Chi hỗ trợ qua điện thoại)		052-684-5007 (số dùng chung cho 7 ngôn ngữ)	Aichi-ken	P – S – E - N		Thứ hai đến thứ sáu		9:00~12:00 13:00~ 17:00					
						T		Thứ hai đến thứ năm							
						V		Thứ hai – tư – sáu							
						C		Thứ ba – năm							
		※ Tất cả các ngày trừ ngày lễ và dịp cuối năm													
		Văn phòng quản lý nhà ở Nagoya Owari		052-973-1791	Nagoya-shi	Cung cấp hỗ trợ từ xa thông qua thiết bị máy tính. Giờ làm việc của bộ phận ngôn ngữ - lễ tân giống như giờ làm việc của bộ phận Bàn hỗ trợ người nước ngoài.	Khu vực quản lý: Nagoya-shi, Seto-shi, Nagakute-shi, Kasugai-shi, Komaki-shi, Owariasahi-shi, Toyoake-shi, Kiyosu-shi, Kitanagoyashi, Togo-cho								
		Văn phòng quản lý nhà ở Nagoya Owari Chi nhánh Ama		0567-24-7330	Tsushima-shi		Khu vực quản lý: Tsushima-shi, Aisai-shi								
		Văn phòng quản lý nhà ở Nagoya Owari Chi nhánh Ichinomiya		0586-28-5411	Ichinomiya-shi		Khu vực quản lý: Ichinomiya-shi, Inuyama-shi, Konan-shi, Inazawa-shi, Iwakura-shi, Okuchi-cho, Fuso-cho								
		Văn phòng quản lý nhà ở Nagoya Owari Chi nhánh Chita		0569-23-2716	Handa-shi		Khu vực quản lý: Handa-shi, Tokoname-shi, Tokai-shi, Obu-shi, Chita-shi, Taketoyo-cho, Higashiura-cho								
		Văn phòng quản lý nhà ở Mikawa		0564-23-1863	Okazaki-shi		Khu vực quản lý: Okazaki-shi, Nishio-shi, Kota-cho								
	Văn phòng quản lý nhà ở Mikawa Chi nhánh Chiryu		0566-84-5677	Chiryu-shi	Khu vực quản lý: Hekinan-shi, Kariya-shi, Anjo-shi, Takahama-shi										
	Văn phòng quản lý nhà ở Mikawa Chi nhánh Toyotakamo		0565-34-2001	Toyota-shi	Khu vực quản lý: Toyata-shi, Miyoshi-shi										
	Văn phòng quản lý nhà ở Mikawa Chi nhánh Higashi Mikawa		0532-53-5616	Toyohashi-shi	Khu vực quản lý: Toyohashi-shi, Toyogawa-shi, Gamagori-shi, Tahara-shi, Shinjo-shi, Shitara-cho, Higashi Sakae-cho, Toyone-mura										
	Chi nhánh Chubu của Cơ quan Phát triển Đô thị UR Trung tâm UR Nagoya			052-526-4000	Nagoya-shi	P – E - V		Mỗi ngày (Vui lòng liên hệ vì thời gian hỗ trợ khác nhau tùy thuộc vào từng ngôn ngữ)		9:30~18:00					
	Quốc sống	Hiệp hội Giao lưu Quốc tế tỉnh Aichi Trung tâm đa văn hóa Aichi Tư vấn chuyên môn dành cho Người nước ngoài (liên quan đến người tiêu dùng)			052-961-7902	Nagoya-shi	P – S – E – C – T – V – N – I - Th – K – M – R – U - J		Thứ hai tuần thứ 4 (trường hợp ngày lễ thì tuần tiếp theo)		13:00~ 16:30 ※Đặt hẹn trước (tiếp nhận thường xuyên)				
Bưu chính	Công ty Bưu chính Nhật Bản Trung tâm tư vấn dịch vụ khách hàng Lễ tân tiếng Anh			0570-046-111 ※ Không tiếp nhận cuộc gọi từ nước ngoài		E		Tất cả các ngày		8:00~21:00					
	Ngân hàng Yuucho Tổng đài đa ngôn ngữ để mở tài khoản			0570-023170		E–C–V-I-K–J		Thứ hai đến thứ sáu (trừ dịp cuối năm, ngày lễ)		9:00~ 16:00					
Tài chính	Ngân hàng Brazil Chi nhánh Tokyo (Tư vấn về chuyển tiền, gửi tiền, ... qua điện thoại)			0120-09-5595	Tokyo	P		Mỗi ngày		24 giờ					
				S		Thứ hai đến thứ bảy		7:00~22:00							
				E		Thứ hai đến thứ sáu		9:00~18:00							
				J		Thứ hai đến thứ sáu (từ ngày nghỉ ngân hàng)		9:00~17:00							
	Ngân hàng Trung Quốc Chi nhánh Nagoya			052-957-2388	Nagoya-shi	C - J		Thứ hai đến thứ sáu		9:00~17:00					
	Ngân hàng Seven Trung tâm liên lạc			0120-77-1179		J		Thứ hai đến thứ bảy Ngày nghỉ: chủ nhật – ngày lễ - 31/12 đến 3/1		9:00~18:00					
				E											
				T											
				P											
				S											
C															
Th															
			0120-720-367		V										
			0120-827-808		I		Thứ hai đến thứ năm Ngày nghỉ thứ sáu – thứ bảy – chủ nhật – ngày lễ - 31/12 đến 3/1								

Mục	Tổ chức	Điện thoại	Địa chỉ	Ngôn ngữ	Ngày	Thời gian
Điện thoại – Internet	Trung tâm thông tin tiếng nước ngoài Nishinihon NTT NTT West Information	0120-064-337		E – P – C – K	Thứ hai đến thứ sáu	9:00~17:00
	Docomo NTT NTT DOCOMO Customer Support	0120-005-250 (Miễn phí)		P – S – E – C	Mỗi ngày	9:00~20:00
	KDDI au Support	0077-7-111 / 0120-977-033		J	Mỗi ngày	9:00~20:00
		0120-959-473		P		
		0120-959-472		E		
		0120-959-476		C		
		0120-933-952		T		
		0120-933-961		V		
		0120-959-478		K		
	Điện thoại cố định, internet		0077-777 / 0120-22-0077	J		9:00~18:00
	Softbank	Điện thoại di động Softbank	Bấm 157 từ điện thoại di động Softbank Từ điện thoại thông thường 0800-919-0157	E – J	Mỗi ngày	10:00~19:00
		Điện thoại di động Y Mobile	Bấm 151 từ điện thoại di động Y Mobile (có phí) Từ điện thoại thông thường 0570-039-151 (có phí)	E – J	Mỗi ngày	10:00~19:00
		Điện thoại cố định, internet	0800-1111-820	J	Mỗi ngày	10:00~19:00
				E	Ngày thường	10:00~18:00
Du lịch	Ga Nagoya, Nagoya-shi Trung tâm thông tin du lịch	052-541-4301	Nagoya-shi	E – J	Mỗi ngày (trừ 29/12 đến 1/1)	8:30~19:00 (đến 17:00h ngày 2, 3/1)
	Kanayama, Nagoya-shi Trung tâm thông tin du lịch	052-323-0161	Nagoya-shi	E – J	Mỗi ngày (trừ 29/12 đến 1/1)	9:00~19:00 (đến 17:00h ngày 2, 3/1)
	Oasis 21 I center	052-963-5252	Nagoya-shi	E – J	Mỗi ngày (nghỉ ngày 1/1) (Có ngày nghỉ tạm thời)	10:00~20:00 (đến 18:00 ngày 31/12)
	Cơ quan Xúc tiến Du lịch Nhật Bản (JNTO) Trung tâm thông tin du lịch (TIC) (thông tin du lịch chung cho người nước ngoài)	03-3201-3331	Tokyo	E – C – K	Mỗi ngày (trừ 1/1)	9:00~17:00
	Trung tâm Quốc tế Nagoya Quầy thông tin	052-581-0100	Nagoya-shi	P – S	Thứ ba đến chủ nhật	10:00~12:00 13:00~17:00
				E – J	Thứ ba đến chủ nhật	9:00~19:00
				C	Thứ ba đến thứ sáu	13:00~17:00
					Thứ bảy – chủ nhật	10:00~12:00 13:00~17:00
				T – K	Thứ năm - thứ bảy – chủ nhật	13:00~17:00
				V	Thứ tư – bảy – chủ nhật	
				N	Thứ tư – chủ nhật	
				I	Thứ tư tuần thứ 1 – 3 Chủ nhật thứ 1 – 3	
				Th	Thứ tư tuần thứ 2 – 4 Chủ nhật thứ 2 – 4	

11 Đại sứ quán – Lãnh sự quán

A Nghiệp vụ của Đại sứ quán - Lãnh sự quán

Thông thường, Đại sứ quán – Lãnh sự quán ngoài nghiệp vụ liên quan đến bảo hộ nhân thân – tài sản,... của công dân từng nước, còn thực hiện các nghiệp vụ như dưới đây. Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ Đại sứ quán – Lãnh sự quán quốc gia bạn.

- Cấp, cấp lại, sửa chữa, bổ sung hộ chiếu
- Cấp giấy ủy quyền, chứng nhận
- Cấp giấy khai sinh, giấy kết hôn, giấy chứng tử và giấy chứng nhận độc thân
- Nghĩa vụ quân sự
- Liên quan đến bầu cử
- Cấp các loại thị thực cho người nước ngoài

B Cơ quan công vụ nước ngoài trong tỉnh Aichi

Các lãnh sự quán danh dự – tổng lãnh sự quán danh dự không được liệt kê

Cơ quan công vụ	Địa chỉ	Số điện thoại
Tổng lãnh sự quán Hàn Quốc tại Nagoya	450-0003 1-19-12 Meieki Minami, Nakamura-ku, Nagoya-shi	052-586-9221
Tổng lãnh sự quán Cộng hòa Liên bang Brazil tại Nagoya	460-0002 tầng 2 tòa nhà Shirakawa 8, 1-10-29 Marunouchi, Naka-ku, Nagoya-shi	052-222-1106
Tổng lãnh sự quán Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tại Nagoya	461-0005 2-8-37 Higashi Sakura, Higashi-ku, Nagoya-shi	052-932-1098
Tổng lãnh sự quán Cộng hòa Peru tại Nagoya	460-0008 tầng 3 tòa nhà Arc Shirakawa Park, 2-2-23 Sakae Naka-ku, Nagoya-shi	052-209-7851
Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Nagoya	450-0001 tầng 6 tòa nhà Nagoya Kokusai Center, 1-47-1 Nagono, Nakamura-ku, Nagoya-shi	052-581-4501
Tổng lãnh sự quán Canada tại Nagoya	460-0002 tầng 6 tòa nhà Nakato Marunouchi 3-17-6 Naka-ku, Nagoya-shi	052-972-0450
Tổng lãnh sự quán Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ tại Nagoya	460-0008 tầng 4 tòa nhà KS Iseya 3-21-23 Naka-ku, Nagoya-shi	052-263-6200
Tổng lãnh sự quán Cộng hòa Philippines tại Nagoya	460-0008 tòa nhà Hiroya 3-31-3 Sakae Naka-ku, Nagoya-shi	052-211-8811

C Đại sứ quán nước ngoài tại Nhật Bản

Dưới đây liệt kê các đại sứ quán và tổng lãnh sự quán, lãnh sự quán, ... có thẩm quyền đối với tỉnh Aichi. Lưu ý rằng tổng lãnh sự quán danh dự và lãnh sự quán danh dự không được liệt kê.

Châu Á

Tên cơ quan công vụ	Điện thoại	Tên cơ quan công vụ	Điện thoại
Đại sứ quán Ấn Độ	03-3262-2391	Đại sứ quán Cộng hòa Dân chủ Timor-Leste	03-3238-0210
Đại sứ quán Cộng hòa Indonesia	03-3441-4201	Đại sứ quán Cộng hòa Philippines	03-5562-1600
Đại sứ quán Vương quốc Campuchia	03-5412-8521	Tổng lãnh sự quán Cộng hòa Philippines tại Nagoya	052-211-8811
Đại sứ quán Cộng hòa Singapore	03-3586-9111	Đại sứ quán Brunei Darussalam	03-3447-7997
Đại sứ quán Cộng hòa Dân chủ Xã hội Chủ nghĩa Sri Lanka	03-3440-6911	Đại sứ quán Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	03-3466-3311
Đại sứ quán Vương quốc Thái Lan	03-5789-2433	Đại sứ quán Malaysia	03-3476-3840
Đại sứ quán Hàn Quốc	03-3452-7611	Đại sứ quán Cộng hòa Liên bang Myanmar	03-3441-9291
Tổng lãnh sự quán Hàn Quốc tại Nagoya	052-586-9221	Đại sứ quán Cộng hòa Maldives	03-6272-6700
Đại sứ quán Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa	03-3403-3388	Đại sứ quán Mông Cổ	03-3469-2088
Tổng lãnh sự quán Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tại Nagoya	052-932-1098	Đại sứ quán Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	03-5411-2291
Đại sứ quán Nepal	03-3713-6241	Đại sứ quán Cộng hòa Hồi giáo Pakistan	03-5421-7741
Đại sứ quán Cộng hòa Nhân dân Bangladesh	03-3234-5801		

Trung Đông

Tên cơ quan công vụ	Điện thoại	Tên cơ quan công vụ	Điện thoại
Đại sứ quán Cộng hòa Hồi giáo Afghanistan	03-5574-7611	Đại sứ quán Qatar	03-5475-0611
Đại sứ quán Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất	03-6261-9026	Đại sứ quán Kuwait	03-3455-0361
Đại sứ quán Cộng hòa Yemen	03-3499-7151	Đại sứ quán Vương quốc Ả-rập Xê-út	03-3589-5241
Đại sứ quán Israel	03-3264-0911	Đại sứ quán Cộng hòa Ả Rập Syria	03-3586-8977
Đại sứ quán Cộng hòa Iraq	03-5790-5311	Đại sứ quán Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ	03-6439-5700
Đại sứ quán Cộng hòa Hồi giáo Iran	03-3446-8011	Tổng lãnh sự quán Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ tại Nagoya	052-263-6200
Đại sứ quán Oman	03-5468-1088	Đại sứ quán Vương quốc Bahrain	03-3584-8001
Đại sứ quán Cộng hòa Liban	03-6451-2981	Đại sứ quán Vương quốc Hashemite Jordan	03-5478-7177

Châu Đại Dương

Tên cơ quan công vụ	Điện thoại	Tên cơ quan công vụ	Điện thoại
Đại sứ quán Úc	03-5232-4111	Đại sứ quán Cộng hòa Palau	03-5797-7480
Đại sứ quán Nhà nước Độc lập Samoa	03-6228-3692	Đại sứ quán Cộng hòa Fiji	03-3587-2038
Đại sứ quán Vương quốc Tonga	03-6441-2481	Đại sứ quán Cộng hòa Quần đảo Marshall	03-6432-0557
Đại sứ quán New Zealand	03-3467-2271	Đại sứ quán Liên bang Micronesia	03-6452-2540
Đại sứ quán Papua New Guinea	03-3710-7001		

Bắc Mỹ

Tên cơ quan công vụ	Điện thoại	Tên cơ quan công vụ	Điện thoại
Đại sứ quán Hoa Kỳ	03-3224-5000	Đại sứ quán Canada	03-5412-6200
Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Nagoya	052-581-4501	Lãnh sự quán Canada tại Nagoya	052-972-0450
Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Osaka-Kobe	06-6315-5900		

Mỹ Latinh

Tên cơ quan công vụ	Điện thoại	Tên cơ quan công vụ	Điện thoại
Đại sứ quán Cộng hòa Argentina	03-5420-7101	Đại sứ quán Cộng hòa Nicaragua	03-6265-0411
Đại sứ quán Cộng hòa Đông Uruguay	03-6452-9150	Đại sứ quán Cộng hòa Haiti	03-6277-8413
Đại sứ quán Cộng hòa Ecuador	03-6441-0122	Đại sứ quán Cộng hòa Panama	03-3505-3661
Đại sứ quán Cộng hòa El Salvador	03-6804-2177	Tổng lãnh sự quán Cộng hòa Panama tại Tokyo	03-3585-3661
Đại sứ quán Cộng hòa Cuba	03-5570-3182	Đại sứ quán Cộng hòa Paraguay	03-3265-5271
Đại sứ quán Cộng hòa Guatemala	03-5797-7502	Đại sứ quán Cộng hòa Liên bang Brazil	03-3404-5211
Đại sứ quán Cộng hòa Costa Rica	03-6434-0426	Tổng lãnh sự quán Cộng hòa Liên bang Brazil tại Nagoya	052-222-1106
Đại sứ quán Cộng hòa Colombia	03-3440-6451	Đại sứ quán Cộng hòa Bolivar Venezuela	03-6275-2361
Đại sứ quán Jamaica	03-3435-1861	Đại sứ quán Cộng hòa Peru	03-3406-4243
Đại sứ quán Cộng hòa Chile	03-3452-7561	Tổng lãnh sự quán Cộng hòa Peru tại Nagoya	052-209-7851
Tổng lãnh sự quán Cộng hòa Chile tại Tokyo	03-3452-1425	Đại sứ quán Nhà nước đa dân tộc Bolivia	03-6803-4362
Đại sứ quán Cộng hòa Dominica	03-6268-9085	Đại sứ quán Cộng hòa Honduras	03-4361-8142
Tổng lãnh sự quán Cộng hòa Dominica tại Tokyo	03-6441-0142	Đại sứ quán Mexico	03-3581-1131

Châu Âu

Tên cơ quan công vụ	Điện thoại	Tên cơ quan công vụ	Điện thoại
Đại sứ quán Iceland	03-3447-1944	Đại sứ quán Cộng hòa Tajikistan	03-6721-7455
Đại sứ quán Ireland	03-3263-0695	Đại sứ quán Cộng hòa Séc	03-3400-8122
Đại sứ quán Cộng hòa Azerbaijan	03-5486-4744	Đại sứ quán Vương quốc Đan Mạch	03-3496-3001
Đại sứ quán Cộng hòa Albania	03-3543-6861	Đại sứ quán Cộng hòa Liên bang Đức	03-5791-7700
Đại sứ quán Cộng hòa Armenia	03-6277-7453	Tổng lãnh sự quán Cộng hòa Liên bang Đức tại Osaka-Kobe	06-6440-5070
Đại sứ quán Ý	03-3453-5291	Đại sứ quán Turkmenistan	03-5766-1150
Tổng lãnh sự quán Ý tại Osaka	06-4706-5820	Đại sứ quán Vương quốc Na Uy	03-5422-1200
Đại sứ quán Ukraina	03-5474-9770	Đại sứ quán Tòa thánh Vatican	03-3263-6851
Đại sứ quán Cộng hòa Uzbekistan	03-6277-2166	Đại sứ quán Hungary	03-5730-7120
Đại sứ quán Anh	03-5211-1100	Đại sứ quán Phần Lan	03-5447-6000
Đại sứ quán Cộng hòa Estonia	03-5412-7281	Đại sứ quán Pháp	03-5798-6000
Đại sứ quán Cộng hòa Áo	03-3451-8281	Tổng lãnh sự quán Pháp tại Kyoto	075-761-2988
Đại sứ quán Vương quốc Hà Lan	03-5776-5400	Đại sứ quán Cộng hòa Bulgaria	03-3465-1021
Tổng lãnh sự quán Vương quốc Hà Lan tại Osaka	06-6484-6000	Đại sứ quán Cộng hòa Belarus	03-3448-1623
Đại sứ quán Cộng hòa Kazakhstan	03-3589-1821	Đại sứ quán Vương quốc Bỉ	03-3262-0191
Đại sứ quán Cộng hòa Síp	03-6432-5040	Tổng lãnh sự quán Vương quốc Bỉ tại Tokyo	03-3262-0191
Đại sứ quán Cộng hòa Bắc Macedonia	03-6868-7110	Đại sứ quán Cộng hòa Ba Lan	03-5794-7020
Đại sứ quán Hy Lạp	03-3403-0871	Đại sứ quán Bosnia và Herzegovina	03-5422-8231
Đại sứ quán Cộng hòa Kyrgyzstan	03-6453-8277	Đại sứ quán Bồ Đào Nha	03-6447-7870
Đại sứ quán Cộng hòa Croatia	03-5469-3014	Đại sứ quán Cộng hòa Malta	03-5404-3450
Đại sứ quán Cộng hòa Kosovo	03-6809-2577	Đại sứ quán Cộng hòa Moldova	03-5225-1622
Đại sứ quán Cộng hòa San Marino	03-5414-7745	Đại sứ quán Cộng hòa Latvia	03-3467-6888
Đại sứ quán Georgia	03-5575-6091	Đại sứ quán Cộng hòa Litva	03-3408-5091
Đại sứ quán Thụy Sĩ	03-5449-8400	Đại sứ quán Rumania	03-3479-0311
Đại sứ quán Vương quốc Thụy Điển	03-5562-5050	Đại sứ quán của Đại công quốc Luxembourg	03-3265-9621
Đại sứ quán Vương quốc Tây Ban Nha	03-3583-8531	Đại sứ quán Liên Bang Nga	03-3583-4224
Đại sứ quán Cộng hòa Slovakia	03-3451-2200	Tổng lãnh sự quán Liên bang Nga tại Osaka	06-6848-3451
Đại sứ quán Cộng hòa Slovenia	03-5468-6275	Phái đoàn Liên minh châu Âu	03-5422-6001
Đại sứ quán Cộng hòa Serbia	03-3447-3571		

Châu Phi

Tên cơ quan công vụ	Điện thoại	Tên cơ quan công vụ	Điện thoại
Đại sứ quán Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Algeria	03-3711-2661	Đại sứ quán Cộng hòa Thống nhất Tanzania	03-3425-4531
Đại sứ quán Cộng hòa Angola	03-5430-7879	Đại sứ quán Cộng hòa Tunisia	03-3511-6622
Đại sứ quán Cộng hòa Uganda	03-6384-5516	Đại sứ quán Cộng hòa Togo	03-6421-1064
Đại sứ quán Cộng hòa Ả Rập Ai Cập	03-3770-8022	Đại sứ quán Cộng hòa Liên bang Nigeria	03-5425-8011
Đại sứ quán Cộng hòa Dân chủ Liên bang Ethiopia	03-5420-6860	Đại sứ quán Cộng hòa Namibia	03-6426-5460
Đại sứ quán Eritrea	03-5791-1815	Đại sứ quán Burkina Faso	03-3485-1930
Đại sứ quán Cộng hòa Ghana	03-5410-8631	Đại sứ quán Cộng hòa Benin	03-6268-9360
Đại sứ quán Cộng hòa Gabon	03-5430-9171	Đại sứ quán Cộng hòa Botswana	03-5440-5676
Đại sứ quán Cộng hòa Cameroon	03-5430-4985	Đại sứ quán Cộng hòa Madagascar	03-3446-7252
Đại sứ quán Cộng hòa Guinea	03-3770-4640	Đại sứ quán Cộng hòa Malawi	03-3449-3010
Đại sứ quán Cộng hòa Kenya	03-3723-4006	Đại sứ quán Cộng hòa Mali	03-5447-6881
Đại sứ quán Cộng hòa Côte d'Ivoire (Bờ Biển Ngà)	03-5454-1401	Đại sứ quán Nam Phi	03-3265-3366
Đại sứ quán Cộng hòa Congo	03-6427-7858	Đại sứ quán Cộng hòa Mozambique	03-5760-6271
Đại sứ quán Cộng hòa Dân chủ Congo	03-6456-4394	Đại sứ quán Cộng hòa Hồi giáo Mauritania	03-6712-2147
Đại sứ quán Cộng hòa Zambia	03-3491-0121	Đại sứ quán Vương quốc Maroc	03-5485-7171
Đại sứ quán Cộng hòa Djibouti	03-3440-3115	Đại sứ quán Libya	03-3477-0701
Đại sứ quán Cộng hòa Zimbabwe	03-6416-8434	Đại sứ quán Cộng hòa Liberia	03-5228-6751
Đại sứ quán Cộng hòa Sudan	03-5729-6170	Đại sứ quán Cộng hòa Rwanda	03-5752-4255
Đại sứ quán Cộng hòa Senegal	03-3464-8451	Đại sứ quán Vương quốc Lesotho	03-3584-7455

各地方の市区町村

尾張地方（名古屋）

■名古屋市（千種区、東区、北区、西区、中村区、中区、昭和区、瑞穂区、熱田区、中川区、港区、南区、守山区、緑区、名東区、天白区）

尾張地方（尾張）

■一宮市 ■瀬戸市 ■春日井市 ■犬山市 ■江南市
■小牧市 ■稲沢市 ■尾張旭市 ■岩倉市 ■豊明市
■日進市 ■清須市 ■北名古屋市 ■長久手市
■愛知郡（■東郷町） ■西春日井郡（■豊山町）
■丹羽郡（■大口町 ■扶桑町）

尾張地方（海部）

■津島市 ■愛西市 ■弥富市 ■あま市
■海部郡（■大治町 ■蟹江町 ■飛島村）

尾張地方（知多）

■半田市 ■常滑市 ■東海市 ■大府市 ■知多市
■知多郡（■阿久比町 ■東浦町 ■南知多町 ■美浜町 ■武豊町）

三河地方（西三河）

■岡崎市 ■碧南市 ■刈谷市 ■豊田市 ■安城市
■西尾市 ■知立市 ■高浜市 ■みよし市
■額田郡（■幸田町）

三河地方（東三河）

■豊橋市 ■豊川市 ■蒲郡市 ■新城市 ■田原市
■北設楽郡（■設楽町 ■東栄町 ■豊根村）

Đơn vị hành chính tại mỗi địa phương

Owari (Nagoya)

■Nagoya-shi (Chikusa-ku, Higashi-ku, Kita-ku, Nishi-ku, Nakamura-ku, Naka-ku, Shōwa-ku, Mizuho-ku, Atsuta-ku, Nakagawa-ku, Minato-ku, Minami-ku, Moriyama-ku, Midori-ku, Meitō-ku, Tenpaku-ku)

Owari (Owari)

■Ichinomiya-shi ■Seto-shi ■Kasugai-shi ■Inuyama-shi ■Kōnan-shi
■Komaki-shi ■Inazawa-shi ■Owariasahi-shi ■Iwakura-shi ■Toyoake-shi
■Nisshin-shi ■Kiyosu-shi ■Kitanagoya-shi ■Nagakute-shi
■Aichi-gun (■Tōgō-chō) ■Nishikasugai-gun (■Toyoyama-chō)
■Niwa-gun (■Ōguchi-chō ■Fusō-chō)

Owari (Ama)

■Tsushima-shi ■Aisai-shi ■Yatomi-shi ■Ama-shi
■Ama-gun (■Ōharu-chō ■Kanie-chō ■Tobishima-mura)

Owari (Chita)

■Handa-shi ■Tokoname-shi ■Tōkai-shi ■Ōbu-shi ■Chita-shi
■Chita-gun (■Agui-chō ■Higashiura-chō ■Minamichita-chō ■Mihama-chō ■Taketoyo-chō)

Mikawa (Nishi Mikawa)

■Okazaki-shi ■Hekinan-shi ■Kariya-shi ■Toyota-shi ■Anjō-shi
■Nishio-shi ■Chiryū-shi ■Takahama-shi ■Miyoshi-shi
■Nukata-gun (■Kōta-chō)

Mikawa (Higashi Mikawa)

■Toyohashi-shi ■Toyokawa-shi ■Gamagōri-shi ■Shinshiro-shi ■Tahara-shi
■Kitashitara-gun (■Shitara-chō ■Tōei-chō ■Toyone-mura)

表 対照 西暦 和暦

Lịch Nhật Bản

大正 1 (Taishō)	1912	9	1934	34	1959	59	1984	19	2007
2	1913	10	1935	35	1960	60	1985	20	2008
3	1914	11	1936	36	1961	61	1986	21	2009
4	1915	12	1937	37	1962	62	1987	22	2010
5	1916	13	1938	38	1963	63	1988	23	2011
6	1917	14	1939	39	1964	64		24	2012
7	1918	15	1940	40	1965	平成 1 (Heisei)	1989	25	2013
8	1919	16	1941	41	1966			26	2014
9	1920	17	1942	42	1967	2	1990	27	2015
10	1921	18	1943	43	1968	3	1991	28	2016
11	1922	19	1944	44	1969	4	1992	29	2017
12	1923	20	1945	45	1970	5	1993	30	2018
13	1924	21	1946	46	1971	6	1994	31	2019
14	1925	22	1947	47	1972	7	1995	令和 1 (Reiwa)	
15	1926	23	1948	48	1973	8	1996		
昭和 1 (Shōwa)	1926	24	1949	49	1974	9	1997		
		25	1950	50	1975	10	1998		
2	1927	26	1951	51	1976	11	1999	2	2020
3	1928	27	1952	52	1977	12	2000	3	2021
4	1929	28	1953	53	1978	13	2001	4	2022
5	1930	29	1954	54	1979	14	2002	5	2023
6	1931	30	1955	55	1980	15	2003	6	2024
7	1932	31	1956	56	1981	16	2004	7	2025
8	1933	32	1957	57	1982	17	2005		
		33	1958	58	1983	18	2006		

愛知生活便利帳 2025

(日本語・英語・中国語)

令和 7 年 3 月発行

編集・発行

公益財団法人愛知県国際交流協会

〒460-0001

名古屋市中区三の丸 2-6-1

愛知県三の丸庁舎内

電話 052-961-7902

FAX 052-961-8045

Eメール sodan@aia.pref.aichi.jp

URL https://www2.aia.pref.aichi.jp/

印刷

マツモト印刷株式会社

Sô tay cuộc sông tại Aichi 2025

(tiếng Nhật – Việt – Trung)

Phát hành tháng 3, 2025

Biên soạn và phát hành bởi

Hiệp hội Giao lưu Quốc tế tỉnh Aichi

460-0001

Nagoya-shi Naka-ku Sannomaru 2-6-1

Aichi Pref.Gov. Sannomaru Annex Bldg.

Điện thoại 052-961-7902

FAX 052-961-8045

E-mail sodan@aia.pref.aichi.jp

URL https://www2.aia.pref.aichi.jp/

Đơn vị in ấn

Matsumoto Printing Co.,Ltd.